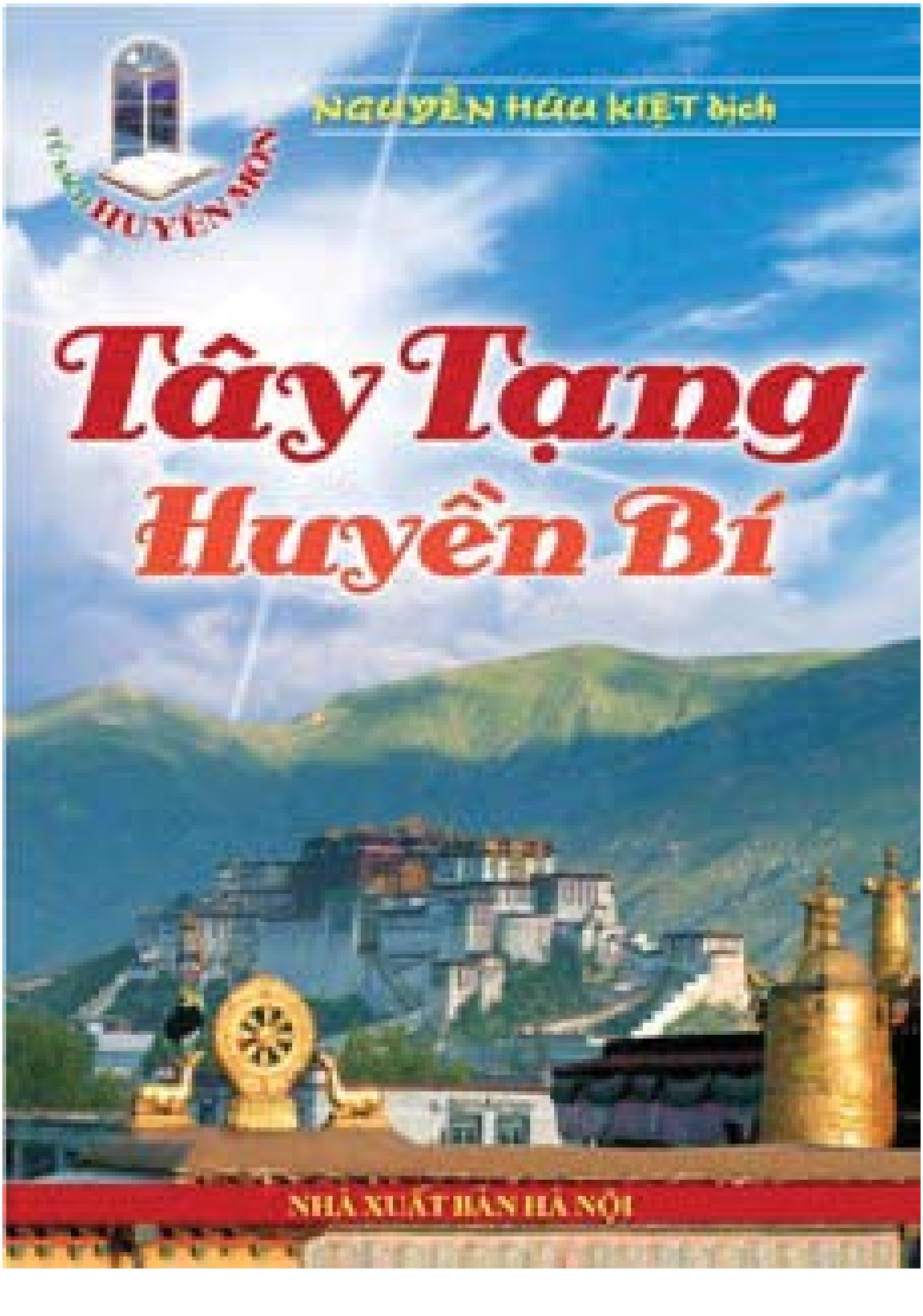

NGUYỄN HỮU KIỆT dịch
Tây Tạng
Huyền Bí
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

TÂY TẠNG HUYỀN BÍ

Nguyễn Hữu Kiệt *dịch*

GPXB số 47-98/LĐ

QĐXB số 591 QĐCN/LĐ

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh
416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

NGUYỄN HỮU KIỆT *dịch*
NGUYỄN MINH TIẾN *hiệu đính*

TỦ SÁCH HUYỀN MÔN

TÂY TẠNG HUYỀN BÍ

Nguyên tác **MY SACRED TIBET**
của **Lạt-ma Lobsang Rampa**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI GIỚI THIỆU

Xứ Tây Tạng, với một địa thế núi non hiểm trở, sống cách biệt với thế giới bên ngoài, ít khi đón tiếp những du khách muốn tìm hiểu bí mật của nó. Từ xưa nay, những kẻ tò mò dám mạo hiểm đột nhập vào thủ đô *Lhasa* vẫn luôn gặp phải vô vàn những khó khăn trở ngại. Ngày nay, dẫu rằng Tây Tạng có khuynh hướng phát triển dần thành một lãnh thổ tân tiến, nhưng người dân nơi đây vẫn giữ một thái độ dè dặt và khép kín đối với mọi ảnh hưởng du nhập từ bên ngoài.

Hiện nay đã có không ít sách vở nói về Tây Tạng, nhưng thường là các tác phẩm của những tác giả Âu Tây. Riêng cuốn sách này được trình bày như một tác phẩm tự thuật về cuộc đời của một vị *Lạt-ma* Tây Tạng. Vì thế, có thể xem đây là một tài liệu vô cùng hiếm có cho thấy rõ về sự giáo dục, đào tạo và trưởng thành của

một thiếu niên Tây Tạng trong gia đình và trong một tu viện *Lạt-ma* giáo.

Trong sách này, tác giả đã diễn tả cả một nền văn minh truyền thống dưới cặp mắt của một người bản xứ nhìn vào mọi khía cạnh sinh hoạt, vật chất và tâm linh, của đất nước Tây Tạng "từ bên trong", tức là từ một vị thế đặc biệt ẩn giấu mà không một người du khách ngoại quốc nào có thể có được. Bởi thế, chúng ta không lấy làm ngạc nhiên khi quyển sách này đã làm dư luận chú ý ngay khi vừa xuất hiện ở Anh quốc và các nước phương Tây.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu quyển sách này với bạn đọc như một trong những tài liệu xác thực và vô cùng hấp dẫn cho bất cứ ai quan tâm đến vùng đất Tây Tạng. Hy vọng quyển sách sẽ giúp hé mở nhiều khía cạnh về một vùng đất mà từ trước đến nay vẫn còn khá xa lạ đối với rất nhiều người.

NGƯỜI DỊCH

CHƯƠNG I

THỜI THƠ ẤU

Thẳng tay quất vào đít con ngựa một ngọn roi da, không màng đến việc đầu ngọn roi cũng quất cả vào mông người kỵ sĩ tí hon bất đắc dĩ, ông Tzu nhổ luôn một bãi nước bọt xuống đất với vẻ khinh bỉ và nói giọng bực tức:

- Hừm! Hừm! Đã bốn tuổi rồi mà chưa ngồi vững trên lưng ngựa! Mày làm sao có thể trở nên một người dũng mãnh? Rồi đây cha mày còn dám nhìn mặt ai?

Những nóc nhọn và mái bầu bịt vàng của điện *Potala* chói sáng dưới ánh mặt trời nóng gắt. Gần bên chúng tôi, hồ sen trong vắt của ngôi đền *Rắn* dợn sóng lăn tăn. Đằng xa, trên con đường mòn gồ ghề đá sỏi, những khách lữ hành vừa rời khỏi thủ đô *Lhasa*[1] cố gắng thúc giục những con bò *Yak*[2] đi mau hơn, với những tiếng kêu inh ỏi.

---

[1] Lhasa, thủ đô của Tây Tạng.

[2] Bò yak, một giống bò đặc biệt chỉ có ở một số vùng thuộc Tây Tạng, sống ở độ cao từ 4.000 đến 6.000 mét so với mặt nước biển.

Từ những đồng cỏ xanh kế cận vọng đến tai tôi những tiếng kèn khổng lồ do những nhà sư nhạc công thực tập thổi lên ở một nơi vắng vẻ. Nhưng tôi không có thời gian để ngắm nhìn những cảnh vật vẫn từng diễn ra hằng ngày mà tôi đã quen mắt nhàm tai. Công việc của tôi trong hiện tại - ôi, một công việc khó nhọc thay - là ngồi vững trên lưng ngựa, nói chính xác hơn là con lừa nhỏ bất kham của tôi.

Nhưng con lừa *Nakkim* lại có những ý nghĩ khác. Nó luôn muốn tách rời khỏi người kỵ sĩ tí hon là tôi để có thể tự do ăn cỏ, nằm lăn trên đất và chơi đùa một mình.

Ông *Tzu* là một ông thầy rất khó chịu. Suốt đời, ông luôn nghiêm khắc và khó tánh. Hiện tại, trong vai trò một võ sư quyền thuật và huấn luyện viên cưỡi ngựa cho một đứa trẻ lên bốn, ông thường tỏ ra bất mãn và nổi nóng hơn là kiên nhẫn.

Quê ông ở tỉnh *Kham*, thuộc miền đông Tây Tạng. Ông được chọn lựa cùng với vài người khác nhờ vóc dáng cao lớn và lực lưỡng. Những người có vóc cao hơn hai mét thường được tuyển làm người bảo vệ trong các tu viện. Họ mặc những chiếc áo dài có độn vai rất cao để trông có vẻ to lớn, lấy lọ bôi mặt để cho có vẻ hung tợn, và sử dụng những cây gậy to, dài để trừng phạt những kẻ xấu.



Ông *Tzu* được chọn làm người bảo vệ, kiêm chức võ sư dạy quyền thuật và môn cưỡi ngựa cho một thiếu nhi con nhà quý tộc! Ông không thể đi đứng được lâu vì bị tật ở chân, thường chỉ di chuyển bằng cách cưỡi ngựa.

Năm 1904, quân Anh dưới quyền chỉ huy của Đại tá *Younghusband*,[1] đã xâm lăng xứ Tây Tạng và gây

[1] Tức Sir Francis Edward Younghusband (1863-1942), vừa là một chỉ huy quân sự, vừa là một nhà thám hiểm quan tâm đến việc khám phá vùng đất Tây Tạng. Ông được xem là người châu Âu đầu tiên đặt chân vào thủ đô Lhasa của Tây Tạng.

nên nhiều sự tàn phá, thiệt hại. Chắc hẳn họ cho rằng phương tiện tốt nhất để thu phục được tình thân hữu của Tây Tạng là đốt phá nhà cửa, làng mạc và giết hại thường dân của xứ này! Trong cuộc phòng thủ chống quân địch, ông *Tzu* đã trúng đạn, mất đi một phần xương chậu bên trái.

Cha tôi là một trong những viên chức có quyền thế nhất trong Chính phủ Tây Tạng lúc bấy giờ. Người thuộc dòng quý tộc và có thế lực rất mạnh. Cha tôi cao gần hai mét và có một sức mạnh phi thường. Hồi còn thanh niên, người đã có lần ra sức nhấc bổng một con lừa lên khỏi mặt đất. Cha tôi là một trong những số rất ít người có thể chiến thắng thổ dân vùng *Kham* trong những cuộc so tài về môn đô vật.

Xứ Tây Tạng đã trải qua một thời kỳ loạn ly. Năm 1904, khi quân Anh xâm lăng lãnh thổ Tây Tạng, vị Quốc vương là đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã sang tị nạn bên Mông Cổ, giao quyền nhiếp chính cho cha tôi cùng với những viên chức trong Nội các trong khi ngài vắng mặt...

Năm 1912, đức *Đạt-lai Lạt-ma* trở về thủ đô Tây Tạng sau một thời gian sống ở Bắc Kinh cũng như sang Ấn Độ. Trong khi ngài vắng mặt, suốt thời kỳ vô cùng khó khăn ở quốc nội, cha tôi đã cùng với các quan chức

đồng liêu trong Nội các đảm đương trọng trách của Chính phủ. Mẹ tôi thường nói rằng, trách nhiệm nặng nề đó hẳn đã làm cho cha tôi giảm thọ rất nhiều. Một điều chắc chắn là người không có thời giờ săn sóc con cái và không hề có dịp biểu lộ tình phụ tử đậm đà đối với chúng tôi.

Dường như tôi có cái khả năng đặc biệt là hay làm cho cha tôi nóng giận nên ông *Tzu*, bản tính vốn đã khắc nghiệt, lại được cha tôi giao phó trách nhiệm là bắt buộc tôi phải vâng lời tuyệt đối, bằng lời lẽ êm dịu hay "*bằng roi vọt nếu cần*". Ông *Tzu* lại xem việc cưỡi ngựa yếu kém của tôi như là một sự sỉ nhục cho vai trò huấn luyện viên của ông ta.

Ở Tây Tạng, trẻ con trong các gia đình quý tộc tập cưỡi ngựa trước khi tập đi! Làm một người kỵ sĩ giỏi là một điều tối cần thiết ở một xứ sở nhiều núi non và không có phương tiện giao thông, mọi sự di chuyển đều là bằng cách đi bộ hay cưỡi ngựa. Con nhà quý phái phải luyện tập cưỡi ngựa mỗi ngày. Khi họ đã tập luyện thuần thục, họ có thể đứng vững trên yên ngựa đang phi nước đại và bắn cung hay bắn súng vào các mục tiêu di động.

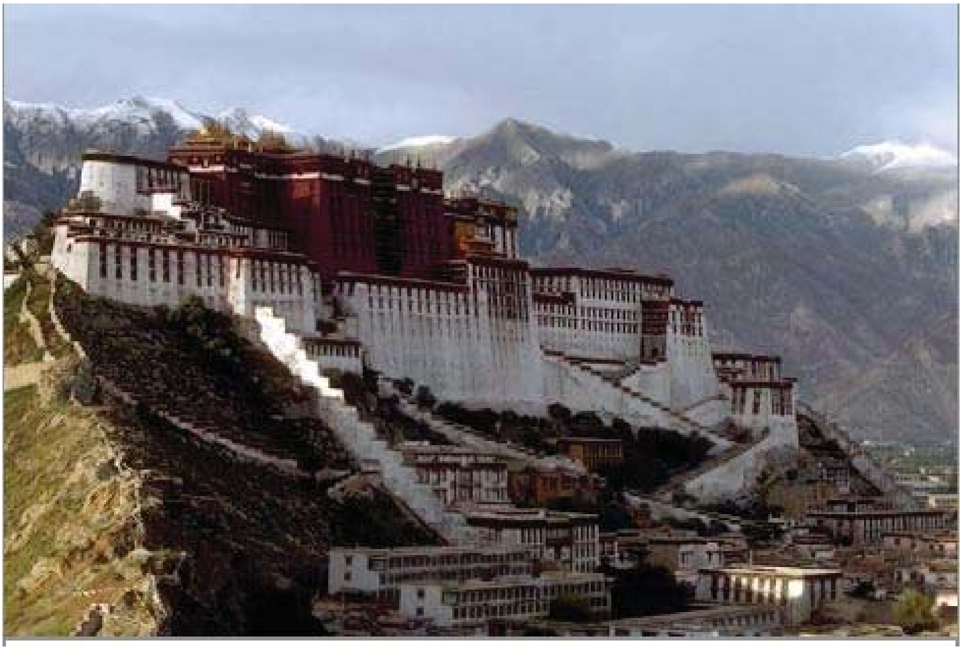
Đôi khi có những đoàn kỵ mã đã tập luyện thuần thục phi nước đại trong những cánh đồng, và trong khi

phóng ngựa chạy như bay, họ có thể đổi ngựa với nhau bằng cách nhảy từ yên ngựa này sang yên ngựa khác. Trong khi đó, năm lên bốn tuổi tôi lại thấy rất khó khăn trong việc ngồi vững trên yên ngựa!

Tây Tạng là một lãnh thổ sùng tín về tâm linh. Sự tiến bộ của thế giới bên ngoài không làm cho dân tộc này ham thích. Người Tây Tạng chỉ muốn được tự do thiền định suy tư và vượt qua những giới hạn của xác thể. Từ lâu, những nhà hiền triết của Tây Tạng đã từng biết rằng những tài nguyên phong phú của vùng đất này có thể khêu gợi lòng tham của các nước phương Tây và họ cũng biết rằng khi người ngoại quốc tìm đến xứ này thì sẽ không còn có hòa bình nữa.

Nhà tôi ở tại *Ling-khor*, một khu vực sang trọng của thủ đô *Lhasa*, ở bên đường lộ bao quanh thành phố, và nằm dưới bóng mát của điện *Potala*. Chung quanh *Lhasa* có ba đường vòng đồng tâm, con đường ở vòng ngoài, cũng gọi là đường *Ling-khor* là con đường quen thuộc của khách hành hương.

Cũng như tất cả các ngôi nhà khác ở *Lhasa* vào lúc tôi mới sinh, nhà tôi chỉ có hai tầng day mặt ra đường lộ. Mọi người đều bị nghiêm cấm tuyệt đối không được cất nhà nhiều tầng và vượt quá chiều cao đó, vì không ai được phép từ trên cao nhìn xuống đức *Đạt-lai Lạt-ma*.



ĐIỆN POTALA TẠI THỦ ĐÔ LHASA CỦA TÂY TẠNG

Nhưng vì lệnh cấm này thật ra chỉ áp dụng mỗi năm một lần vào dịp rước lễ hằng năm, nên nhiều người dân Tây Tạng cất trên nóc bằng của nhà họ thêm một tầng nữa bằng cây ván có thể tháo gỡ được dễ dàng, để sử dụng mỗi năm trong mười một tháng.

Nhà tôi ở là một ngôi kiến trúc cổ bằng đá, hình vuông, xây trên một khu đất rộng và bao bọc quanh một cái sân giữa. Năm 1910, trong một trận chiến, nhà tôi bị tàn phá hết một phần, nhất là những vách tường phía trong. Về sau, cha tôi đã cho xây cất lại bốn tầng lầu. Vì những tầng lầu này không quay ra mặt đường,

tức con đường *Ling-khor*, nên chúng tôi không thể từ trên cao nhìn xuống đức *Đạt-lai Lạt-ma* trong cuộc rước lễ hằng năm, vì thế cũng không ai phàn nàn hay phản đối.

Cánh cửa lớn trổ ra sân giữa rất kiên cố và đã trở nên xám đen với thời gian. Hồi chiến tranh, quân địch không thể chọc thủng cánh cửa dày và chắc nịch này nên chúng đã phá sập một góc tường để lọt vào nhà tôi.

Từ một văn phòng đặt ở ngay bên trên cửa này, người quản gia luôn lưu ý quan sát những kẻ ra vào. Người quản gia này có quyền thâu nhận hoặc sa thải những người giúp việc trong nhà, và có trách nhiệm chăm lo chu đáo mọi việc lớn nhỏ.

Khi những tiếng kèn trong các tu viện đón chào bóng hoàng hôn, đánh dấu một ngày sắp tàn, thì những kẻ hành khất của thủ đô *Lhasa* tề tựu đến trước cửa sổ của vị quản gia để nhận lãnh phần ăn của họ chiều hôm đó. Theo thông lệ, tất cả những nhà danh gia quý tộc thường bố thí cho kẻ nghèo trong vùng.

Những kẻ tù phạm bị xiềng xích cũng thường đến xin ăn, vì trong khám đường không đủ thức ăn và họ đi rảo khắp các nẻo đường để xin của bố thí. Ở Tây Tạng, những kẻ tù phạm không bị khinh khi hay đối xử tàn tệ như những kẻ hạ cấp. Người ta biết rằng ai cũng có

thể mắc phải sai lầm hoặc phạm vào tội lỗi, nên những kẻ phạm pháp được xem là kém may mắn hơn và được đối xử tương đối dễ chịu.

Có hai vị sư trú ngụ trong các phòng ở phía tay mặt gian phòng của ông quản gia nhà tôi; đó là các vị thầy tư tế, có phận sự cầu nguyện chư Phật gia hộ cho gia đình chúng tôi. Những gia đình quý tộc bậc trung hay bậc thấp hơn chỉ có một vị thầy tư tế trong nhà, nhưng đẳng cấp xã hội của gia đình tôi bắt buộc phải có hai vị. Các vị thầy tư tế này cũng được hỏi ý kiến mỗi khi có biến cố hay cần đưa ra quyết định quan trọng, và họ có bổn phận cầu nguyện các đấng thiêng liêng luôn che chở và ban ân huệ cho gia đình chúng tôi. Ba năm một lần, các thầy tư tế lại trở về tu viện của họ, và có những vị sư khác đến thay thế.

Các vị tư tế được ăn uống đầy đủ, họ dùng các thức ăn như người trong gia đình để cho những lời cầu nguyện của họ được sốt sắng hơn và để cho thần thánh biết rằng họ được biệt đãi.

Mỗi gian chái ở bên hông nhà là một đền thờ nhỏ, trong đó những ngọn đèn thắp bằng bơ luôn cháy sáng, ngày cũng như đêm, trên một bàn thờ bằng gỗ chạm. Trên bàn thờ có bảy chén nước thánh được lau chùi sạch bóng và thay nước mới nhiều lần trong ngày.

Bên trái gian phòng vị quản gia là phòng của vị Cố vấn luật pháp. Vị này có phận sự xem xét cách tổ chức nhà cửa của gia đình tôi cho đúng theo nghi thức quy định của các nhà quyền quý. Người Tây Tạng rất tôn trọng luật lệ, và để làm gương cho dân chúng, cha tôi phải xử thế như một người công dân gương mẫu.

Anh tôi, *Paljor*, chị tôi, *Yasodhara* và tôi cùng sống trong phần mới xây cất của ngôi nhà. *Paljor* không sống được lâu vì không có đủ sức khỏe để chịu đựng sự khắc khổ dành cho mọi đứa trẻ con nhà quý tộc. Anh tôi qua đời trước khi lên bảy tuổi. Khi ấy, chị *Yaso* lên sáu và tôi mới lên bốn.

Tôi vẫn còn hình dung anh tôi, chỉ còn là một cái xác không hồn, ngày mà những âm công đến lượm xác anh tôi để làm lễ "điểu táng", tức là chặt thành từng mảnh nhỏ quăng cho kên kên ăn theo phong tục bản xứ.

Khi tôi trở thành người con trai kế nghiệp của gia đình thì sự giáo dục của tôi được quan tâm chu đáo hơn. Năm lên bốn tuổi, tôi hãy còn là một kỵ sĩ quá tệ! Cha tôi vốn dĩ đã là một người rất nghiêm khắc, nay với tư cách là một chức sắc của giáo hội, bèn đặt tôi vào một thứ kỷ luật sắt để làm gương cho sự giáo dục của những đứa trẻ khác.

Ở Tây Tạng, một đứa trẻ thuộc giai cấp càng cao thì sự giáo dục lại càng nghiêm khắc hơn. Vài nhà quý tộc đã bắt đầu chủ trương một kỷ luật ít khắc khổ hơn cho sự giáo dục thiếu nhi, nhưng cha tôi không đồng ý, viện lẽ rằng những đứa trẻ nghèo hèn không hy vọng có một đời sống tiện nghi sung sướng hơn trong tương lai, cần phải được đối xử một cách dịu dàng tử tế khi chúng còn nhỏ. Trái lại, những đứa trẻ con nhà quý tộc, được thụ hưởng mọi thứ tiện nghi sung sướng khi đến tuổi trưởng thành, nên cần phải được giáo dục trong sự khắc khổ tối đa khi chúng tôi còn nhỏ, để nhờ vào những kinh nghiệm đau khổ đó mà chúng mới biết thương người về sau này.

Đó cũng là quan điểm chính thức của Chính phủ Tây Tạng. Chính sách đó rất tai hại đối với những đứa trẻ có thể chất yếu đuối, nhưng những trẻ nào vượt qua được mà không chết thì sẽ có thể đương đầu với bất cứ nghịch cảnh nào!

Võ sư *Tzu* chiếm một gian nhà ở tầng dưới, gần chỗ cửa vào. Sau khi đã có dịp quan sát đủ mọi hạng người trong nhiều năm với tư cách là một nhà sư bảo vệ, ông ta không thể sống ẩn dật lánh đời, vì cuộc sống đó không thích hợp với nếp sống quen thuộc của ông ta.

Gần bên phòng của ông ta là những chuồng ngựa, trong đó cha tôi nuôi hai chục con ngựa, cùng những loài vật kéo xe khác. Những người giữ ngựa không ưa ông *Tzu* vì tánh quá sốt sắng của ông và thói quen hay xen vào công việc của họ.

Khi cha tôi cưỡi ngựa đi đâu thì luôn có sáu người kỵ sĩ võ trang đi theo hộ vệ. Những người cận vệ này đều mặc đồng phục và ông *Tzu* luôn kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo là y phục của họ lúc nào cũng chỉnh tề.

Vì một lý do mà tôi không biết rõ, sáu người kỵ sĩ này có thói quen ngồi trên lưng ngựa sắp thành hàng day lưng vào tường của một kho lúa, và phóng ngựa chạy theo khi thấy cha tôi vừa xuất hiện. Tôi nhận thấy rằng nếu tôi nghiêng mình ra ngoài cửa sổ của kho lúa, thì một trong những người kỵ sĩ ấy lọt vào tầm tay của tôi. Một ngày nọ, nhân lúc không có việc gì làm, tôi bèn rón rén chồm ra từ cửa sổ kho lúa và xỏ một sợi dây gai vào cái đai da nịt lưng của một kỵ sĩ trong khi anh này đang lơ đễnh. Kế đó, tôi cột chặt hai đầu dây và máng vào một cái móc sắt ở bên trong kho lúa. Việc ấy hoàn toàn diễn ra trong âm thầm không ai biết, giữa lúc mọi người đều đang bận rộn rối rít.

Khi cha tôi vừa xuất hiện, đoàn kỵ sĩ lập tức phóng ngựa chạy theo, trừ ra người thứ sáu mắc phải sợi dây

nên bị té xuống ngựa và kêu la inh ỏi. Cái đai lưng của anh ta sút ra, và trong cơn náo loạn tôi đã lén đến gần rút lại sợi dây gai rồi biến mất mà không ai hay biết.

Ngày hôm sau, tôi lấy làm khoái trá mà nói với nạn nhân sự đùa nghịch của tôi:

- Thế nào, *Nê-túc*, tôi tưởng chỉ có mình tôi là cưỡi ngựa dở, còn anh cũng vậy sao?

Chương trình học của chúng tôi gồm có chữ Hán, chữ Tây Tạng, toán học và khắc bản gỗ. Về việc ấn loát ở Tây Tạng, người ta thường dùng những bản gỗ có khắc chữ, nên việc khắc bản gỗ được coi như một bộ môn rất hữu ích.

Lớp học của chúng tôi là một gian phòng rất rộng có thể chứa độ sáu chục đứa trẻ. Chúng tôi ngồi xếp bằng trên sàn gạch, trước mặt là một cái bàn hay một cái ghế dài, chiều cao độ năm tấc tây và quay lưng về phía thầy học để không thể biết rằng thầy có nhìn mình hay không.

Thầy dạy bắt chúng tôi học một cách rất kham khổ và không để chúng tôi nghỉ ngơi một giây phút nào. Có một phần trong chương trình học mà tôi không bao giờ quên: đó là lặp lại những điều răn tôn giáo. Chúng tôi

phải đọc những điều răn này khi vào lớp và lặp lại một lần nữa trước khi rời khỏi lớp vào giờ tan học. Những điều răn đó là:

> *Hãy lấy ân báo ân, lấy đức báo đức.*
>
> *Đừng ăn hiếp những kẻ hiền lành.*
>
> *Hãy siêng đọc kinh điển và giáo lý.*
>
> *Hãy giúp đỡ đồng loại.*
>
> *Luật pháp khắc khổ đối với kẻ giàu sang để dạy họ sự thông cảm và sự công bằng.*
>
> *Luật pháp khoan hồng đối với kẻ nghèo hèn để an ủi họ.*
>
> *Hãy trả dứt nghiệp quả nợ nần càng sớm càng hay.*

Để cho chúng tôi không thể nào quên, các điều răn đó được viết trên những tấm bảng và đóng trên bốn vách tường của lớp học.

Tuy nhiên, cuộc sống hằng ngày của chúng tôi không phải hoàn toàn dành cho sự học và nếp sống khắc khổ. Chúng tôi cũng lao mình vào những cuộc chơi điền kinh, thể dục một cách hăng say ngoài giờ học. Những môn thể dục này được đặt ra để luyện cho chúng tôi một thể xác cường tráng có thể chịu đựng khí hậu vô cùng khắc nghiệt của Tây Tạng. Ở xứ này, vào lúc giữa trưa mùa hè nhiệt độ lên rất cao và ban đêm

có thể xuống thấp dưới không độ. Vào mùa đông, thời tiết còn lạnh hơn thế rất nhiều.

Bắn cung là một môn thể dục rất tốt để làm nở nang bắp thịt và tập nhắm một cách chính xác. Đây là bộ môn mà chúng tôi rất thích. Cung nỏ của chúng tôi dùng đều làm bằng gỗ mun nhập cảng từ Ấn Độ. Người ta cũng chế tạo những cái ná bằng gỗ bản xứ.

Là Phật tử chân chính, chúng tôi không bao giờ bắn loài vật. Để tập bắn cung, chúng tôi dùng những cái bia di động, có những người giúp việc nấp ở chỗ an toàn và cầm dây kéo lên hoặc hạ xuống bất thần không cho chúng tôi biết trước. Phần nhiều những bạn bè của tôi đều có thể bắn trúng đích trong khi phóng ngựa chạy như bay. Về phần tôi, trái lại, tôi thậm chí không thể ngồi vững được trên lưng ngựa lâu như thế!

Có một trò tiêu khiển khác là đi cà khêu. Chúng tôi dùng hai cây cà khêu, giống như hai cây nạng gỗ nhưng rất dài, có bàn đạp để xỏ hai chân vào, và sau khi đã ngụy trang làm những người khổng lồ, chúng tôi thường xáp chiến với nhau trong những cuộc đấu sức dị kỳ, người nào té ngã trước nhất là thua.

Còn những môn thể dục khác nữa là nhảy sào và đá cầu. Nhưng ở Tây Tạng, nhất là ở vùng ngoại ô thủ đô

Lhasa, trò chơi thịnh hành nhất vẫn là môn thả diều, có thể xem là môn thể dục của cả dân tộc Tây Tạng.

Chúng tôi chỉ có thể chơi diều vào những mùa nhất định. Nhiều năm về trước, người ta cho rằng việc thả diều trên những vùng núi cao đã gây nên những trận mưa lũ. Và người ta cho rằng có lẽ các vị thần mưa đã nổi giận, nên dân chúng chỉ được phép chơi diều vào mùa thu, tức là mùa tạnh ráo ở Tây Tạng.

Có những ngày nhất định, người ta giữ im lặng không kêu to ở các miền núi, vì sợ rằng tiếng vang sẽ gây nên một sự chuyển động quá mau của những đám mây mù ẩm thấp từ bên Ấn Độ bay qua, do đó mà tạo thành những trận mưa lũ rất bất ngờ.

Vào ngày đầu mùa thu, một con diều đầu tiên được phóng lên từ nóc điện *Potala*. Trong vài phút, những con diều khác đủ mọi hình thức, lớn nhỏ đủ cỡ và đủ các màu sắc, liền nối nhau xuất hiện trên nền trời *Lhasa*, bay lượn nhảy nhót theo chiều gió thổi mạnh.

Tôi rất say mê trò chơi này và luôn cố gắng để cho con diều của tôi được bay lên trong số những con đầu tiên. Mọi đứa trẻ con đều tự tay làm ra những con diều của mình, thường là với một cái sườn bằng tre được bao bọc phía ngoài bằng một thứ hàng tơ rất đẹp.

Chúng tôi làm diều bằng những vật liệu tốt hảo hạng, vì danh dự của gia đình cũng có liên hệ trong cuộc chơi này. Sau khi một cái sườn bằng gỗ giống như cái hộp được làm xong, chúng tôi mới gắn vào đó cái đầu, hai cánh và đuôi của một con rồng có hình dáng dữ tợn.

Cuộc tranh đấu bằng diều diễn ra một cách vô cùng sôi nổi. Chúng tôi cố gắng hạ gục những con diều của các đối thủ. Để thực hiện điều đó, chúng tôi gắn những miểng chai trên con diều và ngâm sợi dây diều trong một thứ keo trộn với bột thủy tinh nghiền nát; sau đó, chúng tôi chỉ cần phóng diều lên để cắt đứt sợi dây của các đối thủ và bắt lấy con diều của họ.

Đôi khi, lúc trời tối, chúng tôi lén thả diều lên trời sau khi đã cột chặt những cái đèn nhỏ thắp bằng bơ vào bên trong sườn gỗ và ở chỗ đầu rồng. Đôi mắt rồng liền phóng ra những tia lửa đỏ và mình rồng lóng lánh muôn màu nghìn sắc nổi bật trên không trung giữa bầu trời đêm khuya.

Chúng tôi đặc biệt thích cuộc chơi này khi có những đoàn thương buôn lớn chở hàng trên lưng những con bò *yak* từ vùng *Lho-dzong* đến thủ đô *Lhasa*. Với tuổi ngây thơ, chúng tôi nghĩ rằng những người thương

buôn “dốt nát” ở các vùng quê hẻo lánh chắc chưa bao giờ nghe nói đến những phát minh diễm ảo tân kỳ như những con diều của chúng tôi. Vậy nên chúng tôi quyết định làm cho họ phải một phen sợ sệt kinh hoàng.

Một trong những phát minh khác nữa của chúng tôi là gắn thêm trong thân diều ba loại vỏ ốc khác nhau, và đặt cách nào cho gió thổi vào làm các vỏ ốc phát ra một thứ tiếng hú kinh hồn. Khi thả diều lên trời, con rồng lửa uốn khúc muôn màu phát ra những tiếng rú rùng rợn trong đêm khuya, và chúng tôi tin rằng nó sẽ gây cho các tay thương buôn đến từ các tỉnh lẻ xa xôi một cơn sợ sệt làm cho họ phải nhớ đến suốt đời.

Tây Tạng không phải là nơi có thể dung nạp những người thể chất yếu đuối. Thủ đô *Lhasa* ở vào một vùng cao đến bốn ngàn mét so với mực nước biển, có một thời tiết rất chênh lệch giữa cực nóng và cực lạnh. Những vùng cao hơn lại có khí hậu khắc nghiệt hơn nữa. Những người thể chất yếu đuối có thể làm liên lụy đến sự sống của kẻ khác. Chính vì lẽ đó, chứ không phải do sự tàn ác, mà sự giáo dục thiếu nhi thật vô cùng khắc khổ như đã kể trên.

Ở những vùng sơn cước, người ta đem ngâm trẻ sơ sinh dưới suối nước lạnh xem chúng có đủ sức chịu đựng

dẻo dai hay không, để có quyền sống như mọi người. Tôi đã từng thấy những nhóm người đi diễu hành đến một ngọn suối, ở một vùng núi non chiều cao trên sáu ngàn mét. Đến bờ suối, đoàn người ngừng lại, một bà lão bồng đứa trẻ sơ sinh trên tay, rồi cả gia đình gồm cha, mẹ và thân quyến đứa trẻ ngồi vây chung quanh bà.

Sau khi người ta đã lột hết áo quần đứa trẻ, bà lão bèn ngâm thân mình nó xuống dưới nước suối, chỉ còn thấy cái đầu nhô lên khỏi mặt nước. Dưới nước suối lạnh buốt, thân mình đứa trẻ trở nên đỏ au, rồi xanh dờn, những tiếng kêu đã im bặt, nó không còn kêu la phản đối nữa. Nó có vẻ chết lịm, nhưng bà lão đã từng kinh nghiệm nhiều về việc này bèn rút nó lên khỏi mặt nước, lau khô ráo và mặc áo quần lại cho đứa bé. Nó sống lại chăng? Đó là do các thần minh đã quyết định như thế. Nếu nó chết, thì điều đó lại càng hay, vì nó khỏi phải chịu đựng những sự khổ đau về sau này của cuộc đời trần thế!

Người ta không thể làm gì khác hơn ở một vùng khí hậu quá khắc nghiệt như Tây Tạng. Không nên có những kẻ bệnh hoạn, yếu đuối ở một xứ mà mọi phương tiện cứu trợ y tế đều thiếu thốn. Thà để những đứa bé sơ sinh yếu đuối chết đi còn hay hơn.

Khi anh tôi qua đời thì tôi cần phải xúc tiến việc học một cách ráo riết hơn. Thật vậy, vào năm lên bảy tuổi, tôi đã phải bắt đầu chuẩn bị tương lai. Tôi sẽ đi theo con đường nào và chọn lựa ngành hoạt động nào? Điều đó sẽ do các nhà chiêm tinh quyết định.

Ở Tây Tạng, bất cứ việc lớn nhỏ gì, từ việc mua một con bò *yak* đến việc chọn một nghề nghiệp, đều do sự quyết đoán của các nhà chiêm tinh. Trước ngày sinh nhật năm tôi lên bảy, mẹ tôi mở một cuộc tiếp tân rất lớn, trong dịp đó những quan khách gồm các nhà quý tộc và các viên chức cao cấp trong chính phủ được mời tham dự để nghe những lời tiên tri của các nhà chiêm tinh.

Mẹ tôi là một mệnh phụ đảm đang, với một vóc dáng phương phi, gương mặt tròn và mái tóc đen huyền. Phụ nữ Tây Tạng thường bới đầu theo một kiểu rất mỹ thuật và cài trên mái tóc một thứ lược bằng gỗ. Những lược gỗ này thường có sơn mài màu đỏ thắm, cẩn những hạt đá quý, cẩm thạch hoặc san hô, là những mỹ phẩm làm rất khéo léo. Trên một đầu tóc đen huyền xức dầu bóng loáng, cài những lược sơn mài đó sẽ tạo nên một vẻ đẹp rất thanh lịch.

Áo dài Tây Tạng có những màu sắc rất vui mắt, mà nổi bật nhất là màu đỏ, màu lục và màu vàng. Thường

ngày các bà nội trợ đeo phía trước ngực một mảnh vải trơn, với một cái vệt ngang khác màu, nhưng màu sắc cũng được chọn cho tiệp với nhau một cách mỹ thuật. Họ đeo những chiếc bông tai mà kích cỡ lớn nhỏ tùy theo giai cấp của họ trong xã hội. Mẹ tôi, xuất thân từ một gia đình quyền quý, đeo những chiếc bông tai dài trên mười lăm phân tây.[1]

Người Tây Tạng chủ trương một sự bình đẳng tuyệt đối giữa nam và nữ. Nhưng về vấn đề coi sóc nội trợ gia đình, mẹ tôi không phải chỉ bằng lòng với sự bình đẳng. Với một ý chí độc tài và một quyền hành tuyệt đối, mẹ tôi ngự trị trong gia đình như một nữ hoàng. Bà luôn biết rõ mình muốn gì, và khi mẹ tôi muốn gì bà luôn quyết tâm đạt cho bằng được.

Chính trong sự nhộn nhịp xôn xao chuẩn bị cuộc tiếp tân mà mẹ tôi mới thực sự có đất dụng võ. Nào là phải tổ chức, phải ra lệnh, soạn thảo kế hoạch sao cho "ăn đứt" những người láng giềng. Mẹ tôi tỏ ra rất thông thạo, vì trong nhiều chuyến du hành theo cha tôi sang Ấn Độ, Bắc Kinh và Thượng Hải, mẹ tôi đã thu thập được hàng khối những sáng kiến mới lạ.

Khi ngày tiếp tân đã định, những nhà sư thư ký mới viết thiệp mời trên một loại giấy dày, làm bằng thủ

[1] Phân tây: tức cen-ti-mét (cm).

công, chỉ được dùng trong những dịp giao tế tối quan trọng. Mỗi thiệp mời khoảng ba mươi phân bề ngang và hơn sáu mươi phân bề dài, có đóng triện son của người gia trưởng. Mẹ tôi cũng đóng triện son riêng của mình vào đó, vì người thuộc dòng dõi quý phái. Ngoài ra lại còn một cái triện chung cho cả gia đình, tức là có tất cả ba cái triện son đóng trên thiệp mời, làm cho nó trở thành một bản văn kiện thật là trang trọng.

Cứ nghĩ đến việc tôi là nguyên nhân của tất cả những lễ nghi trịnh trọng đó mà tôi rùng mình. Nhưng tôi không biết rằng tầm quan trọng của tôi thật ra chỉ là phụ thuộc vào một tập quán xã hội. Nếu người ta nói cho tôi biết rằng cuộc tiếp tân long trọng này sẽ đem đến nhiều vinh dự cho cha mẹ tôi, thì tôi sẽ không hiểu gì cả! Bởi vậy, tôi vẫn nơm nớp lo sợ.

Những sứ giả đưa thư được đặc biệt thu dụng trong dịp này để đưa thiệp mời đến các quan khách. Mỗi người cưỡi một con tuấn mã và cầm một gậy ngắn có khe hở ở một đầu để xếp các thiệp mời vào đó, ngoài phong bì có in những phù hiệu chính thức của gia đình chúng tôi. Khi các sứ giả đã sẵn sàng lên đường thì trong sân nhà chúng tôi diễn ra một cảnh tượng náo động ồn ào khó tả. Những người giúp việc kêu gọi nhau đến khan cả cổ họng, ngựa hí vang tai, những con chó

ngao đen lớn sủa ầm lên như điên... Sau một chầu rượu cuối cùng, những chàng kỵ sĩ đặt mạnh cốc xuống bàn, trong khi đó, những cánh cổng nặng nề đã mở ra với những tiếng động ầm ĩ và đoàn kỵ sĩ vừa phóng ngựa phi nước đại vừa hét vang tai nghe thật rùng rợn. Nếu họ mang đi những bức thư viết tay thì đồng thời họ cũng chuyển đạt một thông điệp truyền khẩu mà nội dung có thể hoàn toàn khác hẳn.

Thời xưa, những tay côn đồ, cường đạo thường phục kích các sứ giả đưa thư ở giữa đường rồi ngụy trang và dùng những bức thông điệp đó để tấn công một ngôi nhà không phòng thủ hay một đoàn thương buôn chẳng hạn. Từ đó, người ta thường cố ý viết những thư tín giả để gài bẫy và dụ bọn cướp đến những chỗ có phục binh và tiêu diệt chúng. Tục lệ cổ truyền về việc gửi đi cùng lúc hai thông điệp, một viết tay và một truyền khẩu, là một di sản của thời quá khứ.

Nhưng dầu cho ở thời đại này, người ta cũng có khi phải gửi đi cùng lúc hai thông điệp như thế. Trong trường hợp đó thì chỉ có thông điệp truyền khẩu mới có giá trị.

Trong nhà tôi thật là náo nhiệt tưng bừng! Vách và trần nhà được phết lên một lớp sơn mới, những sàn gỗ

được đánh bóng trơn tru đến nỗi đi phải coi chừng kẻo trượt ngã. Bàn thờ được lau chùi sạch bóng và sơn phết lại. Một số lớn những ngọn đèn mới thắp bằng bơ được đem ra sử dụng; có những ngọn đèn bằng vàng và bằng bạc, nhưng tất cả đều được lau chùi bóng loáng đến nỗi không thể phân biệt được nữa.

Mẹ tôi và người quản gia không ngớt chạy tới chạy lui trong nhà, chỉ vẻ, sửa đổi chỗ này, dọn dẹp sắp đặt chỗ kia và ra lệnh cho những người phục dịch làm việc không ngơi tay.

Cha mẹ tôi có trên năm chục người giúp việc nhà và một số khác được thâu dụng thêm riêng trong dịp tiếp tân. Không một người nào là nhàn rỗi và tất cả đều làm việc một cách hăng hái. Sân nhà cũng được quét dọn, lau chùi cho đến khi những tảng đá chiếu sáng ngời như mới vừa đem ở động đá về. Để làm cho sân nhà có vẻ lộng lẫy, những chỗ trống ở giữa các phiến đá cũng được tô lên một lớp màu.

Khi mọi việc xong xuôi, mẹ tôi tụ tập tất cả gia nhân và ra lệnh cho họ phải mặc đồng phục tươm tất, chỉnh tề. Trong nhà bếp, mọi người làm việc ráo riết ngày đêm để chuẩn bị đầy đủ các món cao lương mỹ vị đãi khách. Xứ Tây Tạng là một cái tủ lạnh thiên nhiên, các món ăn nấu nướng xong có thể để dành rất lâu mà

không sợ hư hỏng, vì thời tiết lạnh và khô. Dẫu cho khi tiết trời nóng bức, bầu không khí khô ráo cũng giữ cho thức ăn không hư. Nhờ đó, thịt có thể để dành suốt năm mà vẫn còn tươi và lúa mì có thể để dành qua nhiều thế kỷ.

Vì người Phật tử giữ giới không giết hại, nên người ta chỉ ăn thịt những con thú vì rủi ro bị té chết trong khe núi, hoặc chết bởi các nguyên nhân khác. Nhà bếp của gia đình tôi có trữ sẵn rất nhiều loại thịt này. Ở Tây Tạng cũng có những người làm nghề đồ tể, bán thịt, nhưng những gia đình Phật tử chính thống không giao tiếp với hạng người này, vì họ bị xem là thuộc về giai cấp hạ tiện, không được giao tiếp.

Mẹ tôi quyết định tiếp tân theo một lối vừa khác thường vừa linh đình trọng thể, và đãi khách một món đặc biệt là món mứt hoa *rhododendron*. Vài tuần lễ trước, những gia nhân của nhà tôi đã cưỡi ngựa đến tận triền núi Tuyết Sơn là nơi có những loại hoa đẹp nhất. Ở Tây Tạng, hoa *rhododendron* rất lớn và có rất nhiều loại, thuộc đủ các màu sắc và hương thơm. Người ta chọn những hoa chưa nở hẳn đem về rửa sạch rất cẩn thận. Thật vậy, nếu một cái hoa hơi nát một chút sẽ làm cho mứt bị hỏng ngay. Kế đó, mỗi hoa được ngâm trong một cái bồn thủy tinh lớn chứa đầy nước và mật

ong, rồi đậy thật chặt cho kín gió. Mỗi ngày và liên tiếp trong nhiều tuần, bồn hoa được đem phơi nắng và xoay trở định kỳ đều đặn để cho tất cả các phần của hoa đều nhận được ánh nắng cần thiết. Hoa trong bồn nở lớn từ từ và thấm nhuần chất nước pha mật ong. Có người thích đem phơi gió vài ngày trước khi ăn để cho hoa được khô và hơi giòn, mà vẫn không mất hương vị hay sắc tươi của nó. Họ cũng rắc đường lên các cánh hoa để cho nó có vẻ đượm tuyết, giống như trong thiên nhiên. Tất cả những phí tổn để làm món mứt hoa này làm cho cha tôi phải nhăn nhó, cằn nhằn. Người nói:

- Với cái giá tiền để mua những hoa đẹp này, chúng ta có thể mua sáu con bò *yak* mẹ cùng với một bầy bò con.

Mẹ tôi đáp với một giọng đầy nữ tính:

- Ông đừng ngớ ngẩn. Cuộc tiếp tân của chúng ta nhất định phải thành công, và dầu sao chăng nữa, những phí tổn này là phần việc nội trợ của tôi.

Món vi cá nhập từ Trung Hoa là một món mỹ vị khác, dùng để nấu canh. Có người nói rằng món canh vi cá là món tuyệt đỉnh của nghệ thuật làm bếp. Riêng tôi, tôi nhận thấy món ấy rất dở, và thật là một cực hình khi tôi buộc phải ăn món vi cá. Cá mập được chở

đến Tây Tạng trong một trạng thái mà người ta không còn nhận ra nó được nữa! Ta có thể nói một cách ôn hòa là nó hơi "kém tươi". Điều này, có người lại cho rằng làm cho vi cá càng trở nên ngon hơn.

Món măng tre non, cũng nhập từ Trung Hoa, là món ăn rất ngon, cũng là món tôi thích nhất. Có nhiều cách để nấu măng, nhưng tôi thích nhất là ăn sống với một chút muối. Tôi luôn luôn chọn những búp măng vàng và xanh để ăn riêng, và vì thế mà nhiều khúc măng để trong bếp thường bị ngắt đứt đầu trước khi được mang ra nấu nướng. Người đầu bếp có vẻ nghi ngờ tôi, nhưng ông ta không có bằng cớ. Thật đáng tiếc, vì chính ông ta cũng rất thích ăn búp măng sống!

Ở Tây Tạng, nấu bếp là công việc của đàn ông. Phụ nữ cũng làm bếp, nhưng họ rất vụng về và không chịu cải tiến. Đàn ông có nhiều sáng kiến hơn và chịu khó hơn, bởi vậy họ nấu ăn rất thiện nghệ.

Riêng về môn quét dọn và ngồi lê đôi mách thì phụ nữ ở đâu cũng chiếm giải quán quân, và lẽ tất nhiên họ cũng rất giỏi về vài môn khác nữa. Nhưng nhất định là không, nếu nói về việc làm món *tsampa*. Món *tsampa* là món ăn căn bản của người Tây Tạng. Nhiều người Tây Tạng quanh năm suốt tháng chỉ sống bằng món *tsampa* và trà cho đến suốt đời.

Món *tsampa* làm bằng mạch nha sấy khô cho đến khi nó trở thành giòn và có một màu vàng sậm. Những hạt lúa mạch nảy mầm khi đó mới được giã và tán thành bột, bột này lại được nướng lên lần nữa và đặt trong một cái chén, rồi người ta đổ vào đó trà nóng trộn với bơ làm từ sữa bò *yak*. Kế đó, người ta trộn đều để nó đông đặc lại thành một thứ bánh và cho thêm muối, một ít hàn the, bơ *yak* tùy sở thích từng người. Thứ bánh đó gọi là *tsampa*, có thể cuốn tròn lại và cắt thành từng khoanh, rồi dọn ra để ăn.

Món *tsampa* là món ăn thông thường của người bình dân, nó có đủ chất bổ dưỡng, giàu chất béo để giúp người dân Tây Tạng có thể sống trong mọi khí hậu và mọi hoàn cảnh.

Một nhóm gia nhân lo việc làm món *tsampa*, một nhóm khác làm bơ theo một phương pháp đặc biệt của dân bản xứ. Họ dùng những cái bao lớn bằng da trừu, bề có lông lộn vào trong, để làm dụng cụ đánh sữa.Các bao da đó được đổ đầy sữa bò *yak* hay sữa dê. Để tránh khỏi bị hao hớt, phần trên các bao da được túm chặt rồi may lại thật chắc. Kế đó, những bao da đựng đầy sữa này được nhồi thật mạnh cho đến khi sữa bên trong trở thành chất bơ.

Để đánh sữa bằng phương pháp này, người ta dùng một chỗ đất bằng có nhô lên những mô đá cao chừng ba mươi phân. Sau khi đã đổ đầy sữa vào bao, người ta nâng bao sữa lên cao rồi buông tay cho rơi xuống các mô đá. Có chừng mười gia nhân làm công việc này trong nhiều giờ liên tiếp. Họ vừa hít một hơi thở vào vừa nâng các bao sữa lên cao, và buông tay cho rơi xuống những mô đá với một tiếng động êm dịu "*zunk*". Đôi khi một bao da đã quá cũ, hoặc do người đánh sữa quá vụng về, thình lình vỡ tung ra.

Tôi còn nhớ có một gia nhân nhà tôi rất lực lưỡng. Anh ta thường hay khoe khoang sức vóc của mình. Anh làm việc nhanh gấp đôi người khác, và mỗi khi anh gắng sức thì những đường gân cổ nổi vồng lên. Một ngày nọ, có người nói với anh ta:

- Anh *Timon*, chắc anh đã già rồi, vì bây giờ anh làm việc không nhanh bằng khi trước.

Khi ấy, *Timon* hét lên một tiếng giận dữ, nắm lấy phía trên một bao sữa, nâng lên cao với hai cánh tay khỏe mạnh rồi buông cho nó rơi xuống. Nhưng sự dùng sức quá mạnh đã làm hại anh ta! Trong khi anh vẫn còn nắm chắc miệng bao da thì phần dưới đã đứt rời và rơi xuống những mô đá. Một cột bơ hãy còn hơi lỏng bắn vọt ra và trúng ngay vào giữa mặt *Timon*, khiến

anh chàng "*lãnh đủ*" tất cả, và thế là cả một khối bơ trùm lên miệng, mắt, mũi, tai, tóc... của anh ta. Khoảng năm, sáu chục lít bơ tuôn xuống dọc theo thân mình và bao phủ anh ta trong thứ chất nhờn màu vàng đó.

Nghe tiếng động, mẹ tôi hối hả chạy vào. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi thấy mẹ đứng sững nhìn trong im lặng. Có lẽ mẹ tôi tức giận vì thấy quá nhiều bơ bị hỏng chăng? Hay mẹ tôi lo lắng cho "*thằng ngốc*" đang bị nghẹt thở? Cũng chẳng biết vì sao, nhưng rồi mẹ tôi liền nắm lấy cái bao da rách bụng và đập một cái thật mạnh lên đầu anh ta. Chàng *Timon* vô phước bèn trượt ngã xuống đất và nằm sóng sượt trên cả một vũng... bơ!

Những gia nhân vụng về như *Timon* có thể làm hư hỏng mất nhiều bơ. Chỉ hơi cẩu thả một chút trong khi buông tay cho cái bao rơi xuống là những sợi lông liền tách rời ra khỏi da và lẫn lộn với sữa. Nhặt ra được một, hai chục sợi lông trong bơ đã làm xong là một điều rất bình thường, nhưng nếu thấy có cả chùm lông trong đó thì lại là một điều rất tệ.

Bơ bị hư hỏng được cất riêng một nơi để dùng đốt đèn, hoặc để bố thí cho những kẻ ăn xin. Họ sẽ nấu lại và lọc sạch bằng một miếng giẻ cũ rồi để ăn dần.

Những thư trả lời thiệp mời của chúng tôi không bao lâu đã đến. Những người kỵ mã phóng nước đại

đến nơi, tay vung lên những cây gậy nhỏ chẻ một đầu có đựng các thư tín. Khi đó, người quản gia mới bước ra để nghinh đón sứ giả của các nhà quý tộc. Sau khi rút bức thông điệp từ trong cây gậy ra, người sứ giả cũng thốt lên một thông điệp truyền khẩu, thậm chí không kịp lấy lại hơi thở. Kế đó, anh ta sụm xuống trên hai đầu gối và để rơi mình xuống đất trong một cuộc dàn cảnh rất khéo léo, dường như để tỏ cho mọi người thấy rằng anh ta đã xả thân không quản công lao khó nhọc để làm tròn bổn phận, để đưa thư đến nhà tôi kịp giờ!

Trong những dịp đó, những gia nô nhà tôi thường vây quanh anh ta và nói:

- Tội nghiệp "thằng nhỏ"! Nó đến nhanh thật! Quả là một kỳ công ít có! Chắc hẳn nó phải chạy nhanh đến muốn đứng tim. Thật cao quý thay một tinh thần phục vụ hăng say đến thế!

Một ngày nọ, tôi ngứa miệng xen vào câu chuyện:

- Ấy không! Anh ta không có chạy mau đến muốn đứng tim! Tôi vừa thấy anh ta ngồi nghỉ mệt ở chỗ đầu làng gần đây. Chắc anh ta đã nghỉ lấy sức để chạy đoạn đường cuối cùng!

Sự kín đáo buộc tôi phải bỏ qua không nói đến cảnh tượng vụng về lúng túng tiếp theo đó.

Sau cùng, ngày "*đại nhật*" đã đến! Cái ngày mà tôi e ngại xiết bao, vì người ta sẽ quyết định tương lai cuộc đời tôi mà không cần hỏi ý kiến tôi!

Những tia nắng đầu tiên của mặt trời bình minh vừa ló dạng từ sau các ngọn núi xa tận chân trời thì một người gia nô bước vào phòng tôi:

- Cậu chưa dậy ư, cậu Lâm Bá? Hay là cậu giả vờ ngủ? Đã bảy giờ rồi và chúng ta có nhiều việc phải làm. Thôi, cậu hãy thức dậy đi!

Tôi bỏ mền ra và ngồi dậy. Đó là ngày mà con đường tương lai sẽ mở rộng trước mắt tôi. Ở Tây Tạng, trẻ con được gọi bằng tên do cha mẹ đặt cho từ nhỏ. Nhưng sau khi bước vào tu viện, đứa trẻ sẽ được nhận một tên khác, gọi là "pháp danh". Đó là trường hợp của tôi chăng? Phải đợi những giờ sắp tới đây tôi mới biết được.

Tôi đã lên bảy tuổi và muốn trở thành một người chèo đò để thả thuyền lênh đênh trên sông *Tsang-Po*, cách đó chừng sáu chục cây số. Nhưng hãy khoan, để còn xem lại. Tôi có thật sự muốn vậy chăng? Dầu sao, những người chèo đò đều thuộc giai cấp thấp kém, những con đò của họ đều làm bằng da bò *yak* đóng sườn bằng gỗ. Tôi làm một anh lái đò? Tôi trở thành một người thuộc giai cấp hạ tiện? Không! Hẳn là không phải vậy!

Tôi muốn trở nên một người thả diều chuyên nghiệp chăng? Ừ, phải đấy! Thả diều trên không trung, được bay nhảy tự do như không khí, còn hơn là ngồi trong một chiếc đò căng bằng da thú, làm hạ thấp nhân cách và trôi mãi theo giòng nước xoáy mạnh nguy hiểm. Một tay thả diều chuyên nghiệp, đó là điều tôi muốn, và tôi sẽ chế tạo được những con diều khổng lồ với những cái đầu to lớn và đôi mắt sáng rực như lửa.

Nhưng hôm nay những tu sĩ chiêm tinh mới có quyền quyết định. Có lẽ tôi đã chờ đợi quá lâu, và nay thì đã quá trễ để nhảy qua cửa sổ và chạy trốn. Cha tôi chắc chắn sẽ cho người đuổi theo bắt tôi trở lại! Dầu sao, tôi là con nhà thế gia vọng tộc và tôi phải tuân theo truyền thống. Biết đâu các nhà chiêm tinh chẳng sẽ tiên tri rằng tôi sinh ra đời để làm một tay thả diều chuyên nghiệp? Tôi chỉ có thể đợi chờ và hy vọng mà thôi.

CHƯƠNG II

LỜI TIÊN TRI

Tôi ngồi dưới đất và một tên gia nhân phũ phàng với hai bàn tay chuối mắn vặn mãi cái bím tóc tôi như người ta quay cái tay quay để khởi động máy! Sau cùng cái bím tóc tôi trở nên cứng đơ như đuôi con bò *yak* bị rét cóng và sáng bóng lên như ánh trăng rằm trên mặt hồ.

- Ôi, Vân Kỳ! anh bứng hết tóc của tôi rồi! Dừng tay lại ngay, nếu không thì đầu tôi sẽ sói hết tóc như một ông sãi.

- Hãy để yên nào, Lâm Bá! Cái bím tóc của cậu phải được thắt cho ngay và thoa bơ láng bóng, nếu không bà lớn sẽ trừng phạt tôi.

- Thì nhẹ tay một chút, Vân Kỳ! Anh vặn cổ tôi đau quá!

- Không sao đâu! Tôi phải làm gấp lên mới được.

Mẹ tôi bận rộn quay cuồng như một cơn gió lốc, di chuyển trong nhà mau lẹ như người có phép phân thân

ở nhiều chỗ cùng một lúc. Có những chỉ thị vào giờ chót, những sự chuẩn bị cuối cùng, và rất nhiều lời bình phẩm lăng xăng, rối rít...

Yaso, chị tôi, chạy tới chạy lui lăng xăng như một mệnh phụ bốn mươi cái xuân! Cha tôi trốn cảnh náo nhiệt ồn ào bằng cách rút vào phòng riêng và đóng cửa...

Mẹ tôi quyết định đưa chúng tôi đến *Jo-kang*, ngôi đền lớn ở thủ đô *Lhasa*. Đó hẳn là vì mẹ tôi muốn cho cuộc lễ tiếp tân được diễn ra trong một bầu không khí tôn giáo.

Vào lúc mười giờ sáng, một tiếng cồng với ba âm điệu khác nhau điểm giờ tụ họp. Chúng tôi tất cả đều cưỡi ngựa: cha tôi, mẹ tôi, chị *Yaso* và tôi cùng vài người trong thân quyến chuẩn bị lên đường.

Chúng tôi noi theo con đường *Ling-khor* và đi vòng quanh dưới chân điện *Potala*, một tòa cung điện nguy nga tráng lệ của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, khoảng 130 thước chiều cao và 400 thước chiều dài.

Sau khi đi ngang qua làng *Sho* và đi ngựa mất thêm nửa giờ trên đồng bằng *Kyi Chu*, chúng tôi đã đến trước cửa đền. Chung quanh đền là những ngôi nhà trọ, cửa tiệm và chuồng ngựa đợi khách hành hương.

Từ ngày được dựng lên cách đây mười ba thế kỷ, ngôi đền *Jo-kang* vẫn luôn là nơi tiếp đón rất nhiều khách hành hương. Ngôi đền cổ đã biểu lộ những nét tàn phá của thời gian. Các viên đá tảng dưới nền đã lộ ra những đường nứt sâu đến nhiều phân tây do những bước chân giẫm lên của hàng nghìn tín đồ.

Những tượng thần bằng vàng của nền tôn giáo Tây Tạng được xếp thành hàng dài dọc theo các vách tường. Có những lưới sắt dày và kiên cố để bảo vệ các pho tượng này trước những tín đồ mà lòng tham có thể mạnh hơn lòng sùng tín.

Những tượng thần lớn nhất phần nhiều đều ngập lên đến quá nửa thân với hàng đống ngọc quý và châu báu mà những người sùng tín cầu xin ân huệ thiêng liêng đã mang đến đặt vào. Trên những chân đèn bằng vàng khối, những ngọn bạch lạp được thắp sáng thường xuyên, tỏa ra ánh sáng như không bao giờ tắt suốt mười ba thế kỷ qua. Từ những góc âm u của ngôi đền vọng đến tai chúng tôi những tiếng chuông ngân, tiếng cồng và tiếng tù và thổi vang tai.

Chúng tôi noi theo con đường vòng trước chính điện theo như truyền thống bắt buộc, và sau khi đã lễ bái xong, chúng tôi bước lên trên nóc bằng của ngôi đền. Nơi đây chỉ có một số ít người có đặc quyền mới được

lên. Cha tôi, với tư cách là *Bảo thế* của Giáo hội, luôn có mặt tại đây mỗi khi ông đến viếng ngôi đền này.

Tiện đây, tôi xin nói sơ lược về nền chính trị của Tây Tạng. Đứng đầu quốc gia và Giáo hội là đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Ngài vừa là vị nguyên thủ cầm quyền chính trị, vừa là nhà lãnh đạo tôn giáo, vừa là vị Thẩm phán tối cao cầm cán cân công lý của toàn dân Tây Tạng. Mọi người dân bất cứ sang hèn đều có thể đến thỉnh cầu ngài. Nếu một sự khiếu nại hay thỉnh nguyện có lý do chính đáng, hoặc trong trường hợp xét thấy có sự bất công oan ức, đức *Đạt-lai Lạt-ma* sẽ đứng ra xét xử để thỏa mãn các nguyện vọng và san bằng mọi nỗi bất công. Thật không phải là quá đáng mà nói rằng tất cả mọi người, không trừ một ai, đều yêu mến và kính trọng ngài.

Ngài là vị lãnh đạo có quyền hành tuyệt đối. Ngài sử dụng uy quyền của ngài vì hạnh phúc của dân chúng chứ không bao giờ vì những mục đích ích kỷ. Ngài đã tiên đoán tình hình rối ren của Tây Tạng từ nhiều năm về trước. Ngài cũng biết rằng nền tín ngưỡng của Tây Tạng tạm thời sẽ trải qua một thời kỳ xuống dốc. Vì lý do đó mà ngài đặc biệt yêu cầu một số người trong giới tu sĩ phải nhận được sự thụ huấn đặc biệt, để cho những kiến thức siêu hình được tích lũy từ nhiều thế kỷ qua sẽ không phải mai một và chìm trong quên lãng.

Dưới quyền lãnh đạo của đức *Đạt-lai Lạt-ma* có hai Hội đồng. Một là Hội đồng Tôn giáo, gồm có bốn vị cao tăng ở cấp *Lạt-ma*. Những vị này đều chịu trách nhiệm trước đức *Đạt-lai Lạt-ma* về những vấn đề liên quan đến các tổ chức tu viện *Lạt-ma giáo* và mọi đạo viện trong nước. Tất cả những vấn đề tâm linh và tôn giáo đều phải thông qua sự xem xét của các vị này.

Kế đó là Hội đồng Nội các, gồm có bốn vị Tổng trưởng, trong số đó có ba vị thuộc thành phần dân chính và một vị là tu sĩ. Các vị này nắm quyền cai trị toàn xứ và đảm trách việc hòa hợp quốc gia với Giáo hội thành một khối thống nhất.

Có hai viên chức Chính phủ mà người ta có thể xem như các vị Thủ tướng. Họ làm nhiệm vụ giữ "liên lạc" với hai Hội đồng trên và đệ trình những ý kiến của hai Hội đồng này lên đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Hai vị này đóng vai trò quan trọng trong những phiên họp - rất hiếm có - của Quốc hội, gồm năm mươi nghị viên đại diện cho các gia đình quý tộc và những tu viện lớn nhất ở thủ đô *Lhasa*. Quốc hội chỉ nhóm họp trong những trường hợp rất khẩn cấp, như hồi năm 1904 khi đức *Đạt-lai Lạt-ma* phải lưu vong tị nạn sang Mông Cổ trước sự xâm lăng của quân đội Anh.

Nhân đây cũng nên giải thích rõ rằng sự lưu vong của đức *Đạt-lai Lạt-ma* không có nghĩa là một sự chạy

trốn. Người Tây Tạng quan niệm về chiến tranh như một ván cờ, và phe nào để tướng bị bắt thì phải thua. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* là vị Quốc vương của Tây Tạng. Không có ngài thì mọi sự chiến đấu đều trở nên vô nghĩa. Vì thế, ngài cần phải ẩn trú an toàn để bảo vệ sự hợp nhất của đất nước.

Số nghị sĩ Quốc hội có thể lên đến bốn trăm người khi những thân hào nhân sĩ ở các tỉnh về tham dự đông đủ. Với thời gian qua, đức *Đạt-lai Lạt-ma* càng gia tăng quyền hành của ngài và thường không cần đến sự giúp ý kiến của các Hội đồng hay của Quốc hội nữa. Xứ Tây Tạng chưa bao giờ có được một sự lãnh đạo anh minh và sáng suốt đến như thế.

Từ trên nóc đền nhìn ra xa là một phong cảnh vô cùng ngoạn mục. Nằm về phía đông là vùng đồng bằng *Lhasa* xanh tươi, rải rác có những cụm rừng nhỏ với những lùm cây sầm uất. Xuyên qua những lùm cây là những con rạch nhỏ uốn khúc phản chiếu ánh nắng mặt trời như những con rắn bạc, trước khi chảy vào sông *Tsang-Po* ở cách đó sáu mươi cây số.

Ở phía bắc và phía nam, những dãy núi cao dựng lên chơm chởm như thành quách bao bọc chung quanh các vùng thung lũng và cao nguyên Tây Tạng, làm cho dân tộc xứ này sống biệt lập hoàn toàn với thế giới bên ngoài.

Nhiều tu viện *Lạt-ma* giáo được dựng lên trên các triền núi. Trên những ngọn núi cao hơn có những đạo viện nhỏ nhô lên một cách nguy hiểm trên những sườn núi cheo leo bên bờ vực thẳm.

Về phía tây, hai ngọn núi sóng đôi của điện *Potala* và tu viện *Chakpori* nhô lên từ đằng xa. Giữa hai ngọn núi này, cánh cửa Tây môn chiếu sáng ngời trong ánh bình minh còn sương mờ lạnh lẽo. Màu đỏ sậm của nền trời càng nổi bật lên một cách dị thường, tương phản với màu tuyết trắng tinh bao phủ các dãy núi nhô lên ở phía chân trời.

Trên đầu chúng tôi, những đám mây trắng nhạt lướt nhẹ trong không gian. Nhìn về thành phố, gần đó là Tòa Thị sảnh quay lưng vào mặt bắc của ngôi đền. Sở Ngân khố nằm sát bên cạnh, cùng với những gian hàng, cửa tiệm và chợ búa mà người ta có thể mua sắm đủ mọi thứ lớn nhỏ, thượng vàng hạ cám. Cách đó không xa, về phía đông là một tu viện của nữ giới và vùng cư trú của giới âm công.[1]

Khách hành hương đã tấp nập trước cửa đền. Đây là một trong những thánh địa lớn của Phật giáo tại Tây Tạng. Chúng tôi nghe tiếng nói chuyện không ngớt và những tiếng động ồn ào của các tín đồ hành hương đến

[1] Âm công: những người sống chuyên nghề mai táng người chết.

từ những vùng xa xôi với những lễ vật mà họ mang theo dâng cúng với hy vọng được ơn trên ban cho ân huệ. Có người mang theo những con thú mua lại ở lò sát sinh với những số tiền nhỏ nhoi khiêm tốn của họ. Cứu sống một sinh vật, cho dù là thú vật hay con người, đều được xem là tạo nghiệp lành rất lớn.

Trong khi nhìn xem những quang cảnh quen thuộc truyền thống đó, chúng tôi nghe tiếng kinh kệ ngân nga của các nhà sư, có giọng trầm trầm của các vị sư già chen lẫn với giọng thanh nhẹ vút cao của những chú tiểu. Tiếng trống và tiếng kèn cũng trỗi dậy vang tai.

Những nhà sư bận rộn công việc, chạy tới lui lăng xăng không ngớt. Vài vị mặc áo màu vàng, những vị khác mặc màu tía, nhưng phần đông mặc áo tràng màu đỏ nhạt dành cho những nhà sư bình thường. Màu hoàng kim (vàng sáng) và màu đỏ sậm chỉ dành cho các nhà sư trong điện *Potala*. Những chú tiểu và các nhà sư bảo vệ mặc áo màu nâu sậm cũng qua lại lăng xăng. Hầu hết đều có một điểm chung: áo cà-sa của họ, dầu cũ hay mới, đều được chắp từ nhiều miếng nhỏ như của Đức Phật ngày xưa.

Những nhà sư có phận sự trong điện *Potala* khoác thêm một chiếc áo vàng ngắn không tay bên ngoài

áo dài. Màu hoàng kim là một màu linh thiêng ở Tây Tạng, không bao giờ phai, nên được xem là một màu tinh khiết, và cũng là màu sắc chính thức của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Những nhà sư hay các vị *Lạt-ma* cao cấp hầu cận bên ngài có quyền khoác thêm áo ngắn màu vàng bên ngoài áo của họ.

Từ trên nóc đền *Jo-kang* chúng tôi nhìn về phía điện *Potala* thì thấy có nhiều vị sư áo vàng đi qua lại. Chúng tôi ngước mắt nhìn lên thì thấy những ngọn cờ phất phới trước gió và những mái bầu của ngôi đền chiếu sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nền trời đỏ thắm trông tuyệt đẹp với những làn mây nhẹ và dài, trông như một bức tranh vẽ.

Chúng tôi đang ngắm cảnh đẹp với tâm trạng say sưa ngây ngất thì mẹ tôi đã làm gián đoạn giây phút huyền diệu đó:

- Thôi ta đi kẻo mất thời giờ. Phải về xem chừng kẻo bọn gia nhân làm hỏng việc cả.

Chúng tôi lên ngựa trở về nhà theo đường *Ling-khor*. Mỗi bước chân ngựa nện vang trên mặt đường lộ càng đưa tôi đến gần điều mà tôi gọi là một cuộc "*thử thách*", nhưng mẹ tôi thì coi như là ngày "*đại nhật*" của mình.

Về đến nhà, mẹ tôi xem qua tất cả mọi việc một lần cuối cùng, và chúng tôi ăn uống một bữa no bụng để chuẩn bị chờ đợi những gì sắp đến. Thật vậy, chúng tôi biết rằng trong những dịp như thế, quan khách được thết đãi ăn uống no say, còn những người nhà thì chỉ lo việc tiếp đãi mà thôi chứ hầu như không ăn uống gì được cả.

Tiếng nhạc trống vang rền báo hiệu các nhà sư nhạc công đã đến. Họ được đưa vào khu vườn phía sau nhà. Họ mang theo những kèn loa, kèn ống, trống, tù và, và đeo chập chõa trên cổ. Họ vừa bước vào khu vườn vừa trò chuyện huyên thiên và gọi rượu uống cho thấm giọng để lấy hứng. Những tiếng rít chát chúa và tiếng thổi điếc tai của kèn loa chiếm trọn mất khoảng nửa giờ, các nhà sư đang "*lên dây*" và thử lại những nhạc khí của họ.

Vị khách đầu tiên đã đến, với một đoàn tùy tùng cưỡi ngựa theo hầu và cầm những ngọn cờ hiệu bay phất phới trong gió, gây nên những tiếng động ồn ào ngoài sân. Những cổng sắt mở toang và các gia nhân nhà tôi đứng sắp hàng hai bên cửa ra vào để nghinh tiếp những người mới đến.

Vị quản gia cùng với hai người phụ tá đứng kèm hai bên, mỗi người cầm nơi tay hàng tá những khăn

quàng cổ bằng lụa mà người Tây Tạng dùng để dâng cho khách như một cách chào hỏi theo phong tục bản xứ.

Có tất cả tám loại khăn quàng để dâng cho các vị khách, tùy theo chức vụ hay cấp bậc cao thấp, phải biết dâng loại nào cho thích hợp kẻo mang tội bất kính. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* chỉ ban tặng và thu nhận những khăn quàng loại thượng hảo hạng gọi là *khata*.

Nghi thức dâng biếu khăn quàng như sau: Nếu người gia trưởng có cấp bậc ngang hàng với khách, thì ông ta sẽ đứng lùi lại phía sau và đưa hai tay thẳng tới trước. Người khách cũng làm giống như vậy. Kế đó, người gia trưởng vái chào và đặt cái khăn quàng lên hai cổ tay của khách. Người này cũng đáp lễ, rồi dang tay ra và cầm lấy cái khăn quàng trở qua trở lại nơi tay để tỏ ý chấp nhận món quà biếu, và sau đó đưa sang cho một người hầu cận.

Nếu người biếu khăn là người ở đẳng cấp rất thấp thì phải quì xuống, thè lưỡi ra chào. Nghi thức này tương đương với cử chỉ ngả nón chào của người phương Tây. Rồi ông ta đặt cái khăn quàng dưới chân khách. Kế đó, khách đáp lễ bằng cách đặt một cái khăn quàng riêng của mình quanh cổ người gia trưởng.

Ở Tây Tạng, mọi quà biếu đều có kèm theo một cái khăn quàng loại thích hợp, hoặc những thư khen tặng

hay văn bằng tưởng thưởng cũng vậy. Khăn quàng của chính phủ màu vàng, còn những khăn quàng khác màu trắng.

Nếu đức *Đạt-lai Lạt-ma* muốn ban một danh dự lớn lao cho một người nào, ngài đặt nơi cổ người ấy cái khăn quàng cột bằng một sợi chỉ tơ đỏ có ba vòng. Và nếu trong khi đó ngài đưa hai bàn tay ra, lòng bàn tay ngửa lên trời, thì đó là một danh dự rất đặc biệt! Thật vậy, người Tây Tạng tin chắc rằng quá khứ và tương lai đều có ghi trên những đường chỉ trong lòng bàn tay. Đức *Đạt-lai Lạt-ma*, bằng cách lật ngửa hai bàn tay của ngài, tỏ lòng ưu ái và thiện cảm sâu đậm nhất. Về sau, tôi được ngài ban cho cái danh dự đó hai lần.

Đây nói về người quản gia đứng đón khách trước cửa với hai người phụ tá hai bên. Y chào khách và nhận khăn quàng của khách rồi đưa sang cho người phụ tá đứng bên trái. Trong khi đó, người phụ tá đứng bên phải đưa cho ông ta một khăn quàng loại thích hợp, rồi ông đặt lên cổ tay hay quàng lên cổ người khách, tùy theo đẳng cấp xã hội. Tất cả những khăn quàng này đều được sử dụng lại nhiều lần.

Vị quản gia và hai người phụ tá càng lúc càng thêm bận rộn vì quan khách đến mỗi lúc một đông. Dầu cho họ đến từ những trang trại láng giềng, từ thành phố *Lhasa* hay từ những vùng ngoại ô, những đoàn kỵ mã

tùy tùng của họ luôn đến bằng con đường *Ling-khor*, rồi đi vào con đường nhỏ thuộc địa phận của gia tộc chúng tôi, nằm dưới bóng mát của điện *Potala*.

Những bà mệnh phụ phu nhân phải đi bằng ngựa trong nhiều giờ, dùng một cái mặt nạ bằng da để che mặt cho khỏi bẩn vì những ngọn gió lốc đầy cát bụi. Trên các mặt nạ ấy thường có phác họa những nét chân dung của chủ nhân. Khi đến nơi, các bà mới gỡ mặt nạ ra và đồng thời cởi luôn áo khoác ngoài bằng da bò *yak*. Những mặt nạ có vẽ chân dung ấy luôn làm tôi thích thú, vì các bà càng già và xấu thì những nét vẽ trên mặt nạ lại càng trẻ và đẹp!

Một sự hoạt động tấp nập diễn ra trong nhà tôi. Những gia nhân liên tục mang ra những tấm nệm cho khách ngồi. Ở Tây Tạng, người ta không ngồi trên ghế mà ngồi trên những tấm nệm độ một thước vuông và dày chừng hai mươi phân. Ban đêm, người ta ghép nhiều tấm nệm lại để làm chỗ ngủ, và chúng tôi thấy nằm hay ngồi trên nệm ấy thật thoải mái, dễ chịu hơn là ngồi trên ghế bành hay nằm trên giường.

Khi khách vừa đến, họ được mời dùng trà pha bơ, và kế đó được đưa vào phòng ăn. Tại đây, các loại thức ăn đã dọn sẵn và khách có thể ăn uống tùy thích trong khi chờ đợi cuộc tiếp tân thật sự bắt đầu.

Bốn mươi vị phu nhân thuộc những gia đình quyền quý đã đến cùng với quý bà tâm phúc của họ. Trong khi mẹ tôi đang tiếp đón một nhóm các bà mệnh phụ này, thì một nhóm các bà khác đi dạo khắp nơi trong nhà, ngắm nhìn bàn ghế và thưởng thức trị giá các đồ vật trang hoàng. Thật chẳng khác nào một cuộc "*xâm lăng*" vĩ đại, vì các bà khách có mặt ở khắp nơi, đủ các hình dáng, đủ các màu sắc, đủ mọi độ tuổi... Có vài bà xuất hiện ở những chỗ bất ngờ nhất và không chút do dự cất tiếng hỏi bọn gia nhân về trị giá của món đồ này hay món vật khác. Nói tóm lại, các bà xử sự như tất cả những người đàn bà khác trên thế giới. Âu đó cũng là một sự thường tình.

Chị *Yaso* của tôi đủng đỉnh trong một bộ lễ phục mới toanh và bới đầu theo kiểu mới nhất, hay ít ra là chị nghĩ như vậy. Tôi thì cho rằng kiểu tóc của chị thật lố lăng. Tôi vẫn luôn có óc chỉ trích những việc làm của nữ giới. Dầu sao, có điều chắc chắn là ngày hôm đó tôi thấy các bà có vẻ tự do "*xâm lăng*" một cách độc đáo.

Để làm cho cuộc tiếp tân sôi nổi hơn nữa, những cô gái "người mẫu" cũng có mặt trong hàng quan khách. Ở Tây Tạng, một vị phu nhân thuộc dòng sang cả phải có rất nhiều y phục sang trọng và đồ nữ trang quý giá. Những y phục này cần phải được "*triển lãm*" vào những dịp giao tế, nhưng vì người ta không thể làm như vậy

nếu không thay đổi y phục thường xuyên, nên có những cô gái được huấn luyện đặc biệt, gọi là "*chủng nữ*", có nhiệm vụ như các "người mẫu". Những cô "*chủng nữ*" này khoác vào những bộ y phục rồi mang đồ nữ trang của mẹ tôi, và vừa ngồi len lỏi trong đám quan khách vừa nhâm nhi hàng tá đếm không hết những chén trà pha bơ, trước khi đi thay bộ y phục khác và mang vào những đồ nữ trang khác. Lẫn lộn trong đám quan khách, các cô ấy cũng giúp đỡ mẹ tôi trong vai trò nữ chủ nhân. Trong một ngày, các cô "*chủng nữ*" đó có thể thay đổi y phục và nữ trang đến năm, sáu lần.

Các quý khách nam giới thì chú ý nhiều hơn đến những trò chơi tiêu khiển trong vườn. Người ta đã cho mời một đoàn xiếc đến để giúp vui. Ba người trong đoàn cầm dựng đứng một cây sào cao năm thước, trên chót hết có một người nữa chổng ngược đầu và giữ thăng bằng trên đỉnh cây sào. Khi đó, cây sào bị giật ra thình lình và người làm xiếc nhẹ mình rơi xuống đất trên hai chân như một con mèo.

Những trẻ con xem trò xiếc này bèn rủ nhau ra một chỗ vắng để bắt chước. Chúng tìm được một cây sào cao độ hai, ba thước và cầm dựng đứng lên. Một đứa gan lì nhất trèo lên. Nhưng khi cố chổng ngược đầu lên cây sào, nó mất thăng bằng và rơi xuống như một

tảng đá lên đầu những đứa khác. May thay, bọn chúng đều có những cái sọ khá cứng, nên ngoài vài cục u to bằng những quả trứng vịt ra thì cũng không đứa nào bị thương nặng.

Mẹ tôi cũng xuất hiện trong khu vườn. Bà hướng dẫn một nhóm các phu nhân muốn xem các trò biểu diễn và nghe nhạc. Điều này không khó, vì các nhà sư nhạc công đã có đủ thời gian để sưởi ấm lòng bằng những chầu rượu dồi dào thỏa thích.

Mẹ tôi ăn mặc một cách trang trọng đặc biệt, áo kỵ mã "*bolero*" ngắn màu vàng tím, trên một cái "*juýp*" bằng nỉ màu đỏ sậm dài đến gót chân. Đôi ủng rất cao bằng nỉ trắng tinh với gót đỏ thắm và những sợi dây ủng rất đẹp làm nổi bật màu y phục một cách rất mỹ thuật. Bên trong chiếc áo kỵ mã, mẹ tôi mặc một áo lót bằng lụa đỏ. Khoác ngoài là một cái khăn quàng bằng lụa thêu vắt ngang trước ngực từ vai bên mặt qua hông bên trái và cột lại ở bên hông với một cái khoen bằng vàng khối. Cái khăn quàng này thòng xuống đến tận lưng, có màu đỏ thắm ở phía trên dây lưng, và chuyển dần sang màu vàng nhạt cho đến vàng nghệ rất đậm.

Mẹ tôi đeo trên cổ ba gói bùa cột bằng một sợi dây vàng mà mẹ tôi không lúc nào rời. Ba gói bùa này là những món quà cưới của mẹ tôi, hai gói là quà tặng của

gia đình, và gói thứ ba, một danh dự đặc biệt, là quà tặng của đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Mẹ tôi cũng mang những đồ nữ trang rất quý giá, vì ở Tây Tạng, những đồ nữ trang của một vị phu nhân nhiều hay ít tùy theo đẳng cấp của họ trong xã hội. Bởi thế, người chồng phải tặng đồ vàng ngọc cho vợ mỗi khi được thăng quan tiến chức.

Phải mất nhiều ngày để sửa soạn đầu tóc của mẹ tôi, với tất cả 108 lọn tóc. Số 108 là con số linh thiêng, và những phụ nữ có nhiều tóc đủ để kết thành bấy nhiêu lọn sẽ rất được hâm mộ. Đầu tóc của mẹ tôi chia làm hai phần có một đường chẻ ở giữa, được kết lại bởi một cái mão bằng cây đặt trên đỉnh đầu như một cái nón. Mão này sơn màu đỏ thắm, có đính kim cương chiếu sáng lấp lánh và cẩn vàng, ngọc thạch. Mẹ tôi đeo một đôi hoa tai bằng san hô rất lớn và nặng đến nỗi để cho trái tai khỏi bị quá căng và có thể đứt ra, người phải giữ nó lại bằng một sợi chỉ đỏ quấn chung quanh vành tai, và đầu sợi chỉ thòng xuống gần đụng tới dây lưng.

Tôi ngắm nhìn mẹ tôi và phải nhận rằng mẹ tôi rất đẹp. Tuy nhiên, với đôi bông tai nặng như thế, mẹ tôi làm sao quay đầu lại phía sau?

Những quan khách đi bách bộ dạo chơi, vừa ngắm cảnh trong vườn vừa trầm trồ khen ngợi. Những vị khác

ngồi riêng từng nhóm để trao đổi những câu chuyện vặt. Nhất là các bà thì không để lỡ mất một phút nào mà không nói chuyện về những người láng giềng.

Nhưng thật sự, tất cả đều đợi chờ đến phần chính của buổi tiếp tân, kỳ dư các mục khác trong chương trình chỉ là một sự chuẩn bị tinh thần để đưa họ đến cái giây phút quan trọng khi các nhà chiêm tinh sẽ tiên tri về tương lai của tôi. Cuộc đời tôi sau này sẽ tùy thuộc nơi quyết định của họ.

Ngày đã sắp tàn, khi ánh tà dương kéo dài những bóng đen của vạn vật và cây cỏ trên mặt đất, quan khách đều tỏ ra uể oải đối với các trò giúp vui tiêu khiển. Bữa tiệc no say đã đưa họ vào một trạng thái thụ động. Những gia nhân mệt mỏi vẫn phải tiếp tục mang thêm thức ăn lên bàn khi những bát đĩa đã hết sạch, nhưng sau cùng thì mọi người đều ăn uống no đủ.

Những người làm trò xiếc giúp vui cũng bắt đầu mệt mỏi. Hết người nọ đến người kia, họ lần lượt rút lui vào nhà bếp nghỉ ngơi và gọi thêm một chầu rượu cuối cùng. Các nhạc công vẫn còn sắc diện tươi tắn, thổi kèn loa, đánh chập chõa và gõ trống một cách đầy hứng khởi.

Trên những tàn cây to, loài chim sợ hãi vì tiếng động ồn ào đã rời khỏi những tổ quen thuộc của chúng.

Không phải chỉ có chim là biết sợ sệt. Những con mèo cũng đã biến mất dạng và ẩn núp trong những chỗ kín đáo từ khi những quan khách đầu tiên cùng các đoàn tùy tùng rầm rộ đến nhà. Những con chó ngao đen lớn của nhà tôi cũng im hơi lặng tiếng, giấc ngủ như đã khớp miệng chúng. Chúng ăn uống no bụng đến mức không thể nào ăn thêm được nữa.

Trong vườn trời càng tối dần. Mùi hương thơm ngát xông lên từ những lư hương khói trầm nghi ngút. Khu vườn của cha tôi nổi tiếng khắp xứ Tây Tạng vì những kỳ hoa dị thảo và những hòn non bộ vĩ đại nhập cảng từ Trung Hoa. Có những cây lê, cây táo, cây mơ lùn thấp bên cạnh những cây cổ thụ cao lớn, trên tàn cây có cắm cờ bay phất phới trong ngọn gió nhẹ ban chiều.

Sau cùng, vầng hồng đã khuất dạng sau dãy Tuyết Sơn xa tít, một ngày đã chấm dứt. Từ những tu viện *Lạt-ma* vọng đến tiếng kèn điểm giờ khắc trôi qua; hàng trăm ngọn đèn bơ đã được thắp sáng khắp trên các cành cây, dưới những mái nhà, và có những ngọn đèn khác thả lướt nhẹ trên mặt nước êm đềm của ao sen trong vườn. Chỗ này, có ngọn đèn bị kẹt trong các lá sen chẳng khác nào chiếc tàu bị mắc cạn trên bãi cát, và chỗ kia vài ngọn đèn trôi lênh đênh phiêu dạt về cái cù lao nơi những con hạc sẽ trú ngụ lúc về đêm.

Một tiếng cồng vừa điểm, mọi người quay đầu nhìn lại, một cuộc diễu hành từ đằng xa đang tiến đến gần. Trong vườn đã dựng sẵn một cái lều rất lớn, có màn che trướng rũ. Cửa lều mở rộng, bên trong đặt một sàn gỗ và bốn cái đôn Tây Tạng làm chỗ ngồi. Đoàn người diễu hành bước đến trước lều, do bốn gia nhân nhà tôi cầm đuốc dẫn đường. Theo sau là bốn nhạc công thổi kèn loa bằng bạc. Kế đó, cha tôi, mẹ tôi, bước lên sàn gỗ cùng với hai vị trưởng lão, là những bậc giáo phẩm kiêm chức Thiên giám quan, đảm nhiệm việc tiên tri các điều họa phước của quốc gia.

Những vị trưởng lão này, xuất thân từ vùng *Nechung* và là những nhà chiêm tinh giỏi nhất Tây Tạng. Những lời tiên tri của các vị nhiều lần đã tỏ ra chính xác và đúng với các sự việc đã xảy ra về sau. Một tuần lễ trước đó, đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã mời các vị đến để đoán tương lai của ngài. Lần này thì lại là tương lai của một đứa trẻ lên bảy tuổi.

Hai vị ấy đã lấy lá số của tôi và nghiên cứu cặn kẽ từng ly từng tí trong nhiều ngày những ảnh hưởng của các vì tinh tú. Hai vị *lạt-ma* đem theo lá số chiêm tinh và những bản đoán số. Hai vị khác tiến đến và đỡ hai vị Thiên giám quan già bước lên sàn gỗ, trên đó hai vị này ngồi sát cạnh nhau như hai pho tượng bằng ngà. Những chiếc áo rộng bằng lụa Trung Hoa màu vàng lại càng làm nổi bật tuổi tác cao niên của họ.

Họ đội trên đầu chiếc mão lớn của các tu sĩ mà trọng lượng có vẻ quá nặng đối với những cái cổ nhăn nheo của họ. Các quan khách đều vây quanh sàn gỗ và ngồi trên những tấm nệm trải dưới đất. Những câu chuyện đều ngưng bặt, mọi người đều lắng tai nghe lời phán quyết của vị niên trưởng trong hai vị Thiên giám quan lão thành. Vị niên trưởng bắt đầu nói bằng một giọng nhẹ nhàng:

- *Lha dre mig cho-nang-chig*. (Quỷ thần và nhân gian cùng bị chi phối như nhau bởi những định luật huyền bí trong vũ trụ.)

Ý nói là người ta có thể tiên đoán việc tương lai dựa theo những định luật huyền bí.

Vị Thiên giám quan cao niên nói tiên tri suốt một giờ đồng hồ. Kế đó, người nghỉ ngơi trong mười phút, và lại nói thêm một giờ nữa. Khi đó, người tiếp tục vạch rõ tương lai của tôi bằng những nét phác họa đại cương.

- Lạ quá, thật là kỳ diệu!

Toàn thể cử tọa bất giác thốt lên trong khi họ đang đắm chìm trong một cơn thích thú mê ly. Như thế, người ta đã nói cho tôi biết trước tương lai của tôi:

- Sau một giai đoạn thử thách cam go gian khổ, khi đương sự lên bảy tuổi sẽ bước chân vào tu viện để được

thụ huấn như một tu sĩ kiêm y sĩ giải phẫu. Đương sự sẽ gặp nhiều nghịch cảnh gian lao, sẽ rời khỏi xứ sở và sống ở nước ngoài. Rồi đương sự sẽ mất hết tất cả, phải làm lại cuộc đời từ số không nhưng sau cùng sẽ thành công.

Cuộc tiên tri đã bế mạc, quan khách cũng giải tán dần dần. Những vị khách ở xa còn ở nán lại nhà tôi một đêm để sáng hôm sau mới lên đường. Một số khác trở về ngay đêm đó cùng với những gia nhân tùy tùng của họ, dưới ánh sáng của những ngọn đuốc. Họ tụ họp ngoài sân, giữa những tiếng ngựa khua móng sắt trên nền đá và tiếng người gọi nhau.

Một lần nữa, cái cổng sắt nặng nề lại mở toang để cho đoàn người ngựa đi qua. Tiếng chân ngựa khua vang và những giọng chuyện trò đã thưa dần, và sau cùng chỉ còn lại cái im lặng muôn thuở của màn đêm.

CHƯƠNG III

CHUẨN BỊ XUẤT GIA

Trong nhà tôi vẫn còn sự hoạt động nhộn nhịp ồn ào. Trà bơ được rót ra như suối chảy và thức ăn được dọn ra vào giờ chót để đãi những quan khách còn ở lại đêm nay. Tất cả các gian phòng trong nhà đều bị chiếm đóng, không còn phòng nào cho tôi. Tôi đi thẩn thơ, lòng buồn man mác. Để giết thời giờ, tôi vừa đi bách bộ vừa đá những viên sỏi và tất cả những gì nằm dưới chân tôi, nhưng điều đó cũng không đủ làm cho tôi khuây khỏa. Không ai chú ý đến tôi! Những quan khách đều đã mỏi mệt và hài lòng, còn những gia nhân thì mệt nhoài và bực bội. Tôi thầm nghĩ và cằn nhằn:

- Loài ngựa có lẽ còn dễ thông cảm hơn. Mình sẽ ngủ chung với ngựa đêm nay.

Những chuồng ngựa đều ấm áp, nằm trên đống rơm rạ cũng thấy êm lưng, nhưng giấc ngủ khó đến. Mỗi khi tôi chợp mắt thiếp đi thì một con ngựa lại thúc đẩy tôi, hoặc tôi bị đánh thức một cách đột ngột bởi

một tiếng động từ trong nhà. Dần dần, vạn vật đều đắm chìm trong im lặng. Tôi ngồi nhổm dậy nhìn ra ngoài thì thấy đèn lửa đang tắt dần. Trong giây lát, chỉ còn lại ánh trăng lạnh lùng phản chiếu sáng ngời trên những ngọn núi xa xa đầy tuyết phủ.

Những con ngựa đã ngủ, có con ngủ đứng, có con nằm nghiêng một bên. Sau cùng tôi cũng ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức một cách phũ phàng khi có tiếng người nói:

- Dậy đi Lâm Bá. Tôi còn phải thắng yên ngựa mà cậu nằm đó choán hết chỗ.

Thế là tôi phải đứng dậy đi vào nhà để kiếm chút thức ăn lót dạ. Trong nhà đang rất náo động ồn ào. Các quan khách sửa soạn ra về và mẹ tôi chạy từ nhóm này sang nhóm khác để tiễn khách. Cha tôi thì bàn về việc sửa nhà và vườn cho đẹp hơn. Người nói với một ông bạn già về ý định sẽ nhập kiếng từ Ấn Độ để làm cửa sổ.

Ở Tây Tạng không có kiếng, vì người ta không chế tạo kiếng trong nước, nhập kiếng từ Ấn Độ thì rất tốn kém. Cửa sổ nhà ở Tây Tạng có những khuôn gỗ, trên đó căng một thứ giấy sáp sáng đục nhưng không trong suốt. Những cánh cửa sổ bằng gỗ nặng được gắn ở ngoài, không phải để phòng kẻ gian, mà để chống lại

những cơn bão cát. Bão cát đôi khi cuộn theo cả những viên sỏi nhỏ, có thể làm gãy nát những cửa sổ trơn không được bảo vệ. Bão cát cũng có thể cắt da thịt trên mặt và trên bàn tay với những vết rất sâu. Bởi vậy, thật rất nguy hiểm khi phải đi lại trong những mùa gió lớn.

Dân chúng ở thủ đô *Lhasa* luôn phải để ý xem chừng ngọn núi của điện *Potala*. Nếu thình lình nó biến mất dưới một đám sương mù đen kịt, mọi người phải lo kiếm chỗ ẩn núp an toàn để tránh bão. Nhưng không phải chỉ có loài người mới báo động, mà loài vật cũng biết trước khi sắp có bão. Chó, ngựa thường đi trước người để kiếm chỗ ẩn núp. Loài mèo không bao giờ bị bão làm hại, và bò *yak* không có gì phải sợ.

Sau khi người khách cuối cùng đã rời nhà, cha tôi cho gọi tôi và nói:

- Con hãy đi chợ mua sắm mọi thứ cần dùng. Ông *Tzu* biết con phải sắm những gì.

Tôi nghĩ đến những đồ dùng cần thiết. Một cái chén đựng *tsampa* bằng gỗ, một cái đĩa bạc và một xâu chuỗi gồm 108 hạt bằng gỗ. Số 108 là một con số linh thiêng, nó cũng chỉ số lượng những điều giới luật mà một vị sư cần phải nhớ.

Chúng tôi lên đường ra chợ, ông *Tzu* cưỡi ngựa còn tôi cưỡi lừa. Sau khi qua nhiều khúc đường quanh co, chúng tôi đã đến khu chợ buôn bán tấp nập. Tôi nhìn quanh dường như đó là chuyến đi đầu tiên; nhưng trong thâm tâm tôi e rằng đó sẽ là chuyến đi cuối cùng!

Những tay thương buôn vừa đến *Lhasa*, tràn vào các cửa tiệm và tranh luận sôi nổi để định giá hàng. Có người mang trà từ Trung Hoa sang, những người khác mang tơ lụa đến từ Ấn Độ. Chúng tôi đi xuyên qua đám rừng người, đến những cửa tiệm có các đồ vật tôi cần dùng. Thỉnh thoảng ông *Tzu* trao đổi lời chào hỏi với một người bạn già quen biết từ hồi niên thiếu.

Tôi cần mua một áo tràng màu đỏ sậm, cỡ lớn, không phải chỉ vì lý do tôi sẽ lớn thêm, mà cũng vì một lý do khác rất thực tế. Ở xứ này, những người lớn mặc áo rất rộng và nịt sát lưng. Phần trên chiếc áo có thể dùng như một cái túi để đựng mọi thứ cần dùng. Một nhà sư "trung bình" chẳng hạn, đem theo trong "*cái túi*" đó một chén ăn *tsampa*, một cái đĩa, một con dao, vài thứ bùa phép, một bao mạch nha đã sấy và thường là một ít *tsampa*. Đó là tất cả, vì một nhà sư luôn mang theo bên mình những gì ông ta sở hữu trên thế gian này.

Ông *Tzu* kiểm soát việc sắm sửa của tôi. Tôi chỉ được phép mua những gì tối cần thiết. Tất cả đều là

hạng rất xoàng, tương xứng với một "chú tiểu nghèo", như một đôi dép bằng da bò *yak*, một cái bọc da nhỏ để đựng mạch nha sấy, một cái chén bằng gỗ, một cái đĩa cũng bằng gỗ (chứ không phải bằng bạc!) và một con dao. Thêm vào đó là một xâu chuỗi hạng thường mà tôi phải tự mình đánh bóng tất cả 108 hạt.

Đó là tất cả những gì tôi được phép mua sắm. Cha tôi là một nhà quý tộc tỷ phú, có những tài sản lớn ở khắp nơi trong xứ, nhiều đồ châu báu quý giá và rất nhiều vàng. Còn tôi, trong thời gian tập sự làm một tu sĩ, và ngày nào cha tôi còn sống, tôi phải làm một chú tiểu nghèo mà thôi.

Tôi nhìn lại một lần cuối con đường và dãy nhà hai tầng lầu ở hai bên. Tôi cũng nhìn cả những tiệm bán hàng hóa treo lủng lẳng những khúc vi cá mập và những yên ngựa ở trước cửa. Một lần nữa, tôi lắng tai nghe những lời nói đùa của những người lái buôn và những câu trả giá vui vẻ của khách hàng. Tôi chưa từng thấy con đường này có vẻ ấm cúng, dễ chịu như thế bao giờ. Tôi ước ao có được số phận của những người nhìn thấy nó hằng ngày và sẽ tiếp tục sống hằng ngày tại đây.

Những con chó hoang đi rong khắp chốn, đưa mũi đánh hơi vật nọ vật kia, và cất tiếng sủa vang; những

con ngựa đợi chủ ra lệnh cất vó, thỉnh thoảng lại hí lên một tràng dài. Những con bò *yak* vừa thốt ra những tiếng kêu khàn khàn, vừa len lỏi giữa đám bộ hành. Có bao nhiêu sự bí ẩn đằng sau những cửa sổ bọc giấy sáp kia! Có biết bao nhiêu những hàng hóa lạ lùng đến từ bốn phương trời đã được chở xuyên qua những cánh cửa gỗ chắc nịch kia, và có bao nhiêu giai thoại kỳ thú mà những cánh cửa sổ mở kia có thể thuật cho ta nghe nếu chúng biết nói.

Tôi nhìn tất cả những vật ấy dường như là những vật đã quen thuộc từ lâu. Tôi không hề nghĩ rằng có ngày tôi sẽ tái ngộ những cảnh vật trên các đường phố này, dầu rằng chỉ thỉnh thoảng một đôi lần. Tôi nghĩ đến những gì tôi muốn làm, những gì tôi muốn mua.

Sự mơ mộng của tôi bỗng nhiên bị gián đoạn một cách phũ phàng. Một bàn tay vừa to lớn vừa hăm dọa hạ xuống trước mặt tôi, kéo vành tai tôi và vặn xoay nó một vòng đau kinh khủng. Ông *Tzu* quát to, dường như muốn cho cả thế giới đều nghe:

- Lâm Bá, mày đã biến thành pho tượng đá rồi chăng? Ta tự hỏi không biết những thiếu niên đời nay nuôi gì trong đầu óc chúng. Vào thời của ta không hề có như vậy.

Ông *Tzu* có vẻ không quan tâm đến việc tôi sẽ đứt một vành tai nếu cứ đứng yên một chỗ, hay tôi muốn giữ nó lại bằng cách đi theo ông. Tôi có thể làm gì được ngoài ra việc “*tranh thủ thời gian*”?

Trên đường về, ông *Tzu* vừa cưỡi ngựa đi trước vừa cằn nhằn và chỉ trích “cái thế hệ hiện nay, gồm toàn những bọn vô ích, lười biếng, bất trị và luôn luôn mơ tưởng chuyện trên mây”.

Vừa đến đường lộ *Ling-khor*, chúng tôi gặp một cơn gió mạnh. Tôi bèn nép mình vào phía sau cái thớt lưng khổng lồ của ông *Tzu* để tránh.

Khi tôi về đến nhà, mẹ tôi liếc mắt nhìn qua những đồ vật dụng mà tôi đã mua. Tôi lấy làm thất vọng khi mẹ tôi cho rằng những vật ấy cũng khá tốt đối với tôi. Tôi vẫn hy vọng rằng mẹ tôi sẽ quở trách ông *Tzu*, và sẽ cho phép tôi mua những đồ tốt hơn. Một lần nữa, những hy vọng của tôi về cái đĩa bằng bạc lại tiêu tan như mây khói, và tôi phải chấp nhận cái đĩa bằng gỗ mua ở một tiệm tạp hóa tại *Lhasa*.

Trong tuần lễ cuối cùng, người ta không để tôi sống yên lặng một mình. Mẹ tôi buộc tôi phải đi theo người để viếng thăm các gia đình quý tộc ở *Lhasa* và để chào từ giã, trước khi tôi lên đường xuất gia, bước vào tu viện.

Mẹ tôi rất thích những dịp xuất hành như thế, những cuộc viếng thăm xã giao và nói chuyện hàn huyên là một phần trong chương trình hằng ngày của bà. Tôi thì cảm thấy chán ngấy. Đối với tôi, những cuộc viếng thăm đó là cực hình, vì tôi không có năng khiếu để hòa mình một cách vui vẻ với mọi người. Tôi chỉ muốn được chơi đùa thỏa thích ngoài trời trong những ngày còn lại; thả diều, nhảy sào hay bắn cung. Nhưng thay vì được tự do tiêu khiển, tôi bị lôi đi khắp nơi như một con bò *yak* trúng giải hạng nhất, và trình diện với những bà nhạt nhẽo vô duyên, không có việc gì làm khác hơn là ngồi suốt ngày trên nệm nhung êm ấm và sai bảo kẻ tôi tớ.

Không phải chỉ có mẹ tôi mới làm tôi bực mình. Tôi còn phải đi theo cha tôi đến tu viện *Lạt-ma* giáo *Drebung*. Đây là tu viện lớn nhất thế giới, với tất cả mười nghìn vị sư, với những ngôi đền cao vút và nhà cửa dinh thự xây bằng đá.

Thật ra đó là một cộng đồng tu viện, hay một thành phố có tường rào chung quanh. Và cũng như mọi thành phố, nó có thể sống tự túc. *Drebung* có nghĩa là "núi gạo", và thật vậy, nhìn từ xa nó có hình dạng giống như một đống gạo chất lên thành núi, với những đài cao và mái bầu chiếu rạng ngời dưới ánh nắng.

Nhưng tôi không còn lòng dạ nào để thưởng thức cái đẹp của những công trình kiến trúc thẩm mỹ. Tôi cảm thấy se lòng khi phải lãng phí thời gian rất quý báu đối với tôi. Cha tôi có việc cần bàn luận với vị Sư trưởng và các vị phụ tá, nên tôi chỉ có thể đi thất thểu trong tu viện, như một vật vô chủ trôi giạt lênh đênh sau cơn bão tố. Khi tôi thấy cách cư xử của người lớn đối với trẻ con, tôi sợ hãi đến rùng mình.

Drebung thật ra là bảy tu viện sáp nhập làm một, gồm có bảy dòng tu và bảy điện thờ khác nhau. Như vậy thật quá đồ sộ nên không thể đặt dưới sự điều khiển của một người. Bởi vậy, có đến mười bốn vị Sư trưởng, tất cả đều chủ trương một kỷ luật sắt, cùng đảm nhiệm công việc cai quản tu viện này.

Khi cuộc viếng thăm kết thúc, tôi cảm thấy rất sung sướng. Nhưng tôi còn hài lòng hơn khi được biết rằng tôi sẽ không được gửi vào tu viện *Drebung* hay tu viện *Sera*, độ năm cây số về phía bắc thủ đô *Lhasa*.

Tuần lễ cuối cùng đã chấm dứt. Người ta tịch thu những con diều của tôi để làm quà cho những trẻ khác. Những cung tên của tôi bị bẻ gẫy để làm cho tôi hiểu rằng tôi không còn là một đứa trẻ con, và bởi vậy không cần đến những món đồ chơi đó nữa. Tôi có cảm tưởng rằng quả tim tôi cũng vỡ nát, nhưng dường như không ai chú ý đến điều ấy.

Đêm hôm đó, cha tôi gọi tôi vào phòng giấy của người. Đó là một gian phòng trang trí rất mỹ thuật, có bày những pho sách cổ rất quý giá. Cha tôi ngồi gần bên bàn thờ tổ tiên và ra lệnh cho tôi quì trước mặt người để bắt đầu nghi lễ đọc quyển gia phả của dòng họ nhà tôi.

Lịch sử gia đình tôi từ nhiều thế kỷ về trước được ghi chép trong quyển sách khổng lồ đó, bề dài đến một thước rưỡi và bề ngang ba tấc. Trong ấy có ghi tên họ các vị tổ tiên sáng lập của dòng họ nhà tôi, cùng những công lao mà nhờ đó mà các vị được ban quyền tước quý hiển. Trong đó cũng có ghi chép những công trạng mà gia đình tôi đã lập nên trong việc phục vụ xứ sở và phụng sự vị chúa tể của đất nước tôi, là đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Đó là lần thứ nhì mà quyển gia phả được lật ra cho tôi, vì tôi thấy ngày sanh tháng đẻ của tôi đã có ghi chép trong đó. Các nhà chiêm tinh đã căn cứ vào những chi tiết đó để lập nên lá số tử vi và phán quyết những lời tiên tri về tương lai của tôi. Tôi phải tự mình ký tên vào quyển gia phả, vì ngày hôm sau sẽ là ngày bắt đầu một cuộc đời mới, khi tôi bước chân vào tu viện.

Kế đó, quyển sách được xếp lại và để vào chỗ cũ. Quyển sách ấy rất nặng. Cha tôi hơi lảo đảo dưới trọng

lượng của nó khi người đứng dậy để đặt nó vào một cái hộp có thếp vàng. Người kính cẩn đặt cái hộp dưới bàn thờ, trong một ô vuông xây bằng đá rất sâu. Kế đó, người nấu sáp trong một cái soong nhỏ bằng bạc, trải sáp mỏng trên nắp ô và đóng triện của người lên đó để niêm phong lại.

Rồi cha tôi ngồi nghiêm chỉnh lên tấm nệm ở giữa phòng. Người gõ một tiếng vào cái chuông nhỏ đặt gần bên, và một gia nhân mang vào một khay trà pha với bơ. Sau một lúc im lặng, cha tôi mới kể cho tôi nghe về bí sử của xứ Tây Tạng, một chuyện lịch sử cổ xưa đến bao nhiêu nghìn năm và thậm chí đã từng được xem như cổ sử từ thời đại hồng thủy.

Cha tôi thuật cho tôi nghe về thời kỳ xứ Tây Tạng chỉ là một vùng biển cả muôn trùng. Điều này đã được chứng thực bởi những cuộc đào xới khảo cổ dưới lòng đất. Người nói rằng, cho đến ngày nay, khi người ta đào đất ở những vùng chung quanh thủ đô *Lhasa*, họ có thể tìm thấy những bộ xương cá và những loại vỏ sò, vỏ ốc rất dị kỳ, cùng những khí cụ lạ lùng làm bằng kim khí mà không ai biết được công dụng. Các nhà sư thường tìm thấy những khí cụ đó khi họ thám hiểm những hang động trong vùng, và họ đem đến cho cha tôi. Cha tôi đưa cho tôi xem vài món khí cụ đó. Rồi người nói sang chuyện khác:

- Theo như luật định, con nhà quý tộc phải được nuôi dưỡng trong sự khắc khổ, còn con nhà nghèo sẽ được hưởng mọi sự dễ dãi, khoan dung. Trước khi được nhận vào tu viện, con còn phải trải qua một cuộc thử thách rất gian lao.

Cha tôi cho biết rằng tôi cần phải tỏ ra tuyệt đối dễ dạy và nhắm mắt tuân theo mọi lệnh trên sai khiến. Những lời cuối cùng của cha tôi không làm cho tôi được yên lòng. Người nói:

- Này con, chắc con sẽ nghĩ rằng cha là người nghiêm khắc và khô khan, lạnh lùng. Cha chỉ nghĩ đến danh dự của dòng họ nhà ta. Cha nói thật cho con biết là nếu con không được thâu nhận vào tu viện thì đừng trở về nhà. Khi đó con sẽ bị đối xử như một người xa lạ trong nhà này.

Nói đến đó, cha tôi ra hiệu cho tôi lui ra mà không nói thêm một lời nào.

Lúc ban chiều tôi đã từ giã *Yaso*, chị tôi. Chị tôi rất xúc động vì chúng tôi đã chơi chung với nhau từ thuở nhỏ. Nay chị đã lên chín, lớn hơn tôi hai tuổi.

Tôi không sao gặp được mẹ tôi. Mẹ tôi đã đi ngủ sớm và tôi không thể từ giã mẹ trước khi lên đường. Tôi bèn lui về phòng riêng một mình để nghỉ một đêm cuối cùng.

Tôi nằm dài trên những chiếc nệm trải dưới đất nhưng không sao ngủ được. Trí óc tôi nghĩ liên miên đến những điều cha tôi vừa nói lúc ban chiều. Tôi nghĩ đến tính nghiêm khắc độc đoán của cha tôi, và tôi hồi hộp nghĩ đến đêm hôm sau, khi mà lần đầu tiên tôi phải ngủ xa nhà.

Ngoài thềm nhà, vầng trăng vẫn tiếp tục soi bóng. Một con chim ăn đêm vừa nhảy vừa đập cánh trên khung cửa sổ. Sau cùng, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Khi trời chưa sáng, một người gia bộc đã đánh thức tôi dậy với một chén *tsampa* và chén trà bơ. Ông *Tzu* thình lình bước vào phòng khi tôi đang ăn bữa điểm tâm thanh đạm đó và nói:

- Này con, đây là giờ phút chúng ta phải ly biệt nhau. Ta sẽ có thể trở lại coi sóc bầy ngựa như trước. Con hãy gắng làm tròn bổn phận, và hãy nhớ tất cả những gì mà ta đã dạy con.

Nói đến đây, ông ta quay gót lui ra. Thái độ ấy biểu lộ rất nhiều tình cảm, tuy rằng hồi ấy tôi không được vừa ý lắm. Những lời từ giã đầy cảm xúc có lẽ đã làm cho sự lên đường của tôi trở nên khó khăn hơn nhiều. Đó lại là một chuyến đi xa đầu tiên mà tôi nghĩ là không hẹn ngày trở lại.

Nếu lúc ấy mẹ tôi thức dậy để nói với tôi mấy lời từ giã thì chắc chắn là tôi đã cố gắng thuyết phục mẹ tôi hãy giữ tôi ở lại bên người. Nhiều đứa trẻ Tây Tạng được sống một cuộc đời rất dịu dàng êm ái, còn tôi phải sống một đời khắc khổ về đủ mọi phương diện. Về sau tôi mới biết rằng sở dĩ mẹ tôi không từ giã tôi vào giờ phút chót là do lệnh của cha tôi, để tôi tập lấy tánh cương nghị và có kỷ luật trong những năm đầu tiên.

Tôi ăn điểm tâm xong bèn dồn cả chén và đĩa vào trong áo rộng, và lấy thêm một cái áo tràng để thay đổi. Tôi dùng cái áo này để làm một cái bọc, trong đó tôi gói một đôi ủng lót bằng nỉ.

Tôi vừa bước ra khỏi phòng thì một gia nhân dặn tôi nên đi nhẹ bước để không làm mất giấc ngủ của người trong nhà. Tôi bước ra hành lang. Khi tôi bước xuống các bậc tam cấp để đi ra đường lộ thì bóng tối hãy còn dày đặc trước khi ánh bình minh xuất hiện để mở đầu một ngày mới. Tôi bước ra khỏi nhà trong tình trạng đó. Tôi đi lủi thủi một mình, băn khoăn lo ngại và lòng dạ se thắt.

CHƯƠNG IV

TRƯỚC THỀM CHÍNH ĐIỆN

Tôi noi theo con đường đưa đến tu viện *Chakpori*. Tu viện này vừa là một đạo viện, vừa là một trường y khoa có tiếng là kỷ luật rất gắt gao. Tôi đi bộ vượt qua mấy cây số đường trường dưới ánh sáng bình minh càng lúc càng tỏ rạng.

Đến ngoài cổng lớn đưa vào sân mặt tiền của tu viện, tôi gặp hai đứa trẻ khác cũng như tôi, đến để xin được thu nhận. Chúng tôi nhìn nhau một cách dè dặt, nhưng không ai nói với ai lời nào. Tôi định bụng là hãy tỏ ra lịch sự với nhau nếu chúng tôi sẽ cùng thụ huấn trong một tu viện. Chúng tôi gõ cửa một cách e dè trong một lúc, nhưng không thấy ai trả lời.

Một bạn đồng cảnh ngộ của tôi lúc ấy cúi xuống lượm một viên đá lớn đập vào cửa để làm cho người ta chú ý. Một vị sư xuất hiện, tay quơ một cây gậy làm chúng tôi sợ sệt đến nỗi tưởng chừng như cây gậy to lớn hơn bội phần. Vị sư cất tiếng hỏi:

- Chúng bay muốn gì, lũ tiểu quỉ? Chúng bay tưởng rằng ta không còn việc gì làm khác hơn là mở cửa cho lũ tiểu yêu như tụi bây sao?

Tôi đáp:

- Chúng tôi muốn trở thành tu sĩ.

- A! Tu sĩ? Tụi bay giống một lũ khỉ thì đúng hơn. Hãy đứng đợi tại đây. Vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ sẽ tiếp chúng bay khi nào người có thời giờ.

Cánh cửa lớn đóng sầm lại rất mạnh, và một bạn nhỏ vô ý đứng gần bên suýt nữa đã bị té ngửa.

Chúng tôi ngồi xuống đất vì đứng lâu đã mỏi chân. Lác đác có người vào tu viện. Mùi thức ăn xào nấu ngon lành từ nhà bếp bay lọt ra ngoài cửa sổ và phảng phất trong không khí, làm cho tôi cảm thấy như đang chịu cực hình vì cơn đói mỗi lúc một gia tăng. Ôi! Thức ăn ngon lành ấy tuy ở gần kề một bên, nhưng đồng thời lại xa cách chúng tôi xiết bao!

Sau cùng, cánh cửa lớn cũng mở rộng, một vị sư vóc cao và gầy ốm xuất hiện. Ông ta quát to:

- Lũ tiểu yêu, chúng bây muốn gì đây hả?

- Chúng tôi muốn trở thành tu sĩ.

Ông ta nói lớn:

- Lạy trời, đời nay sao có chuyện lạ vậy?

Người tu sĩ ra hiệu cho chúng tôi bước vào bên trong bức tường rào của tu viện. Người ấy hỏi chúng tôi làm gì, là con nhà ai, và thậm chí tại sao chúng tôi lại sinh ra đời để làm gì! Thật không khó để hiểu rằng chúng tôi không tạo ra được nơi người ấy một ấn tượng tốt lành nào cả!

Ông ta nói với người bạn nhỏ đầu tiên, tự xưng là con của một người du mục:

- Vào đây mau lên. Nếu mày vượt qua được những cuộc thử thách, mày sẽ được thu nhận.

Kế đó, ông ta nói với một bạn nhỏ khác:

- Còn thằng kia? Sao, mày nói gì?... Cha mày làm nghề đồ tể hả? A! Đó là người bán thịt, một người phạm giới sát sinh, không tuân theo giới luật của Phật. Vậy mà mày còn dám tới đây? Cút đi mau, kẻo tao lại cho mày ăn gậy bây giờ!

Nói xong ông ta nhảy tới chộp lấy thằng bé. Thấy nguy, cậu bé quên cả mọi sự mệt nhọc và cố gắng lấy lại tinh thần, rồi nhanh như chớp, nó quày đầu phóng ra đường lộ và chạy một mạch vắt giò lên cổ, làm cho con đường dậy lên từng đám bụi nhỏ.

Chỉ còn lại một mình tôi. Người tu sĩ quay lại nhìn tôi với cặp mắt hung tợn và tôi cảm thấy sợ sệt đến nỗi suýt nữa đã ngất xỉu ngay tại chỗ! Ông ta bèn hươi gậy một cách hăm dọa và quát lớn:

- Còn thằng nhỏ này! Mày là ai?... A ha! Con một vị hoàng thân quốc thích mà muốn trở thành tu sĩ. Nhưng trước hết, mày phải chứng minh giá trị của mày tới đâu, và có được những gì trong bụng. Đây không phải là chỗ dành cho con nhà quý tộc yếu hèn, nhu nhược. Mày hãy lùi lại bốn chục bước và ngồi yên một chỗ theo tư thế ngồi thiền cho đến khi có lệnh mới. Cấm không được cựa quậy, dù chỉ một sợi lông nheo!

Nói xong, ông ta quay gót đi ngay. Tôi lặng lẽ thu nhặt khăn gói và lùi lại đúng bốn chục bước. Tôi ngồi xuống trong tư thế kiết-già theo như lời dặn. Tôi cố ngồi yên như thế suốt ngày không cựa quậy. Những cơn gió lốc hất vào mình tôi bụi bặm của đường sá. Dần dần, cát bụi bám vào người tôi, đọng thành từng đống nhỏ trên hai lòng bàn tay lật ngửa của tôi, trên vai tôi và len lỏi vào tóc tai.

Khi ánh nắng mặt trời càng lúc càng yếu dần, tôi càng cảm thấy đói khát hơn. Một cơn khát như cực hình làm khô cả cuống họng tôi, vì từ lúc sáng sớm đến giờ tôi chưa ăn uống gì cả.

Những nhà sư trong tu viện rất đông, họ đi qua lại không ngớt, nhưng không ai để ý đến tôi. Vài con chó hoang thỉnh thoảng ngừng lại, đưa mỏ vào mình tôi để đánh hơi một cách tò mò, rồi lại bỏ đi. Một đám trẻ nhỏ đi ngang qua. Một đứa trong bọn không có việc gì làm, chắc hẳn là ngứa tay, bèn ném vào mình tôi một viên sỏi trúng nơi màng tang, máu chảy ròng ròng. Nhưng tôi vẫn không cựa quậy. Tôi đã quá sợ hãi. Nếu tôi thất bại trong cuộc thử thách này, cha tôi sẽ không cho tôi trở về nhà và tôi sẽ không biết phải đi đâu. Tôi không còn có thể làm gì hơn là cố gắng ngồi yên, âm thầm chịu khổ sở với các bắp thịt đau đớn như rần và những khớp xương tê cứng.

Mặt trời đã khuất dạng sau những dãy núi, và đêm tối đã đến. Các vì tinh tú chói lập lòe trên nền trời u ám. Hàng nghìn ngọn đèn nhỏ thắp bằng bơ chiếu sáng ở các cửa sổ của tu viện. Một ngọn gió lạnh như băng đã dậy lên vì tôi nghe tiếng gió rít lạnh lùng và tiếng lá xào xạc trên những cành liễu, cùng với những tiếng động làm thành một khúc nhạc lạ lùng bí hiểm của ban đêm.

Dù có việc gì xảy ra, tôi vẫn phải ngồi yên bất động, vì hai lý do chính. Một là vì tôi quá sợ hãi, và hai là vì tứ chi của tôi đã quá tê cứng, không thể cử động được nữa.

Khi đó, tôi nghe có tiếng dép đi trên đất cát và tôi nhận ra đó là những bước chân của một ông lão đang lần mò tìm đường đi trong bóng tối. Một bóng đen xuất hiện trước mặt tôi, đó là một vị sư già đã còng lưng và mệt mỏi sau bao nhiêu năm khổ hạnh. Những bàn tay của người đã run rẩy nên tôi không lấy làm ngạc nhiên khi tôi thấy ông ta làm đổ nghiêng chén trà cầm nơi tay. Trong bàn tay kia, ông ta cầm một bát *tsampa*, và đưa cho tôi cả hai thứ. Tôi vẫn ngồi yên không cử động. Ông ta nói:

- Này con, hãy cầm lấy, vì con có quyền cử động trong những giờ ban đêm.

Tôi bèn uống chén trà, và sớt món *tsampa* vào cái chén riêng của tôi. Ông lão lại nói:

- Bây giờ con hãy ngủ đi, nhưng khi trời hừng sáng, con hãy ngồi lại trong tư thế cũ, vì đây là một cuộc thử thách chứ không phải một hình phạt vô ích như con có thể tưởng trong lúc này. Chỉ những ai vượt qua cuộc thử thách này mới có thể được thu nhận vào dòng tu của chúng ta.

Nói xong, ông lão cầm lấy chén bát và đi thẳng. Tôi bèn đứng dậy, vươn vai, duỗi thẳng tay chân, rồi nằm xuống nghỉ lưng. Tôi vừa nằm nghiêng một bên vừa ăn chén *tsampa*. Quả thật là tôi đã quá kiệt sức. Sau khi ăn no, tôi kê cái gói áo để gối đầu và nằm luôn dưới đất.

Bảy năm đầu tiên của cuộc đời tôi trên thế gian này thật không được sung sướng chút nào. Cha tôi luôn luôn tỏ ra nghiêm khắc trong mọi việc, nghiêm khắc một cách kinh khủng. Tuy vậy, đây là lần đầu tiên tôi ngủ xa nhà và suốt ngày hôm đó tôi không hề sửa đổi tư thế, hoàn toàn ngồi yên bất động và thể xác bị giày vò vì cơn đói khát. Tôi không biết ngày mai sẽ đưa đến cho tôi cái số phận như thế nào, và người ta sẽ bắt tôi phải chịu đựng những điều gì nữa. Nhưng bây giờ tôi phải ngủ, ngủ dưới màn trời lạnh lẽo, cô đơn, một mình với sự sợ hãi bóng tối, một mình với sự sợ hãi những ngày sắp tới.

Dường như tôi chỉ nhắm mắt được không bao lâu thì đã thức giấc vì tiếng kèn thổi vang tai. Tôi vừa mở mắt thì đã thấy ánh bình minh phản chiếu trên nền trời đằng sau những dãy núi. Tôi hối hả thức dậy và liền trở lại với tư thế ngồi thiền.

Trước mặt tôi, cả tu viện đều đã dần dần thức giấc. Lúc đầu nó giống như một thành phố đang đắm chìm trong giấc ngủ. Kế đó, những tiếng động nhẹ đầu tiên mỗi lúc một lớn dần và rồi cả tu viện trở thành ồn ào náo nhiệt như cái tổ ong vò vẻ trong một ngày mùa hạ.

Khi mặt trời vừa ló dạng, những tốp nhà sư đầu cạo sạch bóng đi qua lại trong các cửa sổ của tu viện. Mặt trời càng lên cao, tôi càng cảm thấy tê buốt các khớp

xương, nhưng tôi không dám cử động; tôi không dám ngủ thêm, vì chỉ một cử động là tôi đã thất bại, và sau đó tôi biết đi đâu? Cha tôi đã nói rõ ràng là nếu tu viện không bằng lòng thu nhận tôi thì cha tôi cũng sẽ không cho tôi trở về.

Từng nhóm nhỏ các nhà sư bước ra khỏi những căn phòng của tu viện để đi làm công việc hằng ngày. Vài thiếu niên đi rảo ngoài sân; đôi khi chúng lấy chân đá một cái, hất văng cát bụi bay mù mịt và những viên sỏi nhỏ về phía tôi ngồi, hoặc chúng đua nhau thốt ra những lời thô bỉ, tục tằn, cố ý nhắm vào tôi làm mục tiêu. Thấy tôi không đáp lại, chúng liền chán nản bỏ đi tìm những nạn nhân khác dễ chọc ghẹo hơn.

Một ngày nữa rồi cũng qua đi; dần dần mặt trời lại ngả về tây và những ngọn đèn bơ của tu viện lại được thắp sáng. Trong giây lát, tôi đã ngồi dưới ánh sao, vì đó là ngày về cuối tháng, trăng lên muộn.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy lo sợ. Hay là người ta đã quên tôi rồi? Hay đây là một cuộc thử thách, trong thời gian đó tôi phải chịu nhịn đói? Tôi không hề cử động suốt ngày hôm đó, một ngày kéo dài vô tận, và sự đói khát đã làm cho tôi mệt nhừ.

Thình lình, một tia hy vọng nhen nhúm trong lòng tôi và làm tôi muốn nhảy dựng lên. Tôi nghe có tiếng

chân đi và một bóng đen tiến về phía tôi. Nhưng than ôi, đó là một con chó ngao đen lớn đang kéo lê một vật gì. Không một mảy may chú ý đến tôi, nó vẫn tiếp tục đi thẳng, cũng không chút xót thương cho cái tình trạng khó khăn của tôi. Niềm hy vọng của tôi bèn sụp đổ. Tôi cảm thấy muốn khóc. Để chống lại sự yếu hèn đó, tôi bèn tự nhắc nhở lấy mình rằng chỉ có đàn bà con gái mới dại dột mà xử sự như thế.

Sau cùng, tôi nghe tiếng bước chân của vị sư già. Lần này, ông lão nhìn tôi với đôi mắt dịu hiền, và nói:

- Này con, đây là những đồ ăn thức uống cho con, nhưng sự thử thách chưa phải là hết. Còn ngày mai nữa. Con hãy nhớ đừng làm một cử động nào, vì có nhiều người đã thất bại vào giờ phút chót.

Nói xong, ông lão từ biệt đi ngay. Trong khi vị sư già nói chuyện, tôi uống chén trà bơ và sớt món *tsampa* vào cái bát riêng của tôi. Một lần nữa, tôi lại nằm dài dưới đất, thật ra cũng không sung sướng gì hơn đêm trước. Vừa nằm tôi vừa suy nghĩ về cách đối xử bất công này, tôi không còn muốn làm tu sĩ nữa. Người ta không để cho tôi có quyền định đoạt số phận của tôi, chẳng khác nào tôi là một con lừa bị bắt buộc phải trèo qua một truông núi, thế thôi. Tôi ngủ thiếp đi với cái ý nghĩ đó.

Hôm sau, cuộc thử thách bước qua ngày thứ ba. Khi tôi ngồi dậy theo tư thế tọa thiền, tôi cảm thấy yếu sức hơn ngày trước và đầu óc tôi choáng váng. Tôi thấy tu viện dường như xoay tít trong một khối sa mù gồm những tòa dinh ốc, những màu sắc sặc sỡ, những đốm đỏ với những núi non và những nhà sư quay cuồng lẫn lộn với nhau một cách vô cùng hỗn độn. Tôi phải làm một cố gắng phi thường để vượt qua được cơn chóng mặt đó.

Tôi cảm thấy kinh hoàng với ý nghĩ rằng tôi có thể thất bại sau khi đã chịu tất cả những sự đau khổ trong những ngày qua. Tôi có cảm giác rằng những tảng đá mà tôi ngồi lên dần dần đã trở nên bén nhọn như dao cắt, làm cho tôi đau nhức ở những bộ phận nhạy cảm nhất trong người tôi.

Mặt trời dường như đứng yên một chỗ; ngày ấy kéo dài dường như vô tận. Nhưng sau cùng, ánh nắng bắt đầu dịu bớt, vầng hồng đã xuống thấp và ngọn gió chiều đã thổi phất phơ một sợi lông chim do một con chim én bay qua bỏ rớt lại. Lại một lần nữa, những ánh đèn bơ lần lượt nối tiếp nhau thấp thoáng qua các khung cửa sổ. Tôi thầm nghĩ:

- Tôi mong sao được chết trong đêm nay, tôi không còn chịu đựng được nữa.

Ngay lúc ấy, cái bóng đen cao lớn của vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ xuất hiện nơi khung cửa. Ông ta nói:

- Này con, hãy lại đây!

Tôi thử đứng dậy, nhưng hai chân tôi đã tê cứng đến nỗi tôi phải nằm dài trên mặt đất. Người lại nói:

- Nếu con muốn nằm nghỉ, con có thể ở lại đây một đêm nữa. Ta không thể chờ đợi lâu hơn.

Tôi bèn hối hả thu lượm khăn gói và tiến lại gần vị Chưởng môn với những bước đi khập khiễng. Ông ta nói:

- Vào đây. Con hãy dự cuộc lễ tối và sáng mai con hãy đến gặp ta.

Bên trong tu viện, không khí rất ấm áp và mùi hương trầm làm cho tôi cảm thấy khỏe lại. Vì quá đói, giác quan nhạy cảm của tôi cho tôi biết rằng cách đó không xa chắc chắn có thức ăn no lòng. Tôi bèn đi theo một nhóm các nhà sư hướng về phía tay mặt. À, có đồ ăn đây rồi, *tsampa* và trà bơ! Tôi rán chen lên hàng đầu dường như tôi đã quen làm như vậy suốt đời tôi! Các nhà sư sãi toan nắm chóp tóc tôi khi tôi bò bằng cả hai tay và hai chân luồn qua dưới chân họ để đi tới trước; nhưng vô ích, tôi đang muốn ăn, và không gì có thể ngăn cản tôi được nữa.

Sau khi đã ăn uống no lòng, tôi theo chân các nhà sư vào trong nội điện để dự cuộc lễ tối. Tôi đã quá mệt mỏi để có thể hiểu được những gì xảy ra, nhưng không ai để ý đến tôi.

Sau cuộc lễ, khi các nhà sư xếp hàng một đi ra ngoài tôi mới lẻn ra phía sau một cây cột lớn, nằm dài xuống mặt sàn bằng đá, gối đầu trên cái bọc vải đựng quần áo của tôi và ngủ một giấc ngon lành.

Tôi đang mơ màng giấc điệp thì những tiếng động chung quanh đánh thức tôi dậy một các phũ phàng. Có những giọng nói thốt lên:

- À, một con ma mới. Một đứa con nhà giàu. Ta hãy giã cho nó một trận!

Một chú tiểu ném lên trời cái áo dài thay đổi mà chú đã rút ra từ bọc quần áo gối đầu của tôi. Một chú khác đoạt lấy đôi ủng của tôi. Một nắm *tsampa* mềm và ướt từ đâu ném tới trúng vào giữa mặt tôi. Những cú đấm đá tới tấp như mưa nhắm vào tôi từ tứ phía, nhưng tôi không tự vệ. Đó có thể là một cuộc thử thách để xem tôi có tuân theo lời răn thứ 16 hay không, vì lời răn ấy dạy rằng: "Hãy chịu đựng đau khổ và tai họa một cách kiên nhẫn và an phận."

Bỗng nghe có tiếng quát lớn:

- Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?

Kế đó là những tiếng thì thầm sợ hãi:

- Chết rồi! Vị Chưởng môn đã đến! Chúng ta đã bị bắt quả tang!

Tôi đang lo gỡ miếng *tsampa* ra khỏi mắt thì vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ liền quay về phía tôi, nắm lấy cái bím tóc và kéo tôi đứng dậy.

- Đồ gà mái ướt! Đồ nhu nhược! Thế mà cũng muốn trở thành một nhà lãnh đạo tương lai sao? Hãy nhận lấy mấy quả đấm này!

Kế đó, tôi bị đòn dưới một trận mưa quả đấm tàn bạo.

- Đồ vô dụng, đồ hèn! Thậm chí mày cũng không biết tự vệ nữa sao...

Những cú đấm đá vẫn tiếp tục dường như không bao giờ ngừng. Tôi bèn nhớ lại lời nói của võ sư *Tzu* lúc ông từ giã tôi:

- Con hãy làm tròn bổn phận, và hãy nhớ tất cả những gì ta đã dạy con.

Tôi bèn giữ thế thủ và lừa dịp đưa tay đẩy nhẹ theo một thế võ Tây Tạng mà võ sư *Tzu* đã dạy tôi. Vị Chưởng môn, trong lúc bất thần không phòng vệ, vừa thốt lên một tiếng kêu đau đớn, vừa bay bổng lên khỏi đầu tôi, rơi xuống sàn gạch trong tư thế nằm sấp rồi chuồi tới trước trên cái sống mũi, làm sống mũi bị lột da, và ngừng lại khi đầu ông ta va vào cái cột lớn với một tiếng động kinh hồn!

Tôi thầm nghĩ:

- Thôi rồi! Phen này mình chắc chết. Âu cũng đành vậy để chấm dứt tất cả mọi nỗi lo âu.

Thời gian dường như ngừng lại. Những chú tiểu quanh đó đều nín thở. Một tiếng hét lớn, trong chớp mắt vị Chưởng môn cao lớn và xương xẩu đã đứng phắt dậy. Máu từ trong hai lỗ mũi ông ta tuôn ra đỏ lòm. Thật là một cảnh tượng quái gở, vì khi đó ông ta cất tiếng cười vang trong một chuỗi cười dài cởi mở và thật tình! Ông ta nói với tôi:

- À, vậy ra mày là một con gà chọi, phải không? Gà chọi hay chuột ướt, mày là giống nào thì để còn xem lại mới biết.

Rồi vị Chưởng môn quay lại phía một thiếu niên khoảng mười bốn tuổi, có thân hình to lớn, đưa tay ra hiệu và nói:

- Nga Quyết, mày là con trâu mộng nặng cân nhất của tu viện này. Mày hãy tỏ cho mọi người thấy rằng con nhà lái buôn có giá trị hơn con nhà vương giả hay không trong một cuộc đấu võ.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thầm tạ ơn ông *Tzu*, vị võ sư già của tôi. Thuở thiếu thời, ông ta từng là một chuyên gia về môn võ thuật Tây Tạng, một tay vô địch xuất xứ từ vùng *Kham*. Theo lời ông ta nói, ông ta đã truyền lại cho tôi tất cả các thế võ bí truyền, nhờ đó tôi có thể đối địch cả với những người lớn. Tôi đã tiến bộ rất nhiều về môn võ thuật này, trong đó sức mạnh và tuổi tác hầu như không có ích lợi gì cả.

Vì cuộc đấu võ này sẽ quyết định tương lai của tôi, nên sau cùng tôi cảm thấy an tâm. Nga Quyết là một thiếu niên lực lưỡng và khỏe mạnh, nhưng thiếu lanh lẹ mềm dẻo trong cử động. Hiển nhiên là anh ta từng quen với những cuộc đánh đấm hung hăng trong đó bạo lực giúp cho anh ta nắm ưu thế.

Anh ta lao mình tới trước để nắm lấy tôi và quyết hạ cho bằng được tôi. Tôi không nao núng, nhờ đã có học võ với ông *Tzu* và trong sự huấn luyện, đôi khi ông ta cũng đã tỏ ra rất hung bạo. Khi Nga Quyết khởi thế công, tôi bước qua một bên để tránh và thuận tay tôi

vặn một cánh tay của anh ta. Hai chân bị mất thăng bằng, anh ta lảo đảo xoay nửa vòng trước khi té ngã chúi đầu xuống đất. Anh ta nằm rên một hồi trên sàn gạch, rồi thình lình đứng dậy và phóng tới tôi. Tôi thụp xuống, ngã mình trên sàn gạch và đưa tay vặn một chân của anh ta vào lúc sắp sửa đè lên mình tôi. Lần này anh ta xoay trọn một vòng, lảo đảo trên hai chân và té ngã, vai trái nện xuống đất.

Nhưng Nga Quyết còn chưa thật sự đo ván. Anh ta cố đứng lên và đi thận trọng từng bước quanh tôi, rồi thình lình nhảy ngang qua một bên, chụp lấy một cái đỉnh bằng đồng có dây xích và quay tít nó trên không. Nhưng một vũ khí như vậy đối với tôi thật là chậm chạp, nặng nề và dễ tránh. Tôi bước tới trước, luồn mình dưới nách anh ta và đưa một ngón tay nhẹ nhàng điểm vào chỗ nhược ở phía dưới cổ, đúng như võ sư *Tzu* thường dạy cho tôi. Anh ta liền ngã lăn xuống đất như một tảng đá, hai tay buông sợi dây xích, cái đỉnh đồng bị hất văng vào đám trẻ và nhóm các sư đang đứng chung quanh nhìn xem cuộc đấu võ, gây nên một cuộc náo động ồn ào.

Nga Quyết nằm bất tỉnh trong nửa giờ. Với cách điểm huyệt đặc biệt đó, nạn nhân thường phải ngất đi rất lâu.

Vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ tiến đến gần tôi, vỗ vai tôi một cái thật mạnh làm tôi tưởng như suýt nữa cũng đã nằm đo ván:

- Này con, quả thật con là một người hùng.

Tôi đánh bạo đáp lại:

- Như vậy, bạch thầy, con có xứng đáng được ăn uống chút ít gì chăng? Từ mấy ngày nay, con chưa bữa nào được ăn uống đầy đủ.

Vị Chưởng môn nói:

- Này con, con hãy ăn uống cho no bụng. Sau đó, con hãy bảo một đứa trong nhóm Sơ cơ dẫn đường cho con đến gặp ta. Từ nay con sẽ làm trưởng đoàn để dạy võ nghệ cho chúng nó.

Vị sư già đã đem thức ăn cho tôi hai đêm trước cũng vừa đến ngay khi đó. Ông ta nói:

- Này con, con đã hành động xứng đáng. Nga Quắn đã tỏ ra rất hống hách đối với nhóm sơ cơ. Con hãy thay nó giữ chức vụ trưởng đoàn, nhưng con hãy có lòng từ bi nhân hậu trong mọi quyết định. Con đã có một sự giáo dục rất tốt. Con hãy sử dụng tài nghệ của con đúng chỗ và chớ nên truyền thụ võ nghệ cho những kẻ không xứng đáng. Bây giờ con hãy theo ta và ta sẽ cho con ăn uống no lòng.

Sau đó, khi tôi đến tư thất của người, vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ tiếp đón tôi một cách rất ưu ái. Người nói:

- Con hãy ngồi đi. Ta muốn biết xem về mặt trí thức con có xuất sắc như môn võ nghệ hay không. Con hãy coi chừng, ta sẽ hỏi khó con đấy!

Kế đó, người đưa ra cho tôi rất nhiều câu hỏi, vừa sát hạch, vừa viết tay. Chúng tôi ngồi đối diện nhau trên những chiếc nệm, và cuộc trắc nghiệm diễn ra suốt sáu tiếng đồng hồ, trước khi người tuyên bố hài lòng về sự ứng đáp của tôi. Khi tôi cảm thấy đã mệt mỏi, người bèn đứng dậy và nói:

- Con hãy đi theo ta. Ta sẽ đưa con vào trình diện với vị Sư trưởng. Đó là một vinh dự đặc biệt, con sẽ hiểu lý do tại sao.

Tôi đi theo vị Chưởng môn qua những hành lang rộng lớn, những văn phòng, những nội điện, những lớp học v.v... Chúng tôi bước lên một thang lầu, vượt qua những hành lang chằng chịt như mê cung, đi ngang những thánh điện thờ các vị thần và kho chứa các loại dược thảo. Lại lên một cầu thang nữa, sau cùng chúng tôi bước lên sân thượng, trên nóc bằng của tu viện và đi về phía tịnh thất của vị Sư trưởng.

Đến trước cửa, có một tượng Phật bằng vàng, biểu tượng của ngành y học. Qua khỏi cửa, chúng tôi bước vào tư thất của Sư trưởng. Vị Chưởng môn dặn tôi:

- Con hãy vái chào đảnh lễ và làm theo ta.

Người cúi lạy vị Sư trưởng sau khi đã chắp tay vái ba lần. Tôi làm theo, trong lòng hồi hộp. Vị Sư trưởng điềm nhiên nhìn chúng tôi, và nói:

- Các con hãy ngồi đi.

Chúng tôi ngồi trên những chiếc nệm, hai chân xếp bằng. Vị Sư trưởng im lặng nhìn tôi một lúc rất lâu. Kế đó người nói:

- Này Lâm Bá, ta biết tất cả về con, tất cả những gì đã được tiên tri từ trước. Cuộc thử thách mà con đã phải trải qua thật là gian lao. Vài năm nữa, con sẽ hiểu lý do tại sao. Nhưng còn bây giờ, con hãy biết rằng trong một ngàn nhà sư, chỉ có một hai người là có khả năng học hỏi những việc sâu xa và có thể đạt tới một trình độ tiến hóa cao. Những người còn lại chỉ có thể làm các bổn phận thông thường hằng ngày. Họ là những người làm việc bằng tay chân, và lần chuỗi tụng niệm mà thôi, không cần phải học hỏi gì nhiều. Ở đây không thiếu những người như thế. Chúng ta chỉ thiếu những người có thể giữ gìn kho tàng kiến thức huyền

vi khi đất nước trải qua loạn lạc. Con sẽ nhận được một nền giáo dục đặc biệt, một sự huấn luyện gấp rút để trong vài năm ngắn ngủi con sẽ có nhiều kiến thức hơn là một vị *Lạt-ma* có thể thu thập được suốt cả một đời. Con đường đạo sẽ cam go, hiểm trở và thường dẫy đầy gian khổ. Thật vậy, tu luyện để có được nhãn quang trí huệ đòi hỏi nhiều công phu rất khó nhọc, đòi hỏi người tu phải có một ý chí vững vàng không gì lay chuyển nổi và cứng rắn như sắt đá.

Tôi chăm chú nghe với tất cả tâm hồn, không bỏ sót một chữ nào. Những điều đó đối với tôi dường như quá khó khăn. Tôi không nghĩ là mình có một nghị lực cứng cỏi đến như thế! Vị Sư trưởng nói tiếp:

- Ở đây con sẽ được học về y khoa và chiêm tinh học. Chúng ta sẽ giúp đỡ con về mọi mặt. Con cũng sẽ được học các pháp môn bí truyền. Con đường của con đã được vạch sẵn, hỡi Lâm Bá. Tuy con mới có bảy tuổi, ta nói với con như nói với một người lớn, vì con đã được giáo dục như một người trưởng thành.

Nói xong, Sư trưởng khẽ nghiêng đầu, vị Chưởng môn đoàn Sơ cơ bèn đứng dậy và cúi rạp mình chào rất sâu. Tôi làm y theo vị Chưởng môn và chúng tôi cùng lui ra. Khi về đến tư thất, vị Chưởng môn mới phá tan sự im lặng:

- Này con, con sẽ phải làm việc nhiều. Nhưng chúng ta sẽ giúp đỡ con hết lòng. Bây giờ, con hãy theo ta, để ta chỉ chỗ cho con cắt tóc.

Ở Tây Tạng, khi một thiếu sinh bước vào tu viện thì phải cạo hết tóc, chỉ trừ một cái chỏm nhỏ ở đỉnh đầu. Chỏm tóc này cũng sẽ được cạo sạch vào ngày nhận pháp danh và từ bỏ tên gọi cũ.

Vị Chưởng môn đưa tôi đi qua một dãy hành lang, đến một gian phòng nhỏ dùng làm nơi cạo tóc. Tại đây, người ta bảo tôi ngồi xuống đất. Vị Chưởng môn nói:

- Tâm Chu, ngươi hãy cạo sạch tóc cho thiếu niên này. Hãy cạo luôn cả chỏm tóc, vì ngay hôm nay nó sẽ được nhận pháp danh.

Người tên là Tâm Chu bước tới, rồi với bàn tay mặt ông ta nắm lấy cái bím tóc của tôi, giở hỏng lên, và nói:

- À! cậu nhỏ này. Bím tóc đẹp thật, thoa bơ láng bóng và giữ gìn cẩn thận. Được cắt nó đi thật là sướng tay.

Ông ta bèn lấy ra một cây kéo rất lớn, giống như loại kéo mà những gia nhân nhà tôi dùng để xén cây làm vườn và gọi to:

- Tư Tỷ, lại đây cầm giúp một đầu.

Tư Tỷ, người phụ tá của ông ta, chạy đến và kéo cái bím tóc của tôi mạnh đến nỗi tôi gần như bị giở hỏng lên khỏi mặt đất. Miệng há hốc, Tâm Chu bắt tay vào việc với cây kéo cùn. Sau nhiều cơn bực mình và cằn nhằn, cái bím tóc cũng đã cắt xong. Nhưng đó chỉ là mới bắt đầu. Người phụ tá đem tới một thau nước nóng bỏng đến nỗi, khi y dội nước lên đầu tôi, tôi phải giật mình nhảy nhổm một cái. Người thợ cạo hỏi:

- Có gì không ổn hả, cậu nhỏ? Phỏng nước sôi chăng?

- Phải đấy, nước nóng quá.

- Đừng sợ, không việc gì đâu. Nước nóng như vậy cạo tóc dễ hơn!

Ông ta vừa đáp vừa lấy một con dao ba cạnh, hình tam giác, loại dao ở nhà tôi người ta thường dùng để cạo sàn gỗ mỗi khi rửa nhà. Sau một thời gian dài tưởng chừng như vô tận, đầu tôi cũng đã được cạo sạch.

Sau đó, vị Chưởng môn gọi tôi vào phòng riêng và đặt cho tôi một pháp danh, nghĩa là một tên gọi mới dành riêng cho cuộc sống tu sĩ. Đó là một tên Tây Tạng rất dài, nhưng trong sách này tôi vẫn dùng tên cũ cho dễ gọi.

Kế đó, tôi được đưa vào một lớp học. Đầu tôi trơn trụi như một quả trứng gà mới đẻ. Vì tôi đã được hấp thụ một nền giáo dục tốt trong gia đình, người ta cho rằng tôi có những kiến thức cao hơn mức trung bình nên xếp tôi vào lớp học của những thiếu niên mười bảy tuổi. Tôi cảm thấy như một người tí hon sống giữa những người khổng lồ. Những thiếu niên này đã thấy tôi đánh ngã Nga Quyết, nên không ai dám quấy rầy tôi, trừ một đứa lớn xác và ngu xuẩn.

Anh ta tiến đến từ phía sau lưng tôi rồi đặt hai bàn tay to lớn và dơ bẩn lên đầu tôi, hãy còn đau rát và ê ẩm vì mới cạo trọc. Tôi đứng phắt dậy và với một đầu ngón tay, tôi điểm nhẹ vào phía dưới cùi chỏ của anh ta, làm cho anh ta phải lùi lại và kêu thét lên vì đau đớn. Sau vụ ấy, các đứa trẻ khác bèn để tôi yên.

Vị Chưởng môn vừa quay lưng khi đứa trẻ đặt hai tay lên đầu tôi, sau đó mới được biết những gì đã xảy ra. Nhưng kết quả của vụ xung đột làm cho vị Chưởng môn bất giác cười lớn đến nỗi người vui lòng để cho chúng tôi về sớm.

Lúc ấy đã gần tám giờ rưỡi, chúng tôi còn được tự do trong ba khắc đồng hồ[1] trước khi dự cuộc lễ tối đúng chín giờ một khắc. Nhưng sự vui mừng của tôi là quá

[1]Khắc: khoảng thời gian 15 phút.

sớm. Một vị *Lạt-ma* ra hiệu cho tôi bước lại gần vào lúc tôi vừa ra khỏi lớp học. Tôi bước đến gần, người nói:

- Hãy theo ta.

Tôi vâng lời đi theo và tự hỏi không biết chuyện gì đang chờ đợi tôi đây. Vị *Lạt-ma* bước vào một phòng âm nhạc, tại đây có độ hai chục thiếu nhi mới, cũng như tôi. Ba nhạc công sắp sửa chơi nhạc, một người đánh trống, một người thổi tù và, và người thứ ba thổi kèn bằng bạc. Vị *Lạt-ma* nói:

- Tất cả mọi người cùng hát, để ta có thể sắp đặt giọng hát từng nhóm trong cuộc hợp ca.

Các nhạc công đánh một bản nhạc rất quen thuộc mà ai cũng hát được. Chúng tôi vừa cất tiếng hát... thì cặp chân mày của vị nhạc sư đã nhướng lên rất cao! Sự ngạc nhiên hiện trên gương mặt của người, kế đó sắc diện của người lộ vẻ đau đớn khôn tả. Người đưa hai tay lên tỏ dấu phản đối và kêu to:

- Ngưng lại! Ngưng lại tất cả! Các em xé cả lỗ tai của các đấng thánh thần! Hát lại từ đầu và coi chừng!

Chúng tôi hát lần nữa, nhưng người cũng ngăn chúng tôi lại. Lần này, người bước đến trước mặt tôi và nói:

- Thằng ngốc, mày định chế nhạo ta chăng? Lần này, khi trổi nhạc mày sẽ phải hát một mình, vì mày không muốn hòa giọng với những đứa khác.

Một lần nữa, nhạc công lại trổi nhạc, và một lần nữa tôi lại hát, nhưng không được lâu. Vị nhạc sư hoàn toàn thất vọng và giận dữ, hoa chân múa tay trước mặt tôi:

- Lâm Bá, âm nhạc không có trong số những tài năng của mày. Trong năm chục năm trời, từ ngày ta đến đây, ta chưa bao giờ nghe một giọng hát vụng về như thế. Vụng về ư? Được vậy còn tốt. Giọng hát của mày hoàn toàn sai, vô phương cứu vãn. Này thằng nhỏ, mày sẽ không được hát nữa. Trong giờ âm nhạc, mày sẽ phải học môn khác. Khi dự lễ trong nội điện, mày phải câm miệng lại, nếu không mày sẽ làm hỏng hết cả. Bây giờ mày hãy cút đi, đồ lỗ tai trâu!

Thế là tôi cút đi chỗ khác. Tôi đi dạo chơi cho đến khi những tiếng kèn điểm giờ hành lễ cuối cùng trong ngày. Chỉ mới bước chân vào tu viện ngày hôm qua, nhưng tôi có cảm tưởng như tôi đã có mặt nơi đây từ thuở xa xăm nào! Tôi cảm thấy tôi đang đi như người mê ngủ và bắt đầu cảm thấy đói. Có lẽ như vậy còn hay hơn, vì nếu lúc ấy no bụng thì chắc tôi đã ngủ gật. Có

người nắm lấy áo tôi và dở hỏng tôi lên trên không. Một vị *Lạt-ma* cao lớn, vẻ mặt hiền hòa, đặt tôi ngồi lên hai vai rộng của người và nói:

- Này con, hãy coi chừng, nếu đến trễ giờ dự cuộc lễ tối thì con sẽ bị quở trách. Khi ấy, con sẽ không được ăn, và bụng con sẽ rỗng không như một cái trống!

Khi vị *Lạt-ma* bước vào nội điện, người vẫn còn để tôi trên vai. Người ngồi ngay phía sau những tấm nệm dành riêng cho các chú tiểu và cẩn thận đặt tôi ngồi xuống trước mặt người. Người nói:

- Con hãy nghe đây và lặp lại những gì ta nói. Nhưng khi ta cất tiếng hát thánh ca, thì con hãy im lặng chớ mở miệng đó nhé.

A ha! Tôi thầm biết ơn vị *Lạt-ma* đã có lòng ưu ái đối với tôi. Từ trước đến giờ, ít có người tỏ ra tốt bụng đối với tôi. Sự giáo dục mà tôi đã hấp thụ được trong quá khứ chỉ đặt trên một nền tảng quát tháo, thịnh nộ hay đánh đập. Tôi đã ngủ thiếp đi một lúc. Khi tôi giật mình thức dậy, tôi nhận thấy rằng cuộc lễ tối đã chấm dứt tự bao giờ. Vị *Lạt-ma* đã cõng tôi đến phòng ăn khi tôi còn đang mê ngủ, và đặt tôi ngồi xuống trước bàn, trên đó người đã đặt sẵn trà bơ, *tsampa* và rau đậu nấu chín. Người nói:

- Con hãy ăn no, rồi đi ngủ! Ta sẽ chỉ cho con biết phòng ngủ của con. Đêm nay, con có quyền ngủ thẳng giấc đến năm giờ sáng. Con hãy đến gặp ta khi con thức dậy.

Đó là những lời cuối cùng mà tôi nghe trước khi tôi thức giấc vào lúc năm giờ sáng. Một thiếu niên đã tỏ ra có thiện cảm với tôi từ đêm trước, đến đánh thức tôi dậy một cách rất khó khăn giữa lúc tôi còn mê man giấc điệp. Khi thức tỉnh tôi mới thấy rằng tôi đã nằm trên ba tấm nệm giữa một căn phòng lớn. Người thiếu niên nói:

- Đại đức Minh Gia đã dặn tôi đến đánh thức sư huynh đúng năm giờ sáng.

Tôi ngồi dậy và xếp ba tấm nệm chồng lên nhau sát vách tường giống như những đứa trẻ khác. Tất cả các chú tiểu đều đã ra ngoài, người bạn trẻ của tôi bèn nói:

- Chúng ta hãy đi ăn điểm tâm, rồi sau đó tôi sẽ đưa sư huynh đến gặp Đại đức Minh Gia.

Tôi bắt đầu cảm thấy thoải mái dễ chịu hơn. Không phải tôi thích tu viện hay muốn ở lại đây, nhưng vì tôi nghĩ rằng không thể làm gì khác hơn nên tốt nhất là nên êm thuận và hòa mình vào hoàn cảnh.

Đến giờ ăn điểm tâm, vị sư xướng ngôn đọc bằng giọng trầm trầm một đoạn kinh rút trong 112 quyển của bộ *Kangyur* của Phật giáo Tây Tạng. Vị sư hẳn đã nhìn thấy tôi lơ đễnh, vì thình lình người gọi giật tôi lại:

- Ê, thằng nhỏ, ta vừa nói những gì? Hãy trả lời mau!

Nhanh như chớp và không suy nghĩ một giây, tôi đáp ngay:

- Bạch sư ông, ngài vừa nói rằng thằng nhỏ này đãng trí, không nghe ta đọc kinh, ta phải bắt nó tại trận!

Câu trả lời ấy làm cả cử tọa bất giác cười ầm lên, và nhờ đó tôi khỏi bị đòn vì tội vô kỷ luật. Vị sư cũng mỉm cười (đó là một việc hiếm có) và giải thích rằng người muốn tôi lặp lại đoạn kinh của người vừa đọc, nhưng thôi, lần này thì như vậy cũng được.

Mỗi bữa ăn, vị sư xướng ngôn đều ngồi trước một bàn nhỏ và đọc những đoạn kinh Phật. Các sư sãi không được phép nói chuyện trong giờ ăn, hoặc nghĩ đến những chuyện riêng tư, mà phải lắng tai nghe đọc kinh. Họ phải hấp thụ Thánh giáo cùng một lúc với thức ăn.

Chúng tôi tất cả đều ngồi trên những chiếc nệm đặt dưới đất và ăn trên những chiếc bàn nhỏ cao độ năm tấc tây. Không ai được gây tiếng động hoặc để cùi chỏ trên mặt bàn, vì đó là những điều bị tuyệt đối cấm.

Tại tu viện *Chakpori*, người ta luôn áp dụng kỷ luật sắt. Danh từ *Chakpori* có nghĩa là *Thiết Sơn*, hay "*núi sắt*". Trong đa số các tu viện, kỷ luật thường lỏng lẻo và thời biểu không được áp dụng chặt chẽ. Các nhà sư có thể làm việc hoặc nghỉ ngơi tùy ý. Có thể chỉ có một trong số hàng ngàn tu sĩ là thật tình muốn tiến bộ tâm linh, và chính người đó mới trở thành một vị *Lạt-ma*, vì danh từ *Lạt-ma* có nghĩa là "*thượng nhân*", và không phải áp dụng dễ dãi cho bất cứ người nào.

Trong tu viện của chúng tôi, kỷ luật rất chặt chẽ và thậm chí còn khắt khe là khác. Chúng tôi phải trở thành những người lãnh đạo của giai cấp tu sĩ. Đối với chúng tôi thì trật tự và giáo dục là tuyệt đối cần thiết. Chúng tôi không được phép mặc áo trắng là màu áo thông thường của người mới học đạo. Áo của chúng tôi mặc phải là màu đỏ sậm như áo của các nhà sư. Chúng tôi cũng có những kẻ giúp việc để sai khiến, nhưng đó là những nhà sư lao dịch, có phận sự quét dọn, lau chùi và coi sóc phần sinh hoạt hằng ngày của tu viện.

Chúng tôi thay phiên nhau làm công việc lao dịch hèn mọn và cực nhọc này, để cho những ý nghĩ tự phụ, kiêu căng không có chỗ mà chen vào đầu óc. Chúng tôi phải luôn luôn ghi nhớ câu châm ngôn Phật giáo này: "*Hãy tự mình nêu gương tốt cho kẻ khác. Hãy làm điều thiện và tránh mọi điều ác. Đó chính là giáo lý của Phật.*"

Vị Sư trưởng của tu viện là *Lạt-ma Champa La*, cũng nghiêm khắc như cha tôi và đòi hỏi một sự vâng lời tuyệt đối. Một trong những lời người thường dạy là: "*Đọc và viết là những then chốt của mọi đức tính.*" Bởi thế, trên lãnh vực này chúng tôi luôn có rất nhiều việc phải làm.

CHƯƠNG V

TẬP LÀM TU SĨ

Tại tu viện *Chakpori*, một ngày của chúng tôi bắt đầu từ lúc nửa đêm. Khi tiếng kèn báo đầu canh ba vang dội âm thanh đến những hành lang u tối, chúng tôi còn đang ngái ngủ đã phải thức dậy xếp lại nệm chiếu và dò dẫm tìm cái áo tràng trong bóng tối. Mặc áo xong, chúng tôi vừa bước đi vừa dồn mọi vật dụng vào áo tràng.

Chúng tôi bước xuống thang lầu và nện gót giày trên cầu thang với những tiếng động ồn ào, vì vào giờ này chúng tôi thường bực bội không vui. Trong phần giáo lý của chúng tôi có câu: "*Thà nghỉ ngơi với một tâm hồn an tĩnh còn hơn là ngồi tham thiền tụng niệm mà ôm cơn tức giận trong lòng.*" Tôi thường có một ý nghĩ bất kính:

- Nếu vậy, tại sao người ta không để cho chúng tôi nghỉ ngơi trong sự yên tĩnh?

Sự thức giấc vào lúc nửa đêm làm cho tôi tức giận! Nhưng không ai cho tôi một lời giải đáp thỏa đáng,

thành thử tôi vẫn phải đi cùng với mọi người vào điện thờ để dự cuộc lễ cầu nguyện giữa khuya.

Tại đây, vô số những ngọn đèn thắp bằng bơ chiếu ánh sáng lung linh xuyên qua những luồng khói hương nghi ngút bay lượn trong không khí. Dưới ánh sáng lập lòe này, giữa những bóng người qua lại, những pho tượng khổng lồ của các vị thần dường như cũng cử động và nghiêng mình đáp lại tiếng hát thánh ca của các nhà sư.

Hàng trăm nhà sư và các chú tiểu đều ngồi xếp bằng trên những tấm nệm xếp thành những hàng dài trong điện thờ. Họ ngồi đối diện với một hàng và quay lưng vào một hàng khác. Họ cất tiếng hát những bản thánh ca du dương, dùng những tiết điệu đặc biệt, vì người Đông phương đã từng hiểu biết về những công năng thần bí của âm thanh. Cũng giống như một âm thanh được phát ra đúng cách có thể gây chấn động làm vỡ một cái ly, một bản nhạc dùng nhiều âm thanh hợp lại theo một tiết điệu nhất định cũng có những công năng siêu hình, thần bí.

Trong buổi lễ cũng có đọc kinh *Kangyur*. Thật là một cảnh tượng huy hoàng khi hàng trăm nhà sư mặc áo tràng màu đỏ sậm, với mảnh lụa yểm tâm màu vàng che trước ngực, vừa nghiêng mình vừa hòa tấu

những bài thánh ca, kèm theo tiếng ngân của những cái chuông nhỏ và tiếng trống. Những đám khói hương trầm và đèn nhang nghi ngút luồn qua chân các pho tượng thần khổng lồ, người ta có cảm giác rằng giữa cái ánh sáng huyền ảo đó, những pho tượng ấy cũng nhìn chúng tôi như để chứng kiến cuộc lễ uy nghiêm.

Buổi lễ kéo dài gần một giờ, sau đó chúng tôi trở về phòng để ngủ lại cho đến bốn giờ sáng. Một cuộc lễ sớm bắt đầu vào lúc bốn giờ một khắc. Đến năm giờ, chúng tôi ăn điểm tâm với *tsampa* và trà pha bơ. Dẫu cho trong khi ăn, chúng tôi cũng còn phải lắng nghe giọng nói độc âm chán phèo của vị sư xướng ngôn. Trong khi đó, vị sư giám thị ngồi kế bên dò xét chúng tôi với cặp mắt cú vọ.

Vào lúc này, người ta đưa ra cho chúng tôi tất cả mọi thông tri và huấn lệnh. Thí dụ như trong trường hợp có việc cần phải đi ra thành phố *Lhasa*, thì trong giờ ăn điểm tâm người ta nêu tên những nhà sư có phận sự nhận lãnh công việc đó. Những vị này được phép rời khỏi tu viện trong một khoảng thời gian nhất định và được phép vắng mặt trong một vài buổi lễ trong ngày.

Đến sáu giờ, chúng tôi vào lớp học, sẵn sàng học buổi học đầu tiên. Lời răn thứ nhì của Phật giáo Tây Tạng dạy rằng: “Hãy làm tròn bổn phận tôn giáo và

học hỏi Thánh giáo.” Trong sự ngây thơ của tuổi lên bảy, tôi không hiểu tại sao người ta phải tuân theo lời răn này, trong khi lời răn thứ năm dạy rằng: “Hãy kính trọng những bậc trưởng thượng và những người thuộc dòng quý tộc” lại không được tuyệt đối tuân theo?

Thật vậy, theo kinh nghiệm tôi thấy rằng có một cái gì đáng hổ thẹn khi sinh trưởng trong một nhà quý tộc. Tôi thật sự đã là nạn nhân của điều đó. Hồi đó, tôi không hiểu rằng giai cấp của một người không phải là điều quan trọng mà chỉ có đức hạnh mới là đáng kể.

Đến chín giờ, chúng tôi ngưng học trong bốn mươi phút để dự một cuộc lễ khác. Sự gián đoạn này đôi khi cũng dễ chịu, nhưng chúng tôi phải trở về lớp học vào mười giờ kém mười lăm phút. Khi đó, một môn học khác lại bắt đầu và sự học kéo dài cho đến một giờ trưa. Chúng tôi vẫn chưa được phép ăn uống gì và phải dự một cuộc lễ trưa độ nửa giờ trước khi dùng bữa trưa gồm có *tsampa* và trà pha bơ.

Kế đó, là một giờ làm công việc nhà để giúp chúng tôi vận động cơ thể và để dạy chúng tôi đức tính khiêm tốn. Những công việc dơ bẩn nhất và khó chịu nhất được giao phó cho tôi, dường như nhiều lần hơn là theo sự luân phiên. Đến ba giờ chiều, chúng tôi tụ họp lại để nghỉ ngơi một tiếng đồng hồ. Trong giờ đó, sự nghỉ

ngơi là bắt buộc, cấm không được nói chuyện hay cử động; chúng tôi phải giữ im lặng hoàn toàn. Chúng tôi không thích sự sắp đặt đó chút nào, vì một giờ là quá ngắn cho giấc ngủ trưa và quá dài để ngồi yên mà không làm gì!

Sau giờ nghỉ trưa đó, đúng bốn giờ, chúng tôi trở lại lớp học. Đến đây mới bắt đầu giai đoạn gian lao nhất trong ngày, kéo dài suốt năm tiếng đồng hồ, không một phút nào ngơi nghỉ. Trong năm tiếng đồng hồ đó, chúng tôi không được rời khỏi lớp học vì bất cứ một lý do gì. Nếu trái lệnh, chúng tôi sẽ bị trừng phạt rất nặng nề. Các vị thầy dạy sử dụng những cây gậy to lớn một cách tự do và có vài vị tỏ ra rất sốt sắng trong việc trừng phạt kẻ vi phạm. Chỉ những học trò nào không thể chịu đựng được nữa, hoặc những kẻ thật ngu xuẩn mới dám đi ra ngoài, vì khi họ trở về lớp, sự trừng phạt là điều không thể tránh khỏi.

Đến chín giờ tối, chúng tôi mới được giải thoát để dùng bữa ăn cuối cùng trong ngày, cũng chỉ gồm có bấy nhiêu món là trà bơ và *tsampa*. Đôi khi, nhưng rất hiếm, chúng tôi được ăn rau, thường là những khoanh củ cải trắng hay đậu tươi. Những thứ rau đậu này chỉ ăn sống, nhưng cũng ăn được đối với những thiếu sinh bụng đói.

Có một lần, năm tôi lên tám tuổi, người ta cho chúng tôi ăn búp măng tây trộn giấm. Tôi rất thích ăn măng tây, vì tôi thường được ăn món ấy hồi còn ở nhà. Vì ăn còn thèm, tôi đã dại dột đề nghị với một bạn trẻ ngồi gần bên đổi cái áo tràng thứ hai của tôi để lấy phần ăn của nó. Vị sư giám thị bắt gặp quả tang chuyện này, bèn gọi tôi ra đứng giữa phòng ăn để công khai thú tội trước mặt mọi người. Để trừng phạt tội tham ăn, tôi phải chịu nhịn đói nhịn khát trong hai mươi bốn giờ. Còn cái áo tràng của tôi thì bị tịch thu, viện lẽ rằng nó không có ích lợi gì cho tôi, vì tôi đã muốn đổi nó lấy một vật không cần thiết lắm!

Đến chín giờ rưỡi, chúng tôi trở về phòng. Không ai là người không về mau để ngủ! Lúc đầu, tôi nghĩ rằng những giờ học dài quá mức đó có thể làm hại sức khỏe tôi, và có lẽ tôi sẽ lăn ra chết bất cứ lúc nào hoặc tôi sẽ ngủ luôn không bao giờ thức dậy nữa. Cùng với những trẻ "*ma mới*" khác, chúng tôi thường rút lui vào một góc kín đáo để ngủ gà ngủ gật. Nhưng dần dần tôi đã làm quen với thời biểu khắt khe đó, và sau cùng thì những chuỗi ngày dài vô tận đó không còn làm cho tôi khó chịu nữa.

Lúc ấy đã gần sáu giờ khi người thiếu niên dẫn đường đưa tôi đến trước cửa tư thất của Đại đức Minh Gia. Tuy tôi không gõ cửa, người cũng lên tiếng trước

gọi tôi vào. Phòng khách của Đại đức rất trang nhã với những bức tranh tuyệt đẹp. Vài bức tranh được vẽ ngay trên tường và những bức họa khác được vẽ trên những bức trướng bằng lụa. Trên những bàn nhỏ có sắp những pho tượng các vị thần hay nữ thần bằng vàng hoặc cẩm thạch. Trên tường cũng có gắn một bánh xe luân hồi rất lớn.

Ngồi theo tư thế hoa sen trên một tấm nệm, trước một cái bàn đầy những sách vở, vị *Lạt-ma* đang nghiên cứu kinh điển khi tôi bước vào. Người nói:

- Lâm Bá, con hãy ngồi đây gần bên ta, chúng ta sẽ nói chuyện nhiều. Nhưng trước hết, đối với một thiếu niên đang ở tuổi sắp lớn, ta cần hỏi con một câu là con có được ăn uống đầy đủ không?

- Bạch ngài, có.

- Sư trưởng có nói rằng chúng ta sẽ làm việc với nhau. Chúng ta đã tìm thấy được tiền kiếp của con, con đã tiến bộ khá lắm. Bây giờ chúng ta muốn phát triển lại vài khả năng và sở đắc mà con đã thu thập được trong kiếp sống trước đây. Chúng ta muốn rằng trong khoảng vài năm, con sẽ thu hoạch được nhiều kiến thức hơn là một vị *Lạt-ma* có thể thu thập được suốt cả một đời.

Nói đến đây, Đại đức bèn ngừng lại và chăm chú nhìn tôi một lúc rất lâu, với đôi mắt sáng dường như soi thấu mọi vật. Người lại nói:

- Mọi người phải được tự do chọn lựa con đường của mình. Tương lai của con sẽ rất gian lao khổ cực trong bốn mươi năm nếu con chọn con đường tốt, sẽ đưa đến những phần thưởng lớn lao trong kiếp sau. Trái lại, trên một con đường khác, con sẽ được giàu sang với đầy đủ mọi sự tiện nghi sung sướng ở cõi trần, nhưng con sẽ không có được sự tiến bộ tâm linh. Vậy con hãy tự mình quyết định lấy.

Nói xong, người nhìn tôi trong một câu hỏi không lời. Tôi đáp:

- Bạch ngài, cha con có nói rằng nếu con thất bại và rời khỏi tu viện, con không nên trở về nhà. Làm sao con có thể sống cuộc đời sung sướng tiện nghi nếu con không có nhà để trở về? Và ai sẽ chỉ dẫn cho con theo con đường tốt nếu con chọn con đường đó?

Đại đức mỉm cười và nói:

- Con đã quên rồi chăng? Chúng ta đã tìm biết được kiếp trước của con. Vì thế, nếu con chọn con đường dễ dãi tiện nghi, con sẽ được qui định ngôi thứ trong một tu viện như một vị hóa thân, và trong vài năm, con sẽ được đưa lên chức vị Sư trưởng. Cha con chắc sẽ không cho đó là một sự thất bại chứ?

Tôi bèn hỏi tiếp:

- Bạch Đại đức, nhưng theo ý ngài thì đó có phải là một sự thất bại không?

Người đáp:

- Phải. Với tất cả những gì mà ta biết, thì đối với ta, đó là một sự thất bại.

- Bạch Đại đức, ai sẽ hướng dẫn con?

- Ta sẽ là người hướng dẫn con, nếu con chọn con đường tốt. Nhưng con hãy tự mình quyết định lấy, không ai có quyền ép buộc con.

Tôi ngước mắt lên nhìn Đại đức, và cảm thấy rất yêu mến người đối diện với tôi lúc ấy. Đó là một người cao lớn, với đôi mắt đen huyền, cái nhìn trong sáng, một gương mặt cởi mở và một vầng trán cao rộng. Phải, tôi thấy tràn đầy thiện cảm đối với người! Tuy tôi mới lên bảy, cuộc đời tôi trước kia thật là vất vả khổ cực và tôi đã từng gặp gỡ nhiều nhân vật, thật sự tôi đã có thể xét đoán tính chất của một người. Tôi nói:

- Bạch Sư phụ, con sẽ chọn con đường tốt và ước mong được làm đệ tử của ngài.

Tôi nói thêm với một giọng băn khoăn:

- Nhưng chắc là con sẽ không thích làm việc nhiều!

Đại đức cất tiếng cười lớn, một giọng cười cởi mở sưởi ấm lòng tôi:

- Lâm Bá, ở đời không ai là người thích làm việc nhiều, nhưng ít có người thành thật nhìn nhận điều ấy.

Đại đức nhìn vào đống giấy tờ trên bàn và nói:

- Một phép tu luyện bí mật sẽ cần thiết để giúp cho con mở được năng khiếu thần nhãn. Sau đó, chúng ta sẽ sử dụng khoa thôi miên để thúc đẩy sự học hỏi của con cho mau có kết quả. Chúng ta sẽ giúp con tiến rất xa trên các lãnh vực y khoa và huyền vi.

Tôi cảm thấy e ngại trước một chương trình bề bộn như thế, hứa hẹn một sự làm việc ráo riết không ngừng và khó nhọc biết dường nào! Nhất là sau khi tôi đã trải qua bao nhiêu sự học vấn khắc khổ trong bảy năm qua, không hề có thời gian cho các môn giải trí... và chơi diều!

Vị *Lạt-ma* dường như đọc được tư tưởng của tôi. Người nói:

- Thật vậy, này con! Sau này con sẽ có thời gian để chơi diều, nhưng đó sẽ là những con diều thật lớn, có

thể chở người ngồi bên trong. Còn hiện giờ, ta cần thiết lập một thời khắc biểu hợp lý đến mức tối đa.

Sư phụ tôi lại cúi xuống mớ giấy tờ trên bàn:

- Xem nào, từ chín giờ sáng đến một giờ trưa, có được chăng? Phải đấy, ta hãy bắt đầu như vậy. Con hãy đến đây mỗi buổi sáng đúng chín giờ thay vì dự buổi lễ sáng, và chúng ta sẽ thảo luận về những vấn đề quan trọng. Buổi học đầu tiên sẽ là sáng mai. Con có muốn nhắn gì với cha mẹ con không, ta sẽ đến viếng song thân con ngày hôm nay. Con hãy đưa cho ta mớ tóc cũ của con hôm trước!

Điều đó làm tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Khi một thiếu niên được nhận vào tu viện, người ta xuống tóc cho nó và gửi cái bím tóc dài vừa cắt cho cha mẹ qua trung gian của một chú tiểu khác, để cho biết rằng con họ đã được thâu nhận. Trong trường hợp này thì chính Đại đức Minh Gia đích thân mang cái bím tóc của tôi về nhà! Điều này có nghĩa là từ nay Đại đức sẽ hoàn toàn đảm trách cuộc đời tôi, và tôi đã trở nên đứa con tâm linh của người.

Đại đức Minh Gia là một nhân vật rất quan trọng, một người có trí thông minh hiếm có và nổi tiếng khắp xứ Tây Tạng. Tôi tin chắc rằng dưới sự dìu dắt của một vị đạo sư như ngài, tôi không thể nào thất bại.

Sáng hôm ấy, khi trở về lớp học, tôi là một người học trò rất đãng trí. Tôi để tư tưởng vẩn vơ đâu đâu, và bởi đó vị thầy dạy lại có dịp thỏa mãn khuynh hướng sử dụng gậy gộc thẳng tay!

Tôi nhận thấy các thầy dạy đã tỏ ra nghiêm khắc một cách quá đáng. Nhưng để tự an ủi, tôi nghĩ rằng dầu sao tôi đến đây là để học hỏi. Đó là lý do vì sao tôi tái sinh, tuy rằng hồi đó tôi không biết rõ tôi cần phải học những gì.

Ở Tây Tạng, người ta tin tưởng rất mạnh nơi sự tái sinh. Họ tin rằng khi đã đạt tới một trình độ tâm linh nào đó thì người ta có thể chọn lựa sinh về một cảnh giới khác hoặc tái sinh nơi thế gian này để học hỏi thêm hay để giúp đỡ kẻ khác. Có khi một bậc hiền giả muốn thực hiện một sứ mạng nhất định trong đời mình, nhưng lại qua đời trước khi hoàn thành sứ mạng. Trong trường hợp đó, người ta tin rằng vị hiền giả có thể tái sinh nơi thế gian để hoàn tất công việc bỏ dở trong kiếp trước, với điều kiện là công việc ấy sẽ hữu ích cho nhân loại.

Không mấy ai có thể nhờ người khác truy biết những tiền kiếp của mình. Việc ấy đòi hỏi một vài sự ấn chứng, tổn phí tiền bạc và mất nhiều thì giờ. Những người nào, cũng như trường hợp của tôi, có được những sự ấn chứng đó, được gọi là những vị *hóa thân*. Những

vị này khi còn trẻ được dạy dỗ theo một kỷ luật vô cùng khắc khổ, giống như trường hợp của tôi, nhưng đến lúc trưởng thành sẽ được sự kính trọng của tất cả mọi người.

Về phần tôi, người ta sẽ dành cho tôi một sự huấn luyện đặc biệt nhằm tăng cường những kiến thức của tôi về huyền học. Để làm gì? Hồi đó, tôi chưa được biết rõ lý do.

Những ngọn roi giáng xuống như mưa làm tôi giật mình, và đưa tôi trở về cuộc đời thực tế.

- Thằng ngốc! Đồ gàn! Những ý nghĩ đen tối nào đã lọt vào trong cái sọ dày đặc của mày? May cho mày vì đã đến giờ dự lễ, nếu không chắc mày còn phải ăn đòn thêm nữa!

Kèm theo lời mắng mỏ ấy, vị thầy dạy thịnh nộ đá vào mông tôi một đá thật mạnh rồi bước nhanh ra khỏi lớp. Một bạn đồng môn của tôi nói:

- Bạn đừng quên rằng trưa nay đến phiên chúng ta phải làm công tác dưới bếp. Tôi hy vọng chúng ta có thể cho vào đầy bao món *tsampa*.

Công tác làm bếp rất cực nhọc, vì những vị sư giám thị đối xử với chúng tôi như những kẻ nô lệ. Không có vấn đề nghỉ ngơi sau hai giờ công tác nặng nhọc đó.

Làm bếp xong, chúng tôi phải trở lại lớp học ngay. Đôi khi người ta giữ chúng tôi dưới bếp quá lâu, nên chúng tôi đến lớp học trễ giờ. Khi chúng tôi đến nơi thì vị thầy dạy nổi trận lôi đình phân phát cho chúng tôi một loạt những trận roi, gậy xối xả như mưa, không để cho chúng tôi có chút mảy may cơ hội biện bạch cho sự trễ giờ đó!

Công tác đầu tiên của tôi trong nhà bếp suýt nữa đã là công tác cuối cùng. Theo những hành lang lót đá, chúng tôi đi đến nhà bếp... không chút hứng khởi trong lòng. Một nhà sư nét mặt rất cáu kỉnh đứng đợi chúng tôi ngoài cửa. Khi vừa thấy chúng tôi đến, ông ta kêu to:

- Mau lên, thật là một lũ lười biếng và vô dụng. Mười đứa đầu tiên hãy vào nấu các nồi xúp!

Tôi lọt nhằm số mười, phải đi cùng với những thiếu sinh khác xuống bếp theo một cầu thang nhỏ.

Dưới nhà bếp, nhiệt độ nóng kinh khủng. Trước mặt chúng tôi, những bếp lò phát ra những tia lửa đỏ. Nhiên liệu đốt lò là phân bò *yak* phơi khô và ép thành từng bánh tròn, được chất lên từng đống lớn gần bên các chảo đun. Vị sư chỉ huy việc nấu bếp quát lớn:

- Hãy vác xẻng lên và xúc phân khô đổ vào lò!

Tôi chỉ là một đứa trẻ mới lên bảy tuổi, lẫn lộn trong đám thiếu sinh mà đứa nhỏ nhất cũng không dưới tuổi mười bảy! Tôi chỉ vừa giơ cái xẻng lên toan xúc phân cho vào lò, thì vô ý thế nào đã làm lật đổ chảo nước đang sôi lên hai bàn chân của vị sư. Y thét lên trong cơn thịnh nộ, nắm lấy cổ họng tôi xoay một vòng... và loạng choạng té ngã.

Tôi nhảy ra phía sau, nhưng tôi cảm thấy đau nhói kinh khủng và ngửi thấy mùi da thịt cháy khét. Tôi đã té ngã trên một đầu cây sắt nung đỏ từ trong bếp lò văng ra! Thét lên vì đau đớn, tôi ngã lăn giữa những tro than cháy âm ỉ. Phần trên đùi bên trái của tôi, gần chỗ xương háng, bị cháy đến tận xương. Chỗ da thịt bị bỏng ấy để lại một vết sẹo trắng mà hiện nay vẫn còn làm tôi khó chịu. Cũng chính vết sẹo ấy về sau đã làm cho người Nhật nhận ra được tôi.

Một cơn náo loạn đã diễn ra sau đó. Những nhà sư khác từ khắp nơi vội vàng chạy đến. Người ta nhanh chóng đỡ tôi đứng dậy giữa đống tro than. Tôi bị những vết bỏng khắp cả thân mình, nhưng nặng nhất là vết thương ở đùi. Người ta vội vã cõng tôi lên những tầng lầu trên, ở đó một vị *Lạt-ma* y sĩ cố gắng chữa trị vết bỏng để cứu lấy cái chân tôi. Thanh sắt nung đỏ là một vật dơ bẩn và đã để lại trong vết thương những mảnh gỉ sét. Vị y sĩ phải moi trong vết thương để lấy ra hết

những mảnh sắt gỉ này, cho đến khi vết phỏng được rửa thật sạch. Kế đó, ông rịt thuốc lên vết thương và băng bó cẩn thận. Còn những vết phỏng nhẹ ở khắp thân mình thì ông thoa lên một chất thuốc nước làm bằng dược thảo, giúp tôi giảm đau rất nhiều.

Nhưng sự đau đớn nhức nhối vẫn âm ỉ và tôi tưởng là sẽ không còn sử dụng chân trái được nữa. Khi đã băng bó xong, vị *Lạt-ma* y sĩ gọi một nhà sư đến khiêng tôi vào gian phòng bên cạnh và đặt nằm trên nệm. Một vị sư già bước vào, ngồi dưới đất bên cạnh giường tôi và bắt đầu đọc kinh cầu nguyện. Tôi thầm nghĩ: "Thật tốt đẹp thay khi cầu nguyện ơn trên che chở cho tôi sau khi tôi vừa bị một tai nạn!"

Sau cái kinh nghiệm bản thân về sự đau đớn cùng cực này, tôi quyết định sẽ sống một cuộc đời đức hạnh. Tôi nhớ đến một bức tranh vẽ cảnh địa ngục, trong đó quỉ sứ hành hình một nạn nhân bằng cách lấy dùi sắt nhọn nung đỏ đốt vào thân mình y ở gần chỗ mà tôi bị bỏng.

Có lẽ nhiều bạn đọc sẽ nghĩ rằng, trái với điều mà nhiều người vẫn tưởng, các nhà sư lại là những kẻ ác ôn! Nhưng thật ra, trước khi kết luận cần phải hiểu cho đúng về khái niệm nhà sư ở xứ Tây Tạng. Danh xưng "nhà sư" được áp dụng cho tất cả những người

đàn ông sống trong một tu viện *Lạt-ma* giáo, cho dù có phải là người tu hành hay không. Vì thế, hầu như bất cứ người nào cũng có thể trở nên một nhà sư.

Một đứa trẻ thường được gửi vào tu viện rồi trở thành nhà sư mà không cần được hỏi ý kiến. Đôi khi, đó có thể là một người trưởng thành đã chán công việc đi chăn cừu và muốn có một mái nhà ấm cúng để che sương tránh tuyết khi tiết trời lạnh lẽo xuống đến bốn mươi độ âm. Khi đó, anh ta đến xin làm nhà sư trong tu viện, không phải vì lý tưởng tôn giáo, mà vì muốn tự đảm bảo ít nhiều tiện nghi vật chất. Các tu viện dùng những nhà sư loại đó như những người công nhân để làm những công việc xây cất, cày bừa hay quét dọn. Ở những xứ khác thì những người như thế phải được gọi là nô dịch, người làm thuê hay một danh xưng tương tự nào đó. Phần nhiều họ đã sống một cuộc đời rất khổ nhọc, vì sống ở những vùng cao nguyên từ ba ngàn đến bảy ngàn thước cao hơn mặt biển không phải là một cuộc sống dễ chịu.

Vì thế, danh xưng “nhà sư” đối với người Tây Tạng chỉ có nghĩa là một người sống trong tu viện, không khác gì hơn mọi người thường. Người Tây Tạng dùng danh từ *trappa* để chỉ cho những vị tu sĩ thực sự là người tu hành.

Những vị *Lạt-ma* là những bậc cao tăng, thuộc một đẳng cấp cao. Đó là những bậc đạo sư, hay tôn sư. Thí dụ như vị *Lạt-ma* Đại đức Minh Gia sẽ là vị tôn sư của tôi, và tôi sẽ là đệ tử của người.

Kế đó, ở đẳng cấp cao hơn nữa là những vị Sư trưởng. Không phải tất cả những vị này đều đảm trách trông coi một tu viện. Nhiều vị nắm giữ những chức vụ cao trong Chính phủ, hoặc đi hoằng hóa từ tu viện này đến tu viện khác. Đôi khi một vị *Lạt-ma* có thể có đẳng cấp cao hơn một vị Sư trưởng, tùy theo những hoạt động của người.

Những người được xem là những vị Hóa thân (Như người ta đã chứng minh rằng đó là trường hợp của tôi.) có thể được chỉ định làm Sư trưởng vào năm mươi bốn tuổi, sau khi đã vượt qua một cuộc thi rất khó khăn. Những vị này thường là nghiêm khắc, nhưng không hung dữ và không bao giờ bất công.

Một thí dụ khác về các nhà sư tầm thường là trường hợp các nhà sư bảo vệ. Nhiệm vụ duy nhất của họ là duy trì trật tự. Họ không có phận sự gì trong việc tế tự hay lễ bái ở các đền chùa. Họ chỉ có mặt để giữ cho mọi việc diễn ra theo đúng các qui tắc, luật lệ. Họ thường rất hung hăng, cũng như phần nhiều các nhà sư lao dịch như đã nói ở trên, nhưng không phải vì thế mà họ

làm giảm uy tín của các tu viện. Người ta không thể lên án một vị giám mục vì ông ta có một tên làm vườn thô lỗ! Cũng như người ta không thể mong đợi người làm vườn ấy sẽ trở nên một vị thánh chỉ vì ông ta đã làm tôi tớ cho một vị giám mục!

Trở lại vấn đề tôi bị phỏng lửa khi đi làm công tác dưới bếp. Hiệu lực của chất thuốc vừa tan dần, tôi hồi tỉnh lại và cảm thấy như mình bị lột da. Trong cơn mê sảng, tôi tưởng tượng dường như một ngọn đuốc đang cháy được đặt vào một cái lỗ trống trong bắp đùi bên trái của tôi. Thời gian trôi qua. Tôi lắng nghe những tiếng động trong tu viện. Vài loại âm thanh đã quen thuộc với tôi, nhưng có nhiều loại khác mà tôi không nhận ra là những tiếng động gì.

Toàn thân tôi rung chuyển vì những cơn đau đớn dữ dội. Tôi nằm sấp, nhưng những vết phỏng cũng lan rộng đến phía trước của thân mình tôi. Tôi nghe một tiếng động nhẹ, có người đến ngồi gần bên tôi. Một giọng đầy thiện cảm và nhân từ của Đại đức Minh Gia thì thầm bên tai tôi:

-Con ơi, chắc là con đau đớn lắm. Thôi hãy ngủ đi.

Vài ngón tay nhẹ nhàng lướt trên lưng tôi dọc theo xương sống, nhẹ lướt thêm nữa, và thêm nữa. Thế rồi... tôi mê man ngủ thiếp đi.

Một vầng mặt trời êm ấm chiếu rạng ngời trước mắt tôi. Tôi thức giấc và chớp mắt liên hồi. Tư tưởng đầu tiên đến với tôi khi tôi vừa chợt tỉnh là hình như có người đá tôi vài đá vì tôi đã ngủ quá lâu. Tôi định nhảy xuống giường để hối hả đi dự buổi lễ sáng, nhưng tôi liền té ngửa ra sau, khắp mình mẩy đau nhức như rần. Thì ra đó chỉ là một cơn mê sảng... Chân trái tôi đau quá. Một giọng dịu hiền ưu ái nói với tôi:

- Lâm Bá, con hãy nằm yên. Hôm nay con có thể nghỉ.

Tôi quay đầu nhìn lại thì vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng tôi đang nằm trong phòng của Đại đức Minh Gia, và người đang ngồi gần bên tôi. Người nhận thấy sự ngạc nhiên của tôi và mỉm cười:

- Tại sao con ngạc nhiên? Phải chăng là một việc thường tình khi hai người bạn phải ở gần bên nhau nếu một người bị đau ốm?

Tôi đáp bằng một giọng rã rời mệt mỏi:

- Nhưng Sư phụ là một vị *Lạt-ma* cao cả, còn con chỉ là một đứa trẻ nhỏ.

- Lâm Bá, chúng ta đã cùng đi với nhau một đoạn đường rất dài trong những kiếp trước. Hiện giờ con chưa nhớ lại được điều đó, nhưng ta thì nhớ rõ, vì

chúng ta đã sống rất gần bên nhau trong những kiếp vừa qua. Bây giờ, con cần phải nghỉ ngơi để lấy lại sức. Chúng ta sẽ điều trị bắp chân con cho mau lành, con đừng lo gì cả!

Tôi liên tưởng đến cuộc luân hồi sinh tử và nghĩ đến những điều răn trong các thánh kinh của xứ tôi: "Người có tâm hồn quảng đại sẽ sống một cuộc đời giàu sang không bao giờ dứt, còn kẻ hà tiện rít róng sẽ không bao giờ gặp được sự ưu ái, từ tâm. Người có quyền thế hãy sống một cách rộng rãi hào phóng với những kẻ đến nhờ vả mình. Hãy nhìn xa để thấy con đường dài của sự luân hồi sinh tử. Vì sự giàu sang luân chuyển như những bánh xe, nay nó thuộc về người này, mai nó sẽ thuộc về người khác. Kẻ hành khất ở kiếp này có thể trở nên một vị vương hầu ở kiếp sau, còn vị vương giả ngày nay có thể trở nên kẻ ăn mày trong một tương lai nào đó."

Khi đó, tôi hiểu một cách chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa, mặc dầu trong cơn đau đớn thể xác và mặc dầu tuổi tôi còn nhỏ, rằng Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi, là một người tâm đức và tôi có thể tin tưởng nơi lời giáo huấn của người. Rõ ràng là sư phụ tôi biết rõ rất nhiều điều về tôi, nhiều hơn những gì mà chính tôi có thể biết được. Tôi rất nóng lòng muốn làm việc chung với người và tôi quyết định rằng tôi sẽ là một người đệ

tử gương mẫu. Tôi cảm thấy một cách rõ rệt rằng giữa chúng tôi có một sự đồng thanh đồng khí rất chặt chẽ và tôi lấy làm cảm kích sự xoay vần của định mệnh đã đặt tôi dưới sự hướng dẫn dìu dắt của người.

Tôi quay đầu nhìn ra ngoài cửa sổ. Những tấm nệm của tôi đang nằm được đặt trên một cái bàn để tôi có thể nhìn thấy bên ngoài. Cảnh vật thật là hùng vĩ. Đằng xa, bên ngoài những nóc nhà chen chúc phía dưới cửa sổ, thành phố *Lhasa* vươn mình dưới ánh nắng mặt trời, với những ngôi nhà nhỏ sơn màu nhạt xinh xắn. Trong thung lũng, con sông Kỳ Giang uốn khúc giữa những cánh đồng xanh tươi nhất thế giới. Những dãy núi xa tít tận chân trời ửng màu đỏ sậm với những đỉnh núi đội tuyết trắng phau. Trên những ngọn núi gần hơn, có những vệt màu vàng lóng lánh chen nhau trên sườn núi, đó là nóc của những tu viện. Bên tay trái, điện *Potala* nhô lên cao như một ngọn núi biệt lập. Về phía tay mặt, có một cụm rừng nhỏ trong đó rải rác những đền chùa và trường học. Đó là địa phận của vị Thiên giám quan, một nhân vật quan trọng giữ vai trò duy nhất là tạo nên một nhịp cầu giao cảm giữa cõi trần gian với cảnh giới vô hình, và tiên tri những điều họa phúc của quốc gia.

Dưới mắt tôi, trên sân mặt tiền, những nhà sư thuộc đủ các cấp qua lại không ngớt. Vài vị trong số

đó, những nhà sư lao dịch, mặc áo màu nâu sậm. Một nhóm thiếu sinh của một tu viện ở xa mặc áo trắng. Những nhà sư cao cấp cũng có mặt ở đó, đều mặc áo màu đỏ sậm, với mảnh yếm tâm bằng lụa vàng, chỉ ra rằng họ thuộc thành phần viên chức tối cao của Chính phủ. Một vài vị cưỡi ngựa hay cưỡi lừa. Những thường dân thì cưỡi ngựa đủ màu còn các nhà sư bắt buộc phải cưỡi ngựa trắng.

Tất cả những cảnh tượng đó làm cho tôi quên cả hiện tại. Điều làm tôi quan tâm hơn hết là làm sao cho chóng bình phục để có thể sử dụng trở lại đôi chân.

Ba ngày sau, người ta bảo tôi rằng tốt hơn tôi nên ngồi dậy và thử đi đứng xem sao. Chân trái tôi còn cứng đơ và làm cho tôi rất đau đớn. Chỗ vết phỏng đã sưng lên và có mủ vì những mảnh sắt vụn gỉ sét không thể gắp ra hết. Vì tôi không thể đi đứng một mình, người ta làm cho tôi một cây nạng gỗ để tôi dùng và đi bằng một chân. Tôi đi nhún nhẩy như con chim bị thương. Toàn thân tôi vẫn còn những vết phỏng và những chỗ phồng da, nhưng chân trái làm tôi đau đớn nhiều hơn các chỗ khác.

Tôi không thể ngồi được, phải nằm nghiêng bên mặt hoặc nằm sấp. Tôi không thể dự các buổi lễ cầu nguyện hay đi đến lớp học, nên Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi,

dạy tôi học tại tư thất từ sáng đến chiều. Người tuyên bố hài lòng về những kiến thức mà tôi thu thập được trong thời niên thiếu. Người nói:

- Nhưng rất nhiều trong những kiến thức đó chỉ là những ký ức con đã mang theo từ kiếp trước.

CHƯƠNG VI

ĐỜI SỐNG TRONG TU VIỆN

Hai tuần lễ trôi qua. Những vết phỏng của tôi đã gần khỏi hẳn. Cái chân vẫn còn làm tôi hơi đau, nhưng ngày càng giảm dần. Tôi yêu cầu được áp dụng thời khắc biểu như thường lệ vì tôi thấy mình cần phải cử động đôi chút. Tôi được phép ngồi tùy ý hoặc nằm sấp. Người Tây Tạng thường ngồi xếp bằng theo tư thế hoa sen, nhưng tôi không thể ngồi như vậy vì chân còn đau.

Ngày đầu tiên tôi trở lại lớp học để gặp lại các bạn cũ thì có công tác làm bếp vào buổi trưa. Tay cầm một tấm bảng đá, tôi có phận sự kiểm lại những bao mạch nha sấy. Mạch nha được trải lên những tảng đá đã hâm nóng đến bốc khói; cái chảo lớn mà tôi đã làm đổ trước khi bị bỏng được đặt ở phía dưới. Khi đã trải đều mạch nha trên những tảng đá, người ta mới đóng cửa và nhóm thiếu sinh chúng tôi đi qua một hành lang đến một gian phòng khác.

Tại đây, người ta xay giã mạch nha đã sấy xong. Cối xay là một cối đá hình ống loa lật ngược, đường kính độ một thước sáu tấc. Lòng cối xay có chạm khắc những đường lồi lõm để giữ lúa. Một tảng đá vĩ đại cũng hình ống loa, nhưng đặc ruột, được đặt vào lòng cối để nghiền nát lúa. Tảng đá này được nâng bằng một cái đòn gỗ mà thời gian đã làm cho trơn bóng, ở hai đầu cái đòn này có gắn chặt những đòn tay nhỏ hơn giống như những cây căm của một bánh xe không có vành.

Mạch nha sấy được đổ vào cối đá, rồi các nhà sư và những trẻ thiếu nhi mới nắm lấy những cây căm bánh xe để vận chuyển khối tảng đá nặng đến hàng mấy tấn. Khi tảng đá đã xoay vòng thì công việc không còn nặng nhọc lắm và chúng tôi cùng cất tiếng hát hợp xướng. Ít nhất, tại đây tôi có thể hát mà không bị bắt tại trận! Nhưng làm chuyển động tảng đá khổng lồ này là cả một công việc khó nhọc. Mọi người đều phải cùng nhau gắng sức. Kế đó, phải lưu ý giữ sao cho nó chuyển động luôn luôn không lúc nào ngừng.

Mạch nha sấy được tiếp tục đổ thêm vào cối, và phần đã xay xong thoát ra ngoài ở dưới đáy cối. Chính thứ mạch nha xay này, được trải một lần nữa lên những tảng đá nóng và sấy lại, là chất liệu căn bản để làm món *tsampa*.

Mỗi người chúng tôi luôn đem theo bên mình một lượng *tsampa*, hay nói đúng hơn là bột mạch nha đã xay nát và sấy lại, đủ ăn trong một tuần. Đến bữa ăn, chúng tôi lấy ra một phần nhỏ đựng sẵn trong những cái bọc da và đổ vào chén riêng của mình. Sau khi đã cho thêm trà pha bơ, chúng tôi dùng ngón tay trộn đều và nhồi cho đến khi nó trở thành một thứ bánh, rồi mới ăn.

Qua hôm sau, công tác làm bếp gồm việc nấu trà bơ. Ở một gian phòng khác của nhà bếp có đặt một cái chảo đun khổng lồ, dung tích đến 675 lít. Chảo này đã được lau chùi bằng cát và sạch bóng như mới. Từ sáng sớm, trong chảo đã được chứa nước đến phân nửa và nấu sôi lên sùng sục. Chúng tôi có phận sự đi lấy những bành trà đã phơi khô và đập ra thành từng mảnh vụn. Trà được ép cứng lại thành từng bành lớn hình vuông như viên gạch, mỗi bành nặng từ bảy đến tám kí lô, được chở từ Trung Hoa hay Ấn Độ đến *Lhasa* bằng đường bộ xuyên qua các truông núi.

Những mảnh vụn trà vừa đập ra được ném vào chảo nước đang sôi. Một nhà sư thêm vào đó một tảng muối cục thật lớn, một nhà sư khác bỏ thêm vào đó một lượng muối *bi-cạt* (*bicarbonate de soude*). Khi tất cả đã sôi đều, người ta mới đổ thêm vào từng tảng bơ làm bằng sữa bò *yak*, và để lửa cháy trong lò suốt nhiều giờ.

Trà trộn với bơ này có một giá trị dinh dưỡng rất cao, và khi dùng chung với món *tsampa* sẽ cung cấp đầy đủ chất bổ dưỡng để người dân Tây Tạng sống được quanh năm.

Công việc khó nhọc nhất là giữ cho lửa cháy trong lò. Thay vì dùng than củi, người ta dùng phân bò *yak* phơi khô làm nhiên liệu đốt. Loại phân bò này luôn được dự trữ quanh năm, số lượng dùng không bao giờ hết. Phân bò đốt cháy tỏa ra một luồng khói có mùi vị rất chát và nồng nặc.

Chúng tôi buộc phải làm những công việc này không phải vì thiếu nhân công, mà là để xóa bỏ đến mức tối đa mọi sự phân biệt giai cấp. Chúng tôi nghĩ rằng con người chỉ có một kẻ thù, ấy là sự chia rẽ, cách biệt. Làm việc bên cạnh một người, nói chuyện cởi mở và tạo điều kiện thông cảm, thì chắc chắn người ấy sẽ không còn là một kẻ thù của ta nữa.

Ở Tây Tạng, mỗi năm một lần, những vị quan lớn hay chức sắc có quyền thế phải từ bỏ quyền hành của mình trong một ngày, và khi đó bất cứ thuộc hạ nào của họ cũng có quyền nói lên những cảm nghĩ trong lòng. Nếu một vị Sư trưởng tỏ ra lạm quyền, hống hách, người ta sẽ nói lên một cách công khai điều đó,

và nếu sự phiền trách là đúng thật, thì người khiếu nại sẽ không bị một sự trừng phạt nào.

Phương pháp đó tỏ ra rất có hiệu quả, nên sự lạm dụng quyền hành rất ít khi xảy ra. Nó đảm bảo một sự công bình xã hội, để cho những thuộc viên ở cấp dưới có cơ hội phát biểu những cảm nghĩ của họ đối với người có quyền thế.

Chúng tôi phải làm việc nhiều trong lớp học, và ngồi xếp thành hàng dưới đất. Khi giảng bài và viết trên bảng đen, thì vị thầy dạy đứng trước mặt học trò. Nhưng khi chúng tôi làm bài thì ông ta đi rảo phía sau lưng chúng tôi, thành thử chúng tôi phải luôn làm việc cẩn thận, vì không thể biết thầy đang lưu ý đứa nào!

Vị thầy dạy không lúc nào rời cây gậy, một cây gậy mập mạp như cây dùi cui, và ông ta không ngần ngại "sử dụng" trên bất cứ bộ phận nào trong thân thể chúng tôi như vai, đầu, lưng, không kể đến bộ phận "cổ điển", vì ông ta không cần phân biệt chỗ nào, miễn là những cú gậy đó phải đánh thật đau!

Chúng tôi học rất nhiều về môn toán pháp. Môn này là một yếu tố cần thiết để giải đoán khoa chiêm tinh. Thật vậy, trong khoa chiêm tinh Tây Tạng không có gì là ngẫu nhiên tình cờ. Mọi vấn đề đều được thiết lập trên những nguyên tắc khoa học. Tôi phải học nhiều

về khoa chiêm tinh vì môn này là tối cần thiết trong việc hành nghề y khoa. Một y sĩ phải biết điều trị bệnh nhân tùy theo từng hạng người, và sự phân hạng này là do khoa chiêm tinh qui định. Điều trị theo nguyên tắc đó tốt hơn là kê đơn thuốc một cách mơ hồ chỉ bởi lý do rằng thuốc ấy đã chữa khỏi bệnh cho một người khác.

Bên cạnh những bản đồ chiêm tinh rất lớn treo trên tường, còn có những bức tranh lớn vẽ hình các loại dược thảo. Những tranh vẽ này được thay đổi luôn luôn mỗi tuần và chúng tôi phải biết rõ tất cả mọi loại cây thuốc.

Sau này, có những cuộc xuất hành được tổ chức để đi hái thuốc, nhưng chúng tôi chỉ được tham dự những cuộc ngao du đó khi đã có những kiến thức sâu rộng, để người ta có thể tin tưởng rằng chúng tôi sẽ không hái nhầm những loại cây cỏ độc.

Những chuyến đi hái thuốc đem đến cho chúng tôi một dịp ngao du rất thoải mái dễ chịu để tạm quên cuộc đời phẳng lặng buồn chán trong tu viện. Có những chuyến đi kéo dài suốt ba tháng. Đó là những cuộc xuất hành lên vùng thượng du, một vùng bao bọc chung quanh bởi những dãy núi tuyết phủ quanh năm, với độ cao từ sáu đến tám ngàn thước so với mực nước biển. Nơi đó, những vùng băng tuyết xen lẫn với những

thung lũng xanh tươi khí hậu ôn hòa nhờ có những suối nước nóng.

Trong vùng này người ta có thể có một kinh nghiệm độc nhất trên đời: Chỉ cần đi một quãng đường chừng năm mươi thước đã có thể trải qua từ một khí hậu lạnh 40 độ âm đến một khí hậu nóng bốn mươi lăm độ trong bóng mát!

Vùng này của xứ Tây Tạng không ai được biết, chỉ trừ một số rất ít các nhà sư. Tu viện của chúng tôi nổi tiếng vì kỷ luật khắt khe và một nền giáo dục chặt chẽ. Một số lớn nhà sư đã từ giã chúng tôi để đi đến các tu viện khác có một đời sống dễ chịu hơn. Chúng tôi xem họ như những kẻ thất bại, và những người có thể kiên trì ở lại là thuộc thành phần ưu tú.

Tại nhiều tu viện khác không có buổi lễ khuya vì các nhà sư đi ngủ sớm và thức dậy lúc trời đã sáng rõ. Chúng tôi khinh thường họ như những kẻ lười nhác, thấp kém, vì tuy rằng chúng tôi gặp nhiều khó khăn với quy tắc quá khắt khe của tu viện, nhưng chúng tôi vẫn không bằng lòng cho quy tắc đó bị sửa đổi, nếu điều đó đưa tới hậu quả là hạ thấp chúng tôi xuống một trình độ hèn kém hơn.

Kế đó là phải loại trừ những kẻ yếu ớt. Chỉ những người rất khỏe mạnh mới đủ sức trở về sau những

chuyến xuất hành lên vùng thượng du lạnh như băng tuyết. Ngoại trừ những nhà sư ở tu viện *Chakpori*, không ai dám đi lên đó. Các vị đạo sư, vốn đầy sự minh triết, luôn quyết định loại bỏ những người không thể chịu đựng cuộc sống kham khổ trước khi họ có thể làm liên lụy đến kẻ khác.

Trong năm học đầu tiên, chúng tôi hầu như không có lúc nào nghỉ ngơi, giải trí hay được vui chơi thỏa thích. Mỗi giây phút của chúng tôi đều dành cho sự học và làm việc.

Một điều khiến tôi phải biết ơn các vị thầy dạy là các ngài đã dạy chúng tôi phương pháp sử dụng trí nhớ. Phần nhiều người Tây Tạng có trí nhớ tốt, nhưng riêng với chúng tôi là sinh viên y khoa, học để trở thành các tu sĩ kiêm y sĩ, thì chúng tôi cần phải có trí nhớ rất tốt để nhớ tên và đặc tính của nhiều loại dược thảo cùng cách chế biến và sử dụng chúng. Chúng tôi cũng cần hiểu biết tường tận khoa chiêm tinh và thuộc làu tất cả kinh điển của nhà Phật.

Chúng tôi áp dụng một phương pháp luyện trí nhớ đã được thực nghiệm qua nhiều thế kỷ. Chúng tôi ngồi trong một gian phòng có những tủ lớn chứa đựng hàng muôn nghìn hộc tủ. Mỗi hộc tủ đều có dán nhãn bên ngoài, có in chữ khá lớn để dễ đọc từ chỗ chúng tôi

ngồi. Mỗi đề tài mà chúng tôi đã học tập được sắp xếp trong một hộc tủ thích hợp. Chúng tôi phải hình dung rõ ràng trong trí mỗi đề tài và vị trí nhất định của mỗi hộc tủ. Với công phu tập luyện, người ta có thể đi vào gian phòng bằng tư tưởng một cách rất dễ dàng, mở đúng các hộc tủ mình muốn và lấy ra tài liệu mình đang tìm kiếm cùng với những đề tài liên hệ.

Các vị thầy dạy đặc biệt nhấn mạnh cho chúng tôi hiểu sự cần thiết phải có một trí nhớ được tập luyện thuần thục. Họ tra vấn chúng tôi một cách ráo riết với mục đích duy nhất là thử thách trí nhớ. Những câu hỏi thường không có một sự mạch lạc hay liên hệ gì với nhau, để không một dòng tư tưởng liên tục nào có thể giúp chúng tôi trả lời được dễ dàng. Những câu hỏi đó thường liên quan đến những đoạn bí hiểm trong kinh điển, chen lẫn với những câu hỏi rời rạc về các loại dược thảo. Kẻ nào quên sẽ bị trừng phạt nặng nề vì không có trí nhớ là một lỗi lầm không thể dung thứ, phải bị trừng trị nghiêm khắc.

Chúng tôi thường không có thời gian để suy nghĩ mà phải trả lời ngay tức khắc. Chẳng hạn như khi vị thầy hỏi học trò:

- Con hãy nhắc lại hàng thứ năm, trang mười tám trong quyển thứ bảy của bộ kinh *Kangyur*. Hãy mở hộc tủ... xem hàng chữ đó nói gì?

Trừ phi người ta có thể trả lời ngay trong mười giây đồng hồ, bằng không thì nên giữ im lặng, vì sự trừng phạt còn khốc liệt hơn nếu trả lời sai, dẫu cho sự sai lầm nhỏ nhặt đến đâu.

Dầu sao, đó cũng là một phương pháp tốt và rất hữu hiệu để luyện trí nhớ. Chúng tôi không thể có thường xuyên bên mình những sách vở tham khảo, vì "*sách*" của chúng tôi là những tờ giấy đóng lại trong những cái bìa gỗ, thường đo đến một thước chiều dài và bốn tấc chiều ngang, thật quá kềnh càng để mang theo.

Về sau, tôi nhận thấy rằng có được một trí nhớ tốt quả là điều tối quan trọng. Trong năm đầu tiên, chúng tôi bị ngăn cấm không được rời khỏi tu viện. Những người vi phạm sẽ bị đóng cửa không cho vào khi trở về. Luật lệ này chỉ được áp dụng ở tu viện *Chakpori* là nơi mà kỷ luật quá gắt gao đến nỗi người ta sợ rằng nếu để cho chúng tôi ra ngoài thì chúng tôi sẽ không trở lại nữa!

Riêng về phần tôi, tôi phải thừa nhận rằng có lẽ tôi cũng sẽ trốn biệt luôn không trở lại nếu có được một chỗ nào khác để dung thân! Tuy nhiên, sau một năm thì chúng tôi đã quen dần với đời sống ở tu viện.

Trong năm đầu tiên, chúng tôi không được phép chơi các môn giải trí. Người ta buộc chúng tôi làm việc không ngừng, điều này giúp loại trừ những đứa trẻ có thể chất yếu đuối, không chịu nổi sự căng thẳng thần kinh tột độ. Sau những tháng học khó khăn đó, chúng tôi thấy mình hầu như đã quên mất cả sự chơi bời tiêu khiển.

Những môn thể dục điền kinh có mục đích tăng cường sức chịu đựng dẻo dai của chúng tôi, và có một công dụng thực tế cho chúng tôi sau này.

Khi tôi gần lên tám tuổi, Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi, cho tôi biết rằng, theo sự giải đoán của các nhà chiêm tinh thì sau ngày sinh nhật của tôi sẽ là ngày thuận lợi để tôi bắt đầu luyện *thần nhãn*. Tôi không lo ngại gì, vì tôi biết rằng sư phụ tôi sẽ có mặt tại đó và tôi hoàn toàn đặt tin tưởng nơi người.

Như sư phụ đã nhắc nhở nhiều lần cho tôi biết, khi tôi mở được *thần nhãn*, tôi sẽ có thể nhìn rõ chân tướng của mọi người, mọi vật. Theo giáo lý huyền vi, thể xác con người chỉ là một lớp vỏ bên ngoài do *chân ngã* điều khiển, kể cả mọi tác động trong giấc ngủ và sau khi chết. Con người sinh ra trong một thể xác yếu đuối bất toàn để học hỏi kinh nghiệm và tiến bộ ở cõi trần. Khi ngủ, con người trở về một cảnh giới khác, thần thức

thoát ra ngoài thể xác vật chất và phảng phất trong cảnh giới vô hình, nhưng vẫn còn giữ mối liên hệ với thể xác. Mối liên hệ này chỉ dứt hẳn vào một giai đoạn sau khi chết.

Những giấc mộng là kinh nghiệm sống trong cảnh giới của thần thức. Khi thần thức trở về với thể xác, sự giật mình thức giấc làm biến dạng méo mó những ký ức của giấc mộng, trừ phi người ta đã trải qua một sự tu luyện đặc biệt. Vì thế, "giấc mộng" có thể trở nên dị kỳ đối với người thức giấc.

Vấn đề này sẽ được giải thích đầy đủ hơn ở một chương sau khi tôi tường thuật lại những kinh nghiệm cá nhân của tôi trên địa hạt này. Có một loại hào quang bao bọc quanh thể xác mà bất cứ ai cũng có thể tập luyện để nhìn thấy dưới một vài điều kiện, và đó là phản ảnh của nguồn sinh lực bên trong con người. Chính cái hào quang đó, cùng với nhiều điều khác nữa, là những sự thật vô hình huyền bí mà việc luyện *thần nhãn* sẽ giúp tôi nhìn thấy rõ.

CHƯƠNG VII

TÔI LUYỆN THẦN NHÃN

Ngày sinh nhật của tôi đã đến. Ngày đó tôi được tự do, không phải đến lớp học hay dự lễ. Vào lúc sáng sớm, Đại đức Minh Gia bảo tôi:

- Lâm Bá, hôm nay con hãy vui chơi thỏa thích. Chúng ta sẽ đến tìm con chiều nay.

Rồi kể từ chiều hôm đó, tôi đóng cửa nhập thất trong một gian phòng nhỏ, không bước ra khỏi phòng trong suốt ba tuần lễ. Trong thời gian đó không ai được bước vào phòng tôi trừ ba vị *Lạt-ma* cao cấp, trong đó có Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi.

Ba vị *Lạt-ma* mỗi ngày đều đến đúng giờ để chỉ dẫn cho tôi phép tu luyện bí truyền để mở *thần nhãn*. Trong thời gian đó, tôi ăn uống rất ít, chỉ vừa đủ để duy trì sự sống.

Sau ba tuần lễ khổ luyện dưới sự chỉ dẫn của sư phụ, tôi đã đạt tới sự thành công. Sư phụ tôi nói:

- Lâm Bá, từ nay con đã thật sự trở thành một cao đồ trong môn phái của chúng ta. Kể từ nay cho đến suốt đời con, con sẽ nhìn thấy rõ chân tướng của mọi người chứ không chỉ là cái bề ngoài của họ.

Lần đầu tiên trong đời tôi, thật là một sự kiện lạ lùng khi thấy rằng cả ba vị *Lạt-ma* đều được bao phủ quanh mình bằng một vầng hào quang vàng chói như ánh lửa. Về sau tôi mới hiểu rằng, đó là vì ba vị đã có một đời sống tinh khiết và không phải ai cũng có được một hào quang tốt đẹp như thế. Trái lại, đa số người đời có hào quang với hình dáng và màu sắc khác hẳn.

Khi tôi đã phát triển thần nhãn, tôi còn phát hiện được những rung động khác nữa, xuất phát từ trung tâm của hào quang con người. Kế đó, tôi có thể biết tình trạng sức khỏe của một người bằng cách nhìn xem màu sắc và hình dáng vầng hào quang của người ấy. Cũng vậy, bằng cách quan sát sự thay đổi màu sắc trong hào quang của một người tôi có thể biết rằng người ấy nói thật hay nói dối.

Tuy vậy, *thần nhãn* không phải chỉ dùng để quan sát thân thể của con người. Tôi còn được trao cho một bầu thủy tinh dùng để quan sát bằng *thần nhãn* và đến bây giờ tôi vẫn còn cất giữ. Những bầu thủy tinh này không phải là những vật nhiệm mầu gì cả, mà chỉ

là những khí cụ. Cũng giống như một kính hiển vi hay kính viễn vọng có thể cho phép ta nhìn thấy những sự vật mà mắt thường không nhìn thấy được, một bầu thủy tinh có tác dụng như một khí cụ tập trung để sử dụng *thần nhãn*, giúp người ta có thể xâm nhập vào phần tiềm thức của mọi sự vật và nhìn thấy những sự việc diễn biến trong quá khứ hay tương lai xuất hiện trong đó.

Mỗi loại thủy tinh không phải đều thích hợp với tất cả mọi người. Có người đạt được kết quả tốt hơn với loại thủy tinh khoáng thạch, có người lại thích hợp với một bầu pha lê. Những người khác nữa dùng một bồn nước trong hoặc một cái đĩa tròn màu đen huyền. Nhưng dù sử dụng kỹ thuật nào thì cũng vẫn cùng một nguyên tắc.

Sau khi tôi hoàn tất việc luyện thần nhãn một cách tốt đẹp, các vị *Lạt-ma* quyết định rằng tôi có thể rời khỏi phòng nhập thất và trở về với cuộc sống bình thường, nhưng sẽ phải dành phân nửa thời gian hằng ngày bên cạnh Đại đức Minh Gia, để sư phụ giúp tôi tăng cường sự học đạo bằng một số phương pháp. Phân nửa thời gian còn lại sẽ dành cho những buổi học và lễ cầu nguyện, không phải vì mục đích giáo dục, mà là để cho tôi có một sự hiểu biết quân bình về mọi sự.

Ít lâu sau đó, khoa thôi miên cũng sẽ được sử dụng để dạy đạo cho tôi. Nhưng hiện giờ tôi chỉ nghĩ đến duy nhất vấn đề... ăn uống! Tôi đã phải ăn uống rất khắc khổ trong gần ba tuần, và nay tôi phải ăn bù lại. Tôi bèn hối hả từ biệt các vị *Lạt-ma* với ý nghĩ duy nhất ấy trong đầu tôi. Nhưng ra đến ngoài hành lang, tôi nhìn thấy một bóng người bao phủ trong một đám khói xanh với những vết lớn màu đỏ chói như lửa khắp thân mình. Tôi kêu lên một tiếng thất thanh và hối hả thối lui về phòng.

Các vị *Lạt-ma* nhìn tôi một cách ngạc nhiên; tôi có vẻ gần như ngất xỉu vì sợ hãi và nói:

- Có một người đang cháy như bó đuốc ở ngoài hành lang.

Đại đức Minh Gia chạy nhanh ra ngoài. Khi sư phụ trở lại phòng, người vừa mỉm cười vừa nói:

- Lâm Bá, đó chỉ là một người lao công đang nóng giận. Hào quang của ông ta giống như một đám khói xanh, vì trình độ tâm linh còn thấp. Những vết lửa màu đỏ là những tư tưởng nóng giận. Con có thể đi ra một cách an toàn để tới phòng ăn, vì chắc con đã đói lắm!

Thật là một kinh nghiệm vô cùng lý thú khi tôi gặp lại những bạn học cũ mà trước kia tôi vẫn tưởng rằng tôi biết quá rõ, nhưng sự thật thì tôi chưa biết gì nhiều về họ cả! Nay tôi chỉ cần nhìn họ là đọc được những tư tưởng thầm kín, những tình thương chân thành, sự ganh tị hay sự thờ ơ lãnh đạm đối với tôi.

Không phải chỉ nhìn những màu sắc trên hào quang của mỗi người mà biết được tất cả, người ta còn phải luyện tập giải đoán ý nghĩa của những màu sắc đó nữa. Để thực tập vấn đề này, sư phụ tôi và tôi cùng ngồi ở một chỗ vắng vẻ, từ đó chúng tôi có thể quan sát những người đi đường bước vào cổng đền. Đại đức Minh Gia nói với tôi:

- Lâm Bá, con hãy nhìn người kia đang đi tới. Con có nhìn thấy một đường chỉ màu đang rung động ở phía trên quả tim của y? Màu ấy và sự rung động ấy là triệu chứng của bệnh phổi!

Sư phụ lại bình phẩm về một người lái buôn:

- Con hãy nhìn những lằn ngang đang cử động và những đốm, vết đang chớp lập lòe trên hào quang của y... Người lái buôn này đang nghĩ rằng ông ta có thể lừa bịp những nhà sư ngu ngốc kia, và ông ta nhớ rằng đã có lần thành công như vậy rồi. Chỉ vì tiền bạc, người ta không lùi bước trước bất cứ hành vi ti tiện nào!

Hoặc về một người khác nữa:

- Lâm Bá, con hãy nhìn vị sư già kia. Đây là một vị sư chân tu, nhưng ông ta lại hiểu kinh điển một cách quá chật hẹp, sát nghĩa theo từng chữ từng câu một cách gò bó. Con có thấy chăng, màu vàng trên hào quang của ông ta đã phai nhạt? Đó là vì ông ta chưa đủ tiến hóa để có thể tự mình suy luận...

Và như thế, chúng tôi tiếp tục quan sát để thực tập hằng ngày. Nhưng chính trong khi tiếp xúc với những người đau ốm, bệnh tật về thể xác cũng như tinh thần mà tôi mới thấy khả năng *thần nhãn* là vô cùng hữu ích.

Một buổi chiều, sư phụ nói với tôi:

- Sau này, ta sẽ dạy con nhắm mắt thần lại tùy ý muốn, vì thật là một điều khổ sở khi phải luôn luôn nhìn thấy trước mắt những cảnh tượng buồn thảm, bất toàn của người đời. Nhưng bây giờ, con hãy sử dụng năng khiếu đó thường xuyên, cũng như con sử dụng đôi mắt phàm.

Những truyện thần thoại của xứ Tây Tạng quả quyết rằng trong quá khứ đã có một thời kỳ mà nhân loại, nam hay nữ, đều có thể sử dụng mắt thần. Đó là thời kỳ mà các đấng thần minh sống lẫn lộn với người

trần gian, khi con người hãy còn chất phác, hồn nhiên và tâm hồn trong sạch. Nhưng về sau, loài người đã mở mang trí khôn, bèn sinh ra kiêu căng ngạo mạn và xúc phạm cả thánh thần. Để trừng phạt tội xúc phạm này, nhãn quang thần thông của họ bị thâu hồi. Kể từ đó, trải qua nhiều thế kỷ, chỉ có một số rất ít người sinh ra đã có năng khiếu *thần nhãn*. Những người nào có năng khiếu ấy một cách tự nhiên có thể tăng cường năng lực của họ lên gấp ngàn lần nhờ một phép tu luyện bí truyền, cũng như trường hợp của tôi. Lẽ tất nhiên, một năng lực đặc biệt như thế phải được sử dụng một cách cẩn mật và vô cùng thận trọng.

Một ngày nọ, vị Sư trưởng cho gọi tôi vào gặp ngài và nói:

- Này con, nay con đã có được một năng lực mà đa số mọi người không có. Con chỉ nên sử dụng nó để làm việc thiện, đừng bao giờ dùng nó vào những mục đích ích kỷ. Năng lực ấy được ban cho con để giúp đỡ kẻ khác chứ không phải để mưu lợi cho riêng mình. Nhờ *thần nhãn*, có nhiều điều sẽ được tiết lộ với con, nhưng dầu cho con biết được điều gì, con cũng không được tiết lộ cho người khác biết nếu điều đó có thể làm cho họ đau khổ hay làm thay đổi chiều hướng cuộc đời của họ. Vì mỗi người phải được tùy ý chọn lựa con đường của mình. Dầu cho con nói với họ điều gì, họ vẫn đi theo

con đường của họ. Con hãy giúp đỡ những kẻ bệnh tật và những người đau khổ, nhưng con đừng nói gì có thể làm đổi hướng cuộc đời của một người.

Vị Sư trưởng là một người có văn hóa rất cao, cũng là vị y sĩ thân tín của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Trước khi chia tay từ biệt, vị Sư trưởng cho tôi biết rằng không bao lâu tôi sẽ được gọi vào để yết kiến đức *Đạt-lai Lạt-ma*, vì ngài có ý muốn gặp tôi. Trong dịp đó, Đại đức Minh Gia và tôi sẽ là khách của điện *Potala* trong vài tuần.

CHƯƠNG VIII

YẾT KIẾN ĐẠT-LAI LẠT-MA

Một buổi sáng thứ Hai, Đại đức Minh Gia cho tôi biết rằng cuộc viếng thăm điện *Potala* của chúng tôi đã được định vào cuối tuần. Người nói:

- Chúng ta phải tập dượt cho quen với các nghi lễ. Buổi trình diện của con phải diễn ra một cách thật hoàn mỹ.

Gần lớp học của chúng tôi có một ngôi đền nhỏ bỏ hoang, trong đó có một pho tượng của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, kích thước lớn bằng người thật. Sư phụ tôi nói:

- Lâm Bá, con hãy nhìn ta đây. Ta sẽ chỉ dẫn cho con những gì cần phải làm. Con bước vào, hai mắt nhìn xuống đất, như thế này. Con đi tới chỗ này và quì xuống trước mặt đức *Đạt-lai Lạt-ma* khi còn cách xa Ngài độ chừng một thước rưỡi. Con hãy thè lưỡi ra để chào Ngài và cúi đầu xuống, một lần, hai lần và ba lần. Vẫn quì

gối và cúi đầu, con đặt chiếc khăn quàng lên hai bàn chân Ngài, như thế này. Kế đó con đứng lên, nhưng vẫn cúi đầu để cho Ngài có thể đặt một khăn quàng của Ngài lên cổ của con. Con đếm từ một cho đến mười, để khỏi phạm lỗi vội vàng hấp tấp, rồi con ngẩng mặt lên và đi lùi lại cho đến chiếc nệm đầu tiên còn bỏ trống chưa ai ngồi.

Tôi theo dõi sự chỉ dẫn của sư phụ. Người tỏ ra rất thông thạo vì đã quen thuộc nghi lễ ấy từ lâu. Người lại nói:

- Bây giờ, ta cho con một lời khuyên. Trước khi đi lùi lại phía sau, với một cái liếc nhìn mau lẹ và kín đáo, con hãy tìm ra vị trí của chiếc nệm gần nhất. Không nên để vướng chân vào đó rồi phải nhảy nhổm lên để khỏi té! Người ta dễ bị vấp ngã trong lúc hồi hộp kích động như thế. Bây giờ đến phiên con dượt lại... Con hãy làm lại cho đúng.

Tôi bước ra ngoài và sư phụ tôi vỗ tay ba cái để ra hiệu cho tôi bắt đầu. Tôi hăm hở xông tới, nhưng sư phụ liền ngăn tôi lại.

- Lâm Bá! Đây không phải là một cuộc chạy đua! Hãy đi tới một cách chậm rãi thung dung hơn. Con hãy điều chỉnh bước đi bằng cách niệm câu thần chú *Om*

Mani Padme Hum.[1] Như vậy, con sẽ bước vào một cách khoan thai như một vị tăng, thay vì sãi bước như ngựa đua trong vùng đồng bằng *Tsang Po*!

Tôi lại bước ra lần nữa, để bắt đầu đi vào một cách "*khoan thai*" hơn! Đến trước pho tượng, tôi quì xuống, tiếp tục tiến tới trên hai đầu gối, và thè lưỡi ra chào theo kiểu Tây Tạng. Ba lần vái chào của tôi chắc hẳn là hoàn toàn gương mẫu để có thể tự hào! Nhưng rủi thay, tôi lại quên cái khăn quàng cổ! Thành thử tôi phải bước ra ngoài lần thứ ba để tái diễn nghi thức này lại từ đầu.

Lần này, tôi làm đúng phép và đặt cái khăn quàng lên hai bàn chân của pho tượng. Sau đó, tôi đi thụt lùi đến một chiếc nệm không khó khăn lắm, và ngồi xuống nệm theo tư thế hoa sen.

Mỗi buổi sáng, liên tiếp trong một tuần, chúng tôi đều tập dượt cho đến khi tôi có thể làm mọi cử chỉ một cách hoàn toàn. Ngày thứ sáu, tôi phải biểu diễn lần chót trước mặt vị Sư trưởng. Ngài xem xong bèn nói:

- Cuộc trình diện của con thật toàn hảo, đó là một vinh dự lớn cho sư phụ con, đạo huynh Minh Gia của ta!

---

[1] Tức thần chú *Lục tự đại minh*, phiên âm là *Án ma ni bát di hồng*.

Sáng hôm sau, chúng tôi lên đường đến điện *Potala*. Tu viện của chúng tôi trực thuộc điện *Potala* về mặt quản trị hành chính, tuy rằng vị trí của nó biệt lập với các dinh thự chính của điện này. Tu viện cũng là một trường dạy Y khoa và vị Sư trưởng của tu viện cũng là y sĩ riêng của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Với chức vụ này, người rất bận rộn vì vấn đề quan trọng không chỉ là chữa bệnh cho vị Quốc vương, mà còn phải giữ gìn cho Ngài được luôn luôn khỏe mạnh. Bởi vậy, vị Sư trưởng phải chịu trách nhiệm về mọi sự đau yếu dầu chỉ là nhỏ nhặt của đức Quốc vương.

Tuy vậy, người không phải muốn khám sức khỏe của Quốc vương lúc nào tùy ý. Người phải đợi đến khi đức *Đạt-lai Lạt-ma* thật sự nhuốm bệnh mới được gọi vào!

Nhưng sáng hôm ấy tôi không nghĩ đến những nỗi lo âu của vị Sư trưởng. Những mối lo âu của tôi cũng đã quá đủ! Dưới chân đồi, chúng tôi hướng về điện *Potala*, giữa một đám đông gồm những du khách và người mộ đạo đi hành hương. Những người này đến từ khắp nơi trong xứ Tây Tạng để chiêm ngưỡng cung điện của đức Phật Sống, một danh hiệu thường dùng để gọi đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Dẫu cho họ chỉ thấy được Ngài trong một cái nhìn thoáng qua, họ cũng hài lòng mà trở về với niềm tin tưởng rằng công lao khó nhọc của chuyến hành hương xa xôi này đã được đền bù xứng đáng gấp trăm lần!

Nhiều người hành hương đã đi bộ trên đường trường suốt nhiều tháng để đến yết kiến đức Phật Sống. Trong đám đông có cả những nông dân, những nhà vương gia quý tộc, những dân du mục, lái buôn và những người bệnh nan y, hy vọng tìm thấy phép mầu ở thủ đô *Lhasa* giúp họ khỏi bệnh.

Họ đi chật ních đường sá, vì tất cả đều đi vòng quanh điện *Potala*, một quãng đường vòng dài đến chín cây số. Có người bò mọp dưới đất, những người khác nằm dài sóng sượt, rồi lại đứng lên, để rồi lại nằm mọp sát đất lần nữa, và cứ tiếp tục như vậy cho đến khi giáp vòng tòa cung điện của đức Phật Sống. Những người bệnh tật bước đi khập khiễng trên những cây nạng gỗ hoặc nhờ bạn bè thân thuộc nâng đỡ.

Khắp nơi người ta thấy những người bán dạo rao hàng giải khát gồm có trà pha bơ và những thức ăn đủ loại. Người ta cũng có thể mua những đạo bùa, những món linh phù đã được chú nguyện bởi một đấng *hóa thân*. Những nhà tướng số đạo mạo ngồi bên đường xem số mệnh cho những người hành hương mê tín. Những người viết thuê bán những mẫu giấy chứng nhận rằng thân chủ họ đã đến viếng thủ đô *Lhasa* và tất cả những nơi thánh địa...

Chúng tôi đi xuyên qua đám rừng người mà không dừng bước vì đầu óc chúng tôi chỉ nghĩ đến cuộc yết kiến đức Phật Sống. Tư thất của đức *Đạt-lai Lạt-ma* tọa lạc trên nóc điện *Potala*, vì theo phong tục bản xứ, không ai có quyền ở một chỗ cao hơn Ngài. Một cầu thang vĩ đại xây bằng đá, bề rộng gần bằng một con đường lớn, đưa đến tư dinh của Ngài. Nhiều vị chức sắc hay quan chức lớn của Chính phủ cưỡi ngựa lên cầu thang này để khỏi phải đi bộ nhọc mệt. Chúng tôi gặp nhiều vị cưỡi ngựa như thế trên con đường đi lên nóc điện.

Điện *Potala* là một tòa cung điện độc lập xây trên một ngọn đồi. Đó là cơ quan đầu não giải quyết tất cả mọi công việc chính trị và tôn giáo của xứ Tây Tạng. Đó là trung tâm của quốc gia, mục tiêu của mọi tư tưởng, nguồn gốc của mọi hy vọng.

Bên trong vòng thành của cung điện, trong những tòa nhà của Ngân khố Quốc gia có dự trữ những khối vàng ròng, vô số những bao đựng ngọc ngà châu báu và những báu vật quý giá từ những thời đại cổ xưa nhất. Những tòa lâu đài dinh thự đã được xây cất đến nay không quá ba thế kỷ rưỡi, nhưng được dựng trên nền móng của một tòa cung điện cũ. Ngày xưa, có một pháo đài kiên cố ngự trị trên đỉnh núi. Ngọn núi này xưa kia vốn là một núi lửa, có chứa đựng trong lòng nó

một hang động khổng lồ với những đường hầm tỏa ra tứ phía. Một trong những đường hầm này đưa đến một cái hồ ngầm dưới mặt đất. Chỉ có một số rất ít những người được ưu đãi mới đi đến đó, hoặc được biết về cái hồ này.

Chúng tôi trèo lên cầu thang của điện Potala vào một buổi sáng đẹp trời. Sau cùng chúng tôi đã lên tới tột đỉnh cầu thang. Khi vừa thấy sư phụ tôi, những nhà sư bảo vệ thân hình cao lớn lực lưỡng, có phận sự canh gác bên ngoài, bèn mở cánh cửa lớn thếp vàng. Chúng tôi tiếp tục bước lên đến một điểm cao tột trên nóc điện, tại đây có lăng tẩm của những vị *Đạt-lai Lạt-ma* của quá khứ, tức tiền thân của đức *Đạt-lai Lạt-ma* hiện tại, và tư thất của Ngài.

Một bức màn lớn màu nâu dệt bằng lông bò *yak* che khuất lối vào. Khi bức màn vén lên, chúng tôi bước vào một gian phòng lớn, có những con rồng lớn bằng sứ màu xanh chầu ở phía ngoài cửa. Những màn che trướng rũ đẹp lộng lẫy, trên đó có thêu tranh vẽ các cảnh tượng tôn giáo và những cảnh trong truyện thần thoại cổ xưa, bao phủ các vách tường.

Trên những bàn thấp có bày những bảo vật và đồ cổ rất quý giá, những pho tượng các vị thần và nữ thần trong thần thoại Tây Tạng cùng những đồ trang trí khác...

Trên một cái kệ, gần một hành lang hẹp có màn che khuất, có đặt quyển sách ghi danh hiệu các nhà thế gia vọng tộc trong xứ. Tôi có ý nghĩ muốn được phép mở ra và nhìn thấy danh sách của gia đình tôi để tăng thêm lòng tự tin!

Ngày hôm ấy, ở một chốn cung điện thâm nghiêm như vậy, tôi cảm thấy mình vô cùng nhỏ bé và vô nghĩa. Mới lên tám tuổi, tôi đã không còn nuôi những ảo tưởng, và tôi tự hỏi không biết những lý do nào đã khiến cho vị nguyên thủ quốc gia gọi tôi vào gặp Ngài. Tôi biết rằng một cuộc hội kiến như vậy có ý nghĩa đặc biệt, và theo ý tôi, nó sẽ mở màn cho một loạt những công phu học hỏi, làm việc và thử thách.

Một vị *Lạt-ma* mặc áo đỏ, có manh lụa yểm tâm vàng phủ lên vai và trước ngực, bước đến đàm đạo với Đại đức Minh Gia. Sư phụ tôi có vẻ rất quen thuộc với mọi người trong điện *Potala*, cũng như ở bất cứ nơi nào mà tôi cùng đi viếng chung với người. Tôi nghe vị *Lạt-ma* ấy nói:

- Đức Thái Tuế rất thích thú và muốn nói chuyện riêng với y.

Sư phụ tôi quay lại phía tôi và nói:

- Đây là lúc con vào trình diện. Ta sẽ chỉ cửa cho con bước vào. Con hãy làm đúng những gì con đã tập dượt suốt tuần lễ vừa rồi.

Sư phụ dắt tôi đến một cánh cửa và nói nhỏ bên tai tôi:

- Con đừng e ngại gì cả... Bây giờ, con hãy vào đi.

Sau khi vỗ vai tôi một cái để khích lệ tinh thần, sư phụ đứng nhìn tôi.

Tôi bước vào, ở cuối gian phòng rộng mênh mông, đức *Đạt-lai Lạt-ma* thứ mười ba, tức vị Phật Sống Tây Tạng, đang ngự tại đó. Ngồi trên một chiếc nệm bằng lụa màu vàng nghệ, Ngài mặc đồ trang phục thông thường của các vị *Lạt-ma*. Ngoài ra là một cái mũ lớn màu vàng, có hai cánh thòng xuống tận vai. Ngài vừa cầm một quyển sách đặt xuống bàn bên cạnh chỗ ngồi.

Đầu cúi xuống, tôi từ từ tiến tới. Khi chỉ còn cách Ngài độ hai thước, tôi quì xuống, thè lưỡi ra vái chào Ngài ba lần, và tiến tới trên hai đầu gối, tôi đặt trên hai bàn chân ngài cái khăn quàng bằng lụa mà Đại đức Minh Gia đã đưa cho tôi. Để đáp lễ, đức Phật Sống nghiêng về phía tôi và đặt một khăn quàng mới của ngài trên hai cườm tay tôi, chứ không đặt trên cổ tôi theo nghi lễ cổ truyền.

Khi đó, tôi cảm thấy trong lòng rối loạn, với ý nghĩ là tôi phải đi thụt lùi đến chiếc nệm gần nhất, vì tôi nhận thấy những chiếc nệm đều đặt ở cách rất xa chỗ tôi đứng. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* liền nói:

- Những chiếc nệm đó đều quá xa để cho con phải đi thụt lùi. Con hãy quay lại nửa vòng và lấy một chiếc đem lại gần đây để chúng ta có thể nói chuyện với nhau.

Tôi tuân lệnh làm y theo và trở lại trước mặt ngài với một chiếc nệm. Ngài nói:

- Con hãy đặt chiếc nệm trước mặt ta và ngồi xuống.

Khi tôi đã an tọa, Ngài mới nói:

- Ta đã nghe nói nhiều điều lạ lùng về phần con. Con bẩm sinh sẵn có năng khiếu thần nhãn tự nhiên, và năng khiếu ấy đã được phát triển do một phép luyện bí mật. Ta có một hồ sơ về tiền kiếp của con, cùng với những lời tiên tri của các chiêm tinh gia. Cuộc đời của con sẽ khổ nhọc lúc đầu, nhưng nó sẽ được thành công mỹ mãn. Con sẽ đi châu du khắp nơi trên thế giới, biết được nhiều xứ lạ mà con chưa hề nghe nói đến bao giờ. Con sẽ chứng kiến bao nhiêu cảnh chết chóc, tàn phá và một sự bạo tàn khủng kiếp vượt ngoài sức tưởng tượng. Con đường của con sẽ rất dài và gian khổ, nhưng nó sẽ thành tựu tốt đẹp như đã tiên liệu từ trước.

Tại sao ngài nói với tôi những điều này, những điều mà tôi đã thuộc lòng từ lâu, không sót một chữ, kể từ năm tôi lên bảy? Tôi cũng biết rằng sau khi mãn khóa học Y khoa và giải phẫu ở Tây Tạng, tôi sẽ đi tu nghiệp các môn trên ở Trung Hoa...

Nhưng đức Phật Sống vẫn tiếp tục nói chuyện. Ngài căn dặn tôi nên giữ gìn, không nên biểu lộ quyền năng hay nói về các vấn đề bản thể hoặc thần thức khi sống ở các nước Tây phương. Ngài nói:

- Ta đã từng đi qua Ấn Độ và Trung Hoa. Ở những nơi ấy, người ta có thể bàn luận về những chân lý siêu hình. Nhưng ta đã gặp nhiều người đến từ các nước Tây phương. Họ không có sự nhận định về các giá trị tâm linh như chúng ta, họ chỉ biết có thương mãi với bạc vàng. Các nhà bác học của họ thường nói: "Các người hãy chỉ cho chúng tôi thấy sự có thật của linh hồn. Hãy đưa nó ra cho chúng tôi xem, để chúng tôi có thể sờ mó, cân lường và nhìn thấy phản ứng của nó đối với chất a-xít. Hãy chỉ cho chúng tôi thấy cơ cấu tế bào của nó, cùng những phản ứng hóa học của nó. Chúng tôi cần một bằng chứng, một bằng chứng cụ thể..." Họ sẽ nói với con như vậy, mà không biết rằng với cái thái độ tiêu cực và nghi ngờ đó, họ đã hủy hoại mọi dịp may để có được cái bằng chứng mà họ đòi hỏi... Nhưng mà này, chúng ta cần uống trà đã chứ.

Ngài gõ nhẹ một cái vào cái cồng nhỏ bằng đồng, và ra lệnh cho một vị *Lạt-ma*, người này liền trở lại ngay khi đó với trà bơ và bánh kẹo nhập từ Ấn Độ.

Trong khi chúng tôi dùng trà bánh, đức Phật Sống nói chuyện với tôi về xứ Ấn Độ và Trung Hoa. Ngài cũng nói rằng Ngài muốn tôi phải học tập ráo riết và ngài sẽ chọn những vị đạo sư đặc biệt để huấn luyện cho tôi. Không thể kiềm chế được sự bồng bột của tuổi trẻ, tôi nói luôn:

- Bạch Thái Tuế, chắc không có ai giỏi hơn Đại đức Minh Gia, sư phụ của con!

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* nhìn tôi một lúc, rồi phát tiếng cười lớn. Có lẽ chưa ai từng nói với Ngài bằng một giọng như thế, đừng nói chi đến một đứa trẻ mới lên tám tuổi. Sự thẳng thắn của tôi dường như làm cho Ngài thích thú, Ngài nói:

- Như vậy, theo ý con, Đại đức Minh Gia là người giỏi nhất trên đời này? Con hãy nói cho ta biết con nghĩ thế nào về Đại đức, hả, con gà tre non cứng cựa!

- Vạn bạch Thái Tuế, Ngài đã nói rằng năng khiếu thần nhãn của con là một quyền năng ít có. Như vậy, con xin bẩm Ngài rằng Đại đức Minh Gia là người tài ba lỗi lạc nhất mà con từng gặp!

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* vừa cười lớn vừa gõ vào cái cồng đặt bên cạnh Ngài. Vị *Lạt-ma* hầu cận lúc nãy lại bước vào, Ngài nói:

- Hãy mời Đại đức Minh Gia vào.

Đại đức Minh Gia bước vào và vái chào đức Phật Sống. Ngài phán:

- Đạo hữu Minh Gia, ông hãy lấy một chiếc nệm và lại ngồi đây. Người đệ tử trẻ của ông vừa nói chuyện với tôi về ông đấy. Tôi hoàn toàn tán đồng sự xét đoán của anh ta.

Sư phụ ngồi xuống gần bên tôi. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* lại nói:

- Ông đã đảm trách việc huấn luyện cho Lâm Bá. Vậy ông hãy sắp đặt việc học của anh ta thế nào tùy ý. Ông sẽ hỏi tôi những văn thư ủy quyền mà ông cần dùng. Thỉnh thoảng, tôi sẽ gặp lại Lâm Bá sau này.

Ngài quay về phía tôi và nói:

- Con đã chọn lựa đúng đấy. Sư phụ con là một bạn cũ của ta lúc thiếu thời và là một bậc danh sư về khoa huyền vi.

Sau khi đã trao đổi vài lời, chúng tôi đứng dậy vái chào từ biệt đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Nhìn sắc diện của

người, tôi đoán rằng trong thâm tâm sư phụ rất hài lòng về tôi và về cái ấn tượng mà tôi đã gây ra trong buổi yết kiến vị nguyên thủ quốc gia. Người nói:

- Chúng ta sẽ ở lại đây vài ngày và sẽ viếng thăm những nơi bí mật trong cung điện. Ở tầng dưới có những dãy hành lang và những gian phòng kín chưa từng có chân người bước vào từ hai thế kỷ nay. Ở đó, con sẽ học hỏi được nhiều điều về huyền sử của xứ Tây Tạng.

Một trong những vị *Lạt-ma* hầu cận đức Phật Sống đến gặp chúng tôi và cho biết rằng có hai phòng đã được dành sẵn cho thầy trò chúng tôi trên nóc điện *Potala*. Nói xong, người đưa chúng tôi đến nơi.

Tôi vô cùng hứng khởi khi thấy gian phòng của tôi nhìn thẳng xuống thủ đô *Lhasa* và vùng đồng bằng chung quanh. Vị *Lạt-ma* lại nói:

- Đức Thái Tuế có chỉ thị rằng hãy để cho hai vị quý khách được đi lại tự do và mở rộng hết các cửa cho quý vị.

Sư phụ khuyên tôi hãy nằm nghỉ giây lát. Vết sẹo do chỗ bỏng ở đùi bên trái để lại hãy còn làm cho tôi đau đớn khó chịu, và tôi còn phải đi khập khiễng. Có lúc người ta đã sợ rằng tôi sẽ bị phế tật suốt đời.

Tôi nằm nghỉ trong một giờ, cho đến khi sư phụ trở lại với trà và thức ăn. Người nói:

- Lâm Bá, đây là vài món quà sáng để con dùng tạm đỡ lòng. Thức ăn ở đây rất ngon, chúng ta hãy thưởng thức tự nhiên.

Tôi không cần sự thúc giục nào nữa để tuân lệnh sư phụ. Khi chúng tôi ăn xong, sư phụ đưa tôi đến một gian phòng ở phía bên kia nóc điện. Tôi lấy làm lạ mà thấy ở các cửa sổ đều có gắn kiếng. Tôi chưa từng nhìn thấy cửa kiếng bao giờ. Nhưng chưa phải là hết. Sau khi mở các cửa sổ, sư phụ còn đưa cho tôi xem một ống đồng có bao da, giống như một cái kèn không có loa. Đó là lần đầu tiên tôi được thấy một cái ống kính viễn vọng để nhìn ra xa.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã đem từ Ấn Độ về đây nhiều ống kính viễn vọng, dài ngắn đủ cỡ mà Ngài rất thích dùng để ngắm phong cảnh. Cũng chính ở điện *Potala* mà lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy hình tôi phản chiếu trong một tấm gương, nhưng không nhận ra người trong gương: Một đứa trẻ xanh xao, với một cái thẹo lớn giữa trán và một cái mũi hơi lồi!

Có lẽ bạn đọc sẽ nghĩ rằng một xứ không có cửa kiếng, kính viễn vọng và gương soi như Tây Tạng là một xứ sở rất lạ lùng! Nhưng thật ra dân tộc Tây Tạng không

hề mong ước có được những thứ ấy. Họ cũng không cần dùng tới các loại xe cộ. Các loại xe dùng để phục vụ tốc độ và cái gọi là "*văn minh*". Từ lâu, người Tây Tạng đã hiểu rằng đời sống doanh thương là một cuộc đời quá ư náo động để có thể dành thời gian cho việc tu dưỡng tâm linh. Từ hàng nghìn năm trước, người Tây Tạng đã từng khám phá những bí quyết của các hiện tượng thần nhãn, thần giao cách cảm và những hiện tượng siêu hình khác. Nhiều vị *Lạt-ma* Tây Tạng có thể ngồi mình trần trên tuyết lạnh và làm tan rã băng tuyết chỉ bằng quyền năng của ý chí. Các vị ấy cũng có thể khinh thân nhẹ bổng lên không trung, nhưng họ không bao giờ dùng những quyền năng đó để biểu diễn trước công chúng.

Một vị danh sư Tây Tạng luôn luôn đặt các đệ tử trước những cuộc thử thách để biết chắc rằng họ xứng đáng được truyền thụ những bí thuật thần thông. Bởi đó, những quyền năng siêu nhiên không bao giờ được biểu diễn một cách hời hợt, vô trách nhiệm, mà chỉ được truyền dạy trong vòng bí mật cho những đệ tử thật xứng đáng. Những quyền năng đó không có gì là nhiệm mầu, mà chỉ là kết quả của việc áp dụng một vài định luật thiên nhiên.

Ở Tây Tạng, có người cần phải sống lẫn lộn với người đời để tự trau dồi và tu luyện bản thân, có người lại cần

phải từ bỏ cuộc đời thế gian để sống ẩn dật trong âm thầm. Những người này tìm đến các tu viện hẻo lánh trên non cao núi thẳm. Tại đây, họ ở trong một xà lim hay một gian phòng nhỏ hẹp, với những vách tường bằng đá đôi khi dày đến hai thước, để ngăn mọi tiếng động lọt vào từ bên ngoài.

Khi người tu sĩ đã quyết định nhập thất ở nơi đó, người ta mới khóa chặt cửa vào, và người ấy sẽ sống trơ trọi một mình trong gian phòng bằng đá ấy, không ánh sáng, không bàn ghế, không có gì cả. Mỗi ngày một lần, ông ta được cung cấp đồ vật thực do một cái lỗ trống kín đáo, xuyên qua đó không hề có ánh sáng hay tiếng động lọt vào.

Thời kỳ nhập thất đầu tiên thường kéo dài trong ba năm ba tháng và ba ngày. Trong thời gian đó, hành giả tập trung thiền quán về ý nghĩa cuộc đời và bản thể của con người. Hành giả không được rời khỏi phòng vì bất cứ lý do nào. Một tháng trước khi chấm dứt giai đoạn nhập thất, nóc phòng được soi một lỗ nhỏ để lọt vào một tia ánh sáng lờ mờ. Kế đó, lỗ nhỏ ấy sẽ được nới rộng dần dần để cho đôi mắt người tu sĩ quen dần trở lại với ánh sáng mặt trời. Nếu không làm vậy, hành giả sẽ có thể bị mù lòa khi bước ra khỏi phòng. Có nhiều trường hợp rất thường xảy ra là sau vài tuần sống trở

lại cuộc đời thế tục, các tu sĩ ấy lại quay trở về nơi nhập thất của họ và ở luôn tại đó cho đến mãn đời.

Một cuộc đời như thế không phải là khô khan hay vô ích như nhiều người vẫn tưởng. Con người có một tâm thức, có khả năng hiện hữu ở những cảnh giới khác hơn là cõi trần gian này. Một khi đã giải thoát khỏi sự trói buộc của thể xác, thần thức có thể chu du khắp nơi trong vũ trụ càn khôn và giúp đời bằng sức mạnh tư tưởng.

Ở Tây Tạng, người ta tin rằng tư tưởng là những âm ba rung động của tinh lực. Vật chất chỉ là tinh lực đông đặc lại. Một tư tưởng, nếu biết điều khiển đúng cách và kết tinh lại, có thể làm di chuyển một đồ vật. Nếu biết điều khiển nó theo phương pháp thần giao cách cảm, người ta có thể làm cho một người khác ở cách xa cảm nhận được ý nghĩ của mình và hành động một cách thích nghi theo ý mình muốn.

Việc học đạo của tôi không cần có sự nhập thất dài hạn trong một gian phòng u tối. Nó được thực hiện theo một phương pháp đặc biệt, nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định, theo lệnh dạy khẩn thiết của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Chương trình học đạo của tôi gồm những vấn đề thuộc về khoa học huyền vi mà tôi không tiện nêu ra trong một quyển sách dành cho đại chúng. Tôi

chỉ có thể nói rằng, tôi được thụ huấn về nhiều vấn đề mà phần đông các tu sĩ không thể học hết được trong thời gian suốt cả một đời người.

Cuộc viếng thăm điện *Potala* của tôi có liên hệ đến phần đầu của sự huấn luyện nói trên. Những kho vật dụng của điện *Potala* chứa đầy những pho tượng rất quý giá, những kinh sách cổ và những bức tranh vẽ trên tường trình bày những đề tài tôn giáo. Trải qua nhiều thế kỷ, những tặng phẩm quý giá từ các nơi trên thế giới được gửi đến điện *Potala* để cống hiến cho các vị *Đạt-lai Lạt-ma* trong quá khứ.

Hầu hết những phẩm vật này đều chất trong những phòng đặc biệt. Tại đây tôi đã trải qua nhiều giờ nhìn các đồ phẩm vật ấy một cách thích thú bằng nhãn quang thần thông để biết được tâm ý của những người tặng quà. Đó là một tài liệu xác đáng để biết những tư tưởng thầm kín của người đời. Khi tôi xác định những ấn tượng mà một phẩm vật đã gây ra cho tôi, sư phụ tôi lật một quyển sách và thuật cho tôi nghe lịch sử từ thuở sơ khai của nó cho đến bây giờ. Tôi lấy làm hứng khởi mà nghe sư phụ khen tặng tôi:

- Khá khen cho con, Lâm Bá, con đã có những tiến bộ hiển nhiên không thể phủ nhận.

Trước khi rời khỏi điện *Potala*, chúng tôi xuống thám hiểm một trong các đường hầm. Người ta cho tôi biết rằng còn có những đường hầm khác sẽ được chỉ cho tôi thấy sau này.

Mỗi người cầm một ngọn đuốc, chúng tôi rón rén cẩn thận bước xuống một cầu thang dài như vô tận, đưa xuống những ngõ ngách giao thông mà hai bên vách đều bằng đá. Tôi được biết rằng những đường hầm này sở dĩ có là do một cơn địa chấn và núi lửa tạo ra từ nhiều ngàn năm nay.

Trên vách, tôi nhìn thấy những hình kỷ hà rất lạ lùng và những hình vẽ các hoạt cảnh mà tôi không nhận ra là hình gì. Tôi nôn nao muốn đến xem cái hồ ở dưới lòng đất, mà tôi nghe nói rằng vị trí của nó nằm ở chỗ cuối cùng của một hang ngách và hồ ấy rộng đến nhiều cây số vuông. Sau cùng, chúng tôi đi đến một đường hầm, lúc đầu còn nhỏ hẹp, nhưng trở nên rộng lớn dần dần cho đến khi những vòm cao của nó chìm hẳn trong bóng tối, ngoài tầm ánh sáng của các ngọn đuốc.

Đi độ chừng một trăm thước, chúng tôi đã đến bờ hồ, nước đọng và đen như mực, đến nỗi người ta có cảm giác rằng đó không phải là hồ nước mà là một cái lỗ không đáy đen ngòm. Không một gợn sóng nhỏ hay

một vết nhăn trên mặt hồ, cũng không một tiếng động làm gián đoạn cái im lặng chết người. Ánh sáng các ngọn đuốc chiếu lóng lánh trên tảng đá đen ngòm dưới chân chúng tôi. Một cái gì chiếu sáng trên vách đá. Tôi bước lại gần nhìn xem thì thấy vách đá có chứa đựng một mạch vàng lớn từ năm đến bảy thước bề dài. Ngày xưa, nhiệt độ cao đã làm chảy mạch vàng này, vàng đã tan rã ra như chất sáp lỏng của một ngọn đèn bạch lạp, rồi sau đó đã trở nên nguội dần và đông đặc lại. Đại đức Minh Gia phá tan sự im lặng:

- Cái hồ này thông ra sông *Tsang-Po*, cách đây sáu mươi cây số. Cách đây đã lâu, một nhóm các nhà sư mạo hiểm kết bè, đốt đuốc và chèo ra khơi. Họ chèo ra xa đến hàng bao nhiêu cây số trên mặt hồ hoàn toàn xa lạ, không định hướng, và sau cùng họ đến một chỗ mà mặt hồ nới rộng ra, đến nỗi không còn nhìn thấy vòm đá ở trên đầu và vách đá ở hai bên nữa. Họ vẫn tiếp tục chèo mà không biết phải theo chiều hướng nào...

Tôi vừa nghe vừa hình dung cảnh tượng lúc ấy, dường như tôi cũng đang ngồi trên bè với các nhà sư. Sư phụ nói tiếp:

- Họ đã đi lạc và không thể nào tìm ra phương hướng được nữa. Thình lình, chiếc bè lật nghiêng, đuốc của họ bị một ngọn gió thổi tắt, và họ chới với giữa cảnh tối đen như mực. Họ bám víu lấy chiếc bè, xoay vòng trên

mặt hồ giữa đêm tối, bàng hoàng kinh sợ và có người đã bắt đầu nhuốm bệnh. Chiếc bè bị gió cuốn đi mau đến nỗi những ngọn sóng nhỏ tràn lên bè và làm cho họ bị ngâm nước lạnh thấu xương. Mỗi lúc bè càng trôi mau hơn, dường như có một bàn tay vô hình lôi cuốn họ đi vào chỗ chết. Cuộc phiêu lưu đó đã kéo dài bao lâu, họ cũng không biết vì họ đã mất cả ý niệm về thời gian. Không có một ánh sáng nào chung quanh, bóng tối dày đặc và đen kịt dường như chưa bao giờ có ánh sáng trên mặt đất. Chiếc bè tre bị sóng dập gió vùi, những ngọn gió mạnh như vũ bão thổi rít lên từng chặp. Bè lật nghiêng, họ bị lật nhào và chìm dưới đáy nước. Vài người chỉ có vừa đủ thời giờ để hít một hơi thở. Những người khác không kịp thở. Những người sống sót trôi dạt bềnh bồng cho đến khi họ nhìn thấy một ánh sáng xanh lợt, mờ mờ và mỗi lúc càng tỏ rạng. Sau cùng, họ trôi dạt vào bờ dưới ánh nắng mặt trời. Hai vị sư đã tấp vào bờ, thân mình đầy những máu và vết bầm giập, ngất ngư như người sắp chết. Ba người khác đã biệt mất tăm hơi, không để lại dấu tích. Suốt nhiều giờ, họ nằm sóng sượt trên mặt đất, trước nanh vuốt của tử thần, giữa sự sống và sự chết. Sau cùng, một người hồi tỉnh lại và mở mắt nhìn quanh. Điều mà y nhìn thấy làm cho y xúc động đến muốn xỉu. Đằng xa, nhô lên ngọn đồi của điện *Potala*, chung quanh có những con bò *yak* đang ăn cỏ trên những cánh đồng xanh tươi. Ý nghĩ đầu tiên đến với họ là chắc có lẽ họ đã chết và

đang ở trên một cõi trời Tây Tạng. Ngay khi đó họ nghe có tiếng chân người bước đến gần, đó là một mục đồng đang cúi xuống nhìn họ. Người mục đồng này vừa vớt lên mảng tre còn lại của chiếc bè mà y nhìn thấy trôi lênh đênh trên sông *Tsang-Po*. Sau khi được nghe câu chuyện kể lại và biết rằng họ là các nhà sư, người mục đồng bèn đi đến điện *Potala* để báo tin và tìm cáng để khiêng họ về. Kể từ khi đó, ít người dám mạo hiểm đi trên hồ, nhưng người ta biết rằng có những hòn đảo nhỏ ở trong đó, và có một đảo đã được thám hiểm. Điều mà người ta tìm thấy trên hòn đảo đó, con sẽ được biết vào lúc nhập môn.

Tôi nghe nói vậy, liền mong ước được thả bè đi trên hồ ngay lập tức! Sư phụ nhìn tôi và cười:

- Thật vậy, đó là một kinh nghiệm lý thú, nhưng cần gì phải nhọc sức đi đến nơi khi người ta có thể đi thám hiểm nơi đó dễ dàng bằng cách xuất thần? Con có thể thực hiện điều đó, Lâm Bá, và trong vài năm nữa con sẽ có thể cùng ta đi thám hiểm cái hồ ấy rồi góp phần hiểu biết của con vào phần kiến thức mà chúng ta đã có về vấn đề này. Nhưng bây giờ thì con còn phải học hỏi rất nhiều.

Ánh lửa trên ngọn đuốc của chúng tôi sắp tắt, và tôi nhận ra rằng chúng tôi sẽ phải đi mò trong đêm tối trên đường về như những người mù. Tôi tự trách vì

chúng tôi đã quá vô tâm đến nỗi không mang thêm vài ngọn đuốc để thắp nối.

Ngay lúc đó, Đại đức Minh Gia thò tay vào một lỗ trống ẩn giấu trên vách đá, lấy ra những ngọn đuốc mới rồi thắp nối theo những cây đuốc đã tàn. Người nói:

- Chúng ta có dự trữ sẵn đuốc ở đây, vì thật khó mà tìm thấy đường về trong bóng tối. Bây giờ, chúng ta lên đường!

Chúng tôi đi lần mò một cách vất vả khó nhọc theo những đường hầm lên dốc, thỉnh thoảng ngừng lại để thở và nhìn những tranh vẽ trên vách. Tôi không hiểu ý nghĩa những hình vẽ này là như thế nào. Trái lại, sư phụ tôi rõ ràng là đã rất thành thạo về những hình ảnh đó và người đi lại trong các đường hầm tối đen này một cách quen thuộc như ở nhà. Tôi linh cảm rằng chỗ này hẳn có điều gì bí mật và định thối lui lại để tìm cách khám phá cái cửa bí mật của con đường hầm này, nhưng giọng nói của Sư phụ gián đoạn giòng tư tưởng của tôi:

- Lâm Bá, con lẩm cẩm như một ông già! Chỉ còn vài nấc thang nữa là chúng ta sẽ thấy lại ánh sáng mặt trời. Khi lên tới nóc điện, ta sẽ chỉ cho con thấy chỗ mà các nhà sư ngày xưa đã ngoi lên mặt đất sau cuộc thám hiểm của họ.

Khi chúng tôi lên tới nóc điện *Potala*, sư phụ tôi làm theo lời hứa, và tôi đã muốn phóng lên lưng ngựa phi nước đại trên sáu chục cây số để đến nhìn xem chỗ ấy tận mắt. Nhưng sư phụ tôi nói rằng không có gì khác hơn là cảnh vật nhìn thấy trong ống kính viễn vọng. Lối thoát lên mặt đất của cái hồ này vốn nằm dưới mực nước rất sâu và không có gì để ghi dấu cho biết nó nằm chỗ nào, trừ ra một chòm cây được trồng ở phía trên do lệnh truyền của đức *Đạt-lai Lạt-ma* trong một tiền thân của Ngài.

CHƯƠNG IX

TRẠI HOA HỒNG

Qua hôm sau, thầy trò chúng tôi sửa soạn để trở về tu viện *Chakpori*. Chúng tôi không vội vàng lắm vì cảm thấy được nghỉ ngơi thoải mái tại điện *Potala*. Trước khi lên đường, tôi còn bước nhanh lên nóc điện để được ngắm nhìn phong cảnh một lần cuối cùng. Xuyên qua ống kính viễn vọng nhìn về nóc tu viện *Chakpori*, tôi thấy một chú tiểu đang nằm dài trên sân thượng để đọc sách, thỉnh thoảng lại ngừng đọc để tinh nghịch ném những viên sỏi nhỏ lên cái đầu trọc của các nhà sư đang đi qua lại ở sân dưới. Trong kính viễn vọng tôi còn nhìn thấy được nụ cười ranh mãnh của chú ta khi vội vàng ẩn nấp để tránh những cái ngước nhìn ngạc nhiên của nạn nhân.

Nhân dịp này, tôi cảm thấy băn khoăn lo sợ vì chắc hẳn là đức *Đạt-lai Lạt-ma* cũng đã nhìn thấy chính tôi đã nhiều lần đùa nghịch giống như vậy! Kể từ đó, tôi

nghĩ là giới hạn những sự nghịch ngợm tinh quái của tôi chỉ ở những góc tu viện nào không thể nhìn thấy được từ trên nóc điện *Potala*.

Giờ lên đường đã điểm. Chúng tôi từ giã và cám ơn các vị *Lạt-ma* đã giúp cho thời gian lưu trú ngắn ngủi của chúng tôi tại đây được thoải mái dễ chịu. Chúng tôi cũng tỏ lòng ưu ái cảm tạ viên Huỳnh môn quan của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, là người thủ kho lương thực, đã phân phát trà bánh và kẹo mứt ngon có tiếng nhập từ Ấn Độ cho chúng tôi dùng tự do tùy thích. Viên Huỳnh môn quan chắc hẳn là có thiện cảm với tôi, vì lúc từ giã, người còn đưa tặng cho tôi một món quà ngon mà tôi không ngần ngại cho vào miệng nhai liền khi đó.

Sau khi ăn uống no đủ lấy sức, chúng tôi bắt đầu đi xuống cầu thang lớn để trở về tu viện. Chúng tôi vừa xuống được nửa cầu thang thì nghe có tiếng gọi giật lại. Những nhà sư đi ngang qua đó ra dấu bảo chúng tôi hãy quay đầu nhìn lại phía sau. Một nhà sư hấp tấp chạy xuống cầu thang, vừa thở dốc vừa chuyển giao một thông điệp cho Đại đức Minh Gia. Sư phụ tôi nói:

- Lâm Bá, con hãy đợi ta ở đây, ta đi sẽ không lâu.

Kế đó, người quay lưng đi trở lên cầu thang. Tôi liền dạo chơi thơ thẩn một mình quanh đó, nhìn xem phong cảnh, và ngắm nhìn ngôi nhà cũ của tôi từ đằng

xa. Tôi đang miên man nghĩ đến những kỷ niệm xưa, thì khi vừa quay đầu lại tôi suýt phải té ngửa khi thấy cha tôi cưỡi ngựa chạy thẳng về phía tôi đang đứng. Đúng vào lúc tôi nhìn thấy cha tôi thì người cũng vừa thấy tôi. Cha tôi hơi nghiêng đầu tới trước để xem cho rõ khi người nhận ra tôi. Nhưng rồi cha tôi đi ngang qua trước mặt tôi mà không nhìn tôi nữa. Tôi cảm thấy lòng buồn vô hạn. Tôi nhìn theo cha tôi đi dần ra xa. Tôi gọi theo:

- Cha!

Nhưng người vẫn tiếp tục thong thả cưỡi ngựa đi luôn, dường như không nghe thấy tiếng tôi gọi. Tôi rơm rớm nước mắt và run lên vì xúc động. Nếu lúc ấy tôi đứng giữa đám đông người, thì hẳn tôi đã tự chuốc lấy một điều bẽn lẽn, hổ thẹn trước công chúng, và nhất là khi ở trên cầu thang của điện *Potala*! Với một ý chí làm chủ hệ thần kinh đa cảm của mình làm chính tôi cũng phải ngạc nhiên, tôi ngẩng mặt lên và nhìn về phía thành phố *Lhasa*.

Nửa giờ sau, Đại đức Minh Gia đã trở xuống với hai con ngựa và nói với tôi:

- Lâm Bá, hãy mau lên ngựa. Chúng ta phải đi mau đến tu viện *Sera*, vì một trong các vị sư già vừa bị tai nạn.

Nhận thấy ở mỗi bên yên ngựa đều có treo một bao da, tôi đoán rằng đó là những bao đựng đồ y cụ của sư phụ. Trên đường *Lingkhor*, chúng tôi sãi ngựa ngang qua trước nhà tôi; những người hành hương và hành khất đều tránh qua một bên đường.

Không bao lâu, chúng tôi đến tu viện *Sera*. Tại đây có một nhóm các nhà sư đã đứng đợi chúng tôi. Chúng tôi xuống ngựa, mỗi người cầm một bao y cụ trong tay. Khi ấy, một vị sư đưa chúng tôi vào một căn phòng. Tại đây có một vị lão tăng đang nằm thoi thóp.

Vị lão tăng có sắc mặt nhợt nhạt như chì, nguồn sinh lực của ông dường như đã sắp tàn. Đại đức Minh Gia gọi đem nước sôi. Khi nồi nước sôi đã sẵn sàng, người bèn bỏ vào đó vài nhúm dược thảo. Trong khi tôi khuấy nồi nước sôi cho ngấm thuốc, sư phụ tôi khám bệnh cho vị lão tăng và được biết vị này vừa bị té từ trên cao xuống đất. Một cái xương dẹp trên đầu bị trật khớp đè lên óc, làm ông ta bất tỉnh nhân sự.

Khi nồi nước thuốc đã nguội bớt, chúng tôi dùng một ít để rửa trán của người bệnh. Sư phụ cũng lấy nước thuốc ấy để rửa tay và ngâm những đồ y cụ giải phẫu vào nồi thuốc để khử trùng. Nhờ công dụng của chất thuốc ấy, vết thương của vị lão tăng không còn rỉ máu nhiều.

Kế đó, sư phụ lấy trong nồi thuốc ra hai cái gắp bằng bạc, đầu dẹp và có răng cưa. Người cẩn thận dùng hai cái gắp ấy lật miếng da đầu bị rách lên, đỡ lấy cái xương sọ bị trật khớp và đặt nó nằm ngay trở lại vị trí cũ. Xong, người nói:

- Cái xương sẽ tự nó hàn gắn vào khớp trở lại như thường và không còn đè lên óc nữa.

Người lại rửa vết thương với chất nước thuốc, và đặt lại chỗ cũ mảng da đầu đã lật lên lúc nãy. Xong rồi người mới may kín vết thương với những sợi chỉ bằng lông bờm ngựa trụng nước sôi, đắp thuốc lên và băng lại cẩn thận.

Sau khi bộ óc được giải tỏa khỏi miếng xương sọ đè lên, vị lão tăng có dấu hiệu bắt đầu lấy lại sức và cảm thấy khỏe dần. Chúng tôi đặt thêm vài chiếc gối dưới lưng để cho ông ta có thể ngồi nhổm dậy một cách thoải mái. Tôi rửa sạch các đồ y cụ, rồi lau bằng một miếng giẻ đã khử trùng và xếp lại cẩn thận trong hai cái bao da.

Khi tôi rửa tay, vị lão tăng mở mắt và nở một nụ cười yếu ớt khi ông ta nhận ra Đại đức Minh Gia đang ngồi bên cạnh giường. Ông nói:

- Tôi biết chỉ có ông là người duy nhất có thể cứu được tôi, vì thế tôi đã gửi một thông điệp bằng tư tưởng đến điện *Potala*. Sứ mạng của tôi ở thế gian chưa hoàn tất, nên tôi chưa sẵn sàng rời bỏ thể xác.

Sư phụ tôi chăm chú nhìn ông lão và đáp:

- Sư ông sẽ chóng khỏi. Chỉ cần chịu đựng vài ngày khó nhọc nữa, một hay hai cơn nhức đầu, rồi sau đó sư ông sẽ bình phục sức khỏe và làm việc lại như thường. Tuy nhiên, trong khi ngủ phải có một người trực kế bên để giữ cho sư ông đừng nằm dài. Nội trong ba hay bốn ngày nữa là sư ông sẽ thoát nạn.

Tôi bước lại gần cửa sổ. Thật là một điều lý thú được nhìn xem cách sinh hoạt của các nhà sư trong một tu viện khác. Sư phụ bước đến gần tôi và nói:

- Bây giờ ta sẽ đưa con đi viếng thăm một cộng đồng các nhà sư sinh hoạt khác hẳn với tu viện của chúng ta.

Sau khi đã giao người bệnh cho một vị *Lạt-ma* săn sóc, chúng tôi bước ra ngoài hành lang. Tu viện này không được gìn giữ sạch sẽ như tu viện *Chakpori*. Kỷ luật cũng không được nghiêm nhặt lắm, các nhà sư đi lại tự do tùy ý.

So với tu viện của chúng tôi, thì các thánh điện của họ không được săn sóc lau chùi tươm tất; mùi nhang khói ở đây cũng nồng nặc hơn. Từng nhóm trẻ con chơi ở ngoài sân. Nếu ở *Chakpori* thì vào giờ này chúng phải đang làm việc ráo riết.

Tu viện này hoàn toàn thiếu trật tự, sự sạch sẽ và kỷ luật mà tôi vẫn thường coi như là những điều luật căn bản. Sư phụ tôi hỏi:

- Lâm Bá, con có muốn ở lại tu viện này và sống một cuộc đời dễ dãi tự do như họ chăng?

Tôi đáp:

- Bạch sư phụ, chắc chắn là không. Con nghĩ rằng họ chỉ là một tập đoàn người man rợ.

Sư phụ bật cười:

- Thế là ở đây có tất cả bảy ngàn người man rợ, và như vậy là hơi nhiều! Chỉ cần một thiểu số người bê bối là đủ làm cho cả một tập đoàn phải mang tiếng, con biết không?

Một sự thật hiển nhiên mà mọi người đều biết rõ, là tu viện của chúng tôi có một kỷ luật gắt gao nhất, còn ở hầu hết những tu viện khác thì kỷ luật rất là lỏng lẻo. Ở những nơi đó, nếu một nhà sư muốn giải đãi,

lười biếng, thì ông ta được tự do lười biếng mà không ai nói gì.

Tu viện *Sera* còn được biết với cái tên riêng là Trại Hoa hồng, nằm cách điện *Potala* năm cây số và là một thành phần của nhóm cộng đồng tu viện gọi là *Tam đỉnh viện*. Trong cộng đồng này thì tu viện *Drebung* với con số trên mười nghìn nhà sư là tu viện lớn nhất. Kế đó là tu viện *Sera* với chừng bảy ngàn năm trăm nhà sư, và sau hết là tu viện *Ganden* với gần sáu nghìn nhà sư.

Tất cả ba tu viện này đều đồ sộ nguy nga như những thành phố thật sự, với những đường sá, trường học, đền thờ và tất cả những cơ quan, dinh thự quản trị hành chính cần thiết. Những nhà sư bảo vệ xuất thân từ tỉnh *Kham* đi tuần phòng thường xuyên trên các đường phố.

Tu viện *Chakpori* tuy nhỏ nhưng có thế lực rất lớn. Với tư cách là một Y viện, nó cũng là Trung tâm Y khoa của quốc gia, và có một số đại diện quan trọng trong Hội đồng Chính phủ. Ở tu viện *Chakpori*, người ta dạy chúng tôi võ thuật Tây Tạng. Không phải tất cả các tu viện đều có dạy môn võ thuật này. Trong tu viện của chúng tôi, môn võ thuật ấy được sử dụng để tập luyện cho các thiếu sinh biết tự vệ, làm chủ những phản ứng

tự nhiên của mình, làm tê liệt giác quan của một người vì mục đích giải phẫu y khoa, và để có thể di chuyển một cách an toàn trong những vùng nguy hiểm nhất.

Thật vậy, với tư cách là những vị *Lạt-ma* y sĩ, chúng tôi luôn luôn phải di chuyển đến tận những vùng hiểm trở, xa xôi, đầy những sự bất trắc, hiểm nghèo. Võ sư *Tzu*, như đã nói trước đây, là một chuyên viên về môn võ thuật tự vệ, có lẽ là vị võ sư giỏi nhất của xứ Tây Tạng. Ông đã dạy tôi tất cả những gì ông biết, với một tinh thần trách nhiệm và chỉ để lấy làm hài lòng vì đã làm tròn bổn phận của một võ sư.

Phần nhiều những người Tây Tạng đã trưởng thành đều biết một vài thế võ sơ đẳng để hộ thân. Nhưng về phần tôi, tôi đã tập luyện những thế võ đó từ khi mới lên bốn tuổi. Chúng tôi nghĩ rằng môn võ thuật này chỉ dùng để tự vệ và tự làm chủ lấy mình, chứ không nên dùng để biểu diễn trên võ đài như những tay đấu võ chuyên nghiệp.

Ở Tây Tạng, người ta thường nói rằng một người giỏi võ và có sức mạnh có thể rất ôn hòa hiền lành, còn những sự phô trương khoác lác là đặc tính của kẻ yếu. Với môn điểm huyệt, người ta có thể làm tê liệt giác quan của một người, có tác dụng như việc dùng thuốc mê để làm cho người ta không còn biết đau đớn khi cần

phải giải phẫu, nắn lại khớp xương bị trật, hay nhổ răng chẳng hạn. Người ta có thể làm cho một người trở nên bất tỉnh mà không hay biết rằng mình đã bị điểm huyệt, và vài giờ hay vài phút sau đó, người ấy sẽ thức tỉnh và vẫn sáng suốt mà không bị một ảnh hưởng xấu nào. Có điều lạ là một người bị điểm huyệt lúc đang nói chuyện sẽ bị bất tỉnh và ngủ mê đi, nhưng đến khi tỉnh dậy sẽ tiếp tục câu nói bị gián đoạn.

Vì môn điểm huyệt này vô cùng lợi hại như vậy, nên võ thuật tự vệ và điểm huyệt bí truyền của Tây Tạng chỉ được truyền thụ cho những môn đồ đã trải qua sự thử thách vô cùng gắt gao. Hơn nữa, để đạt sự cẩn mật và an toàn tuyệt đối, họ còn phải chịu một vài phép dẫn dụ bằng thôi miên để về sau không thể lạm dụng quyền năng này.

Một tu viện *Lạt-ma* giáo ở Tây Tạng không chỉ là nơi trú ngụ của những người cùng chí hướng tu hành, mà còn là một kiểu thành phố tự trị với những cơ quan quản trị và cả những nơi giải trí, tiêu khiển. Ở đó có cả những hí viện để trình diễn những màn kịch nghệ tôn giáo và văn hóa truyền thống. Những nhà sư nhạc công luôn sẵn sàng biểu diễn tài nghệ để giúp vui và để chứng tỏ rằng không một cộng đồng tu viện nào khác có những nhạc công tài giỏi như họ. Các nhà sư có tiền riêng để mua sắm thức ăn, quần áo, đồ xa xỉ phẩm và

sách vở trong các cửa tiệm. Những vị nào muốn tiết kiệm có thể gửi tiền vào những tòa ngân khố, hoạt động giống như các ngân hàng.

Tất cả những cộng đồng sinh hoạt trên thế giới đều không khỏi có những kẻ bất lương phạm pháp. Trong tu viện *Lạt-ma* giáo, những kẻ bất lương này bị các nhà sư bảo vệ bắt giữ và đưa ra một tòa án riêng để xét xử một cách công bình. Nếu xét ra có phạm pháp, họ sẽ phải đền tội trong khám đường của tu viện.

Trong tu viện có những trường học để cho mỗi đứa trẻ có thể nhận được một nền giáo dục thích nghi với tính chất và mức độ thông minh của chúng. Người ta giúp đỡ những học trò ưu tú để xây dựng cho chúng một tương lai tốt đẹp, nhưng ở phần nhiều các tu viện, trừ tu viện *Chakpori*, những học trò lười biếng được tự do chơi bời, ngủ nghỉ hoặc dùng thời gian để ngồi mơ mộng.

Thật vậy, vì tin rằng người ta không thể ảnh hưởng đến cuộc đời kẻ khác, nên tốt hơn là cứ để cho họ vớt vát lại thời gian đã mất trong một... kiếp sau!

Ở tu viện *Chakpori* thì không như thế. Người nào không tiến bộ sẽ bị mời đi nơi khác, đến những chỗ có kỷ luật dễ dàng lỏng lẻo hơn. Trong tu viện chúng tôi thường có những khách viếng thăm, những người lái

buôn hoặc các nhà sư. Họ được lưu trú trong khách sạn của tu viện và tất nhiên là phải trả tiền.

Không phải tất cả các nhà sư đều sống độc thân. Những người nào cho rằng tình trạng độc thân không thuận tiện cho đời sống tinh thần của họ, được tự do gia nhập vào Hồng phái (*Dugpa*), vì những người trong phái này được phép lập gia đình, nhưng cũng chỉ là một số rất ít.

Trong giới tu hành, cấp lãnh đạo được tuyển chọn trong số những tu sĩ đã lập nguyện sống độc thân, thuộc về Hoàng phái (*Gelugpa*). Trong những tu viện "cộng đồng nam nữ," các nhà sư và ni cô cùng tu tập và gồm thành một tập đoàn có tổ chức, với một bầu không khí thường là hòa dịu hơn những tu viện chỉ dành riêng cho nam giới.

Sau khi đi quan sát mọi nơi ở Trại Hoa hồng, chúng tôi trở lại thăm vị sư già. Trong hai tiếng đồng hồ, bệnh tình của ông ta đã thuyên giảm rõ rệt, và ông ta đã đủ sức để chú ý đến cảnh vật chung quanh. Ông ta có thể lắng tai chăm chú nghe tiếng nói của Đại đức Minh Gia mà ông tỏ vẻ rất quý mến. Sư phụ nói với ông:

- Bây giờ chúng tôi phải đi, nhưng tôi sẽ để lại cho sư ông một ít dược thảo. Tôi sẽ chỉ dẫn rõ ràng cho vị sư có bổn phận săn sóc sư ông.

Sư phụ đưa cho ông ba cái bọc nhỏ mà người lấy ra từ trong bao da. Ba bọc thuốc nhỏ này sẽ giúp vị lão tăng hoàn toàn bình phục, thoát khỏi lưỡi hái tử thần.

Ra đến sân ngoài, chúng tôi thấy một nhà sư nắm dây cương hai con ngựa chờ sẵn. Chúng tôi lên ngựa và đi chậm bước. Trại Hoa hồng chỉ cách đường *Lingkhor* có sáu cây số. Tôi không có ý định đi ngang qua nhà cũ của tôi. Sư phụ có lẽ đọc được tư tưởng của tôi, vì người nói:

- Chúng ta sẽ đi qua đường để ra khu chợ. Chúng ta không có gì phải gấp rút.

Khi ra đến khu chợ búa với những phố phường đông đảo, với các cửa hàng của người Hoa buôn bán tấp nập, tôi thầm nghĩ:

- A! Lần cuối cùng khi tôi đi đến đây, tôi là một người tự do, khi ấy tôi chưa phải học để trở thành tu sĩ. Tôi ước mong thời gian qua chỉ là một giấc mộng mà tôi có thể quên hết khi tôi thức tỉnh!

Sau khi đã đi qua đường cái, chúng tôi rẽ về phía tay mặt để đến cầu Ngọc Bích. Sư phụ quay sang tôi và nói:

- Như vậy, phải chăng con vẫn không muốn trở thành tu sĩ? Đó thật là một cuộc đời đáng sống, con biết không? Đến cuối tuần này, một số nhà sư sẽ xuất hành

như mọi năm để đi hái thuốc trên núi. Thầy không để con đi với họ năm nay. Con sẽ ở lại đây, và chúng ta sẽ làm việc chung với nhau, để con có thể thi đậu kỳ thi tuyển các nhà sư ưu tú (*Trappa*) vào năm mười hai tuổi. Thầy đã dự định đem con theo trong một chuyến xuất hành về sau này lên những vùng thượng du, tại đó có mọc những loại dược thảo rất hiếm.

Chúng tôi vừa ra khỏi làng *Sho* và sắp đến gần *Pargo Kaling*, ở cửa tây thành *Lhasa*, thì một kẻ hành khất đứng nép vào tường và rên rỉ:

- Thưa Bác sĩ *Lạt-ma*, xin ngài làm phước đừng chữa khỏi bệnh cho tôi. Vì nếu tôi lành mạnh, tôi sẽ không còn phương tiện để kiếm ăn!

Sư phụ có vẻ buồn khi chúng tôi bước qua cửa thành và nói:

- Ở đâu cũng thấy những kẻ ăn mày. Họ làm cho đất nước chúng ta mang tiếng xấu với ngoại quốc. Ở Ấn Độ và Trung Hoa, khi thầy đến đó cùng với đức *Đạt-lai Lạt-ma*, người ta kể chuyện về những người ăn mày của xứ Tây Tạng, nhưng họ không ngờ rằng vài người trong số đó lại rất giàu. Dầu sao, có lẽ sau khi chứng thực lời tiên tri về năm Kim Dần (tức cuộc biến loạn năm 1950), những kẻ ăn mày sẽ bị buộc phải làm việc. Chừng đó, hai thầy trò ta sẽ không ai còn ở lại quê nhà

để chứng kiến việc ấy. Con sẽ sống ở ngoại quốc, còn thầy thì đã không còn nữa.

Tôi thấy lòng buồn vô hạn với ý nghĩ rằng có một ngày sư phụ kính yêu sẽ từ biệt tôi và không còn sống trên mặt đất này nữa. Hồi đó, tôi chưa nhận biết rằng cõi đời này chỉ là hư ảo, như một chuỗi dài những thử thách, như một trường học lớn để rèn luyện tâm tánh.

Trên đường về, tôi liên tưởng đến những người đi hái thuốc. Mỗi năm, một nhóm các nhà sư của tu viện *Chakpori* lên núi hái thuốc về phơi khô và dự trữ trong những bao da không thấm nước. Miền núi non xứ Tây Tạng là nơi mà thiên nhiên sẵn dành cho con người một kho dược thảo phong phú bất tận. Tôi thầm nghĩ rằng mình có thể vắng mặt trong chuyến xuất hành năm nay, và hãy chuẩn bị tinh thần để đi lên miền thượng du huyền bí khi sư phụ xét thấy cần thiết.

Các nhà chiêm tinh đã tiên đoán tôi sẽ thi đậu một cách dễ dàng, nhưng tôi biết rằng tôi phải học rất nhiều. Thật vậy, sự thành công chỉ được hứa hẹn với điều kiện tất yếu là tôi phải tự mình gặt hái bằng sự nỗ lực. Về phương diện tinh thần hay trí não, ít nhất tôi cũng đã phát triển bằng một thiếu niên mười tám tuổi, vì tôi vẫn luôn chung đụng tiếp xúc với những người lớn tuổi hơn tôi và tôi phải tự lực xoay xở giải quyết mọi chuyện trong mọi trường hợp.

CHƯƠNG X

TÍN NGƯỠNG VÀ SINH HOẠT

Dưới đây là một vài chi tiết về nền văn minh của xứ Tây Tạng, có thể sẽ khêu gợi sự quan tâm của quý độc giả.

Nền tôn giáo Tây Tạng là một hình thức biến thiên của Phật giáo, nhưng có những nét đặc thù và cá biệt không hoàn toàn giống với Phật giáo ở bất cứ nơi nào khác. Người Tây Tạng xem đây là quốc giáo. Danh từ mà người Tây phương thường biết đến là *Lạt-ma* giáo (*Lamaisme*), vì các vị Lạt-ma luôn được xem là biểu tượng của Phật giáo Tây Tạng.

Tín ngưỡng của người Tây Tạng đặt căn bản trên niềm hy vọng hướng thượng. Người Tây Tạng luôn tự nỗ lực trên con đường tiến hóa tâm linh và hoàn toàn không tin vào sự hiện diện của một vị Thượng đế độc tôn, toàn trí và toàn thông, coi sóc và che chở cho toàn thể nhân loại.

Từ nhiều thế kỷ trước, các dân tộc phương Đông đã biết rõ về các sức mạnh huyền bí và những định luật

thiên nhiên. Thay vì phủ nhận sự hiện hữu của những sức mạnh huyền linh ấy chỉ vì không thể cân lường hay quan sát phản ứng của chúng dưới ảnh hưởng các hóa chất trong phòng thí nghiệm, những bậc danh sư phương Đông đã cố gắng tăng gia khả năng kiểm soát của họ đối với những sức mạnh thần bí vô hình. Thí dụ như họ đã chú ý đến những kết quả thu được từ sự phát triển năng khiếu *thần nhãn*.

Nhiều người cho rằng điều ấy không thể có, vì họ cũng chẳng khác nào những người mù từ thuở lọt lòng, cứ tưởng rằng không có thị giác chỉ vì họ không hề có kinh nghiệm về loại giác quan này! Làm sao họ có thể hình dung rằng một vật có thể được nhìn thấy từ xa trong không gian, khi không hề có một sự tiếp xúc nào giữa vật ấy và đôi mắt con người?

Thể xác con người được bao phủ bằng một lớp vỏ như sương mù muôn màu nghìn sắc, đó là hào quang. Những vị có *thần nhãn* nhìn vào hào quang của một người, có thể quan sát các màu sắc đó mà hiểu được tình trạng sức khỏe, đức hạnh và trình độ tiến hóa của người ấy.

Hào quang ấy là sự phát huy, sự biểu hiện của một luồng khí lực từ bên trong, tức *chân ngã* của con người. Trên đầu con người cũng được bao trùm bởi một vòng

hào quang xuất phát từ cái khí lực đó. Đến lúc chết, thì cái hào quang ấy tắt hẳn vì thần thức đã rời khỏi thể xác và đi vào một cảnh giới khác để bước sang một giai đoạn hiện hữu khác hơn. Khi đó, thần thức trở thành một "*cái bóng*" phất phơ, vì còn hoang mang bởi sự xúc động mạnh khi vừa rời khỏi xác thân vật chất. Có thể thần thức không hoàn toàn ý thức được những gì đang xảy ra. Bởi đó, các vị *Lạt-ma* có bổn phận giúp đỡ những người hấp hối và giảng giải cho họ nghe về những giai đoạn mang thân trung ấm mà họ sẽ trải qua. Nếu không, thần thức sẽ bám víu lấy cõi trần do những dục vọng của xác thịt còn chưa được thỏa mãn. Vai trò của các vị tăng lữ chính là cắt đứt những sợi dây trói buộc đó.

Người Tây Tạng thường có những cuộc hành lễ cầu siêu để dìu dắt vong linh người chết. Sự chết không làm cho người Tây Tạng sợ sệt. Họ tin rằng với những nghi thức cẩn mật, thần thức có thể được giúp đỡ rất nhiều để chuyển sang cảnh giới tái sinh một cách dễ dàng.

Cần phải vạch ra một lộ trình nhất định và rõ ràng, và hướng dẫn tư tưởng của người hấp hối một cách thích nghi. Một số cuộc lễ cầu siêu lớn được cử hành trong một ngôi đền trước sự hiện diện của chừng ba trăm vị sư. Một nhóm bốn hay năm vị *Lạt-ma* ngồi

thành vòng tròn ở chính giữa và đối diện với nhau. Trong khi các nhà sư tụng niệm dưới sự điều khiển của một vị Sư trưởng, các vị *Lạt-ma* cố gắng tập trung niệm lực để giao cảm với những vong linh trong cõi vô hình.

Những lời cầu nguyện bằng tiếng Tây Tạng thật khó mà dịch ra cho thật đủ nghĩa, nhưng tôi cũng xin lược dịch đại khái như sau:

> *- Hãy nghe đây tiếng gọi của chúng tôi, hỡi các vong linh đang phất phơ vô định ở cảnh giới của thân trung ấm. Âm dương cách trở, người sống và người chết sống ở những cảnh giới cách biệt nhau. Nhưng người chết có thể được nhìn thấy ở đâu? Ở đâu người ta có thể nghe được giọng nói của họ.*

Cây nhang đầu tiên được đốt lên để kêu gọi những vong linh lạc lõng và chỉ đường cho họ.

> *- Hãy nghe đây tiếng gọi của chúng tôi, hỡi các vong linh đang lạc lõng không người dìu dắt. Thế giới này là ảo ảnh. Cuộc đời chỉ là một giấc mộng. Có sinh có diệt, vật gì có lúc sinh ra ắt phải có lúc chết đi. Chỉ có Phật pháp là con đường duy nhất đưa đến sự sống thường tồn. Cầu cho vong linh được siêu sinh Tịnh độ.*

Cây nhang thứ nhì được đốt lên để kêu gọi những vong linh lạc lõng và chỉ đường cho họ.

> *- Hãy nghe đây tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những bậc vua chúa oai quyền hống hách của thế gian. Các người đã ngự trị trên những dãy giang san của thiên hạ. Triều đại của các người chỉ tồn tại có một thời nhưng tiếng rên siết của dân tộc các người không bao giờ dứt. Do lòng tham vọng chinh phục đất đai, các người đã làm cho máu chảy thành sông, và những tiếng khóc than của kẻ bị trị còn làm rung chuyển cây cối, thấu đến trời xanh. Cầu cho vong hồn các người được siêu sinh Tịnh độ.*

Cây nhang thứ ba được đốt lên để kêu gọi vong hồn các bậc đế vương, những nhà độc tài trong thiên hạ và để chỉ đường cho họ.

> *- Hãy nghe đây tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những kẻ bạc ác bất nhân và những kẻ trộm cướp của thế gian, các người đã gây nên tội ác đối với đồng loại và ngay trong lòng các người không có sự bình an. Linh hồn các người vất vưởng không nơi nương tựa và công lý không có trong tâm các người. Cầu cho linh hồn các người được siêu sinh Tịnh độ...*

Cây nhang thứ tư được đốt lên để kêu gọi vong hồn những kẻ tội lỗi đang vất vưởng trong cô quạnh.

- Hãy nghe đây tiếng gọi của chúng tôi, hỡi những nàng kỹ nữ lầu xanh của thế gian, những người buôn hương bán phấn mà tội lỗi của bọn đàn ông đã làm cho ô uế, nay đang đi lang thang vô định trong cõi u minh tăm tối. Cầu cho vong hồn các người được siêu sinh Tịnh độ.

Cây nhang thứ năm được đốt lên để kêu gọi vong hồn các người đàn bà tội lỗi, sa đọa, để dìu dắt và giải thoát cho họ khỏi những sự trói buộc của trần gian...

Khói hương nghi ngút tỏa trong bóng tối chập chờn những ngọn đèn bơ leo lét, làm rung rinh những bóng đen phía sau các pho tượng thếp vàng. Sự căng thẳng càng tăng, các vị *Lạt-ma* đang tập trung tư tưởng để giao cảm với những vong linh chưa được giải thoát khỏi những sợi dây trói buộc với cõi trần. Những nhà sư mặc áo tràng màu đỏ ngồi sắp từng hàng đối diện với nhau, cất giọng ngân nga tụng niệm những bài kinh cầu siêu cho các vong linh.

Cuộc lễ tiếp diễn với những lời chỉ dẫn được đưa ra cho các vong linh và nhịp độ của những lời cầu siêu tụng niệm mỗi lúc một thưa dần, cho đến khi mọi tiếng động, mọi âm thanh đều dứt hẳn, và tất cả đều đắm chìm trong im lặng.

Khi còn sống, thần thức con người luôn gắn liền với thể xác, không thể tách rời ra ngoài, trừ phi có trải qua sự tu tập. Khi chúng ta ngủ, chỉ có thể xác là cần sự nghỉ ngơi, còn thần thức thì thoát ra ngoài và rơi vào cảnh giới tâm linh, như một đứa trẻ trở về nhà vào lúc chiều tối, sau giờ tan học.

Đối với một hài nhi, khi sinh ra đời có nghĩa là chấm dứt sự sống được bao bọc, che chở trong bụng mẹ. Đối với một con người, sự chết có nghĩa là đi vào một cảnh giới tâm linh tự do hơn, không còn gắn liền với thể xác vật chất, để chuẩn bị cho sự tái sinh trong một kiếp sống mới. Giai đoạn này được gọi là thân trung ấm.

Người Tây Tạng tin rằng người ta có thể tiên đoán những việc xảy ra trong tương lai. Khoa tiên tri là một khoa học, và một khoa học chính xác. Họ cũng tin ở khoa chiêm tinh. Theo họ, những "*ảnh hưởng của tinh tú*" thật ra chỉ là những tia vũ trụ do các tinh tú phản chiếu xuống địa cầu, và các tia vũ trụ đó phải chịu sự khúc xạ hoặc biến đổi bởi những tinh tú.

Kỹ thuật nhiếp ảnh ngày nay không còn xa lạ với bất cứ ai. Chúng ta đều biết rằng, với một cái máy ảnh trong điều kiện đủ ánh sáng, ta có thể chụp ảnh. Và có một số loại kiếng lọc ánh sáng đặc biệt, nếu đặt trước ống kính máy ảnh có thể giúp ta thu được những tấm ảnh với hàng trăm loại màu sắc. Cũng vậy, những tia

vũ trụ ảnh hưởng đến con người bằng vô số những cách khác nhau, tùy theo tác động của những tinh tú khi phản chiếu các tia vũ trụ ấy xuống địa cầu.

Kể từ thế kỷ 11, tất cả những vấn đề chính sự quan trọng ở Tây Tạng đều được cân nhắc quyết định dựa theo khoa chiêm tinh. Chẳng hạn, cuộc xâm lăng của quân đội Anh năm 1904 đã được tiên tri một cách chính xác. Người ta có ghi chép lời tiên tri này bằng chữ Tây Tạng, tạm dịch như sau:

> *"Năm Mộc Thìn.*
>
> *"Trong nửa năm đầu, đức Đạt-lai Lạt-ma sẽ được bình yên. Sau đó, những kẻ xâm lăng hiếu chiến sẽ tiến vào lãnh thổ. Quân địch rất đông, nạn binh đao gây nhiều tai họa và dân chúng sẽ phải chiến đấu chống lại.*
>
> *"Đến cuối năm sẽ có sự giải hòa và chiến tranh sẽ chấm dứt."*

Lời tiên tri này đã có từ trước năm 1850, báo trước tình hình của năm 1904, tức năm Mộc Thìn theo lịch Tây Tạng. Đại tá *Younghusband*, Tư lệnh quân đội Anh, có nhìn thấy bản văn ghi chép lời tiên tri này ở thủ đô *Lhasa*.

Nói về vấn đề tiên tri, có người đã hỏi tôi:

- Tại sao ông không tránh khỏi những cạm bẫy và thử thách gian lao đang chờ đợi mình, khi mà những điều đó đã được tiết lộ cho ông biết trước?

Tôi chỉ có thể trả lời rằng:

- Nếu người ta có thể tránh khỏi những tai nạn, đau khổ đã được tiết lộ cho biết trước, thì việc ấy chỉ chứng tỏ những lời tiên tri đó là sai!

Thật ra, những lời tiên tri đều căn cứ trên sự "*có thể xảy ra*" của sự việc, chứ không có nghĩa là con người phải chịu một định mệnh khắt khe, bất di bất dịch mà con người không có khả năng thay đổi. Trái lại, con người hoàn toàn có thể sử dụng ý chí để tác động một phần nào vào diễn tiến của sự việc.

Chẳng hạn như một người kia muốn đi từ *New Delhi* đến *Washington*, lẽ tất nhiên người ấy có thể biết rõ khởi điểm và mục tiêu của cuộc hành trình. Nếu nhìn trên bản đồ, người ấy sẽ biết trước được những địa điểm nào mình sẽ đi qua theo một lộ trình ngắn và tiện lợi nhất. Tuy rằng người ấy cũng có thể theo một lộ trình khác, nhưng điều đó là thiếu khôn ngoan, vì sẽ làm mất thêm nhiều thời gian và hao tốn tiền bạc.

Cũng vậy, trong trường hợp một chuyến đi từ *Paris* đến *Marseille* chẳng hạn, một người khôn ngoan sẽ biết dựa trên bản đồ để đi theo một lộ trình tốt nhất. Như

vậy, anh ta sẽ có thể tránh được những đoạn đường gồ ghề lồi lõm; hoặc nếu bắt buộc phải đi qua những đoạn đường xấu, thì anh ta cũng biết trước để thận trọng hơn và tránh gây tai nạn.

Khoa tiên tri cũng có tác dụng giúp ta biết trước theo cách giống như vậy. Tuy nhiên, đi theo những con đường êm ái, dễ dàng, không phải bao giờ cũng là điều tốt. Là một Phật tử, tôi vững tin ở luật nhân quả. Tôi tin rằng cuộc sống trần gian có thể là đắng cay, đau khổ, nhưng những nghiệp lành mà chúng ta làm được bao giờ cũng sẽ mang lại kết quả tốt đẹp hơn cho cuộc sống mai sau.

Nhờ những lời tiên tri mà tôi được biết trước về cuộc đời tôi, điều đó đã là quá nhiều. Nhưng vẫn còn nhiều điều bí hiểm chỉ có thể giải thích bằng luật nhân quả nhiều đời, thí dụ như những biến cố đã xảy ra cho đất nước Tây Tạng: Tại sao xứ ấy phải chịu nhiều cuộc biến loạn? Một đất nước êm đềm, yên tĩnh, chỉ ước mong duy nhất là sự phát triển tâm linh, tại sao lại phải chịu nhiều đau khổ?

Tất cả nghị lực tuổi trẻ của tôi đều hướng về mục tiêu duy nhất là làm sao thi đậu một cách vẻ vang vào kỳ thi sắp tới. Nhưng vì ngày lễ sinh nhật mười hai tuổi của tôi sắp đến, nên tôi cũng giảm bớt phần nào việc học. Tôi đã trải qua những năm học hành ráo riết

về các môn chiêm tinh, y khoa, giáo lý, toán pháp, tiếng Tây Tạng và tiếng Trung Hoa.

Ngày thi đã đến. Đúng sáu giờ sáng, tôi đến phòng thi cùng với mười lăm thí sinh khác. Mỗi thí sinh được đưa vào một phòng nhỏ hẹp, đặt dưới sự giám sát thường xuyên của các nhà sư bảo vệ đi tuần ngoài hành lang.

Mỗi ngày chúng tôi phải làm luận văn hoặc trả lời các câu hỏi về một trong sáu môn học kể trên. Trong sáu ngày liên tiếp, chúng tôi bắt đầu làm bài từ sáng sớm cho đến chiều. Một vị sư mang đến cho chúng tôi trà pha bơ và *tsampa* mỗi ngày ba lần.

Phần thi các bài viết chấm dứt vào chiều ngày thứ sáu, kế đó chúng tôi được nghỉ vài ngày. Ba ngày sau, những bài viết đã được chấm xong, mỗi thí sinh phải ra trước Hội đồng giám khảo để trả lời những câu hỏi về những điểm yếu kém của họ.

Phần thi sát hạch chiếm trọn một ngày. Ngày hôm sau, tất cả mười sáu thí sinh tề tựu lại vũ đường để thi môn quyền thuật. Mỗi thí sinh phải đấu võ với ba thí sinh khác. Những thí sinh yếu kém nhất sẽ bị loại rất nhanh, rồi đến lượt những thiếu niên khác, và sau cùng chỉ còn lại một mình tôi thủ đài.

Sự thành công này là nhờ sự huấn luyện võ nghệ dưới sự chỉ dẫn của võ sư *Tzu*, mà thuở nhỏ tôi vẫn cho là bất công và tàn bạo. Tôi đã được chấm hạng nhất về môn quyền thuật.

Qua ngày hôm sau, chúng tôi được nghỉ để lấy lại sức, và ngày kế đó mới tuyên bố kết quả. Tôi và bốn thí sinh khác được chấm đậu. Chúng tôi đã trở nên những tu sĩ kiêm y sĩ.

Đại đức Minh Gia, mà tôi không gặp trong suốt mùa thi cử, cho gọi tôi đến. Người lộ vẻ vui mừng trên nét mặt, và nói với tôi khi tôi đến trình diện trước mặt người:

- Lâm Bá, khá khen cho con đã đậu đầu bảng. Sư trưởng đã gửi một phúc trình đặc biệt lên đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Người muốn đề nghị với Ngài phong cho con chức *Lạt-ma* ngay lập tức, nhưng ta không đồng ý việc ấy.

Thấy tôi lộ vẻ không hài lòng, sư phụ tôi nói thêm:

- Tốt hơn con hãy cố gắng học hỏi và đạt tới chức vị ấy bằng khả năng của chính mình. Nếu con lãnh tước vị *Lạt-ma* ngay bây giờ, con sẽ xao lãng sự học. Sau này con sẽ thấy rằng sự học của con có một tầm quan trọng rất lớn. Tuy nhiên, ta cho phép con ở căn phòng

kế bên, vì con chắc chắn sẽ thi đậu kỳ thi tuyển các vị *Lạt-ma* vào thời điểm thích hợp.

Quyết định của sư phụ thật rất hợp lý. Dầu sao, tôi chỉ mong mỏi được vâng lời người một cách tuyệt đối. Tôi rất cảm động mà thấy rằng sự thành công của tôi cũng là sự thành công của người và sư phụ không che giấu niềm tự hào khi tôi dẫn đầu trong tất cả các môn khảo thí.

Vài ngày sau đó, một người đưa thư cưỡi ngựa phi nước đại mang đến cho tôi một thông điệp của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Ngài gửi lời khen tặng tôi về việc tôi vừa thi đậu và chỉ thị rằng từ nay tôi sẽ được đối xử như một vị *Lạt-ma*. Tôi sẽ được mặc áo như các vị *Lạt-ma* cũng như được hưởng mọi quyền hạn và đặc ân dành cho chức vị ấy. Ngài cũng đồng ý với sư phụ tôi sẽ cho tôi dự cuộc khảo thí vào năm mười sáu tuổi, vì theo lời Ngài viết trong thư là:

> *"Như vậy con sẽ có cơ hội học hỏi thêm những đề tài mà có lẽ con sẽ bỏ dở nếu con được tấn phong ngay bây giờ, và nhờ đó con sẽ được mở mang kiến thức thêm sâu rộng."*

Thế là tôi đã trở thành một vị *Lạt-ma*. Tôi thuộc về thành phần ưu tú, thành phần của những bậc "thượng

nhân"! Nhưng điều này cũng có sự bất lợi đối với một đứa trẻ mười sáu tuổi như tôi, vì trước kia tôi phải giữ ba mươi hai điều giới luật của người tu sĩ, một con số mà tôi vẫn cho là đáng e ngại; nhưng khi trở thành một vị *Lạt-ma*, tôi phát hiện một cách kinh khủng rằng số giới luật bây giờ phải là 253 điều. Và nhất là ở tu viện *Chakpori*, một vị *Lạt-ma* chân chính phải giữ tròn bấy nhiêu điều giới luật đó, không bỏ sót một điều nào.

Còn về công việc, tuy chúng tôi phải làm việc nhiều nhưng cũng không thiếu những niềm vui tinh thần và những cuộc chơi tiêu khiển.

Thật là một niềm hạnh phúc rất lớn khi được sống gần những người như Đại đức Minh Gia, người mà mục tiêu duy nhất trong đời là mang lại sự bình an và phụng sự nhân loại.

Thật là một phần thưởng tinh thần khi được nhìn ngắm trước mắt phong cảnh êm đềm với một thung lũng xanh tươi, cây cối sầm uất, với những con sông rạch màu nước xanh dương uốn khúc quanh co theo những dãy núi đồi ngoạn mục, với những ngọn tháp vàng chiếu lấp lánh dưới ánh mặt trời, những tu viện cổ kính bám chặt trên các sườn núi cheo leo hiểm trở... và chiêm ngưỡng với một lòng tôn kính những mái bầu bằng vàng của điện *Potala* ở gần bên, với những nóc

nhà sặc sỡ dọc theo bờ sông *Jo-Kang* ở xa hơn về phía đông.

Tình đồng môn của các vị *Lạt-ma* trong tu viện, lòng ưu ái của các nhà sư, mùi hương trầm quen thuộc phảng phất trong các đền thờ... tất cả những thứ đó là bối cảnh hằng ngày của cuộc đời tu sĩ, và tôi lấy làm vui mừng khi nhận ra đó là một cuộc đời đáng sống.

Còn những khó khăn, chướng ngại thì cũng rất nhiều, nhưng điều đó không quan trọng lắm. Ở trong mọi tập thể cộng đồng vẫn luôn có mặt những phần tử thiếu sự cảm thông, những kẻ mang nặng lòng đố kỵ ganh ghét... Nhưng ở tu viện *Chakpori*, những kẻ ấy quả thật chỉ là một thiểu số.

Kể từ đó, các vị *Lạt-ma* và chư tăng trong tu viện đều đối xử với tôi một cách lễ độ, cung kính. Cung kính còn bởi vì tôi là học trò của Đại đức Minh Gia, một nhân vật trọng yếu được toàn thể mọi người yêu mến, và cũng bởi vì tôi được nhìn nhận như một vị *hóa thân*.

Nếu độc giả muốn biết bằng cách nào người Tây Tạng có thể nhận ra một vị *hóa thân*, tôi xin trình bày sơ lược vài điểm như dưới đây:

Khi một đứa trẻ có cách cư xử khác thường hoặc có những khả năng vượt mức bình thường, hay thường

mô tả những ký ức đặc biệt nào đó mà người ta không thể giải thích, những bậc cha mẹ thường đến trình với vị Sư trưởng của một tu viện gần đó nhất. Vị này sẽ chỉ định một ủy ban có nhiệm vụ đến xem xét trường hợp đứa trẻ ấy.

Trước hết, ủy ban này thực hiện một lá số chiêm tinh cho đứa trẻ, sau đó mới xem tướng mạo và tìm ấn chứng trên khắp thân mình nó. Thí dụ như đứa trẻ phải có những chỉ tay đặc biệt trên hai bàn tay, hoặc những dấu hiệu ấn chứng trên bả vai hay ở chân.

Nếu phát hiện đứa trẻ có những ấn chứng đó, người ta tìm cách truy ra tiền kiếp của nó. Có thể rằng các vị *Lạt-ma* sẽ nhìn ra được nó, như trong trường hợp của tôi, và khi đó người ta mới đặt nó trong một cuộc thử thách xem nó có nhận ra được những đồ vật dụng riêng của nó trong kiếp trước hay không.

Những đồ vật này được đưa ra cùng với những món đồ tương tự, và đứa bé phải nhận biết đúng tất cả những món đồ (thường là chín món) riêng của nó trong kiếp trước. Cuộc thử thách này được thực hiện khi đứa trẻ mới lên ba tuổi. Người ta nghĩ rằng với tuổi đó, đứa trẻ hãy còn quá non dại để có thể bị ảnh hưởng bởi những gì cha mẹ nó có thể nói cho nó biết. Nếu có thể thử vào lúc nó còn nhỏ hơn nữa càng tốt.

Cha mẹ đứa trẻ không được tham dự cuộc thử thách, và đứa bé phải chọn ra đủ chín món đồ vật trong số ba chục món khác. Chỉ chọn sai một vài món cũng bị loại. Nếu đứa trẻ chọn đúng tất cả không sai món nào, thì nó được nhìn nhận như một vị *hóa thân*, được nuôi dưỡng và giáo dục một cách đặc biệt. Khi nó lên bảy tuổi, người ta nói cho nó biết những lời tiên tri về cuộc đời tương lai của nó. Người ta cho rằng với tuổi đó, nó hoàn toàn có thể hiểu được ý nghĩa rõ ràng hay ẩn giấu của những lời tiên tri đó. Với kinh nghiệm riêng của tôi, tôi có thể quả quyết rằng điều đó là hoàn toàn đúng.

CHƯƠNG XI

TRỞ VỀ NHÀ

Nhân ngày lễ *Logsar*, tức là ngày lễ đầu năm mới của Tây Tạng, nhà nhà đều quét dọn, lau chùi sạch bóng và trang hoàng thật đẹp. Ngày rằm tháng giêng, đức *Đạt-lai Lạt-ma* xuất hành đi lễ bái ở ngôi đền *Jo-Kang*. Khi cuộc lễ chấm dứt, ngài bắt đầu tham dự cuộc diễu hành một vòng lớn trên con đường *Barkhor*, tức con đường vòng quanh ngôi đền *Jo-Kang* và Dinh Quốc hội, ngang qua trước chợ và đến khu thương mại. Tại đây là nơi cuộc diễu hành kết thúc, sự trang nghiêm, trịnh trọng sẽ nhường chỗ cho sự vui đùa, hưởng lạc.

Khi tan cuộc lễ bái ở các đền thờ, và mọi người đã thi hành xong bổn phận đối với các đấng thần minh, thì giờ phút ăn chơi, tiêu khiển đã điểm. Trên những đài cao từ mười đến mười lăm thước, người ta đặt những mô hình nổi khổng lồ đúc bằng bơ có tô màu, để triển lãm những cảnh tượng huyền thoại trích ra từ các kinh điển.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* dừng chân để chiêm ngưỡng trước mỗi tác phẩm trình bày và ban giải thưởng hằng năm cho những tác phẩm khéo léo nhất. Những giải thưởng này sẽ được chuyển giao cho các tu viện đã triển lãm những tác phẩm ưu tú.

Tại tu viện *Chakpori*, chúng tôi không thích môn giải trí này. Chúng tôi thấy trò chơi đó thật ngây ngô và phiền phức, giống như những cuộc đua ngựa không người cưỡi trên vùng đồng bằng *Lhasa*.

Cuộc diễu hành những pho tượng khổng lồ của các nhân vật thần thoại làm chúng tôi thích thú hơn. Mỗi pho tượng gồm một sườn gỗ nhẹ bọc vải ở ngoài làm thân, bên trong ruột trống rỗng, và phía trên gắn một cái đầu rất lớn được tạo hình thật tự nhiên.

Bên trong đầu pho tượng, ở chỗ ngang cặp mắt có gắn những ngọn đèn bơ; ánh đèn lung linh lập lòe làm cho cặp mắt pho tượng dường như đảo liếc và linh động. Những nhà sư cao lớn lực lưỡng, chân đi trên hai cây cà khêu cao đến ba thước, chui vào bên trong các pho tượng, và bắt đầu cuộc diễu hành như những người khổng lồ.

Đôi khi họ là nạn nhân của những thứ tai nạn dị kỳ. Có khi một trong hai cây cà khêu bị sụp ổ gà trên đường, những kẻ bất hạnh này đành phải đánh đu

giữ thăng bằng trên một chân! Có khi cả hai cây cà khêu đều trượt tới vì đường trơn trợt, và sự té ngã là không tránh khỏi! Nhưng khi những ngọn đèn bơ bị rung chuyển quá mạnh và đổ, ngọn lửa thiêu cháy pho tượng thì mới là một thảm họa thật sự!

Vài năm về sau, trong một cuộc rước lễ đầu năm, tôi được đề cử mang pho tượng đức Phật, bề cao đến tám thước. Trong khi tôi đi cà khêu bên trong tượng Phật, gió thổi vạt áo dài quyện vào chân tôi, và những con mọt bay vần vũ quanh tôi vì bộ áo cà sa của tượng Phật vừa mới được lấy từ trong kho ra. Khi tôi vừa đi được vài bước khập khiễng trên hai cây cà khêu thì bụi trong áo cà sa bay ra làm cho tôi hắt hơi liên hồi không dứt, mà mỗi cái hắt hơi đều đe dọa sự thăng bằng của tôi một cách rất nguy hiểm. Mỗi lần hắt hơi, thân mình tôi rung chuyển, và tình trạng bất ổn của tôi càng trầm trọng hơn khi những ngọn đèn bơ bị lung lay làm đổ tràn những giọt bơ nóng bỏng chảy xuống cái sọ dừa cạo trọc của tôi, và... vì cạo trọc nên nó càng “nhạy cảm” hơn.

Khí trời nóng bức một cách kinh khủng. Tôi bị ngộp thở muốn đứng tim vì hít phải mùi hàng lụa cũ, mốc meo của chiếc áo cà sa cất giữ trong kho đã lâu ngày. Tôi bị vây khổn bởi những đám mối mọt bay vần vũ như điên quanh tôi, và tôi bị phỏng rát da đầu vì bơ

nóng của các ngọn đèn. Tình cảnh của tôi lúc ấy thật vô cùng bi đát! Cái lỗ nhỏ khoét ở giữa thân mình pho tượng để nhìn ra ngoài lại không ngang tầm với cặp mắt tôi. Tôi không thể nào điều chỉnh được chi tiết quan trọng đó mà không để rớt hai cây cà khêu! Thành thử, tôi chỉ nhìn thấy cái lưng của nhân vật đi phía trước tôi, và xét về cách đi đứng xiêu vẹo và run rẩy của y, thì đủ biết rằng kẻ bất hạnh này cũng không thoải mái sung sướng gì hơn tôi lúc ấy!

Nhưng đức *Đạt-lai Lạt-ma* đang nhìn chúng tôi, và chúng tôi phải tiếp tục diễu hành trong tình trạng đó, vừa bị ngộp thở lại vừa bị nướng hết phân nửa cái sọ dừa! Chắc hẳn là tôi đã sút mất vài kí lô trong ngày hôm đó!

Chiều hôm ấy, một vị quan chức cao cấp khen tặng tôi:

- Lâm Bá, con đã trình diễn rất khéo. Con rất có khả năng trở thành một tài tử thiện nghệ!

Tôi phải giữ kín không dám tiết lộ cho ông ta biết rằng, thật ra thì những cử chỉ mà tôi đã làm cho ông ta thích thú chỉ hoàn toàn ngoài ý muốn. Và kể từ đó, tôi không bao giờ dám nhận lãnh việc đi diễu hành trong pho tượng nữa!

Sáu tháng sau cuộc "*trình diễn*" đó, một cơn giông bão thình lình nổi dậy, cuốn lên những đám mây bụi cát và đá sỏi. Lúc ấy, tôi cùng với một chú tiểu đang ngồi trên nóc tu viện và sắp đặt lại những viên ngói để sửa chữa các chỗ bị dột. Cơn giông làm cho tôi bị hất rớt xuống một cái nóc nhà khác thấp hơn chừng sáu bảy thước, và từ đó cơn gió thổi mạnh cuốn tôi đi tiếp, làm cho tôi lại rơi một lần nữa xuống mặt đất, gần đường *Ling-khor*, từ một bề độ cao khoảng một trăm thước.

Thật may mắn vì phía dưới là một vùng ao đầm ẩm thấp, và tôi rơi xuống một chỗ nước sâu ngập khỏi đầu. Nhưng tai nạn đủ làm cho tôi chấn động mạnh và mất bình tĩnh. Khi tôi cố gắng ngoi lên khỏi vũng lầy lội, tôi cảm thấy đau nhói ở khuỷu tay và ở bả vai bên trái. Tôi bò trên hai đầu gối, rồi đứng dậy và lết đi một cách khó nhọc trên đường lộ dưới ánh mặt trời nóng gắt.

Bị té đau, không đủ sáng suốt để suy nghĩ gì nữa, tôi chỉ có một ý nghĩ là trở về tu viện càng sớm càng hay. Như một người mù, tôi bước tới một cách chập choạng, mỗi bước đi lại vấp ngã. Dọc đường tôi gặp những nhà sư vừa chạy tới để xem kết quả tai nạn đã xảy ra cho tôi và đứa trẻ kia. Nhưng đứa trẻ này đã chết vì té xuống chỗ có tảng đá. Các nhà sư khiêng tôi vào phòng. Sư phụ tôi khám nghiệm bệnh tình của tôi và nói:

- Ôi, tội nghiệp cho những đứa trẻ này! Đáng lẽ ta không nên để chúng ra ngoài trong thời tiết như vậy!

Kế đó, người nhìn tôi vào tận mắt:

- Lâm Bá, con ơi! Một cánh tay và một xương đòn gánh bị gãy... Phải nắn xương lại tức khắc. Con sẽ phải chịu đau đớn, nhưng thầy sẽ làm cho con chỉ bị đau ở mức tối thiểu mà thôi.

Sư phụ vừa nói vừa làm ngay, và trước khi tôi kịp ý thức được việc gì xảy ra thì người đã nắn lại cái xương đòn gánh bị trặc và đặt lại đúng khớp. Khi sư phụ nắn chỗ khuỷu tay bị gãy, tôi cảm thấy đau hơn, nhưng không lâu, vì người đã nhanh chóng ráp cái xương bị trặc vào đúng khớp của nó.

Ngày đó tôi nằm yên một chỗ không cử động. Qua hôm sau, sư phụ đến gặp tôi và nói:

- Con đã bớt đau và có thể tiếp tục việc học, không nên bê trễ. Chúng ta sẽ làm việc chung với nhau ngay trong phòng này. Cũng như tất cả mọi người, con sẽ cảm thấy e ngại khi phải học những đề tài mới... Thầy sẽ giúp con loại trừ sự e ngại đó bằng phương pháp thôi miên.

Sư phụ đóng các cửa sổ và gian phòng chìm trong bóng tối. Chỉ còn những ngọn đèn nhỏ cháy leo lét trên bàn thờ. Sư phụ bèn đặt tôi vào trạng thái giấc ngủ thôi miên.

Tôi đã ngủ thiếp đi trong nhiều giờ. Khi thức tỉnh, tôi nhìn qua cánh cửa sổ mở và thấy cảnh vật ban đêm hiện ra chập chờn trong thung lũng. Những ánh lửa của các ngọn đèn bơ chiếu lập lòe ở các cửa sổ trong điện *Potala* và chung quanh các vách tường rào, đó là những nhà sư có phận sự trực đêm đang đi tuần. Tôi cũng nhìn thấy ở dưới chân đồi, thành phố *Lhasa* đang vươn mình trong sự sinh hoạt ban đêm. Khi đó, sư phụ tôi bước vào và nói:

- À, con đã thức tỉnh! Chúng ta nghĩ rằng có lẽ con đã thấy cảnh giới tâm linh vui thích đến nỗi con muốn kéo dài trạng thái trong đó. Thầy chắc rằng bây giờ con đã đói.

Đến đây, tôi mới sực nghĩ ra là thật tình tôi đang đói bụng. Người ta dọn ra cho tôi một bữa ăn, và trong khi tôi ngồi ăn uống lấy sức, sư phụ nói với tôi:

- Trong trường hợp thông thường, có lẽ con đã chết vì tai nạn vừa qua. Nhưng khoa chiêm tinh đã nói rằng cuộc đời con chỉ kết thúc trong nhiều năm sau ở một

nơi xa lạ, tận bên xứ của những người da đỏ. Trong giờ phút này, các nhà sư đang cầu siêu cho linh hồn đứa trẻ vừa từ giã chúng ta. Nó đã chết ngay trong tai nạn.

Những kinh nghiệm trong cảnh giới tâm linh khiến tôi vô cùng thú vị. Và tôi không còn thấy sợ hãi cái chết, vì tôi biết rằng đó cũng chỉ là một sự thay đổi đi vào cảnh giới tâm linh. Nhưng tôi cũng biết rằng tuy không ai thích cõi trần gian đầy ô trược, nhưng người ta vẫn phải sống thật tốt kiếp sống của mình, vì đó chính là cơ hội để tu học và đạt đến sự giải thoát... Cuộc đời trên thế gian là gì, nếu không phải là một môi trường để tu tập đạo giải thoát? Và đó là một môi trường rất gian khổ! Tôi thầm nghĩ:

- Trong cuộc sống này, tôi đã bị gãy mất hai cái xương, nhưng tôi vẫn phải tiếp tục tu học!

Trong hai tuần lễ sau đó, việc học của tôi càng được thúc đẩy ráo riết hơn lúc bình thường. Người ta nói rằng đó là cách để cho tôi quên đi, đừng nghĩ đến những cái xương gãy của tôi. Sau hai tuần lễ đó, những chỗ trặc xương đã được lành lặn như cũ, nhưng tôi cảm thấy khớp xương cứng đơ, và tôi vẫn còn thấy đau.

Một buổi sáng, vừa bước vào phòng, tôi thấy Đại đức Minh Gia đang đọc một bức thư. Sư phụ ngước nhìn tôi và nói:

- Lâm Bá, chúng ta có một gói dược thảo gửi tặng cho thân mẫu con. Con sẽ cầm về cho thân mẫu vào sáng mai, và con có thể ở lại nhà trọn ngày.

Tôi đáp:

- Con chắc rằng cha con không muốn gặp con. Hôm trước cha con đã không nhìn con ngay cả khi người đi ngang qua trước mặt con trên cầu thang của điện *Potala*.

- Đó là việc rất thông thường. Cha con biết rằng con vừa có cái hân hạnh được đức *Đạt-lai Lạt-ma* tiếp kiến. Bởi đó, người không thể nói chuyện với con trong khi vắng mặt thầy, vì chính đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã đích thân gửi gắm con cho thầy.

Sư phụ nhìn tôi với cặp mắt tinh anh và vừa cười vừa nói:

- Dù sao, cha con sẽ không có ở nhà vào ngày mai. Người đã đi *Gyangtsé* trong vài ngày.

Qua hôm sau, sư phụ chăm chú nhìn tôi từ đầu đến chân và nói:

- Con có vẻ hơi xanh xao, nhưng con ăn mặc sạch sẽ, chỉnh tề, và điều đó rất quan trọng đối với một người

mẹ. Đây là một khăn quàng cổ, con đừng quên rằng con là một vị *Lạt-ma*, là người phải tôn trọng tất cả mọi qui tắc. Trước kia, con đi bộ đến đây. Bây giờ, con hãy cưỡi một trong những con ngựa bạch quý nhất của tu viện để trở về nhà. Con hãy cưỡi con ngựa của thầy, nó đang cần phải vận động.

Sư phụ đưa cho tôi cái bao da đựng dược thảo, bọc trong một cái khăn quàng lụa theo truyền thống để tỏ lòng cung kính. Tôi nhìn kỹ cái khăn quàng một cách hoài nghi, vì không nên để cho nó bị lấm lem trước khi đưa quà biếu. Sau cùng, tôi quyết định cất nó trong túi áo tràng, và chỉ rút nó ra trước khi về tới nhà.

Tôi giục ngựa xuống chân đồi và noi theo con đường *Ling-khor* như thường lệ. Sau khi đi độ nửa giờ, trải qua nhiều con đường ở ngoại ô thành phố, tôi đã nhìn thấy từ xa cái cổng lớn của nhà tôi. Khi các gia nhân nhận ra tôi, họ bèn hối hả mở cổng.

Tôi cho ngựa đi qua cổng để vào tận sân nhà với một hy vọng trong lòng rằng tôi sẽ không bị té rớt xuống yên ngựa. May mắn thay, một người giữ ngựa chạy đến nắm lấy dây cương trong khi tôi nhảy xuống đất. Người quản gia chạy ra tiếp đón tôi; chúng tôi bèn trao đổi khăn quàng một cách lễ nghi trịnh trọng. Ông ta nói:

- Thưa ngài *Lạt-ma* y sĩ và đại gia công tử, xin công tử hãy ban ân huệ cho gia đình và toàn thể gia nhân trong nhà này.

Tôi đáp:

- Cầu xin Phật Tổ Như Lai ban ân huệ và ban cho ông sức khỏe trường cửu.

- Thưa đại gia công tử, lệnh bà có truyền lệnh cho tôi đưa công tử vào.

Trong khi chúng tôi bước vào, người quản gia đi trước dẫn đường, như thể là tôi không biết đường đi một mình. Tôi rút cái khăn quàng ra và phủ ngoài bao da một cách cẩn thận. Chúng tôi bước lên tầng lầu trên để vào phòng khách của mẹ tôi. Tôi thầm nhớ lại:

- Lúc nhỏ tôi không bao giờ được phép đến đây.

Nhưng ý nghĩ đó liền nhường chỗ cho ý muốn mãnh liệt là chạy vắt giò lên cổ để thoát thân ngay lập tức khi tôi thấy rằng phòng khách của mẹ tôi đầy những khách... đàn bà!

Trong khi tôi còn đang lúng túng, tiến thoái lưỡng nan thì mẹ tôi đã bước đến gần và mở lời tiếp đón tôi trước:

- Đại đức *Lạt-ma*, hỡi con, đức *Đạt-lai Lạt-ma* đã ban danh dự cho con rất nhiều. Các bà bạn của mẹ hôm nay đến đây để được nghe chính miệng con kể lại cái vinh dự ấy.

Tôi đáp:

- Thưa mẫu thân, những qui định trong tu viện không cho phép con tiết lộ những gì ngài đã nói với con. Đại đức Minh Gia có truyền cho con kính dâng lên mẹ bao dược thảo này cùng với một khăn quàng bằng lụa.

- Hỡi con yêu quý, các bà mệnh phụ này đến từ những vùng xa xôi để được nghe câu chuyện trong cung điện của đức *Đạt-lai Lạt-ma* và nghe nói chuyện về ngài. Phải chăng ngài vẫn thường xem những tạp chí Ấn Độ? Và phải chăng ngài thường sử dụng một thứ kiếng có thể nhìn xuyên qua vách tường nhà?

Tôi đáp:

- Thưa mẫu thân, con chỉ là một *Lạt-ma* y sĩ nghèo, vừa mới xuống núi, và thật là không xứng đáng để nói chuyện về đức Chưởng giáo của giới tu sĩ. Con chỉ là một kẻ chuyển giao thư tín mà thôi.

Lúc ấy, một thiếu nữ bước đến gần tôi và nói:

- Đại Đức *Lạt-ma* không nhận ra tôi sao? Tôi là *Yaso* đây!

Quả thật tôi không nhận ra chị tôi, vì chị tôi đã trở nên một thiếu nữ dậy thì, nở nang trọn vẹn. Tôi cảm thấy e dè sợ hãi. Tất cả là tám hay chín người phụ nữ có mặt tại đó. Thật là quá nhiều đối với tôi. Tôi đã biết cách ứng xử đối với những người thuộc nam giới, nhưng còn nữ giới thì tôi chưa từng tiếp xúc nhiều!

Họ nhìn tôi với những cặp mắt tò mò và soi mói, dường như muốn nuốt sống lấy tôi. Tôi chỉ còn giải pháp duy nhất là tìm cách thoát thân. Tôi nói:

- Thưa mẫu thân, con đã chuyển giao thông điệp và quà tặng của sư phụ con xong rồi, bây giờ con phải trở về với bổn phận hằng ngày. Con hãy còn đau và con có nhiều việc phải làm.

Nói xong, tôi chào từ giã tất cả các quan khách, và quay lưng đi mau với một tốc lực tối đa mà sự lễ nghi cho phép. Vị quản gia đã trở lại văn phòng của người, và một người giữ ngựa dắt ngựa đến cho tôi. Tôi nói:

- Anh hãy cẩn thận khi đỡ tôi lên yên, vì tôi vừa mới bị gãy xương ở tay và vai và tôi không thể lên yên ngựa một mình.

Người giữ ngựa mở cổng cho tôi đi ra, đúng vào lúc mẹ tôi xuất hiện trên bao lơn và nhìn theo sau lưng tôi. Khi tôi trở về tu viện, tôi đến gặp Đại đức Minh Gia, sư phụ nhìn tôi vào tận mắt và hỏi:

- Lâm Bá, con có vẻ ngơ ngác như kẻ mất hồn. Tại sao vậy?

Tôi đáp:

- Bạch sư phụ, lúc về nhà con gặp một toán phụ nữ muốn nghe chuyện về đức *Đạt-lai Lạt-ma* và muốn biết những gì ngài đã nói với con. Con đáp rằng qui luật trong tu viện không cho phép con tiết lộ bất cứ chuyện gì. Và con đã chạy thoát thân... Sư phụ hãy tưởng tượng xem, tất cả các bà mệnh phụ ấy đều trố mắt nhìn con như cọp rình mồi!

Sư phụ tôi bật cười vang; tôi càng ngạc nhiên về sự vui vẻ của sư phụ thì người lại càng cười giòn giã hơn nữa. Người nói:

- Đức *Đạt-lai Lạt-ma* muốn biết xem con có muốn ở lại tu viện suốt đời hay còn nghĩ đến việc trở về với gia đình.

Đời sống ở tu viện đã làm đảo lộn mọi quan niệm của tôi về đời sống xã hội. Hồi đó, tôi cho rằng phụ nữ là những nhân vật lạ lùng; mà cho đến bây giờ tôi vẫn thấy như vậy. Tôi đáp:

- Gia đình con là ở đây. Con không muốn trở về nhà. Tất cả những bà mệnh phụ ấy với những bộ mặt sơn phết và tóc bôi mỡ trơn bóng làm cho con phát ngấy...

Và họ nhìn con với một vẻ mặt... lạ lùng, chẳng khác nào những người đồ tể ở làng *Sho* nhìn một con trừu trúng giải nhất trong cuộc triển lãm nông nghiệp! Họ thốt ra những tiếng kêu chát chúa và những màu sắc biểu lộ trên hào quang của họ thật là dễ sợ! Bạch sư phụ, xin sư phụ đừng bảo con trở về nhà nữa!

Nhưng một tuần lễ sau đó, người ta lại nói cho tôi biết rằng đức *Đạt-lai Lạt-ma* rất chú ý đến tôi, và đã quyết định cho phép tôi trở về nhà một hai ngày mỗi khi mẹ tôi tổ chức những cuộc tiếp tân trong gia đình.

CHƯƠNG XII

SỬ DỤNG THẦN NHÃN

Một buổi sáng, tôi đang lúc rảnh rang, Đại đức Minh Gia đến tìm tôi và nói:

- Chúng ta hãy đi chơi một vòng. Thầy có một việc để cho con làm.

Tôi rất vui mừng với ý nghĩ được đi dạo với sư phụ. Chúng tôi xuống chân đồi, và sau khi đi vòng quanh nhiều đường phố ở thủ đô *Lhasa*, chúng tôi đi ngang qua trụ sở của phái bộ ngoại giao. Sư phụ tôi vừa đi vừa nói:

- Một phái đoàn nước ngoài vừa mới đến, như thầy đã nói chuyện với con. Chúng ta hãy nhìn qua từng nhân viên phái đoàn ấy để xem họ là người như thế nào.

Ấn tượng đầu tiên của tôi rõ ràng là không tốt đẹp. Bên trong trụ sở của phái bộ, các nhân viên người nước ngoài lăng xăng qua lại trong các phòng, vẻ mặt dương

dương tự đắc, hoặc đang lom khom mở các rương tráp và những thùng đồ đạc. Tôi nhận thấy họ có một số vũ khí khá nhiều, đủ để vũ trang cho một đạo binh nhỏ.

Vóc người nhỏ thó của tôi cho phép tôi mở cuộc "*do thám*" dễ dàng hơn một người lớn. Thật vậy, tôi đã lẻn bò lại gần một cửa sổ mở, xuyên qua đó tôi có thể rình xem cho đến khi một người trong bọn họ bất chợt ngẩng đầu lên. Khi người ấy nhìn thấy tôi, ông ta nổi giận thốt lên một câu nguyền rủa bằng tiếng nước ngoài, hẳn có tính cách xúc phạm đến cả tổ tiên của tôi. Rồi ông ta nhìn quanh tìm một vật gì đó để ném tôi, nhưng tôi đã kịp rút lui trước khi ông ta có thể ra tay.

Trên đường về, tôi nói với Đại đức Minh Gia:

- Sư phụ biết không, họ có những vầng hào quang màu đỏ! Và họ có một lối vung dao găm rất dễ sợ!

Sư phụ tôi có vẻ trầm tư trên suốt con đường về. Sau bữa ăn chiều, người nói với tôi:

- Thầy đã suy nghĩ nhiều về phái đoàn nước ngoài ban nãy, và thầy sẽ đề nghị với đức *Đạt-lai Lạt-ma* hãy sử dụng năng khiếu thần nhãn của con. Trong trường hợp đó, con có thể quan sát họ xuyên qua một bức bình phong được chăng?

Tôi đáp:

- Nếu sư phụ nghĩ rằng con có thể, thì chắc là con sẽ làm được.

Tôi không gặp sư phụ tôi suốt cả ngày hôm sau. Qua ngày kế đó, người để tôi làm việc suốt buổi sáng và sau bữa ăn trưa mới nói với tôi:

- Lâm Bá, trưa nay chúng ta sẽ đi chơi một vòng. Đây là một cái khăn quàng hảo hạng. Không cần phải có thần thông mới biết rằng chúng ta sẽ đi đâu. Con có mười phút để chuẩn bị, rồi sau đó hãy đến gặp thầy. Thầy cần phải báo trước với vị Sư trưởng.

Một lần nữa, chúng tôi lại noi theo con đường cheo leo đi xuống chân núi. Một con đường tắt xuyên qua sườn núi phía tây nam đưa chúng tôi đến vườn Ngọc Uyển gần bên điện *Potala* rất mau chóng.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* rất thích khu vườn này, tại đây Ngài thường đến thưởng ngoạn trong những giờ nhàn rỗi. Trong vườn Ngọc Uyển có một cái hồ sen nhân tạo rất đẹp, với hai cù lao, trên mỗi cù lao có dựng lên một nhà mát để nghỉ hè. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* thường đến những cù lao trên hồ sen này, tại đây Ngài tham thiền nhiều giờ mỗi ngày.

Bên trong vườn Ngọc Uyển có dinh trại của toán Ngự lâm quân gồm độ năm trăm người, có phận sự bảo

vệ an ninh cho đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Đó là nơi tôi cùng sư phụ đến viếng Ngài lần đầu tiên trong ngày hôm đó.

Sau khi đi qua những khu vườn sầm uất, chúng tôi bước qua một cánh cửa rất đẹp đưa vào một khoảnh vườn bên trong. Những loài chim đủ màu sặc sỡ đang ăn dưới đất. Chúng không màng nhìn thầy trò tôi, nên chúng tôi cũng không muốn quấy rầy chúng. Mặt hồ phẳng lặng chiếu sáng như một tấm gương trong. Con đường lót đá đã được quét vôi trắng và chúng tôi noi theo để đi tới cái cù lao xa nhất. Tại đây, đức *Đạt-lai Lạt-ma* đang đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu.

Khi chúng tôi bước đến gần, Ngài ngước mắt lên và mỉm cười với chúng tôi. Chúng tôi liền quì xuống, đặt cái khăn quàng dưới chân Ngài và Ngài mời chúng tôi ngồi xuống trước mặt. Kế đó Ngài gõ chuông để ra hiệu cho một vị *Lạt-ma* hầu cận dâng trà, một thủ tục thông thường trước khi bắt đầu mọi câu chuyện.

Trong khi chờ đợi, Ngài nói chuyện với tôi về những loại cầm thú nuôi trong vườn Ngọc Uyển và hứa sẽ cho tôi xem sau này. Vị quan hầu cận dâng trà xong, vừa lui ra thì đức *Đạt-lai Lạt-ma* nhìn tôi và nói:

- Đạo hữu Minh Gia có nói cho ta biết rằng con không ưa những hào quang của phái đoàn nước ngoài.

Người nói rằng tất cả bọn họ đều có mang đầy đủ khí giới. Trong các cuộc thử thách bí mật hay công khai trước đây, năng khiếu thần nhãn của con đã tỏ ra chính xác và không hề lầm lẫn. Vậy con nghĩ sao về những người ấy?

Câu hỏi của ngài làm cho tôi bối rối. Tôi không thích nói cho ai nghe trừ phi với sư phụ tôi, những gì tôi nhìn thấy trong hào quang của người khác, và những màu sắc ấy có ý nghĩa gì đối với tôi. Thật vậy, tôi nghĩ rằng nếu một người không thể nhìn thấy và tự diễn đạt lấy ý nghĩa các hào quang ấy cho riêng mình, thì điều đó có nghĩa là người ấy không có cái định mệnh được biết những gì tôi biết. Nhưng làm sao tôi dám nói điều ấy với một vị nguyên thủ quốc gia? Nhất là một vị nguyên thủ không có năng khiếu thần nhãn? Tôi bèn đáp:

- Vạn bạch Thái Tuế, con rất vụng về trong việc nhìn xem hào quang của người khác, và bởi đó con không đủ tư cách để bày tỏ một ý kiến nào cả.

Tôi không đạt được kết quả gì với lời từ chối đó, vì đức *Đạt-lai Lạt-ma* lại nói tiếp:

- Con thuộc về thành phần những người bẩm sinh đã sẵn có những khả năng thiên phú. Những khả năng đó đã được phát triển nhờ sự tu luyện theo các pháp

môn bí truyền. Con có bổn phận phải nói. Con đã được nuôi nấng dạy dỗ chỉ vì mục đích đó mà thôi. Ta nghe đây.

- Vạn bạch Thái Tuế, những nhân viên trong phái đoàn nước ngoài đó đều có những ý đồ rất xảo trá, quỉ quyệt. Những màu sắc trong hào quang của họ biểu lộ một ý định lường gạt và phản bội.

Tôi không nói gì thêm nữa, nhưng đức *Đạt-lai Lạt-ma* có vẻ hài lòng. Ngài nói:

- Tốt lắm, con đã lặp lại đúng như những lời con đã nói với đạo hữu Minh Gia. Ngày mai, con sẽ đứng núp phía sau tấm bình phong này và con sẽ quan sát phái đoàn nước ngoài khi họ đến đây. Chúng ta cần biết rõ ý đồ của họ. Con hãy núp ngay bây giờ thử xem có ai nhìn thấy không?

Tôi bèn tuân lệnh đứng núp sau bình phong, các nhà sư cũng giúp dời những con sư tử đá chắn thêm ở phía ngoài để cho tôi được hoàn toàn kín đáo. Người ta thử tập dượt qua một lần cuộc viếng thăm này, những vị *Lạt-ma* đóng vai trò của phái đoàn nước ngoài. Họ cố gắng tìm ra chỗ tôi ẩn núp. Tôi đọc được ý nghĩ của một người trong bọn: "Nếu mình tìm thấy nó, mình sẽ được thăng thưởng!"

Nhưng rốt cuộc ông ta cũng chẳng được gì, vì ông ta nhìn về một phía khác. Sau cùng, đức *Đạt-lai Lạt-ma* tỏ ý hài lòng và gọi tôi. Sau vài phút nói chuyện, Ngài dặn chúng tôi hãy trở lại vào ngày hôm sau vì phái đoàn nước ngoài có lẽ sẽ tìm cách buộc Ngài ký một hiệp ước gì đó. Chúng tôi từ biệt Ngài và trở về tu viện *Chakpori*.

Ngày hôm sau, vào khoảng mười một giờ, chúng tôi đã có mặt tại vườn Ngọc Uyển. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* tiếp đón tôi với một nụ cười và nói rằng tôi cần phải ăn uống (Điều này lúc nào tôi cũng sẵn sàng!) trước khi vào núp phía sau tấm bình phong.

Theo lệnh Ngài, người ta dọn ra cho tôi một bữa ăn thịnh soạn, với những đồ thực phẩm nhập từ Ấn Độ mà tôi thậm chí chưa từng biết tên gọi là gì. Điều mà tôi biết là lần đầu tiên tôi được ăn một bữa ăn lạ miệng và hoàn toàn khác hẳn với các món ăn "*truyền thống*" là trà bơ, *tsampa* và củ cải!

Sau khi đã ăn uống no lòng, tôi cảm thấy hăng hái hơn để có thể đương đầu với cái viễn ảnh phải ngồi yên bất động trong một thời gian dài. Thật ra, sự ngồi yên bất động hoàn toàn là điều kiện tất yếu của môn thiền định, không có gì là khó khăn đối với các vị *Lạt-ma*. Từ thuở ấu thơ, nói đúng ra là từ năm tôi lên bảy, người ta

đã tập cho tôi ngồi yên không cử động trong nhiều giờ. Để thực tập, người ta đặt một cái đèn thắp bằng bơ lên đầu tôi và tôi phải ngồi trong tư thế hoa sen cho đến khi chất bơ trong đèn đã cạn, tức là suốt mười hai giờ. Như vậy, ngồi yên không cử động suốt ba hay bốn tiếng đồng hồ không phải là một điều khó đối với tôi.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* cũng ngồi trong tư thế hoa sen đối diện với tôi, trên một chiếc ngai cao hơn mặt đất độ hai thước. Ngài ngồi yên không cử động, và tôi cũng vậy.

Thình lình có những tiếng kêu và nhiều tiếng chào bằng tiếng nước ngoài từ xa vọng đến tai chúng tôi. Về sau tôi nghe nói rằng hôm ấy y phục của phái đoàn nước ngoài đó có nhiều chỗ độn lên rất khả nghi, và người ta đã phải lục soát trong mình họ để tước khí giới.

Sau đó, dưới sự hướng dẫn của quân Ngự lâm, họ được đưa vào nội cung và chúng tôi nhìn thấy họ đi theo con đường lót đá đến trước tư dinh đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Một vị *Lạt-ma* cao cấp cất tiếng ngân nga:

- *Om Mani padme hum!*

Nhưng thay vì phải lặp lại câu chân ngôn ấy như nghi lễ bắt buộc của Tây Tạng, phái đoàn nước ngoài đã đáp lễ bằng một câu với ngôn ngữ của họ.

Từ chỗ ẩn núp, tôi nhìn thấy những hào quang của họ. Tôi quan sát những màu sắc xám lợt thỉnh thoảng lại phóng ra những tia màu đỏ bầm, biểu lộ những tư tưởng oán ghét, hận thù. Hào quang của họ có những lằn và vệt ngang màu rất xấu, không có những màu sắc trong sáng và tinh khiết của những tư tưởng thanh cao. Những hào quang màu sắc đục ngầu và xấu xí của họ biểu lộ tâm hồn đầy dục vọng vật chất và tội lỗi. Đó chính là những người được diễn tả rất đúng bởi câu ngạn ngữ “*Khẩu Phật, tâm xà*”.

Tôi nhìn đức *Đạt-lai Lạt-ma*, hào quang của Ngài biểu lộ sự buồn rầu, vì Ngài đang nhớ lại thời kỳ xa xưa khi Ngài phải lưu vong. Tác phong của Ngài làm cho tôi rất cảm mến; xứ Tây Tạng chưa hề có một vị quốc vương nào xứng đáng hơn Ngài. Ngài có một tính chất cương nghị, thậm chí có khi hơi nóng nảy, vì có những tia đỏ xẹt ngang qua hào quang của Ngài, nhưng lịch sử sẽ nhắc nhở rằng Ngài là vị *Đạt-lai Lạt-ma* cao cả nhất và đã từng quên mình trọn vẹn trong công việc phụng sự đất nước.

Tôi có một lòng kính yêu thật sự đối với Ngài và trong lòng tôi Ngài chiếm được một ưu thế ngay sau Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi.

Cuộc hội kiến kéo dài mà không đem lại một kết quả hữu ích, vì những người ấy đến đây không phải với tấm lòng của những người bạn, mà là sự thù nghịch. Họ có những ý nghĩ đã định sẵn, cùng những phương pháp để thực hiện ý đồ của họ. Họ muốn chiếm thêm đất đai lãnh thổ, điều khiển nền chính trị của Tây Tạng, và trên hết là họ muốn lấy... vàng!

Vàng đã từng là mục tiêu tham vọng của con người tự muôn đời. Vàng có đến hàng trăm tấn ở Tây Tạng, nhưng ở xứ này nó được xem như một loại kim khí linh thiêng. Theo tín ngưỡng của dân bản xứ, đào mỏ tìm vàng là làm mất đi khí thiêng của xứ sở, xúc phạm đến thần linh, nên không ai có ý định làm việc ấy. Ở Tây Tạng có những sông rạch mà người ta có thể đãi cát lấy vàng do giòng nước cuốn trôi xuống từ trên núi. Trong vùng *Chang Tang*, tôi đã thấy vàng đọng lại như cát ở những bờ suối. Thứ vàng này đem nấu chảy ra sẽ dùng làm đồ trang trí các đền thờ, vì loại kim khí linh thiêng này tự nhiên là để dùng vào những mục đích linh thiêng. Những ngọn đèn thắp bằng bơ trong các điện thờ cũng làm toàn bằng vàng.

Nhưng có điều là chất vàng quá mềm, nên sau một thời gian thì các đồ dùng đều méo mó và mất hình thể một cách dễ dàng.

Diện tích Tây Tạng lớn gấp hai lần nước Pháp. Nhiều vùng rộng lớn vẫn chưa được thám hiểm và tôi được biết rằng ở đó người ta tìm ra rất nhiều vàng, bạc. Người Tây Tạng không bao giờ để cho người Tây phương tìm đến các mỏ khoáng chất trong xứ họ, mặc dầu đã có rất nhiều sự vận động ráo riết về vấn đề này.

Trong sách này, khi tôi nói đến những cái kèn vàng, đĩa vàng, và "thi hài bọc vàng," xin độc giả đừng quên rằng, ở Tây Tạng vàng không phải là một loại kim khí hiếm có, mà là loại kim khí linh thiêng!

Xứ Tây Tạng có thể là một kho tài nguyên phong phú vô tận mở rộng cửa cho toàn thế giới, nếu nhân loại chịu hợp nhất và đến với nhau trong hòa bình thay vì tự tiêu diệt nhau trong ảo vọng tranh giành thế lực.

●

Một buổi sáng, tôi đang ngồi chép một bản kinh bút tự để đưa cho thợ khắc chữ thì Đại đức Minh Gia đến tìm tôi và nói:

- Lâm Bá, con hãy gác lại việc ấy. Đức *Đạt-lai Lạt-ma* cho gọi chúng ta đến vườn Ngọc Uyển để quan sát hào quang của một người ngoại quốc đến từ phương Tây. Con hãy đi mau, vì Ngài muốn nói chuyện riêng với chúng ta trước khi tiếp khách. Không cần đem theo khăn quàng và không cần nghi lễ chi cả. Con chỉ cần sửa soạn đi gấp, thế thôi!

Tôi nhìn sư phụ một giây và đáp:

- Bạch sư phụ, để con vào thay áo, rồi con sẽ sẵn sàng.

Tôi không mất nhiều thời giờ để sửa soạn y phục chỉnh tề. Chúng tôi bước ra khỏi tu viện và trong giây lát chúng tôi đã có mặt tại vườn Ngọc Uyển. Những quân canh gác vừa xua tay định bảo chúng tôi đi chỗ khác, nhưng khi họ nhìn ra Đại đức Minh Gia, họ liền thay đổi thái độ ngay tức khắc và mau mắn dẫn đường đưa chúng tôi vào nội cung. Tại đây, đức *Đạt-lai Lạt-*

ma đã ngồi sẵn chờ đợi chúng tôi. Không có khăn quàng để làm lễ ra mắt, tôi cảm thấy hơi vụng về lúng túng vì không biết dùng hai bàn tay để làm gì.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* mỉm cười nhìn chúng tôi và nói:

- Đạo hữu Minh Gia hãy an tọa, và cả con nữa, Lâm Bá. Quý vị đến nhanh lắm.

Chúng tôi ngồi xuống và đợi Ngài mở lời trước. Ngài ngồi tĩnh tọa và định tâm trong một lúc, dường như để sắp đặt những tư tưởng của Ngài. Kế đó, Ngài nói:

- Trước đây đã lâu, người Anh đã xâm chiếm xứ sở chúng ta. Khi đó ta phải đi qua Mông Cổ, giai đoạn đầu của một chuyến viễn du dài hạn. Vào năm Tuất (1910), đất nước chúng ta lại có binh biến. Cuộc chiến tranh này có thể xem là hậu quả trực tiếp sau cuộc tấn công của quân Anh. Lần này ta lại lên đường sang Ấn Độ và chính trong dịp đó ta đã gặp vị sứ thần Anh quốc mà hôm nay ta sẽ triệu kiến. Ta nói những điều đó là để riêng cho con biết, Lâm Bá, vì Minh Gia vốn đã tháp tùng ta trong những lần xuất ngoại đó. Người Anh đã hứa hẹn với ta nhiều điều mà rốt cuộc họ không giữ lời hứa. Hôm nay, ta muốn biết xem người sứ giả này có thành thật hay không. Lâm Bá, con sẽ không hiểu những lời nói của ông ta; như vậy, những lời ấy sẽ

không ảnh hưởng gì đến con. Con hãy đứng núp phía sau tấm bình phong này, con sẽ có thể quan sát mọi điều mà không ai biết. Con hãy nhìn xem hào quang của ông ta và đưa ra những nhận xét của con như sư phụ con đã dạy. Bây giờ, đạo hữu Minh Gia hãy chỉ chỗ ẩn nấp cho Lâm Bá, vì cậu ấy đã quen thuộc với sự chỉ dẫn của đạo hữu hơn là của ta, và ta tin chắc rằng trong lòng cậu ta thì đạo hữu còn đáng kính hơn cả một vị *Đạt-lai Lạt-ma* như ta nữa kìa!

Núp phía sau bình phong, tôi không ngừng quan sát chung quanh, nhìn các loài chim và các nhánh cây đong đưa theo chiều gió. Thỉnh thoảng, tôi lén nhai vài miếng *tsampa* mà tôi đã đem theo.

Thình lình có tiếng động mạnh của cánh cửa vườn trong, những vị *Lạt-ma* mặc áo vàng trong nhóm các quan hầu cận của đức *Đạt-lai Lạt-ma* bước vào cùng với một người da trắng ăn mặc một cách thật kỳ dị.

Tôi phải khó khăn lắm mới giữ được sự yên tĩnh, vì tôi cảm thấy thật hết sức buồn cười. Người ấy có vóc dáng cao lớn và hơi gầy. Ông ta có mái tóc trắng, cặp lông mày thưa, đôi mắt rất sâu, và một đôi môi khép chặt, có vẻ đanh thép. Nhưng còn bộ y phục của ông ta mới thật đáng nói! Nó được may bằng một loại vải

màu xanh đậm, phía trước ngực có một hàng nút bằng đồng sáng loáng. Bộ y phục này chắc hẳn phải là công trình của một người thợ may rất tồi, vì cái cổ áo quá lớn đến nỗi phải lật ra bên ngoài, ngoài ra lại còn có vài miếng vải vuông chắp vào hai bên. Tôi tự hỏi, phải chăng người Tây phương cũng thích mặc áo vá nhiều miếng như áo cà sa của các nhà sư phương Đông theo gương đức Phật ngày xưa?

Xin nói thêm rằng, hồi đó tôi chưa biết gì về cái cổ áo lật và kiểu áo có túi của người phương Tây! Ở Tây Tạng, những người nho nhã không phải là dân lao động đều mặc áo rộng, tay rất dài che lấp cả hai bàn tay. Trái lại, tay áo của người sứ giả này rất ngắn, chỉ vừa đến cườm tay thôi. Tôi thầm nghĩ:

- Tuy vậy, chắc người này không phải một bác thợ cày, vì hai bàn tay của ông ta có vẻ rất mềm mại. Có lẽ là ông ta không biết cách ăn mặc, thế thôi...

Cái áo của ông ta chỉ dài đến nửa thân mình. Tôi thầm nghĩ chắc là ông ta nghèo lắm. Quần của ông ta mặc quá chật và rõ ràng là quá dài, vì gấu quần lại vén ngược lên. Tôi tự nghĩ:

- Trong bộ y phục này, chắc hẳn ông ta phải cảm thấy lúng túng trước mặt đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Tôi lại tự hỏi, không biết có người nào cũng vừa tầm thước với ông, có thể cho ông ta mượn tạm một bộ y phục thích hợp hơn.

Khi đó, tôi mới nhìn xuống hai bàn chân ông ấy. Thật là một điều rất lạ lùng vì hai bàn chân ông ta bị nhét vào trong những vật rất dị kỳ, màu đen và bóng loáng, dường như bao phủ bằng một lớp nước đá! Những vật này thật là khác hẳn với những đôi ủng bằng nỉ của người Tây Tạng chúng tôi thường dùng. Tôi chưa bao giờ thấy những vật dị kỳ như thế!

Tôi ghi nhận các màu sắc trên hào quang của ông ta, cùng với sự kết luận của tôi. Vị sứ thần đôi khi nói chuyện bằng tiếng Tây Tạng, với một giọng khá chuẩn đối với một người ngoại quốc, nhưng rồi lại thốt ra một tràng những âm thanh lạ lùng mà tôi chưa nghe bao giờ. Về sau tôi mới biết rằng đó là tiếng Anh.

Khi ông ta thò tay vào cái túi vá ở bên hông và lấy ra một mảnh vải trắng nhỏ, tôi lấy làm ngạc nhiên. Dưới đôi mắt kinh ngạc của tôi, ông ta đưa mảnh vải trắng ấy lên trước mũi và miệng và phát ra một tiếng động giống như tiếng kèn.[1] Tôi thầm nghĩ:

- Chắc hẳn đó là một cách chào đức *Đạt-lai Lạt-ma*!

---

[1] Về sau tôi mới biết là người ấy dùng khăn tay khi hắt hơi, vì đối với người Tây Tạng chúng tôi hồi đó thì điều này hoàn toàn xa lạ.

Ông ta "*chào*" xong, liền cẩn thận đút mảnh vải trắng vào chỗ cũ. Kế đó, ông ta đưa tay vào bên trong áo và lấy ra nhiều tờ giấy thuộc một loại mà tôi chưa thấy bao giờ. Loại giấy ở Tây Tạng hơi dày, nhám và có màu vàng, còn loại giấy này trắng, mỏng và láng. Tôi tự hỏi:

- Làm sao người ta có thể viết trên một tờ giấy như vậy? Không có gì trên đó để giữ lại cây viết chì, vì giấy trơn quá!

Khi đó, người khách lấy ra một cây viết và viết lên trên giấy những hàng chữ nguệch ngoạc không thể tưởng tượng. Tôi cho rằng ông ta không biết viết, có lẽ ông ta chỉ làm bộ viết cho có dáng vậy thôi! Ông ta chắc hẳn là có tật nên bắt buộc phải ngồi trên một tấm gỗ đặt trên bốn chân, và để hai chân thòng xuống đất. Xương sống ông ta chắc bị tật nên ông ta phải dựa lưng vào hai mảnh gỗ đóng chặt vào phía sau chỗ ngồi.

Tôi cảm thấy động lòng thương hại ông ta vì không những quần áo ông ta chật hẹp và ngắn cũn cỡn trông thật buồn cười, ông ta lại còn không biết viết và thỉnh thoảng cố làm ra vẻ lịch sự bằng cách thổi một tiếng bằng một thứ kèn vải, rồi lại còn không thể ngồi vững vàng như mọi người, mà phải dựa lưng cho đỡ mỏi và để hai chân thòng xuống đong đưa trong khoảng không!

Ông ta cử động luôn luôn, ngồi tréo chân chữ ngũ rồi lại bỏ chân xuống. Thình lình, tôi lấy làm vô cùng kinh ngạc mà thấy ông ta đưa chân trái lên, bàn chân chĩa thẳng về phía đức *Đạt-lai Lạt-ma*, một cử chỉ vô cùng hỗn láo và vô lễ đối với người Tây Tạng. Nhưng có lẽ ông ta chợt nghĩ ra điều đó, vì ông ta lại đổi ngay qua tư thế khác.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* dành cho ông ta một sự tiếp đãi trọng hậu bằng cách cũng ngồi trên một cái ghế gỗ, và cũng để hai chân thòng xuống như ông ta.

Vị sứ giả này có một cái tên rất lạ: *Charles A. Bell*, có nghĩa là "*cái chuông*". Những màu sắc trên hào quang của ông ta biểu lộ một tình trạng sức khỏe suy kém vì có lẽ khí hậu của xứ này không hợp với thể chất của ông ta.

Ông ta dường như thật tình muốn giúp đỡ, phụng sự, nhưng theo những màu sắc trên hào quang cho thấy thì ông ta hiển nhiên là không muốn làm một việc mạo hiểm có thể liên lụy đến bản thân mình, nếu làm mất lòng chính phủ Anh. Ông ta muốn áp dụng một chính sách nào đó, nhưng vì chính phủ Anh không nghe theo, nên ông ta chỉ còn cách là hy vọng rằng tương lai sẽ chứng minh cho thiện chí của mình.

Chúng tôi đã có những tài liệu chính xác về vị sứ thần *Charles A. Bell*. Chúng tôi đã thu thập được những dữ kiện cần thiết như ngày tháng năm sinh cùng những điểm quan trọng trong đời ông ta. Nói tóm lại là tất cả những gì có thể giúp cho chúng tôi tiên đoán được tương lai của ông ta.

Các nhà chiêm tinh đã phát hiện rằng trong một tiền kiếp, ông ta đã sống ở Tây Tạng và mong ước được đầu thai qua bên Tây phương, với hy vọng là sẽ góp phần vào công việc tạo nên nhịp cầu thông cảm giữa Đông phương và Tây phương.

Gần đây, có người cho tôi hay rằng chính ông ta nói đến vấn đề ấy trong một tác phẩm của mình. Chúng tôi tin chắc rằng nếu ông ta có thể ảnh hưởng đến chính phủ Anh như ý ông ta muốn, thì sau này Tây Tạng đã không phải chịu một cơn binh biến khốc liệt.

Tuy nhiên, cuộc binh biến này đã được tiên tri từ trước, và những lời tiên tri bao giờ cũng được thực hiện. Chính phủ Anh có vẻ rất ngờ vực vì họ sợ rằng Tây Tạng sẽ liên minh với nước Nga, và nếu vậy sẽ không có lợi cho họ chút nào. Vì thế, Anh quốc từ chối không chịu ký hiệp ước với Tây Tạng và đồng thời cũng không muốn cho nước này thiết lập bang giao thân hữu với những nước khác. Sau đó, *Sikkim*, *Bhutan* và nhiều

nước khác đều lần lượt ký hiệp ước với Anh quốc, nhưng Tây Tạng thì không. Bởi đó, người Anh bắt đầu vất vả lo soạn thảo một kế hoạch để xâm chiếm lãnh thổ xứ Tây Tạng.

Sứ giả *Charles A. Bell* có mặt tại chỗ vẫn biết chắc rằng chính phủ Tây Tạng không hề muốn liên kết với bất cứ một quốc gia nào. Họ chỉ muốn sống tự do, độc lập, và tránh mọi tiếp xúc với người ngoại quốc, vì những người này trong quá khứ chỉ toàn mang đến cho họ những tai họa, sự tàn phá và đau khổ.

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* tỏ vẻ rất hài lòng khi tôi trình bày những nhận xét của tôi, sau khi sứ giả *Bell* đã lui gót. Nhưng dường như Ngài đang nghĩ đến việc bắt tôi phải làm việc nhiều hơn. Ngài nói:

- À, phải đấy, chúng ta cần phát triển khả năng của con nhiều hơn nữa. Khả năng đó sẽ giúp ích cho con rất nhiều khi con sống ở các xứ phương xa. Chúng ta sẽ để cho con thụ huấn bằng một phương pháp thôi miên ráo riết hơn, để cho con được thâu thập một số kiến thức tối đa.

Ngài gõ chuông gọi quan hầu cận và nói:

- Ta muốn gặp Đại đức Minh Gia. Hãy mời người vào ngay lập tức.

Vài phút sau, sư phụ tôi đã khoan thai bước đến. Tôi tự hỏi không biết ai là người có thể hối thúc sư phụ tôi đi nhanh hơn? Nhưng vì đức *Đạt-lai Lạt-ma* xem sư phụ tôi như một bạn hữu, nên Ngài không muốn hối thúc người.

Sư phụ ngồi gần bên tôi, trước mặt đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Một người hầu cận mau mắn dâng trà và vài món thực phẩm của Ấn Độ.

Khi chúng tôi đã an tọa đức *Đạt-lai Lạt-ma* cất tiếng nói:

- Này đạo huynh Minh Gia, đạo huynh đã không lầm, vì Lâm Bá rất giỏi. Cậu ta có thể tiến bộ hơn nữa, và nhất định là phải như vậy. Vậy đạo huynh hãy lấy mọi quyết định cần thiết để cho cậu ta được một sự thụ huấn nhanh chóng và toàn hảo đến mức tối đa. Đạo huynh hãy sử dụng tất cả mọi phương tiện có sẵn, vì như chúng ta thường được cho biết trước, những ngày đen tối và tai họa dồn dập sẽ đến với xứ sở chúng ta, nên chúng ta cần có một người tài giỏi có thể biên soạn và gìn giữ những bộ kinh sách huyền vi cổ truyền.

Như thế, hằng ngày tôi càng bận rộn hơn với nhiều công việc. Từ đó, tôi thường được triệu kiến bất ngờ vào điện để "*nhận xét*" hào quang các vị thượng khách của

đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Tôi đã trở nên một nhân vật quen thuộc của điện *Potala* và vườn Ngọc Uyển.

Ở điện *Potala*, tôi có thể sử dụng những ống kính viễn vọng mà tôi rất thích. Một trong những ống kính này là loại kính lớn để xem thiên văn, dựng trên một cái giá có ba chân, làm tôi thích thú nhất.Tôi đã từng trải qua nhiều giờ quan sát mặt trăng và các bầu tinh tú cho đến khuya.

Cùng với Đại đức Minh Gia, tôi thường đến *Lhasa* để nhìn xem các nhân vật của thủ đô. Với năng khiếu thần nhãn cùng kinh nghiệm rộng rãi về người và vật, sư phụ có thể xác nhận những nhận xét của tôi.

CHƯƠNG XIII

TÔI ĐƯỢC TẤN PHONG LẠT-MA

Chính trong thời kỳ này tôi được thụ huấn ráo riết về phương pháp xuất thần đi vào cảnh giới vô hình. Nhiều người không tin rằng sự xuất thần như thế có thể thực hiện được, nhưng thật ra thì tất cả mọi người đều có trải qua hiện tượng xuất thần đi vào cảnh giới vô hình trong giấc ngủ. Có điều khác là những người bình thường tuy có xuất thần trong giấc ngủ mà không hề hay biết, còn các hành giả có tu tập thì có thể chủ động xuất thần một cách tùy ý.

Những phương pháp tu tập này là hoàn toàn xa lạ ở phương Tây, vì thế mà người ta thường hiểu biết rất ít về ý nghĩa thật sự của những giấc mộng. Mặc dù vậy, hầu hết các nền văn minh cổ ở khắp nơi trên thế giới đều biết hiện tượng xuất thần. Ngay tại Anh quốc, người ta cũng truyền tụng về những bà phù thủy đã từng nổi tiếng với nhiều quyền năng kỳ bí, trong đó có khả năng xuất thần.

Tôi cũng được học một môn học bí truyền khác là môn thần giao cách cảm. Nhiều người trước đây hoàn toàn không tin vào khả năng này của con người, nhưng thật đáng mừng là ngày nay người ta đã bắt đầu hiểu biết và nhìn nhận đúng hơn về khoa học này.

Chúng tôi cũng thực hành cả khoa thôi miên. Chính tôi đã thực hiện nhiều cuộc giải phẫu quan trọng cho những bệnh nhân được đưa vào trạng thái thôi miên, như trong trường hợp cắt bỏ một chân chẳng hạn. Bệnh nhân không cảm thấy gì đau đớn gì cả và khi thức tỉnh thì thể trạng của họ còn khả quan hơn so với việc sử dụng thuốc mê theo phương pháp cổ điển. Hình như bên Anh quốc hiện nay người ta đã bắt đầu áp dụng khoa thôi miên trong một vài trường hợp giải phẫu.

Tôi không có năng khiếu về âm nhạc, như đã nói trước đây. Tôi chỉ vừa mở miệng hát là đủ làm cho vị nhạc sư nổi trận lôi đình, quát tháo ầm ĩ. Nhưng cơn giận này còn chưa thấm vào đâu so với cơn náo loạn mà tôi gây ra một ngày nọ. Trong khi tập đánh chập chõa, một loại nhạc khí mà tôi cho là bất cứ ai cũng chơi được, nhưng không biết tôi vụng về thế nào lại vô tình tôi chộp ngay vào cái đầu trọc của một nhà sư ngồi gần bên!

Một cơn náo động và phản đối ầm ĩ đã diễn ra ngay sau đó. Và thế là người ta không ngần ngại mà thẳng thừng yêu cầu tôi hãy giới hạn những sinh hoạt của mình trong lãnh vực thần nhãn và y khoa mà thôi!

Chúng tôi cũng thực hành rất nhiều về pháp môn *yoga*, một khoa học rất quan trọng có thể chuyển hóa con người đến một mức độ phi thường. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng pháp môn *Yoga* có lẽ không dành cho người phương Tây, trừ phi người ta đã đưa vào đó rất nhiều sự thay đổi thích hợp với lối sinh hoạt và tính chất của người phương Tây.

Pháp môn này đã quen thuộc với người Tây Tạng từ nhiều thế kỷ. Họ đã quen tập luyện những tư thế *Yoga* từ thời thơ ấu. Vì thế, cả thân thể, tứ chi, gân xương, bắp thịt của họ đều đã được tập luyện thuần thục. Trái lại, người Tây phương khi thử bắt chước tập những tư thế đó sẽ gặp nhiều nguy hiểm, nhất là những người đã lớn tuổi.

Còn phép luyện hơi thở - hay khí công - cũng là một điều rất nguy hiểm. Tập thở theo một phương pháp nhất định, đó là bí quyết của nhiều hiện tượng lạ lùng. Nhưng, cần lặp lại một lần nữa rằng phép luyện khí công có thể có hại, nếu không nói là nguy hiểm đến

tánh mạng, trừ phi hành giả được sự chỉ dẫn của một bậc danh sư có nhiều kinh nghiệm.

Nhiều du khách đến viếng Tây Tạng có viết truyện kể lại về những vị *Lạt-ma* có thuật phi hành, họ có thể kiểm soát trọng lượng của thân thể họ và chạy nhanh hết tốc lực trong nhiều giờ, với hai chân rất ít khi chấm đất.

Thuật phi hành đó đòi hỏi một công phu tập luyện lâu dài, và người phi hành phải tự đặt mình trong một trạng thái bán thôi miên. Buổi chiều là giờ tốt nhất để tập luyện vì hành giả có thể nhắm hướng sao mà chạy. Mặt đất phải bằng phẳng, không chướng ngại để khỏi làm gián đoạn trạng thái tập trung. Hành giả thường phải chạy trong trạng thái như một người mộng du (*somnambule*).

Nhờ kiểm soát sự hô hấp bằng phương pháp luyện khí công nên các hành giả Tây Tạng có thể ngồi mình trần trên những vùng núi non đầy băng tuyết ở độ cao đến năm hay sáu ngàn thước so với mực nước biển, nhưng vẫn cảm thấy nóng đến nỗi làm băng tuyết tan rã và bản thân họ toát mồ hôi như tắm.

Bạn có bao giờ thử nhấc một vật nặng sau khi đã thở ra hết khí trời trong phổi? Bạn hãy thử xem rồi sẽ thấy rằng không thể làm được. Nhưng nếu bạn hít

vào một hơi rất sâu và giữ lại hơi thở trong phổi, bạn sẽ có thể nhấc vật nặng ấy lên một cách dễ dàng hơn. Trong trường hợp bạn cảm thấy sợ sệt hay nóng giận, sau khi đã hít một hơi dài vào phổi, bạn hãy giữ lại hơi thở trong mười giây đồng hồ. Kế đó, bạn để cho không khí thoát ra từ từ. Nếu bạn lặp lại phép thở này ít nhất là ba lần, tim sẽ đập chậm hơn và bạn cảm thấy bình tĩnh lại.

Ai cũng có thể tập phép thở này một cách an toàn, vô hại. Chính nhờ biết cách kiểm soát hơi thở mà tôi đã có thể chịu đựng những sự tra tấn của người Nhật và những gian khổ trong các trại tù hồi Đệ nhị Thế chiến. Cho nên tôi có thể nói điều ấy hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm bản thân.

Rồi cũng đến thời điểm thích hợp để tôi tham dự cuộc thi chính thức đưa tôi lên chức vị *Lạt-ma*. Trước khi dự thi tôi phải đến nhận lãnh ân huệ của đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Mỗi năm, đức *Đạt-lai Lạt-ma* ban ân huệ cho tất cả các nhà sư Tây Tạng. Dù vậy, Ngài vẫn ban ân huệ riêng cho từng người chứ không phải thực hiện chung cho tất cả như đức Giáo hoàng La Mã. Trong đa số trường hợp, Ngài ngồi trên ngai, tay cầm một cái cần dài như cần câu, có buộc tua vải ở một đầu, và để cái tua ấy chấm lên đầu của một nhà sư hay tín đồ hành hương.

Ngài cũng đặt một bàn tay lên trán của những người mà Ngài muốn ban cho danh dự hoặc đối với những vị chức sắc cao cấp. Ban ân huệ với cả hai bàn tay để lên trán một người nào đó là một đặc ân rất hiếm có, và ngài đã ban cho tôi cái ân huệ đó lần đầu tiên trong đời tôi. Trong khi ấy, Ngài nói nhỏ:

- Con ơi, con đã làm việc rất tốt. Con hãy gắng làm tốt hơn nữa trong kỳ thi này, để chứng minh rằng sự tin tưởng mà chúng ta đặt nơi con là chính xác.

Ba ngày trước ngày sinh nhật năm tôi mười sáu tuổi, tôi dự thi cùng với mười bốn thí sinh khác. Những gian phòng thi cá nhân có vẻ như nhỏ hẹp hơn trước, chắc là vì tôi đã lớn. Mỗi buổi sáng, ban giám khảo đưa cho chúng tôi đề thi để làm trong ngày. Các bài làm sẽ được thu nhận vào buổi chiều.

Chúng tôi chỉ được ăn món *tsampa* mỗi ngày một lần, còn trà pha bơ thì uống tự do tùy thích. Tôi phải ở lại tất cả mười ngày trong phòng thi.

Cuộc thi bắt đầu với những bài vở về môn y khoa thường thức, môn cơ thể học mà tôi đã nắm vững các chủ đề, và môn thần học.

Trong suốt năm ngày kéo dài vô tận, tôi không được một phút nghỉ ngơi. Qua ngày thứ sáu, một trong những

thí sinh bị một cơn khủng hoảng thần kinh. Điều đó làm cho chúng tôi xúc động rất nhiều. Từ một phòng thi cá nhân ở cạnh phòng tôi bỗng phát ra những tiếng hét lớn và rú lên rợn người. Tôi nghe có tiếng chân người dồn dập, những giọng nói, và tiếng mở cửa. Có tiếng nói êm dịu, vỗ về, an ủi của một người; kế đó là những tiếng khóc thổn thức nối tiếp theo những tiếng kêu rú. Thế là, cuộc thi đã chấm dứt đối với thí sinh ấy.

Đối với tôi, phần thứ nhì của cuộc thi mới bắt đầu. Người ta đem đề thi ngày đó đến cho tôi trễ mất một giờ. Hôm ấy là bài làm về môn Siêu hình học *Yoga*. Tất cả có chín pháp môn *Yoga*. Và tôi phải được chấm điểm ưu trong tất cả các môn!

Người Tây phương thường chỉ biết một cách nông cạn về năm pháp môn Yoga: Pháp môn *Hatha Yoga* để tu luyện xác thân; *Kundalini Yoga* để luyện các năng khiếu thần thông như thần nhãn, thần nhĩ v..v... *Lāya Yoga* để luyện tinh thần và trí nhớ; *Rāja Yoga* để chuẩn bị cho con người đạt tới sự minh triết và *Samadhi Yoga* đưa đến trạng thái giác ngộ tối thượng, nhờ đó hành giả thấu triệt được ý nghĩa và bản chất thật sự của vạn hữu.

Chính sự thực hành môn *Samadhi Yoga* giúp cho hành giả có khả năng đạt tới chân lý tối thượng; và

chính nhờ pháp môn này mà con người có thể thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử. Đối với những hành giả chưa đạt đến sự giải thoát hoàn toàn, pháp môn này cũng giúp cho họ có khả năng tái sinh tùy ý ở thế gian với một mục đích nhất định, chẳng hạn như để giúp đỡ phụng sự nhân loại và tiếp tục tiến trình tu tập để đạt đến sự giác ngộ tối thượng.

Trong năm ngày còn lại, tôi rất bận rộn với những bài thi cuối cùng. Nhưng dầu cho những cuộc thi kéo dài đến mười ngày, rồi cũng phải có lúc chấm dứt. Và buổi chiều ngày thứ mười, khi vị *Lạt-ma* phụ trách đến nhận bài làm, ông được chúng tôi tiếp đón với những nụ cười sung sướng, thoải mái. Lần đầu tiên, người ta dọn cho chúng tôi ăn rau cùng với *tsampa* là món ăn căn bản của chúng tôi trong suốt mười ngày qua.

Đêm ấy, tôi ngủ một giấc say sưa ngon lành. Tôi không nghi ngờ gì kết quả cuộc thi, nhưng chỉ e ngại về kết quả xếp hạng; vì tôi được kỳ vọng là phải có tên trong số những người đỗ đầu.

Thi viết xong, chúng tôi được nghỉ ngơi trọn một tuần lễ để lấy lại sức. Kế đó là trọn hai ngày thi về môn quyền thuật, võ nghệ. Ngoài ra các cuộc đấu võ, còn có môn “điểm huyệt” là môn bí truyền làm cho người ta trở nên bất động, không còn cảm giác.

Hai ngày kế đó dành cho phần sát hạch về những điểm yếu kém trong các bài thi viết. Mỗi thí sinh đều bị hạch hỏi, chất vấn trong suốt hai ngày liền.

Rồi sau một tuần lễ nghỉ ngơi và chờ đợi, cuối cùng kết quả cuộc thi cũng được công bố. Tôi vui mừng vô hạn, một sự vui mừng mà tôi không ngần ngại biểu lộ ra ngoài một cách ầm ĩ, khi được biết là tôi đỗ thủ khoa.

Kết quả này làm tôi sung sướng vì hai lý do. Trước hết, trong suy nghĩ của tôi lúc đó thì nó chứng minh rằng Đại đức Minh Gia là vị đạo sư tài giỏi hơn so với tất cả các vị khác, và kế đó là đức *Đạt-lai Lạt-ma* sẽ hài lòng về cả hai thầy trò chúng tôi.

Vài ngày sau, tôi đang làm việc trong phòng của sư phụ tôi thì cánh cửa thình lình mở toang và một sứ giả mồ hôi nhễ nhại, bụi bặm đầy mình, hối hả bước vào vừa thè lưỡi thở dốc vừa nói:

- Bạch ngài *Lạt-ma* Y sĩ Lâm Bá, có thông điệp của đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Ông ta lấy trong áo ra và đưa cho tôi một bức thư bọc trong một khăn quàng lụa theo nghi lễ thông thường. Kế đó, ông ta quay gót lui ra.

Tôi đặt bức thơ xuống bàn, nhưng chưa mở ra vội. Thư ấy gửi cho tôi, nhưng nó nói gì trong đó? Chỉ thị

bảo tôi học thêm các môn học thuật khác nữa chăng? Hoặc làm việc nhiều hơn nữa chăng?

Sư phụ tôi mỉm cười về sự băn khoăn do dự của tôi; tôi bèn cầm đưa cho người cả bức thư và cái khăn quàng. Sư phụ mở phong bì và lấy ra hai mảnh giấy xếp. Người xem qua và nói:

- Hay lắm, con hãy an tâm. Chúng ta phải đến điện *Potala* ngay bây giờ, không trễ một phút. Ta cũng được mời.

Sư phụ gõ một tiếng cồng; một người phục vụ xuất hiện. Sư phụ bèn ra lệnh cho ông ta lập tức thắng yên hai con ngựa bạch.

Sau khi đã thay áo và chọn hai cái khăn quàng đẹp nhất, chúng tôi đến báo cho vị Sư trưởng biết rằng đức *Đạt-lai Lạt-ma* cho gọi chúng tôi đến điện *Potala*. Sư trưởng hỏi:

- Quý vị đi đến điện *Potala* ngay bây giờ sao? Lạ thật, mới ngày hôm qua đây, đức *Đạt-lai Lạt-ma* hãy còn ở vườn Ngọc Uyển. Nhưng nếu quý vị có thư mời thì... chắc hẳn đây là một việc rất hệ trọng.

Những nhà sư giữ ngựa đợi chúng tôi ngoài sân với hai con ngựa trắng. Chúng tôi lên yên và cho ngựa đi xuống dưới chân đồi. Trong chốc lát chúng tôi đã đến điện *Potala*.

Thật ra từ chỗ tu viện của chúng tôi đến điện không xa, lẽ ra tôi không cần phải nhọc sức ngồi vững trên yên ngựa với một quãng đường ngắn như thế! Nhưng điều tiện lợi duy nhất là chúng tôi có thể cưỡi ngựa đi lên cái cầu thang lớn đưa chúng tôi đến tận nơi, gần nóc điện *Potala*.

Khi chúng tôi vừa đặt chân xuống đất, những người phục vụ đã đợi ở đây từ trước, bèn bước đến đỡ lấy cương ngựa dắt đi, và chúng tôi được đưa thẳng vào tư thất của đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Tôi bước vào một mình, quì xuống đặt cái khăn quàng dưới chân Ngài rồi cúi đầu đảnh lễ như thường lệ. Ngài nói:

- Con hãy ngồi đi, Lâm Bá. Ta rất hài lòng về con và Đại đức Minh Gia. Nhờ công khó dạy dỗ của sư phụ con mà con mới có được thành công trong kỳ thi vừa rồi. Chính ta đã đích thân xem các bài vở của con.

Nghe Ngài nói, tôi cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc theo tủy xương sống. Tính hài hước của tôi có đôi khi đặt sái chỗ; đó là một trong những điểm yếu kém của tôi, theo như người ta thường nói. Sự hài hước ấy đã biểu lộ trong kỳ thi vừa qua vì trong khi giải đáp các đề thi, tôi đã viết nhiều câu hơi có vẻ xúc phạm!

Đức *Đạt-lai Lạt-ma* chắc hẳn đã đọc được tư tưởng của tôi vì Ngài bật cười và nói:

- Phải đó, tính hài hước của con đã biểu lộ không đúng lúc, nhưng...

Ngài ngừng lại trong một cơn im lặng kéo dài, trong khi đó tôi hồi hộp chờ đợi một sự chẳng lành.

- ... nhưng tất cả những câu giải đáp của con đều làm cho ta rất thích thú.

Tôi tiếp chuyện suốt hai giờ đồng hồ với đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Kế đó Ngài cho gọi sư phụ tôi vào để dặn dò về cách sắp xếp việc học của tôi trong thời gian tới. Tôi phải chịu một cuộc thử thách về sự *chết giả*, viếng nhiều tu viện khác và thực tập môn cơ thể học với bọn âm công mổ xẻ xác người chết. Những người này thuộc về một giai cấp hạ tiện, và công việc của họ có phần đặc biệt đến nỗi đức *Đạt-lai Lạt-ma* đặc cách cho phép tôi làm việc chung với họ mà vẫn giữ nguyên chức vị *Lạt-ma* của tôi. Ngài ra lệnh cho những âm công:

- Hãy dành cho vị *Lạt-ma* Lâm Bá mọi sự giúp đỡ và trợ lực cần thiết; tiết lộ cho vị *Lạt-ma* những bí mật trong các cơ thể để cho người có thể biết được những nguyên nhân vật chất của những trường hợp tử vong;

và dành cho người bất cứ tử thi nào mà người cần dùng đến để học hỏi, khám nghiệm.

Trước khi nói đến cách chôn cất tử thi ở xứ Tây Tạng, thiết tưởng cũng cần nói qua vài chi tiết phụ thuộc về quan niệm của người Tây Tạng đối với sự chết.

Thái độ của người Tây Tạng về sự chết hoàn toàn khác hẳn với người Tây phương. Họ quan niệm rằng thể xác con người chỉ là một "*lớp vỏ*" cái vỏ vật chất bên ngoài bao bọc một thần thức bên trong. Vì thế, đối với họ thì một tử thi còn kém giá trị hơn một miếng giẻ rách. Trong trường hợp chết tự nhiên, nghĩa là không phải do tai nạn bất đắc kỳ tử, thì diễn biến sự chết theo quan niệm của người Tây Tạng là: Thể xác mệt mỏi, già cỗi, trở nên bất tiện cho thần thức đến mức không còn dùng được. Đó là lúc cần phải loại bỏ lớp vỏ bên ngoài và rời khỏi thể xác vật chất. Đó tức là sự chết, nhưng cũng là sự sinh ra trong một cuộc đời mới.

Người Tây Tạng tin rằng phải sau một thời gian ba ngày thể xác mới thật sự chết hẳn, nghĩa là mọi hoạt động của cơ thể mới hoàn toàn chấm dứt, và thần thức mới hoàn toàn rời khỏi lớp vỏ xác thịt vật chất. *Lạt-ma* giáo (*Lamaisme*) của xứ Tây Tạng cho rằng con người có ba thể căn bản: *Xác thể* cấu tạo bằng xương thịt, nhờ đó thần thức có thể dựa vào để hình thành

một kiếp sống; *dục thể* được cấu tạo bằng những thèm khát, ham muốn, tình cảm, nói chung là những dục vọng của con người; và *linh thể*, tức là thể tâm linh, hay thần thức. Họ tin rằng người chết phải trải qua ba giai đoạn: *Xác thể* sẽ phải tiêu diệt; *dục thể* cũng sẽ tan rã và *linh thể* hay thần thức đi theo con đường đưa đến cảnh giới tâm linh.

Một hôm, vị *Lạt-ma* phụ trách nghi lễ cầu siêu cho người chết mời tôi đến và nói:

- Nay đã đến lúc sư huynh cần học hỏi những phương pháp thực tế về sự giải thoát của linh hồn. Xin mời sư huynh đi theo tôi.

Sau khi đã đi qua những hành lang dài và đi xuống những cầu thang trơn trợt, chúng tôi đến chỗ cư xá của các vị y sĩ. Tại đây, trong một phòng bệnh, một vị sư già đang nằm hấp hối. Một cơn bệnh đã làm cho ông ta yếu sức nhiều, sinh lực của ông ta đã gần cạn và tôi nhận thấy màu sắc trên hào quang ông ta đã phai mờ. Dầu sao, ông ta cũng phải gượng sống cho đến khi không còn chút sinh lực nào. Vị *Lạt-ma* đi cùng với tôi nhẹ nhàng nắm lấy hai bàn tay ông ta và nói:

- Sư ông đã gần được giải thoát khỏi những dày vò của thể xác. Sư ông hãy chú ý nghe những lời tôi nói

đây, để có thể được nhẹ bước siêu thăng. Chân sư ông đã lạnh. Cuộc đời sư ông đã tiến gần đến chỗ kết thúc. Cầu cho linh hồn sư ông được bình an, vì sư ông không có gì phải sợ sệt. Sinh lực đã rút ra khỏi hai chân sư ông, và đôi mắt sư ông đã mờ. Thân hình sư ông đã lạnh, sự sống đã rút lui dần và sắp tắt hẳn. Sư ông hỡi, cầu cho linh hồn sư ông được bình an, vì sự giải thoát ra khỏi cuộc đời thế tục để bước qua cõi tinh thần vốn không có gì đáng sợ. Những bóng tối của cõi u minh vô tận đã lởn vởn trước mắt sư ông và hơi thở của sư ông đã tắt nghẽn trong cuống họng. Nay đã đến lúc mà thần thức sư ông sẽ được tự do trong cảnh giới tâm linh. Cầu cho sư ông được bình an. Thời điểm giải thoát của sư ông đã đến...

Vị *Lạt-ma* vừa nói luôn miệng, vừa lấy bàn tay vuốt nhẹ sau gáy của người hấp hối, từ hai vai lên đến đỉnh đầu, theo một phương pháp đã được chứng nghiệm là có thể giúp đưa linh hồn ra khỏi xác một cách êm ái nhẹ nhàng, không đau đớn.

Tất cả những cạm bẫy trên đường đi qua cảnh giới tâm linh được nói cho người chết biết trước, cùng với phương cách để tránh những cạm bẫy đó. Lộ trình đã được vạch sẵn một cách chính xác, do các vị *Lạt-ma* đã từng thực hành pháp tu luyện xuất thần ngay khi

đang sống. Các vị ấy có thể dùng thần giao cách cảm để tiếp tục giao tiếp và hướng dẫn thần thức người chết.

Vị *Lạt-ma* nói tiếp:

- Sư ông không còn nhìn thấy gì nữa, và hơi thở của sư ông đã ngưng hẳn. Toàn thân sư ông đã lạnh và những tiếng động ồn ào của thế gian không còn vọng vào tai sư ông được nữa. Sư ông hãy bình an, vì cái chết nay đã đến với sư ông. Sư ông hãy noi theo con đường mà chúng tôi đã vạch sẵn, và sư ông sẽ tìm thấy sự yên tĩnh phúc lạc ở cảnh giới bên kia.

Vị *Lạt-ma* vẫn tiếp tục vuốt nhẹ cái gáy và hai vai người chết. Vầng hào quang của ông lão trở nên mờ dần, và sau cùng thì biến mất dạng. Khi đó, theo một nghi lễ cổ truyền tự muôn đời, vị *Lạt-ma* thốt ra một tiếng kêu ngắn và to để cho linh hồn còn đang bám víu lấy thể xác có thể được giải thoát hoàn toàn. Ở phía trên cái xác thân bất động, nguồn sinh lực tập trung lại thành một khối giống như một đám mây khói vần vũ với muôn nghìn vòng xoáy, trước khi tượng hình giống như cái thể xác mà nó vừa rời bỏ. Vào lúc cuối cùng, đám mây sinh lực trở nên mỏng manh và từ từ biến mất, như một đám mây lướt nhẹ trên không gian, hay một đám khói hương tản mác trong đền thờ.

Vị *Lạt-ma* vẫn tiếp tục những chỉ dẫn cho thần thức người chết bằng thần giao cách cảm và dìu dắt thần thức trong giai đoạn đầu tiên của cuộc phiêu lưu sang cảnh giới vô hình.

- Sư ông đã chết rồi. Ở đây không còn gì cho sư ông nữa cả. Những sợi dây trói buộc của xác thịt đã bị cắt đứt. Sư ông hiện đang ở trong cảnh giới tâm linh. Sư ông hãy tiếp tục đi theo con đường của mình, còn chúng tôi sẽ ở lại trần gian. Sư ông hãy noi theo con đường đã vạch. Hãy từ giã cõi thế gian mộng ảo này và bước vào cảnh giới tinh thần. Sư ông đã chết. Hãy tiếp tục tiến bước trên con đường đã vạch sẵn.

Khói hương trầm bốc lên thành những vòng tròn; mùi hương thơm ngát đem lại sự yên tĩnh cho bầu không khí rối loạn. Từ đằng xa vọng lại tiếng trống nghe văng vẳng. Từ trên nóc tu viện rất cao, tiếng kèn trầm hùng phát ra một âm thanh vang dội khắp bốn phương. Theo các hành lang, tất cả những tiếng động ồn ào của cuộc sống hằng ngày vang dội đến tai chúng tôi, chen lẫn với tiếng giày ủng của các nhà sư và tiếng kêu của những con bò *yak*.

Gian phòng nhỏ của chúng tôi lúc ấy như đắm chìm trong im lặng. Một cái im lặng của nhà mồ. Trong cái bối cảnh im lặng đó, những chỉ dẫn bằng thần giao

cách cảm của vị *Lạt-ma* là những tiếng thổn thức phớt qua cái yên tịnh của gian phòng, cũng như ngọn gió nhẹ thoáng qua mặt hồ yên lặng.

Sự chết! Lại có thêm một ông lão vừa tiếp bước trong cái chu kỳ bất tận của vòng luân hồi sinh tử! Có lẽ sau khi đã trải qua những bài học kinh nghiệm của một kiếp người, ông đã tiến được phần nào trên con đường tâm linh, nhưng vẫn còn phải tiếp tục với những công phu tu tập trường kỳ bất tận cho đến khi đạt tới quả vị Phật.

Chúng tôi đặt tử thi ngồi theo tư thế hoa sen và cho gọi những âm công cùng với các vị *Lạt-ma* khác để tiếp tục sự hướng dẫn bằng thần giao cách cảm cho thần thức người chết. Công việc này kéo dài suốt ba ngày ba đêm. Trong thời gian đó, những vị *Lạt-ma* thay phiên nhau túc trực bên cạnh xác chết.

Sáng ngày thứ tư, một âm công đến để lấy xác. Những âm công là một giai cấp sống trong khu biệt lập ở ngã tư các đường *Ling-khor* và *Dechhen Dzong*. Khi ông ta đến nơi, các vị *Lạt-ma* ngưng việc dẫn dắt thần thức người chết và ông ta nhận lãnh tử thi.

Ông ta bọc tử thi trong một cái bao vải trắng, nhẹ nhàng đưa cái bọc lên vai rồi bước ra. Một con bò *yak*

đã đợi sẵn ở ngoài. Không chút do dự, ông ta buộc cái bọc lên lưng con bò *yak* rồi cho nó đi đến khu nghĩa địa.

Tại đây, những âm công khác đang chờ sẵn. Gọi là "*nghĩa địa*" nhưng thật ra chỉ là một khoảnh đất trống ở giữa những núi đồi bao bọc chung quanh, trên đó có sẵn một phiến đá rộng và bằng phẳng, khá lớn để có thể đặt nằm trên đó bất cứ xác chết nào, dù to lớn đến đâu. Có những cây cọc được cắm trong bốn cái lỗ đào ở bốn góc. Một phiến đá khác có đục những lỗ sâu đến phân nửa bề dày của nó.

Khi tử thi được đặt lên phiến đá đầu tiên, người ta tháo bỏ cái bọc vải, buộc hai bàn chân và hai bàn tay vào bốn cây cọc. Sau đó, viên âm công trưởng mới mổ tử thi ra bằng một con dao lớn. Ông ta xẻ những đường dài trên tử thi để có thể lột da ra từng miếng. Kế đó, ông ta chặt đứt tay chân và cắt thành từng mảnh. Sau cùng, cái đầu được chặt lìa khỏi xác và chẻ đôi ra.

Khi vừa nhìn thấy người âm công khiêng tử thi đến nơi, những con kên kên bèn hạ cánh bay thấp xuống và đậu trên những tảng đá lớn, chờ đợi một cách kiên nhẫn như những khán giả của một sân khấu lộ thiên. Loài kên kên này cũng có trật tự và kỷ luật rất nghiêm nhặt. Nếu một con nào "*phạm thượng*" dám đến gần tử thi trước con "chúa bầy" thì lập tức sẽ bị trừng trị đích đáng.

Trong khi bọn kên kên tìm chỗ đậu thì người âm công trưởng đã mổ phanh xác chết. Ông ta thọc hai bàn tay vào trong lồng ngực tử thi, móc lấy quả tim và đưa ra cho con kên kên chúa, con này liền nhảy xuống đất một cách nặng nề và đủng đỉnh tiến đến gần để nhận lãnh lấy phần ưu tiên của nó. Kế đó con thứ nhì xuất hiện để nhận lấy lá gan rồi lui vào một góc tảng đá để ăn riêng một mình. Hai trái thận và ruột cũng được chia ra cho những con kên kên vào bậc "*đàn anh*". Những miếng thịt được cắt ra từng mảnh và phân phát cho cả đàn. Thỉnh thoảng, có một con đã ăn xong phần ăn của mình, lại đủng đỉnh bước tới để kiếm thêm một miếng óc hoặc một con mắt, trong khi một con khác vừa đáp xuống vừa vỗ cánh để kiếm thêm một miếng thịt nữa.

Trong khoảnh khắc, tất cả các bộ phận và da thịt đều trôi vào bụng kên kên, chỉ còn lại có những xương xẩu rải rác trên phiến đá. Người âm công, sau khi đã chặt những khúc xương thành từng mảnh nhỏ, liền đem nhét các mảnh vụn ấy vào những cái lỗ khoét sâu trên phiến đá thứ nhì, và dùng búa lớn để nghiền nát thành một thứ bột nhuyễn mà loài kên kên rất thích ăn!

Những âm công này đều là những tay thiện nghệ trong việc chặt xác người. Họ rất hài lòng với nghề

nghiệp của họ. Để thỏa mãn óc tò mò, họ thường xem xét tất cả các bộ phận trong tử thi để xác định nguyên nhân sự chết. Những người có nhiều năm kinh nghiệm có thể thực hiện việc khám nghiệm rất mau chóng. Lẽ dĩ nhiên, không có gì bắt buộc họ phải chú trọng đến vấn đề này, nhưng truyền thống của nghề nghiệp luôn thúc giục họ phải tìm ra chính xác nguyên nhân đã làm cho thần thức một người phải rời khỏi thể xác.

Nếu một người chết vì thuốc độc hoặc vì bị ám sát hay do tai nạn, thì sự kiện ấy sẽ được phát hiện nhanh chóng. Sự khôn ngoan khéo léo của họ đã giúp ích cho tôi rất nhiều khi tôi học hỏi với họ. Không bao lâu, tôi đã trở nên rất thành thạo về nghệ thuật mổ xẻ tử thi.

Người âm công trưởng đứng gần bên tôi và chỉ dẫn cho tôi những điểm lý thú:

- Thưa Đại đức *Lạt-ma*, người này chết vì bệnh tim. Đại đức hãy nhìn xem, chúng ta sẽ cắt cái mạch máu này... Đây rồi... đại đức có thấy chăng cục máu đông này ngăn chặn sự lưu thông trong huyết quản?

Hoặc trong một trường hợp khác:

- Có một cái gì bất thường ở người đàn bà này, thưa Đại đức *Lạt-ma*. Chắc hẳn là một hạch tuyến đã hoạt động sai lệch. Chúng ta hãy thử lấy ra xem thì biết.

Kế đó, sau một lúc cắt ra một khối thịt khá lớn, ông ta nói:

- Đây là cái hạch tuyến, ta hãy cắt ra xem. À, phần trung tâm của nó rất cứng.

Và sự việc cứ tiếp diễn như thế. Những âm công này lấy làm hãnh diện mà chỉ cho tôi xem tất cả những điều gì mà họ có thể chỉ được, vì họ biết rằng tôi học hỏi với họ theo lệnh dạy của đức *Đạt-lai Lạt-ma*.

Nếu trong khi tôi vắng mặt, có một tử thi đặc biệt vừa được đem đến, thì họ để dành riêng cho tôi. Như vậy, tôi có thể khám nghiệm hàng trăm xác chết, điều này đã giúp cho tôi trở nên một nhà phẫu thuật ưu tú về sau này!

Sự huấn luyện này còn vô cùng hữu hiệu hơn là sự học của những sinh viên y khoa, họ phải chia các tử thi với nhau trong những phòng mổ xẻ của các bệnh viện. Tôi tin chắc rằng về môn cơ thể học, tôi đã học hỏi với các âm công nhiều hơn là trong trường y khoa có trang bị đầy đủ y cụ tối tân mà tôi đã theo học trong những năm về sau.

Ở Tây Tạng, người ta không thể chôn xác người chết. Đất núi cằn cỗi và lớp đất phủ ở trên quá mỏng làm cho việc đào huyệt rất khó khăn. Việc hỏa táng

không thể thực hiện được vì những lý do kinh tế, cây gỗ rất hiếm và muốn thiêu một xác chết, người ta phải mua củi từ bên Ấn Độ rồi chuyên chở sang Tây Tạng trên lưng những con bò *yak* xuyên qua các đường núi gập ghềnh xa xôi. Vì đó, giá thành sẽ trở nên đắt kinh khủng. Người ta cũng không thể vứt xác chết xuống sông, vì xác chết sẽ làm nhiễm độc nước sông, gây hại cho người sống. Chỉ còn lại cách duy nhất là phương pháp đã diễn tả ở trên, tức là cống hiến xác chết cho loài diều hâu và kên kên ăn thịt.

Việc *điểu táng* này chỉ khác biệt với sự chôn cất bên Tây phương về hai điểm. Trước hết, người Tây phương chôn xác người chết bằng cách để cho loài sâu bọ đóng cái vai trò của loài kên kên ở Tây Tạng. Thứ hai là khi người Tây phương chôn xác, họ cũng chôn luôn cả mọi khả năng truy ra nguyên nhân của sự chết, thành thử không ai có thể biết chắc rằng cái nguyên nhân ghi trên tờ giấy khai tử có đúng sự thật hay không? Trái lại, những âm công Tây Tạng luôn xác định được nguyên nhân thật sự của sự chết, vì điều này không bao giờ lọt ra khỏi tầm mắt của họ!

Cách chôn cất này là tục lệ thông thường đối với mọi người dân Tây Tạng, trừ trường hợp của những vị *Lạt-ma Trưởng*, là những đấng *hóa thân*. Thi hài các vị này được ướp bằng hương liệu và đặt trong những

cái hòm thủy tinh để trưng bày trong các đền thờ, hoặc ướp hương liệu xong rồi đem phết vàng. Cách làm thứ hai này rất lý thú và tôi đã tham dự nhiều lần như vậy. Một số người Mỹ đã đọc những bản thảo của tôi về vấn đề này và không tin rằng điều ấy có thể thực hiện được. Họ nói:

- Chính người Mỹ chúng tôi cũng không làm được việc ấy, mặc dầu chúng tôi có những kỹ thuật tân tiến hơn.

Sự thật người Tây Tạng chúng tôi không hề biết đến kỹ thuật sản xuất đại qui mô, mà chúng tôi chỉ là những người thợ khéo. Chúng tôi không có khả năng chế tạo những đồng hồ đeo tay với giá một đô-la mỗi chiếc. Nhưng chúng tôi có thể sử dụng vàng để ướp xác chết.

Một buổi chiều, vị Sư trưởng cho gọi tôi và nói:

- Một vị *hóa thân* sắp sửa bỏ xác. Người đang ở tại tu viện *Sera*. Ta muốn con hãy đến xem cách họ ướp xác như thế nào.

Như vậy, một lần nữa tôi lại phải chịu đựng một cuộc hành trình khó nhọc trên lưng ngựa để đến tận *Sera*. Khi tôi đến tu viện, người ta đưa tôi đến tận phòng của vị sư trưởng đã già. Những màu sắc trên hào quang của ông ta đã sắp tắt.

Một giờ sau, ông ta từ giã thế giới vật chất để bước qua cảnh giới tinh thần. Là một vị sư trưởng và một nhà khoa học, ông ta không cần đến sự giúp đỡ khi đi vào cảnh giới tâm linh, cũng không cần phải chờ đợi ba ngày như thường lệ. Thi hài ông ta chỉ cần đặt ngồi theo tư thế *kiết-già* trong một đêm, trong khi các vị *Lạt-ma* chia nhau túc trực bên cạnh.

Qua hôm sau, vào lúc tảng sáng, một cuộc diễu hành long trọng đi qua thánh thất của tu viện, vào tận chính điện và đi xuống những đường hầm bí mật xuyên qua một cánh cửa ít khi dùng đến.

Trước mặt tôi, hai vị *Lạt-ma* khiêng tử thi đặt trên một cái cáng. Tử thi vẫn để ngồi theo tư thế hoa sen. Sau lưng tôi, các nhà sư hát thánh ca với một giọng trầm hùng; xen lẫn với âm thanh trong vắt của một cái chuông bạc. Chúng tôi đeo những mảnh vải yếm tâm vàng bên ngoài những áo tràng màu đỏ. Thân hình chúng tôi tạo thành những cái bóng đen lung lay và nhảy múa trên tường. Những bóng đen này được phóng đại quá cỡ và méo xệch đi bởi những ánh đèn bơ và ánh đuốc lập lòe.

Chuyến đi xuống đường hầm kéo dài rất lâu. Sau cùng, cách chừng hai chục thước bề sâu dưới mặt đất, chúng tôi đến trước một cánh cửa bằng đá khóa chặt.

Sau khi mở khóa, chúng tôi bước vào một gian phòng lạnh như băng. Các nhà sư đặt tử thi xuống đất một cách vô cùng cẩn thận và rút lui, chỉ còn lại tôi và ba vị *Lạt-ma*.

Hàng trăm ngọn đèn bơ được thắp lên, tỏa ra một ánh sáng vàng đục và xấu. Tử thi được cởi quần áo ra và tắm rửa sạch sẽ. Từ những lỗ trống tự nhiên [1] trên thân thể người chết, người ta moi ra hết những bộ phận nội tạng rồi cho tất cả vào trong những cái vại và đóng chặt.

Kế đó, bên trong thân mình được rửa sạch kỹ lưỡng, để cho thật khô ráo và cho đầy vào trong đó một thứ nhựa đặc biệt. Thứ nhựa này sẽ đông đặc lại, nhờ đó tử thi mới giữ được vẻ tự nhiên như khi còn sống. Đợi khi chất nhựa đã trở nên khô và cứng lại, người ta mới nhồi phía trong với đồ tơ lụa, và luôn lưu ý giữ cho không mất đi dáng vẻ tự nhiên. Sau khi dùng tơ lụa nhồi vào thật cứng, người ta lại đổ thêm chất nhựa một lần nữa.

Kế đó, mặt ngoài xác chết được phết một lớp nhựa cùng loại và để cho thật khô. Rồi trước khi dán lên tử thi những băng lụa rất nhuyễn, người ta phết lên mặt ngoài đã cứng một lớp nước thuốc đặc biệt để sau này có thể gỡ các băng lụa ra một cách dễ dàng.

[1] Các lỗ trống tự nhiên trên cơ thể là miệng, mũi, mắt, hậu môn...

Khi tử thi đã nhồi đủ cứng, người ta đổ thêm chất nhựa, nhưng lần này là một loại khác, và tử thi đã sẵn sàng bước qua giai đoạn thứ hai của công việc ướp xác.

Trong một ngày và một đêm, tử thi được để yên tại chỗ để cho hoàn toàn khô ráo. Khi người ta trở lại gian phòng thì nó đã trở nên cứng rắn. Khi đó, tử thi mới được chở đi một cách trịnh trọng xuống phòng ướp xác.

Phòng ướp xác này rất nhỏ, nằm phía dưới phòng thứ nhất. Thật ra thì đây là một cái hỏa lò được xây cất theo một cách riêng để cho những ngọn lửa và nhiệt độ có thể luân chuyển chung quanh các vách tường, nhờ đó luôn giữ cho gian phòng ở dưới một nhiệt độ cao và đều khắp.

Mặt nền của phòng ướp xác được đắp lên một thứ bột đặc biệt, làm thành một lớp rất dày. Tử thi được đặt ngồi ở giữa. Phía dưới, các nhà sư chuẩn bị việc đốt lửa. Người ta nhồi vào lò một tạp chất gồm có muối (một thứ muối đặc biệt chế tạo tại một tỉnh ở Tây Tạng), các loại dược thảo và khoáng chất. Khi gian phòng đã được nhồi đầy thứ tạp chất nói trên từ mặt đất lên đến trần, chúng tôi bước ra ngoài hành lang, cửa được đóng chặt lại và niêm phong bằng con dấu triện của tu viện.

Các nhà sư được lệnh đốt lửa. Trong giây lát, người ta nghe tiếng củi lửa cháy tí tách và khi ngọn lửa đã lên cao, có tiếng bơ sôi sục. Quả thật, các nồi hơi lớn được đun bằng phân bò *yak* và bơ phế thải. Suốt một tuần lễ, lửa cháy dữ dội trong lò và những luồng hơi nóng tràn vào trong những khe vách tường rỗng ruột của phòng ướp xác.

Cuối ngày thứ bảy, người ta ngưng đốt thêm lửa và ngọn lửa tàn lụi dần dần. Nhiệt độ xuống thấp làm cho các vách tường đá phát ra tiếng kêu như rên rỉ. Khi hành lang đã nguội lại để có thể đi qua, người ta còn phải đợi thêm ba ngày nữa trước khi nhiệt độ trong phòng trở lại bình thường.

Mười một ngày sau khi niêm phong, gian phòng lại được mở khóa và cửa phòng lại mở. Các nhà sư thay phiên nhau cạo sạch chất bột đã khô cứng. Họ cạo bằng tay chứ không dùng khí cụ để khỏi làm trầy xước xác ướp.

Sau hai ngày liên tục làm việc, họ đã gỡ xong những tảng muối và tạp chất khô giòn. Sau cùng, gian phòng đã trống trơn, chỉ còn lại cái tử thi ngồi ở chính giữa theo tư thế hoa sen.

Người ta cẩn thận nâng cái xác và đưa trở lên gian phòng thứ nhất. Tại đây nó được quan sát dễ dàng hơn

dưới ánh sáng các ngọn đèn bơ. Những băng lụa được gỡ ra từng băng một, cho đến khi cái xác hoàn toàn trơ trọi. Việc ướp xác đã thành công hoàn toàn. Tử thi vẫn giữ nguyên vẹn hình dáng như trước, chỉ có màu sắc là trở nên sậm hơn nhiều. Hình dáng tử thi hoàn toàn tự nhiên như người sống, dường như có thể tỉnh dậy bất cứ lúc nào.

Lại một lần nữa, tử thi được phết thêm một lớp nhựa, và các nhà sư chuyên nghề kim hoàn mới bắt đầu làm việc.

Thật là một kỹ thuật tinh xảo vô cùng! Tôi chưa từng thấy ai khéo léo như những nhà sư chuyên nghề kim hoàn này. Họ có thể đắp một lớp vàng lên một cái xác chết! Họ làm việc thận trọng và chậm rãi, phết lên tử thi từng lớp vàng tinh lọc nhất và mịn màng tế nhuyễn nhất. Cho dù là ở đâu, số vàng này cũng đáng giá cả một gia tài! Nhưng đối với người Tây Tạng chúng tôi, nó chỉ có tầm mức quan trọng của một loại kim khí linh thiêng, một thứ kim khí mà tính chất bất hư hoại tượng trưng cho phần tâm linh của con người.

Những nhà sư chuyên nghề kim hoàn làm việc với một nghệ thuật rất tinh vi, và lưu ý kỹ từng chi tiết nhỏ nhặt. Khi hoàn thành công việc, họ tạo thành một pho tượng mạ vàng với dáng vẻ tự nhiên như người

sống, không thiếu sót dù chỉ là một nếp nhăn. Điều này lại càng cho thấy rõ tài nghệ tinh xảo của họ.

Thân hình nặng trĩu bởi số vàng đắp lên đó được chở đến phòng các đấng *hóa thân* và đặt ngồi trên một chiếc ngai bằng vàng, giống như những xác ướp đã được đặt tại đây từ trước. Trong số đó, có vài xác ướp đã có từ lúc bắt đầu lịch sử thần thoại.

Những xác ướp này ngồi sắp hàng ví như những vị thẩm phán nghiêm minh, quan sát xuyên qua những mí mắt hé mở những tội lỗi sa đọa của thời đại hiện nay.

Chúng tôi chỉ nói chuyện thì thầm và đi nhón gót chân một cách rón rén, không dám quấy rầy những người chết đang ngồi đó. Tôi cảm thấy sức hấp dẫn mãnh liệt của một trong các pho tượng vàng. Nó gây cho tôi một sự ám ảnh lạ lùng. Tôi có cảm giác pho tượng ấy vừa nhìn tôi vừa mỉm cười, dường như nó biết rõ tất cả.

Bỗng nhiên có người sờ nhẹ vào tay tôi làm tôi giật mình gần muốn té xỉu vì sợ hãi. Tôi quay đầu nhìn lại, thì ra đó là... sư phụ tôi. Người nói:

- Đây là cái xác ướp của con hồi kiếp trước. Chúng ta vẫn biết rằng con sẽ tự nhìn ra cái xác của mình!

Sư phụ dắt tôi đến trước một vị hóa thân ngồi bên cạnh cái xác ướp của tôi và nói:

- Còn đây, chính là... ta.

Chúng tôi đều xúc động như nhau, và từ từ nhẹ bước lui ra khỏi phòng. Cánh cửa lại được khóa chặt và niêm phong cẩn thận.

Sau đó, tôi thường có dịp trở lại phòng các vị *hóa thân* để nghiên cứu những xác ướp mạ vàng. Đôi khi tôi đến ngồi thiền định suy tư một mình bên cạnh các vị *hóa thân*. Mỗi vị đều có một tiểu sử được ghi chép cẩn thận, và tôi cũng đã xem qua các tiểu sử một cách vô cùng thích thú. Chính tại gian phòng này mà tôi được sem tiểu sử tiền kiếp của sư phụ tôi, *Lạt-ma* Đại đức Minh Gia, do đó tôi được biết những công trình, những đức hạnh và tài năng của người trong kiếp trước, những danh vọng và chức vị mà người đã có, và người đã qua đời trong trường hợp nào. Cũng tại đây, tôi đã đọc được tiểu sử tiền kiếp của tôi. Tôi đã nghiên cứu một cách vô cùng say mê thích thú.

Có tất cả 98 xác ướp mạ vàng ngồi trong gian phòng này, một gian phòng bí mật đào trong núi đá sâu tận dưới lòng đất, và cánh cửa vào cũng được ẩn giấu rất

kỹ và rất bí mật. Tôi đang đứng trước cả một pho lịch sử của xứ Tây Tạng. Ít nhất tôi tin như vậy, vì hồi đó tôi chưa biết rằng những thời kỳ sơ khai nhất của lịch sử Tây Tạng về sau này mới được tiết lộ cho tôi biết.

CHƯƠNG XIV

MỘT CUỘC ĐIỂM ĐẠO

Sau khi tôi đã chứng kiến độ nửa chục cuộc ướp xác trong một số tu viện khác nhau, ngày nọ vị Sư trưởng tu viện *Chakpori* cho mời tôi đến và nói:

- Này đạo hữu Lâm Bá, theo lệnh dạy của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, đạo hữu sẽ được *điểm đạo* vào hàng Sư trưởng. Nhưng thể theo ý muốn của đạo hữu, đạo hữu sẽ có thể tiếp tục mang danh hiệu *Lạt-ma* thôi, như Đại đức Minh Gia vậy. Tôi chỉ chuyển đạt cho đạo hữu thông điệp của đức *Đạt-lai Lạt-ma* thôi.

Như vậy, với tư cách một vị *hóa thân* được mọi người nhìn nhận, tôi đã đảm nhiệm trở lại cái danh vị cũ của tôi hồi tiền kiếp, cách đây độ chừng sáu thế kỷ. Bánh xe luân hồi đã xoay vòng trở lại.

Ít lâu sau đó, một vị *Lạt-ma* cao niên đến thăm tôi tại phòng riêng và cho tôi biết rằng tôi phải trải qua một cuộc lễ "*chết giả*". Vị *Lạt-ma* ấy nói:

- Này con, khi con chưa bước qua bên kia cửa tử và trở về dương thế thì con sẽ không bao giờ biết rằng vốn không có sự chết. Sự học về các cảnh giới vô hình đã đưa con đi khá xa. Cuộc lễ này sẽ còn đưa con đi xa hơn nữa. Con sẽ vượt qua cõi sống và cõi chết, và con sẽ đi ngược giòng thời gian để truy nguyên đến tận cái dĩ vãng vô cùng mầu nhiệm của xứ sở chúng ta.

Sự chuẩn bị cho cuộc lễ này thật lâu dài và khó nhọc. Trong ba tháng trường, tôi phải tuân theo một phép ăn uống rất khắc khổ. Bất hạnh thay, tôi lại còn phải dùng thêm những món cỏ thuốc có mùi rất nồng nặc kèm theo những bữa ăn thường ngày. Người ta khuyên tôi chỉ nên nghĩ đến những gì "trong sạch và thánh thiện" mà thôi. (Như thể là người ta có thể nghĩ gì đó khác hơn trong một tu viện!) Thậm chí các món *tsampa* và trà cũng bị hạn chế. Nói tóm lại, tôi phải trải qua một nếp sống khắc khổ tối đa, chịu một kỷ luật nghiêm khắc và trải qua những giờ công phu thiền định lâu dài.

Sau cùng, ba tháng đã trôi qua, các nhà chiêm tinh tuyên bố rằng thời giờ đã điểm, và những ảnh hưởng tinh tú đều thuận lợi. Trong hai mươi bốn giờ đồng hồ, tôi nhịn đói cho đến khi tôi cảm thấy bụng tôi rỗng như cái trống chầu trong đền. Sau đó, người ta đưa tôi đi

xuống những nấc thang bí mật ở dưới hầm điện *Potala*. Chúng tôi đi xuống rất lâu; những người đồng hành với tôi đều cầm đuốc soi đường, còn tôi thì không.

Chúng tôi đi qua những dãy hành lang mà tôi đã biết trong cuộc thám hiểm trước đây. Sau cùng, chúng tôi đến chỗ cuối một đường hầm có một tảng đá khép chặt. Một cánh cửa bí mật bằng đá lớn xoay vòng trước mặt chúng tôi và đưa chúng tôi vào một đường hầm khác rất hẹp và tối tăm, nơi đó xông lên một mùi mốc meo lẫn lộn với mùi gia vị và mùi hương trầm.

Đi xa hơn độ vài thước, chúng tôi bị ngăn lại bởi một cánh cửa thếp vàng rất dày và chắc; cánh cửa này mở ra từ từ với những tiếng khua rít vang dội. Những ngọn đuốc được dập tắt và thay thế bằng những ngọn đèn bơ. Chúng tôi bước vào một ngôi đền ở dưới hầm, được khoét sâu trong núi đá từ nhiều thế kỷ về trước bởi những cuộc địa chấn do hỏa diệm sơn gây ra. Ngày xưa, những giòng phún thạch từ trong lòng đất đã chảy qua những dãy hành lang này trước khi đến miệng núi lửa. Tôi thầm nghĩ:

- Bây giờ thì là những con người yếu hèn tội lỗi đi ngang qua những con đường này, và họ tự nghĩ rằng mình là thần thánh.

Nhưng trong giờ phút này, tôi cần phải tập trung tư tưởng đến cuộc lễ, vì chúng tôi đã đến ngôi đền Minh Triết Huyền Bí.

Ngoài ba vị Sư trưởng dẫn đường cho tôi, còn lại những người đi theo hộ tống đã biến mất dạng trong bóng tối, như những ảo ảnh của một giấc mơ. Chỉ còn tôi ở lại với ba vị hiền giả lão thành, thân hình già nua với năm tàn tháng lụn và bình tĩnh đợi chờ ngày khuất núi.

Ba ông lão này có lẽ là ba vị đạo sư cao cả nhất, sẽ đặt tôi dưới một thử thách cuối cùng trong cuộc lễ điểm đạo. Mỗi vị đều cầm nơi tay mặt một ngọn đèn bơ, và tay trái cầm một cây nhang to lớn cháy nghi ngút. Tiết trời rất lạnh lẽo, một cơn lạnh rất lạ lùng, không hề có trên mặt đất. Cơn im lặng rất thâm trầm, và những tiếng động rất hiếm đến từ bên ngoài càng làm cho sự im lặng ấy trở nên lạ lùng hơn nữa. Những đôi giày ủng lót bằng nỉ của chúng tôi không gây một tiếng động nào. Chúng tôi lướt đi như những cái bóng. Tôi nghe tiếng suyt soạt êm dịu từ những vạt áo tràng bằng nhung màu vàng nghệ của các Sư trưởng.

Tôi vô cùng kinh ngạc mà cảm thấy trên da thịt một luồng điện chạy lăn tăn như kiến bò, và có hiện tượng phóng điện toát ra từ thân mình tôi. Hai bàn tay tôi

chiếu sáng dường như phóng hào quang. Tôi nhận thấy các vị Sư trưởng cũng có hai bàn tay chiếu sáng ngời giống y như tôi. Khí trời khô ráo và sự cọ xát bởi những áo tràng của chúng tôi đã gây nên một sự tích tụ của tĩnh điện. Một trong các vị Sư trưởng bèn đưa cho tôi một chiếc đũa vàng và thì thầm:

- Con hãy cầm chiếc đũa vàng này nơi bàn tay trái và vừa chống lên vách tường vừa đi. Như vậy, những cảm giác khó chịu sẽ biến mất.

Tôi làm y theo lời. Sau một phát phóng điện mãnh liệt nó làm cho tôi giật mình nhảy nhổm, mọi việc đều êm đẹp. Những ngọn đèn bơ đã lần lượt được thắp sáng bởi những bàn tay vô hình. Khi tôi nhìn rõ hơn dưới ngọn đèn bơ leo lét, tôi thấy những pho tượng khổng lồ mạ vàng, trong đó có vài pho tượng chôn ngập đến nửa thân mình dưới một đống ngọc quý và châu báu.

Một tượng Phật xuất hiện từ trong bóng tối. Tượng ấy to lớn đến nỗi ánh sáng không vượt lên khỏi phần thắt lưng. Những hình tượng khác cũng ẩn hiện chập chờn trong bóng tối. Đó là các vị thần, tượng trưng cho những dục vọng và thử thách mà con người phải vượt qua trước khi hiển lộ được chân ngã.

Chúng tôi đến gần một vách tường, trên đó có vẽ hình một bánh xe luân hồi đường kính khoảng năm

thước. Dưới ánh sáng lập lòe, nó dường như xoay tít đến nỗi làm chúng tôi chóng mặt.

Chúng tôi vẫn tiến bước; tôi có cảm giác là sắp bị ngăn chặn bởi một vách đá. Nhưng vị Sư trưởng đi trước tôi đã biến mất dạng sau khi đi lọt qua một cánh cửa bí mật, ẩn giấu rất khéo léo không ai có thể biết được. Cánh cửa này đưa vào một đường hầm đi xuống dốc, đường rất hẹp và quanh co. Tại đây, ánh sáng mập mờ của các ngọn đèn bơ làm cho bóng tối càng thêm âm u huyền bí.

Chúng tôi đi với những bước ngập ngừng do dự, thỉnh thoảng lại xẩy chân, và trượt ngã. Bầu không khí thật nặng nề khó thở dường như toàn khối địa cầu đang đè nặng lên vai chúng tôi. Tôi có cảm giác như đi lọt vào tận trong ruột của trái đất.

Sau cùng, qua một khúc quanh, một động đá mở rộng trước mắt chúng tôi, chiếu sáng ngời những ánh vàng. Những mạch vàng xen kẽ với những lớp đá tảng trên vách. Trên vòm đá cao vút trên đỉnh đầu chúng tôi, những mạch vàng này phản chiếu ánh sáng lập lòe của những ngọn đèn bơ, chiếu lấp lánh như ánh sao chớp trên nền trời trong một đêm không trăng.

Ở chính giữa động đá có một ngôi nhà màu đen và sáng ngời, dường như làm bằng gỗ mun. Trên tường

có những hình biểu tượng và sơ đồ lạ lùng giống như những hình vẽ mà tôi đã nhìn thấy trên vách đá dưới hầm khi tôi thám hiểm cái hồ nước dưới lòng đất trước đây.

Chúng tôi bước vào nhà qua một cửa lớn và cao. Bên trong, tôi nhìn thấy ba cỗ quan tài rất lớn bằng đá đen có chạm hình và khắc những giòng chữ lạ kỳ. Ba cỗ quan tài đều không đậy nắp. Nhìn vào bên trong tôi bèn muốn đứt hơi thở và thình lình tôi cảm thấy rất yếu. Vị tiên chỉ cao niên nhất trong ba vị Sư trưởng liền nói với tôi:

- Này con, con hãy nhìn xem. Các vị này đã từng sống như những đấng thần minh ở xứ ta vào một thời kỳ mà xứ này còn là đồng bằng, chưa có núi non gì cả. Các vị ấy đã từng giong ruổi trên đất liền trong khi những vùng biển cả còn đập sóng ở ngoài khơi của xứ Tây Tạng, và khi những bầu tinh tú khác còn chiếu sáng trên nền trời của chúng ta. Con hãy nhìn xem cho kỹ, vì chỉ có những bậc đạo đồ[1] mới thấy được mà thôi.

Tôi làm y theo lời, và tôi liền thấy vừa thích thú vừa kinh ngạc. Ba thể xác to lớn, toàn thân đều mạ vàng, đang nằm trong ba cỗ quan tài trước mắt tôi. Hai người nam và một người nữ. Mỗi nét trên thân hình của họ

[1] Đạo đồ: những vị đã được điểm đạo hoặc đủ khả năng để được điểm đạo.

đều được giữ gìn nguyên vẹn dưới lớp vàng phủ bên ngoài. Nhưng họ là những người khổng lồ! Người nữ hẳn phải cao hơn ba thước tây, và người lớn nhất trong hai người nam chắc chắn cũng không dưới năm thước! Đầu của họ rất lớn, hơi nhọn trên đỉnh đầu, quai hàm hẹp, miệng hơi nhỏ và cặp môi mỏng. Sống mũi dài và thanh, đôi mắt ngay thẳng và thụt vào sâu. Gương mặt họ vẫn tươi như người sống. Họ có vẻ như những người đang nằm ngủ.

Chúng tôi nhón gót đi rón rén như sợ rằng sẽ làm cho họ thức giấc. Tôi nhìn xem cái nắp của một cỗ quan tài; trên đó có khắc một bản đồ thiên tượng với những tinh tú rất lạ lùng. Nhờ có học về khoa chiêm tinh, tôi đã từng quen thuộc với vị trí các bầu tinh tú. Nhưng bản đồ thiên tượng này hoàn toàn khác hẳn. Vị tiên chỉ quay lại phía tôi và nói:

- Con sẽ trở nên một bậc đạo đồ. Con sẽ nhìn thấy quá khứ và con cũng sẽ biết cả tương lai. Nhưng cuộc thử thách bây giờ sẽ rất cam go, gian khổ. Nhiều người không sống được sau cơn thử thách này và nhiều người khác đã thất bại, nhưng không ai có thể rời khỏi chốn này một cách an toàn, trừ phi đã vượt qua được sự thử thách. Con đã chuẩn bị sẵn sàng chưa, và con có bằng lòng tham dự cuộc thử thách này chăng?

Tôi đáp rằng tôi đã sẵn sàng và ba vị Sư trưởng liền đưa tôi đến một phiến đá đặt giữa hai cỗ quan tài. Theo chỉ dẫn của các vị Sư trưởng, tôi ngồi lên phiến đá trong tư thế hoa sen, hai chân xếp bằng, lòng bàn tay lật ngửa.

Những cây nhang to lớn cháy nghi ngút được cắm lên mỗi chiếc quan tài ở hai bên và trên phiến đá chỗ tôi ngồi. Các vị Sư trưởng lần lượt rút lui và biến mất dạng, mỗi vị cầm một ngọn đèn bơ soi đường. Họ đóng cánh cửa lớn, chỉ còn lại một mình tôi với những xác ướp các vị tiền bối của một thế hệ đã qua.

Thời gian trôi qua. Tôi định tâm ngồi thiền. Ngọn đèn của tôi đem theo đã cạn bơ và vụt tắt. Trong một lúc, tôi nhìn thấy cái bấc đèn còn ngún đốm lửa tàn, và ngửi thấy một mùi bấc cháy, rồi kế đó mọi sự đều biến mất, và không còn gì nữa.

Tôi nằm dài trên phiến đá và bắt đầu hô hấp theo một phép khí công đặc biệt mà tôi đã thụ huấn trong nhiều năm. Bầu không khí im lặng, bóng tối dày đặc chung quanh đè nặng lên tôi. Quả thật đó là cái im lặng của nhà mồ.

Thình lình, thân mình tôi cứng đơ và trở nên bất động như một cái xác chết. Tay chân tôi tê liệt và lạnh

dần. Tôi có cảm giác như đang bước vào cõi chết, chết trong ngôi mộ cổ này, ở một bề sâu trên một trăm thước dưới lòng đất và không có ánh sáng mặt trời.

Một cơn rung chuyển mạnh diễn ra bên trong thân thể tôi và làm cho toàn thân tôi rũ liệt. Một ánh sáng màu xanh lợt từ từ xuất hiện trong ngôi mộ như một ánh trăng mới mọc trên một truông núi. Tôi cảm thấy tôi hơi cử động, thân tôi nhẹ bổng bay lên rồi rơi xuống. Trong một lúc, tôi tưởng rằng tôi đang ngồi trên một con diều gỗ lượn trên không gian.

Sự thật hiện ra trong trí tôi, tôi đang bay phất phơ phía trên cái thể xác bằng xương thịt của tôi. Tuy không có gió, nhưng tôi bị lôi cuốn đi như một đám khói. Ở phía trên đầu, tôi thấy một vầng ánh sáng giống như một cái hoa màu vàng. Từ chính giữa thân mình tôi, tỏa ra một sợi dây màu xanh bạc, chiếu lóng lánh và tràn đầy nhựa sống. Tôi nhìn xem cái thể xác vô tri bất động của tôi, nó chỉ là một cái xác chết như mọi xác chết khác.

Dần dần, tôi phân biệt được những điểm khác biệt nhỏ giữa cái xác của tôi với xác ướp của những người khổng lồ nằm gần bên. Đó là một điều rất lý thú. Tôi nghĩ đến những sự tự hào lố bịch của nhân loại đương

thời, vì làm sao người ta có thể dùng khoa học vật lý để giải thích sự hiện diện của những xác ướp khổng lồ này?

Tôi còn đang suy nghĩ... thì thình lình tôi trở nên ý thức được một cái gì nó làm đảo lộn dòng tư tưởng của tôi. Dường như lúc ấy tôi không còn cô độc một mình. Những mẩu chuyện vụn vặt vọng đến tai tôi, những tư tưởng đứt đoạn không thốt ra lời. Những hình ảnh tán loạn ẩn hiện chập chờn xuyên qua tầm nhãn quang siêu linh của tôi.

Tôi có cảm giác nghe thấy từ xa xa ngân lên một tiếng chuông lớn với một giọng trầm. Tiếng chuông ấy đến gần rất mau cho đến khi nó dường như nổ ra trong đầu tôi. Đó là những giọt ánh sáng muôn màu nhỏ li ti và những tia chớp với những màu sắc lạ lùng chưa từng thấy, hiện ra trước mắt tôi. Thần thức của tôi phất phơ và đưa đẩy như một chiếc lá rụng bị cuốn đi trong cơn giông bão. Tâm thức tôi bị giày vò, cấu xé một cách đau đớn phũ phàng bởi một con trốt xoay tít với muôn nghìn đốm lửa.

Tôi cảm thấy bị bỏ rơi, hoàn toàn cô độc, như một mảnh bèo nhỏ nhoi trôi dạt giữa một vũ trụ mênh mông bấp bênh vô định. Một đám sương mù đen kịt bao phủ

lấy tôi và đem đến cho tôi một niềm yên tĩnh lạ lùng, không thuộc về những cảm giác của trần gian.

Những bóng tối dày đặc bao phủ tôi dần dần tiêu tan. Tôi nghe tiếng gầm thét của biển cả và tiếng rít lên của những viên đá sạn bị sóng nhồi trên bãi cát. Tôi thở một bầu không khí đầy hơi muối và tôi ngửi thấy mùi rong biển. Cảnh vật rất quen thuộc đối với tôi. Tôi nằm dài một cách uể oải trên bãi cát được sưởi ấm bởi ánh mặt trời, và ngắm nhìn những tàn cây thốt nốt.

Nhưng có một phần trong tôi lên tiếng phản đối: Tôi chưa hề nhìn thấy biển cả bao giờ, và thậm chí không hề biết có loại cây thốt nốt! Rồi một tràng dài những giọng nói và tiếng cười vọng ra từ một lùm cây. Những giọng nói càng đến gần, và xuất hiện một nhóm người da sậm như đồng đỏ đang nô đùa vui vẻ. Những người khổng lồ! Tất cả đều cùng vóc dáng như nhau! Tôi nhìn lại thân mình, và thấy tôi cũng vậy, tôi cũng là một người khổng lồ.

Những ấn tượng tiếp diễn theo nhau trong trí tôi, đó là ngày xưa, hàng bao nhiêu nghìn muôn năm trước, khi quả địa cầu ở gần mặt trời hơn bây giờ, nhưng sự luân chuyển của nó lại đi theo một hướng ngược chiều. Ngày ngắn hơn và nóng hơn bây giờ. Những nền văn minh vĩ đại đã được xây dựng và nhân loại thời ấy thông thái hơn người đời nay.

Khi ấy, từ ngoài không gian bỗng nhiên có một hành tinh chuyển động bất thường và chạm vào trái đất, làm cho trái đất bị dội ngược, bật ra khỏi quĩ đạo của nó, và xoay ngược chiều lại. Những cơn giông bão làm chấn động biển cả, và nước biển trào lên các lục địa. Nước biển tràn ngập khắp nơi, quả địa cầu lại bị rung chuyển bởi những cơn động đất dữ dội. Nhiều vùng lục địa bị sụp lở và chìm xuống nước, những vùng khác lại trồi lên trên mặt biển.

Xứ Tây Tạng, được đội lên đến bốn ngàn thước cao hơn mặt biển, không còn là một xứ nhiệt đới có bờ biển, một nơi nghỉ mát có thời tiết ôn hòa, dễ chịu nữa. Những dãy núi cao vút, những hỏa diệm sơn phun lửa và phún thạch bao vây chung quanh, kín đáo như tường thành. Trên miền thượng du, đất đai bị nứt nẻ ra thành những vực thẳm, tại đó loài cầm thú và thảo mộc của những thời đại đã qua vẫn tiếp tục sinh trưởng.

Nhưng có rất nhiều điều mà tôi không thể nói ra, và một phần cuộc lễ điểm đạo của tôi thật quá thiêng liêng và có tính cách riêng tư nên không thể công bố trong một quyển sách dành cho đại chúng.

Sau một thời gian, những linh ảnh mờ dần và biến mất. Dần dần tôi mất cả ý thức về cảnh giới siêu linh

lẫn cả ý thức về cõi trần. Sau đó, tôi có một cảm giác khó chịu, lạnh lẽo kinh khủng vì nằm dài đã quá lâu trên một phiến đá trong bầu không khí lạnh buốt của ngôi mộ cổ. Những tư tưởng lạ từ bên ngoài đến "*thăm dò*" khối óc của tôi như những ngón tay sờ mó.

- À, anh ta đã trở lại với chúng ta. Chúng ta đã đến kịp giờ.

Nhiều phút trôi qua. Một ánh sáng lu mờ từ từ tiến đến gần tôi. Những ngọn đèn bơ, và ba vị Sư trưởng.

- Con ơi, con đã vượt qua được cuộc thử thách. Con đã nằm trên phiến đá này suốt ba ngày ba đêm. Bây giờ, con đã nhìn thấy. Con đã trải qua sự chết, và con đã sống lại.

Khi tôi ngồi dậy, tay chân cứng đơ, tôi lảo đảo vì yếu sức và vì không cử động đã lâu. Khi tôi bước ra khỏi ngôi mộ cổ mà suốt đời tôi không bao giờ quên, tôi đã thở bầu không khí lạnh như băng trong các đường hầm bí mật. Cơn đói khát làm cho tôi muốn xỉu, và tôi còn bị hoang mang xúc động bởi tất cả những gì tôi đã nhìn thấy, bởi tất cả những gì mà kinh nghiệm vừa qua đã cho tôi biết.

Về đến đạo viện, tôi ăn uống đến thỏa lòng. Đêm đó, khi tôi đi ngủ, tôi hiểu rằng những lời tiên tri sẽ được

thực hiện và không bao lâu tôi sẽ rời khỏi xứ Tây Tạng để đi đến những xứ xa lạ.

Bây giờ, khi tôi đã biết những xứ ấy rồi, tôi có thể nói rằng đối với tôi thì những xứ ấy có vẻ dị kỳ hơn cả sự tưởng tượng của tôi lúc đó!

Vài ngày sau, khi tôi cùng với sư phụ đang ngồi trên bờ sông Hạnh Phúc thì có một người kỵ mã phi nước đại chạy ngang. Khi vừa nhận ra Đại đức Minh Gia, anh ta liền dừng ngựa một cách đột ngột đến nỗi vó ngựa hất văng lên những đám mây bụi xoay tít như cơn gió lốc. Anh ta xuống ngựa và nói:

- Tôi mang đến một thông điệp của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, gửi cho vị *Lạt-ma* Lâm Bá.

Rồi anh ta rút trong túi áo ra một bức thư bọc trong một khăn quàng theo lễ nghi truyền thống, và sau khi chuyển giao bức thư cho tôi với ba lần vái chào, anh ta bèn rút lui, nhảy lên lưng ngựa và phóng đi ngay.

Lúc ấy tôi không còn e dè sợ sệt gì nữa; kinh nghiệm vừa qua của tôi ở dưới hầm điện *Potala* đã mang đến cho tôi sự tự tin. Tôi bèn mở phong bì và đọc bức thông điệp trước khi chuyển giao cho Đại đức Minh Gia, sư phụ tôi. Tôi nói:

- Sáng mai, con phải đến vườn Ngọc Uyển để bái kiến đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Ngài cũng có mời sư phụ cùng đến.

Sư phụ đáp:

- Lâm Bá, tuy thầy không có thói quen thăm dò những ý định kín đáo của đức *Đạt-lai Lạt-ma*, nhưng thầy cảm thấy rằng không bao lâu con sẽ lên đường sang Trung Hoa. Còn thầy, thì không bao lâu nữa sẽ từ giã cõi trần. Chúng ta hãy vui với nhau ngày hôm nay, tận dụng chút thời gian ít ỏi còn lại.

Qua ngày hôm sau, một lần nữa, tôi theo con đường quen thuộc đưa đến vườn Ngọc Uyển. Sau khi xuống chân đồi, tôi đi trên đường *Ling-khor* và đến trước cổng vườn. Đại đức Minh Gia cùng đi với tôi. Hai thầy trò chúng tôi cùng có một tư tưởng giống nhau, có lẽ chúng tôi đang đi chung một lần cuối cùng để viếng thăm đức *Đạt-lai Lạt-ma*. Những cảm nghĩ đó chắc hẳn đã hiện rõ trên nét mặt của tôi, vì khi tôi ngồi một mình với đức *Đạt-Lai Lạt-ma*, ngài nói:

- Giờ phút chia ly, để mỗi người đi một đường, bao giờ cũng đầy sự sầu thảm, bi ai. Ở đây, trong ngôi nhà mát này, ta đã suy gẫm trong nhiều giờ về vấn đề tối quan trọng là nên ở lại hay ra đi khi xứ sở ta xảy ra

loạn lạc? Dầu cho ta quyết định như thế nào, cũng đều có người phải chịu khổ sở. Lâm Bá con ơi, con đường của con đã được vạch sẵn, và tất cả mọi con đường đều khó nhọc, gian lao. Gia đình, tổ quốc, bạn bè... con phải bỏ hết tất cả. Con sẽ gặp trên bước đường đời của con, như con đã biết trước, sự hiểu lầm, sự nghi nan, đố kỵ, cùng sự ngược đãi, tra tấn, và tất cả những gì là đau khổ, đắng cay. Cách xử thế của người ngoại quốc rất dị kỳ và không thể giải thích. Như ta đã nói với con, họ chỉ tin nơi những gì họ có thể làm, những gì họ có thể phân chất trong các phòng thí nghiệm khoa học. Còn cái khoa học quan trọng nhất là khoa học về chân ngã, thì họ không quan tâm đến. Đó là con đường của con, con đường mà con đã chọn trước khi sinh ra ở kiếp này. Ta đã quyết định biệt phái con sang Trung Hoa trong năm ngày nữa.

Năm ngày! Chỉ có năm ngày thôi, trong khi tôi hy vọng có thể sử dụng năm tuần lễ. Trên đường về tu viện *Chakpori*, sư phụ và tôi không trao đổi với nhau một lời nào. Khi về đến tu viện, người mới nói:

- Lâm Bá, con phải về thăm cha mẹ con. Thầy sẽ cho người báo tin trước.

Cha mẹ tôi ư? Thầy tôi đã đối xử với tôi còn hơn cả cha mẹ. Và không bao lâu, người sẽ từ giã cuộc đời.

Người sẽ từ trần trước khi tôi trở về Tây Tạng trong vài năm sau. Di tích của người để lại cho tôi sẽ là cái xác ướp mạ vàng đặt tại phòng các vị *hóa thân*, cái thể xác vô tri mà người sẽ vất bỏ như một cái áo cũ đã trở nên vô dụng.

Qua ngày thứ ba, tôi trở về nhà cũ của tôi. Tôi đi một mình và đi bộ như ngày tôi rời nhà để đi vào tu viện. Nhưng, trong thời gian qua, tôi đã trở nên một vị *Lạt-ma* và một vị Sư trưởng. Cha mẹ tôi đợi tôi ở nhà và tiếp đón tôi như một vị thượng khách. Tối hôm ấy, tôi lại đến văn phòng của cha tôi để ký tên vào quyển gia phả và ghi vào đó những tước vị của tôi.

Sau đó, tôi lại đi bộ trở về tu viện, nơi đã là nhà của tôi từ bấy lâu nay. Hai ngày cuối cùng trôi qua rất mau. Trước ngày lên đường, tôi đến bái yết đức *Đạt-lai Lạt-ma* một lần cuối cùng. Tôi nói vài lời từ giã, và ngài ban ân huệ cho tôi. Lòng tôi se thắt khi tôi từ biệt ngài. Cả ngài và tôi đều biết rằng tôi chỉ gặp ngài trở lại sau khi ngài từ trần, sang cảnh giới bên kia.

Qua hôm sau, tôi lên đường vào lúc bình minh, bước đi chậm chạp, và lòng không hứng khởi. Lại một lần nữa, tôi bước chân trên con đường thiên lý, không một mái nhà riêng, hướng về những chân trời xa lạ. Tôi phải bắt đầu lại tất cả!

Đi đến đỉnh cao tột của truông núi, tôi quay đầu nhìn lại rất lâu, và đó cũng là cái nhìn cuối cùng của tôi xuống thành phố thánh địa *Lhasa*. Một con diều đơn chiếc đang bay lượn trên nóc điện *Potala*.



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5
CHƯƠNG I: THỜI THƠ ẤU 7
CHƯƠNG II: LỜI TIÊN TRI 40
CHƯƠNG III: CHUẨN BỊ XUẤT GIA 62
CHƯƠNG IV: TRƯỚC THỀM CHÍNH ĐIỆN 76
CHƯƠNG V: TU SĨ 106
CHƯƠNG VI: ĐỜI SỐNG TRONG TU VIỆN 130
CHƯƠNG VII: TÔI LUYỆN THẦN NHÃN 142
CHƯƠNG VIII: YẾT KIẾN ĐẠT-LAI LẠT-MA 150
CHƯƠNG IX: TRẠI HOA HỒNG 175
CHƯƠNG X: TÍN NGƯỠNG VÀ SINH HOẠT 190
CHƯƠNG XI: TRỞ VỀ NHÀ 207
CHƯƠNG XII: SỬ DỤNG THẦN NHÃN 222
CHƯƠNG XIII: TÔI ĐƯỢC TẤN PHONG LẠT-MA 244
CHƯƠNG XIV: MỘT CUỘC ĐIỂM ĐẠO 276